

CỎ THƠM

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



NĂM THỨ 22 – SỐ 79 – 2017



TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

THU ĐÔNG - 2017

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỐI.
PHAN KHÂM. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.
VŨ NAM. ĐẶNG NGUYỄN.
NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN SƠN. HỒ CÔNG TÂM.
NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THUY. BÙI THANH TIỀN.
PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: California
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

TRẦN BÍCH SAN:	10
Văn chương trào phúng	
NGUYỄN VĂN NHIỆM:	20
Cái hay cái dở của phong tục...	
HẢI BĂNG HDB	26
Vũ Hối – Kỹ thuật tạo hình...	
TRẦN NHẬT KIM:	34
Ca Trù một thời vang bóng	
NGUYỄN VĂN THÀNH:	44
Hình ảnh luật pháp trong những...	
PHẠM VĂN TUẤN: Tác phẩm Walden	51
PHẠM TRỌNG LỆ: "Les plus	97
désespérés sont les chants les plus beaux"	
TẠ QUANG KHÔI: Sơ lược nền	100
văn học Việt Nam tiền bán thế kỷ 20	

VĂN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	05
Vui buồn Cỏ Thơm	
Thông báo	09
Nguyệt San Cỏ Thơm Online	
CAO NGUYỄN: Đóa Cỏ Thơm	42
NGÔ TĂNG GIAO:	60
Lắm cảm chuyện ái tình	
KIM VŨ: Từ triết đến Phật pháp	66
NGUYỄN PHÚ LONG:	78
Thơ nhạc ca ngâm	
LÊ MỘNG NGUYỄN: Đây Thôn Vỹ Dạ	89
HOÀNG HẢI THỦY &	110
TA QUANG KHÔI: Chìm dưới biển sâu	
NGUYỄN LÂN: Hệ Lụy	112
LÊ MINH THIỆP:	116
Đi thăm Non Nước Đá Vàng	
PHẠM BÁ: Cô Tư Hồng	123
ĐỖ BÌNH: Niu sợi tơ trời	126
DIỆM CHÂU (Cat Đơn Sa):	133

Trang

Người tình già

PHONG THU: Tàn một đêm thu	140
TÔN NỮ MẶC GIAO:	148
Bà lão và căn nhà hàng xóm	
VŨ NAM: Thăm bạn ở vùng...	157
HỒNG THỦY: Có phải tuổi già?	161
PHẠM THỊ NHUNG: Đêm buồn	163
Ỡ NGUYỄN: Một chuyến về quê	166
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	178
Thư viết cho người tình	
PHẠM VĂN TUẤN: Cơ sở Cỏ Thơm	187
phát hành báo – RMS Ý Nguyên	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	188
Giới thiệu NV Ý Nguyên	
PHẠM HỮU BÌNH: Giới thiệu	189
tác phẩm Từ Một Vùng Ký Ức	
Ỡ NGUYỄN: Lời Cảm Tạ của tác giả	192
PHAN ANH DŨNG: Tưởng niệm	198
Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm	

THƠ

VŨ HỐI & PHAN KHÂM:	25
Em từ lục bát bước ra	
NGUYỄN THÙY: Lập quốc	31
HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT	33
Ái Nam Quan	
LY HIẾU: Nổi dòng ca dao	59
NGUYỄN KINH BẮC: Cảm hoài	59
Ỡ ANH: Anh giàu tình em	59
TUỆ NGA: Đóa hoa thơ, Mây trắng	65
PHAN KHÂM: Màu tím áng mây	65
TRẦN QUỐC BẢO:	74
Chiến thắng Vũng Rô.	
NGUYỄN PHÚ LONG: Đón đưa	83
DIỆM TRÂN: Rừng mơ	98
BUI THANH TIẾN:	98
Bài Tango đêm Giáng Sinh	

HỒ CÔNG TÂM:	109	NHẠC	
Lửa gọi phong ba		ĐÌNH HÙNG & BÙI THANH TIỀN	96
CAO NGUYỄN: Tình ngổ	122	Bài Tango đêm Giáng Sinh	
ĐỖ BÌNH: Mây có hay	122		
ĐẶNG NGUYỄN: Thu vắng	152	TRANH HÌNH	
NGUYỄN MÂY THU:	153	NGUYỄN SƠN: Thu và em	01
Bài hát mùa thu		Thu sang đông	210
NGUYỄN VÔ CÙNG:	168	MINH CHÂU: Đàn đáy	41
Dây chạc chiu		PHẠM VĂN TUẤN, PHẠM BÁ &	194
HOA VẸN: Cuối nẻo	177	SONNY SENSER: Phát hành báo 78	
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Mong chờ	181	và Ra mắt sách Từ Một Vùng Ký Ức	
 GIAO ĐIỂM		 GIỚI THIỆU	
VI KHUÊ: Biệt ca	50	HA NGUYỄN & ASSOCIATES	02
CHỦ NHỊ ANH: Parting Rhapsody	50	BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	88
LEE BLAIR: Oh World	64	WASHINGTON MUSIC	132
TÂM MINH: Ôi Thế Giới	64	SOVEREIGN REALTY, INC.	177
TRƯƠNG ANH THUY:	85	DANH SÁCH HỘI VIÊN	208
Buổi học đầu tiên		TỦ SÁCH CỎ THƠM	209
HUỲNH SANH THÔNG	86	VĂN PHÒNG LUẬT SƯ	211
The first day of school		IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES	
DIỄM HOA: La bombe	99		

VUI BUỒN CỎ THƠM

Kính chào quý vị độc giả,

Trong bốn tháng vừa qua, kể từ số báo Cỏ Thơm 78 trước, đã có vài hiện tượng thiên nhiên lớn xảy ra.

Hiện tượng thứ nhất là Nhật Thực (Solar Eclipse) ngày 21 tháng 8, 2017 mà chúng tôi đã được chứng kiến trên màn ảnh TV từ phút đầu đến phút cuối trên nhiều địa điểm từ Oregon miền Tây Bắc Hoa Kỳ và kết thúc ngoài khơi South Carolina, miền Đông Nam Hoa Kỳ. Tại những địa điểm thời tiết tốt như tỉnh Salem, tiểu bang Oregon và đỉnh núi Jackson Hole tiểu bang Wyoming người ta được chứng kiến mặt trời bắt đầu đỏ ối như cái mâm son, rồi mặt trăng đen ngòm từ từ đi qua mặt trời, như ngâm từng phần mặt trời. Dưới đất dần dần tối. Khi mặt trăng ở vùng trung tâm mặt trời thì mặt trời chỉ còn là một vòng ánh sáng như cái nhẫn vàng. Dưới đất không còn ánh sáng

của mặt trời và tối đen như ban đêm. Mặt trăng từ từ đi qua mặt trời, để ánh sáng của mặt trời rục rộc như hình cái nhẫn nạm kim cương. Nhìn trên màn ảnh thì thấy mặt trăng đi từ từ, dần dần nhưng thực ra tốc độ của cô nàng tới 2200 dặm một giờ đấy. Dưới đất người ta thấy Chị Hằng qua mặt Chàng Dương chỉ trong 2 phút đến 2 phút rưỡi mà thôi. Nhưng đó là những giây phút lịch sử của nhân loại may mắn được chứng kiến giây phút xoay vần của vũ trụ.

Dân chúng chưa hết vui mừng nói chuyện về nhật thực thì tiếp đến, cuối tháng 8/2017, lại chứng kiến hung thần bão tố Harvey tàn bạo quét qua Houston, Texas với cấp 4. Con bão Katrina, 2005 tàn phá Louisiana cũng chỉ ở cấp 3. Gió Harvey thổi với tốc độ 130 dặm một giờ thì cây cỏ, mái nhà nào còn đứng vững. Mưa gió Harvey xoay tròn nhiều ngày và trút xuống Houston hơn 50" inches nước từ trời rơi xuống và nước từ biển tràn vào cộng thêm 12 feet nữa. Nhà ngập, xe trôi, cây đổ. Đường xá như sông nước mênh mông. Hơn 50,000 người được cứu ra khỏi vùng lụt bằng thuyền cao su, máy bay trực thăng, bằng người to cao bế con nít và người bé nhỏ ... Không biết bao nhiêu người bỗng dung tay trắng, tài sản, nhà cửa trôi theo dòng nước. Đây là một vụ lụt lớn nhất chưa từng thấy trong lịch sử Hoa Kỳ. Hai tuần sau cơn xoáy Harvey, vẫn còn lụt vài nơi thấp ở Houston, hàng trăm căn nhà vẫn còn ngập nước. Khủng khiếp và thương tâm quá. Nhiều cơ quan cứu trợ như Red Cross, Salvation Army... và Cộng đồng Việt Nam khắp nơi kêu gọi sự giúp đỡ nạn nhân bão lụt. Chúng ta nên chia sẻ và đóng góp vào công cuộc cứu trợ này.

Chính phủ và dân chúng còn đang lo cứu trợ nạn nhân bão lụt Harvey thì cơn hồng thủy Irma kéo đến Florida vào tuần đầu tháng 9/2017. Harvey hung dữ cấp 4. Irma tàn khốc đến cấp 5. "Cô nàng" nổi giận từ biển cả của "The Old Man and the Sea" rồi hạ thổ trên làng chài lưới Key West của văn hào Ernest Hemingway. Irma xoáy tới vòng lui trên vùng vịnh Tampa. Có nơi nước ngập từ 10 đến 12 feet. Tốc độ gió tới 150 miles/giờ. Những hàng quán, và kho hàng sơ sài xập đổ chồng chất lên nhau. Irma xoáy qua Miami nơi "photo shop" của Sonny Sensor, một nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm. Anh chàng đợi tới ngày cuối cùng của lệnh di tản mới chạy tránh Irma cùng triệu dân cư Florida khác. Sonny chạy 250 miles lên phía tây bắc rồi lại quành xuống phía đông nam 50 miles, làm chủ nhiệm Cỏ Thơm và gia đình lo sốt vó. Khi Sonny email về nhà nói rằng đã dừng lại trú ẩn trong một parking garage kiên cố, khi nước ngập tầng dưới sẽ chạy lên tầng trên, lúc đó gia đình chàng nhiếp ảnh gia tóc vàng mới tạm yên tâm.

Qua Miami, Irma vẫn chưa chịu ngừng. Cô nàng còn bắc tiến qua nhiều bang nữa và đổ bộ lên Atlanta, Georgia, quê hương của Margaret Mitchell, tác giả Gone with the Wind, Cuốn Theo Chiều Gió. Thật vậy, đúng là tai bay vạ gió. Rồi đây những miền vừa bị bão lụt Harvey và Irma phải mất nhiều năm tháng mới hồi phục được.

Biết nói gì hơn!

Đó là chuyện buồn thiên tai, Văn học nghệ thuật hải ngoại cũng có một chuyện buồn chúng tôi muốn chia sẻ cùng quý vị độc giả, Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm đã ra đi và vĩnh biệt chúng ta ngày 24 tháng 7, 2017 tại San Jose . Cơ Sở Cỏ Thơm xin chia buồn cùng Bà Quả phụ Vũ Đức Nghiêm và tang quyến. Cầu mong linh hồn Nhạc Sĩ Vũ Đức Nghiêm sớm được về Nước Chúa. Nhạc sĩ Phan Anh Dũng có bài Tưởng Niệm Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm trang 195.

Ngày 19 tháng 8, tại nhà thờ St. Ambrose Catholic, Annandale, Virginia, một số tác giả Cỏ Thơm đã đến dự Thánh Lễ Bà Quả phụ Nguyễn Văn Doãn nhũ danh Hoàng Lan Hoa thất lộc ngày 13 tháng 8, 2017 tại Virginia. Xin thành thật phân ưu cùng nghệ sĩ Đèo Văn Sách – Kim Phụng và tang quyến. Nguyên cầu hương linh Cụ Bà Nguyễn Văn Doãn sớm được về cõi Thiên Đàng.

Đề quý vị độc giả lên tinh thần, chúng tôi vô cùng hân hoan thông báo với quý vị kể từ tháng 10, 2017, Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm sẽ ra mắt Nguyệt San Cỏ Thơm Online và đưa lên Website Cỏ Thơm mỗi tháng, để phục vụ các tác giả có sáng tác dồi dào. Quý độc giả có thể mau chóng vào đọc Cỏ Thơm Online, trong khi chờ đợi Tạp Chí Cỏ Thơm được gửi tới tay quý vị mỗi bốn tháng. Xin quý tác giả và độc giả đọc Thông Báo của Cơ Sở Cỏ Thơm, trang 9 dưới đây.

Tạp chí Cỏ Thơm xin gửi lời chúc mừng sự thành công của buổi ra mắt tác phẩm "Từ Một Vùng Ký Ức" của Nhà văn Ý Nguyên, tại Trụ Sở Hội Cao Niên, Virginia ngày 17-06-2017. Xin xem trang 187. Tác giả Ý Nguyên đã không còn sách để tặng bán nữa.

Ngày 5 tháng 8, Tạp Chí Cỏ Thơm rất vui mừng tham dự tại Virginia buổi RMS "Hành Trình Nhân Ái" của Nhà thơ Cao Nguyên với nhiều tác phẩm khác như tuyển tập thơ "Thao Thức", "Nhà Việt Nam" (song ngữ), "Về Nguồn", CD "Biển Và Em" của Cao Nguyên và Đình Đại, "Lửa Tù", DVD "Máu Lửa Charlie". Nghệ sĩ Thu Sương Ca, Nhạc sĩ Đình Đại, Nhạc sĩ Đặng Bình đến từ Paris đã trình bày nhiều bản nhạc được phổ thơ Cao Nguyên. Giọng ca của Thu Sương và Đình Đại thật tuyệt vời và đầy cảm xúc làm ngạc nhiên và rơi nước mắt quan khách nghĩ tới quê nhà Việt Nam đau khổ. Những CD được chiếu cố thật nhiều.

Một tin buồn cho độc giả hải ngoại nhưng vui cho Nhà văn Văn Quang. Ông đã tuyên bố gác bút trên văn đàn vì muốn được nghỉ ngơi cho con tim và trí óc. Nhà văn Văn Quang đã đóng góp sự nghiệp văn chương lớn lao cho Văn Học Việt Nam và Hải ngoại. Xin cảm tạ Nhà văn Văn Quang cho phép Cỏ Thơm đăng nhiều bài viết giá trị từ nhiều năm qua. Chúc Nhà văn "Ngã Tư Hoàng Hôn" an nhàn tuổi thọ. Mời quý vị đọc Lời Từ Biệt Độc Giả của Nhà văn Văn Quang dưới đây:

"Thư gửi từ bạn đọc

Đây là bài sau cùng tôi viết hàng tuần cho các báo ở nước ngoài. Tôi sẽ ngưng viết loạt bài này vì lý do sức khỏe, không vì bất cứ lý do nào khác.

Hơn 60 năm cầm bút, tôi không có gì đáng tự hào bởi chỉ như người lính trên đường trường hành quân không biết mình đã bắn được bao nhiêu viên đạn. Tất cả chỉ vì ba lời thề “TỔ QUỐC - DANH DỰ- TRÁCH NHIỆM” mà tôi đã thề trước khi trở thành người lính của Quân Đội VNCH. Tôi còn thua cả những đồng đội của tôi đã vĩnh viễn ra đi hoặc bỏ lại một phần thân thể mình trên chiến trường, trở về với cuộc sống vất vưởng nơi quê nhà.

Trong lá thư ngắn hôm nay, trước khi ngừng viết, tôi xin gửi lời cảm tạ đến tất cả bạn bè, các bạn đọc của các báo và các khán thính giả và các cơ quan truyền thông, các đài phát thanh, truyền hình đã từng có thời gian dành cho tôi những tình cảm đặc biệt. Bây giờ đầu óc tôi không còn được minh mẫn nữa, khi nhớ khi quên... đã đến lúc phải biết mình nên dừng lại ở đâu.

Tôi chắc chắn trong những bài viết của tôi có nhiều khiếm khuyết, mong được sự bao dung thông cảm của các bạn.

Văn Quang – Sài Gòn ngày 20 tháng 6 -2017"

Quý vị có biết mỗi lần làm một số báo mới, Cỏ Thơm lo nhất chuyện gì không? Không phải vấn đề tài chánh, hay các bài viết của các tác giả đóng góp mà là tìm được một bức tranh, bức hình cho bìa báo. Số báo này Cỏ Thơm rất mừng nhận được copy hai bức tranh tuyệt vời của Họa sĩ Nguyễn Sơn. Bìa trước là "Em và Mùa Thu", tranh sơn dầu trên bố, khổ 60x70cm. Bìa sau là "Thu Đông", tranh sơn dầu trên bố khổ 80x100cm. Sau khi trình bày và rất hài lòng màu bìa báo tiếp với tranh, Ngọc Dung cảm đề cho bức tranh Thu Đông hai câu thơ: "Thu vừa nhẹ bước vào đông, Đường xưa có chút lạnh lòng lá khô." Vì chọn được màu ưng ý cho bìa báo, Chủ Nhiệm vui mừng gửi cho Họa sĩ Nguyễn Sơn và Phó Chủ Nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng xem, thì được cả hai vị khen Ngọc Dung trình bày là "Số 1". Tôi cũng mong là như thế, nhưng đôi khi cũng phật ý vì khi bìa báo được in ra không đúng như màu mình trình bày trên màn ảnh computer.

Xin quý vị vào Website: <Photography – Malerel.Loanguyen son> và <Just another wordpress.comwblog> để thưởng lãm những bức tranh và hình chụp tuyệt vời của Nhiếp ảnh gia kiêm Họa sĩ Nguyễn Sơn.

Cũng xin quý vị nhớ vào <cothommagazine.com> để đọc Nguyệt San Văn Học Cỏ Thơm Online ra mắt mỗi đầu tháng.

Sau hết xin cảm ơn quý vị văn thi họa nhạc sĩ đã đóng góp sáng tác cho Tạp Chí Cỏ Thơm trên dưới 22 năm qua. Cảm ơn quý độc giả, quý mạnh thường quân đã ủng hộ và khuyến khích cũng không kém thời gian đó. Kính chúc quý vị một mùa thu êm đềm, một mùa đông đậm ấm và hạnh phúc.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Virginia 9/2017

THÔNG BÁO

Virginia ngày 14 tháng 8, 2017

Kính chào quý văn thi họa nhạc sĩ thân hữu,

Với đà tiến triển của Điện Toán, Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm nhận thấy rằng báo tập, báo in vừa tốn kém, vừa chậm trễ gửi tới tay quý vị và độc giả. Một số tác giả sáng tác dồi dào và nhiều độc giả nóng lòng chờ đợi Tạp Chí Cỏ Thơm phát hành mỗi bốn tháng và trang báo giới hạn.

Ban trị sự Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm: Chủ Nhiệm Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung - Phó Chủ nhiệm Nội Vụ Nhà thơ Phan Khâm - Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ Nhạc sĩ Phan Anh Dũng - Chủ bút Biên Khảo Gia Trần Bích San - Tổng thư ký Nhà thơ Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, sau những bàn luận xác đáng, đã quyết định mở một tiết mục mới trên Trang Web Cỏ Thơm (cothommagazine.com): **NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM ONLINE** (được đưa lên Trang Nhà mỗi tháng) mà Chủ bút sẽ là NS Phan Anh Dũng. Quý tác giả có sáng tác muốn đăng trên trang mạng Cỏ Thơm, xin gửi thẳng tới Chủ bút Cỏ Thơm On-line, dathphan1@gmail.com.

Tuy nhiên, **TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM** (báo tập) vẫn phát hành mỗi bốn tháng. Nếu quý tác giả muốn đăng sáng tác trong Cỏ Thơm Báo Tập xin gửi tới Chủ nhiệm NV Nguyễn Thị Ngọc Dung hay Chủ Bút BKG Trần Bích San và Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ NT Phan Khâm như thường lệ.

Tạp Chí Cỏ Thơm vẫn có thể chọn lựa và đăng bài viết lấy trên Nguyệt San Cỏ Thơm Online. Cơ Sở Cỏ Thơm luôn luôn tình nguyện phục vụ nghiêm túc văn học Việt Nam hải ngoại trên phương diện cổ truyền và cấp tiến hiện đại để thích hợp với mong muốn của quý tác giả và độc giả.

Hy vọng sẽ nhận được sáng tác thường xuyên của quý tác giả cho Tạp Chí Cỏ Thơm và Nguyệt San Cỏ Thơm Online.

Chân thành cảm tạ quý văn thi họa nhạc sĩ thân hữu. Kính chúc quý vị được nhiều sức khỏe và chan hòa sáng tác.

CƠ SỞ VĂN HỌC CỎ THƠM

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Phan Khâm

Phan Anh Dũng

Trần Bích San

Đỗ Tràng Mỹ Hạnh

VĂN CHƯƠNG TRÀO PHÚNG

Trần Bích San

Nguyễn Văn Vĩnh trong loạt bài *Xét Tật Minh* đăng trên *Đông Dương Tạp Chí* vào năm 1913 viết một câu bất hủ:

“An Nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dở cũng hì, quấy cũng hì. Nhấn răng hì một tiếng mọi việc hết nghiêm trang” (Xét Tật Minh XVII, *Gì Cũng Cười*, *Đông Dương Tạp Chí*, số 22).

Nước ta bị Tàu đô hộ hơn một nghìn năm, trong suốt hai lần Bắc thuộc và sau này qua những lần đất nước bị giặc xâm chiếm, dân Việt trải qua biết bao đọa đầy khổ ải dưới sự cai trị thâm độc, tàn ác của người Tàu:

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn ngàn kế, ác chưa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa, nát cả cần khôn, nặng khóa liêm, vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu, nào hỏ bầy hươu đen, nào lưới dò chim sả. Tàn hại cả côn trùng thảo mộc, neho nhóc thay quan quả diên liên. Kẻ há miệng, đũa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, tay chân nào phục dịch cho vừa. Nặng nề về

những nỗi phu phen, bắt bớ mắt cả nghề canh cửi. Độc ác thay! trúc rừng không ghi hết tội. Dơ bẩn thay! nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần nhân nhin được?” (Nguyễn Trãi, *Bình Ngô Đại Cáo*, bản dịch Trần Trọng Kim).

Tội ác của kẻ xâm lược trên thực tế còn ghê gớm hơn những điều Nguyễn Trãi diễn tả trong bản đại cáo của Lê Lợi sau khi đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi năm

1427. Nỗi sợ hãi bị Tàu đô hộ luôn luôn ám ảnh dân Việt mà không một nước nào trên thế giới phải chịu đựng như vậy. Khi lấy lại được độc lập nước ta vẫn phải ở trong thế thần phục. Đánh thắng kẻ xâm lược rồi phải xin lỗi, triều cống hàng năm. Mỗi khi thay đổi triều chính phải được chấp thuận, phong vương [01].

Suốt chiều dài lịch sử từ ngày lập quốc đến nay, Bắc phương luôn luôn dòm ngó tìm cách xâm chiếm không từ bỏ bất cứ cơ hội nào. Để giữ cho đất nước được trường tồn, ta phải cần rằng nhịn nhục, chôn chặt mỗi hận xuống đáy lòng, làm hòa với giặc để không bị nuốt chửng như các nước Việt khác trong bách Việt. Muốn sinh tồn người Việt không sống những điều mình nghĩ, không nghĩ những điều mình sống. Vui buồn, mừng giận, yêu ghét không bao giờ đơn giản là sự thực trần trụi mà trở nên hư hư, thực thực.



Khen ngợi, tôn kính, khuất phục, tự hạ bệ ngoài chỉ nhằm đón ý kẻ mạnh cho được yên thân nhưng trong thâm tâm không hẳn như thế. Với thời gian dài hàng nghìn năm, “*bụng nghĩ một đằng, miệng nói một nẻo*” trở thành một bản chất nằm trong tiềm thức để sống còn của dân Việt.

Tiếng cười với muôn vàn hình thái khác nhau của ta cũng từ bản chất ngoại nhập trên mà ra. Cười có năm bảy lối cười, muôn hình vạn trạng, cười khinh bỉ, cười chế giễu, cười nhạo báng, cười nịnh hót, cười cầu tài, cười mắc cỡ, cười sáng khoái, cười đồng tình, cười ngạo mạn, cười đắc chí, v.v. Tiếng cười được dân ta sử dụng làm phương tiện chống lại tham quan ô lại, cường hào ác bá, áp bức bất công, như vũ khí cuối cùng của người yếu trước kẻ mạnh trong công cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù.

Nếu văn chương trào phúng là con đẻ của thực tế xã hội, ngược lại, thơ văn hài hước phản ánh bóng dáng con người và xã hội. Nụ cười mang màu sắc khác biệt tùy theo các đối tượng trong những giai đoạn lịch sử khác nhau. Nụ cười có khi nhẹ nhàng nhưng chua chát như cái cười nhếch môi nửa miệng, lại có khi gay gắt cười gằn, nhưng dù là lối cười nào đi chăng nữa vẫn cho ta thấy một phần cuộc sống và xã hội của thời đó. Tiếng cười còn là đòi hỏi tích cực của cuộc sống. Nếu coi cuộc đời là một vở kịch thì tiếng cười muôn màu muôn vẻ là tiếng nhạc, điệu kèn mà con người đóng góp vào tính cách bi hài của tấn tuồng đời.

ĐỊNH NGHĨA VĂN CHƯƠNG TRÀO PHÚNG

Trào 嘲: diễu cợt.

Phúng 諷: nói xa xôi bóng gió, ám chỉ về một chuyện khác khiến người ta phải suy nghĩ.

Văn chương trào phúng là thơ văn gây cười, châm biếm mỉa mai những con người xấu xa, phê phán các sự việc trái tai gai mắt trong xã hội.

Như thế, sự tố cáo, đả kích nhân vật hoặc chỉ trích sự việc nếu không có yếu tố hài hước, thiếu vắng tiếng cười thì không còn là văn chương trào phúng nữa.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN CHƯƠNG TRÀO PHÚNG

Từ thời xưa đã có tiếng cười dân gian dưới dạng tục ngữ, ca dao, câu đố, chuyện cười. Các bài về bắt đầu bằng “*nghe về nghe về, nghe về...*” đã được người dân sử dụng nhiều nhất trong văn chương châm biếm truyền khẩu. Tác giả thơ văn cửa miệng tất nhiên là vô danh. Ẩn danh là hình thức rút vào bóng tối để tránh sự trả thù hăm hại từ bọn người quyền thế, tuy nhiên cũng vì thế mà thơ văn truyền khẩu không thể tránh được sai lạc, tam sao thất bản.

Tới khi trào phúng bắt đầu có mặt trong văn chương chữ viết thì tiếng cười mang tính cách lên án kẻ xấu, phê phán xã hội bằng thơ văn. Từ thời Hậu Lê trở về trước thơ văn trào phúng thu hẹp trong các bài tự trào, vịnh vật, vịnh cảnh như thơ của Nguyễn Sĩ Cổ (*Yết đền Tản Viên, Yết đền Uy Hiển Vương*), Chu Đường Anh (*Đề tranh Đường Minh Hoàng tắm ngựa*), Nguyễn Trãi (*Vịnh con mèo*), Lê Thánh Tông (*Thập giới cô hồn*), Nguyễn Bình Khiêm (*Ghét chuột*). Văn viết có truyện *Sãi Vãi* của Nguyễn Cư Trinh [02] với những lời đùa cợt (hí ngôn) của hai nhân vật sư sãi mang tính hoạt kê. Tới khi nhà hậu Lê suy tàn, chính sự đổ nát tạo nên một xã hội đảo điên gây nhiều bất công, hiếp đáp thì thơ

văn trào phúng mới gặp môi trường phát triển thuận lợi [03].

Trong khoảng thời gian bị Pháp đô hộ từ giữa hậu bán thế kỷ 19 tới lúc phong trào duy tân và đông du của nhà Nho mờ nhạt vào đầu thế kỷ thứ 20, những người có lòng với đất nước sử dụng thơ văn trào phúng đả kích lên án những kẻ theo Pháp, khơi dậy lòng yêu nước của quần chúng. Trào phúng trở nên phong phú và đa dạng trong công cuộc đấu tranh giành độc lập với các sáng tác trào lộng nổi tiếng của các nhà ái quốc như Phan Văn Trị (bài *Con rận* và các thơ đả kích Tôn Thọ Tường), Lê Quang Chiêu (*Chó cắn trộm*), Tú Xương (*Chúc Tết* và các bài châm biếm chế độ khoa cử), Nguyễn Khuyến (*Cầu mưa*, *Tiến sĩ giấy*, *Hội Tây*, *Ông phổng đá*, *Văn tế Francis Garnier*), Nguyễn Thiện Kế (các bài vịnh *Lê Hoan*, *Phạm Văn Thụ*, *Vũ Phạm Hàm*, *Từ Đạm*, *Lê Văn Chấn*, *Phủ Quảng*, *Ban tu thư*, *Nghị viên*), Kép Trà (các bài vịnh *Đồng Cải Lương*, *Phó Bá Thuận*, *các quan ở Hà Nam*), Phan Điện (*Vịnh Hoàng Cao Khải*), Phan Chu Trinh (*Vợ đại*, *Nợ đời*), Phan Bội Châu (*Bánh mì*, *Ai biết*), Huỳnh Thúc Kháng (*Ông Táo*), Ngô Đức Kế (*Hỏi Gia Long*), v.v. Nhà Nho còn dùng hình thức câu đối, hoành phi đại tự giễu cợt, mỉa mai những nhân vật thời đại nhân dịp tang ma hiếu hỉ, chẳng hạn như:

*Lễ thọ năm mươi mừng mẹ trước
Bạc thuôn chục một chết cha dân* [04].

(Vế ra ở trên của Từ Đạm, vế đối ở dưới của một người gửi đến)

Câu đối mừng Dương Lâm của một nhà nho chủ trương không hợp tác với triều đình nhà Nguyễn:

Vẻ vang thay cụ Thiệu Vần Đình, quyền thì cao, chức thì trọng, con đỗ cống, cháu đỗ

nghe, lại thêm mẽ đay Tây phát, sắc chỉ vua phong, phúc đức toàn nhà, gặp hội “bông dưa” nhiều sự tốt.

Đau đớn nhẽ ông Hoàng Liên Bạt, nay qua rừng, mai qua biển, chông một nơi, vợ một nẻo, chẳng tham phẩm hàm quan lớn, bổng lộc tăng lương, đất chung cả nước, một mình gánh vác có ai khen [05].

Tới khi người Pháp đã củng cố vững chắc nền đô hộ ở Đông Dương, văn chương trào phúng thay đổi đối tượng, chuyển từ mục tiêu chống Pháp sang các vấn đề nội tại của xã hội đương thời. Với lớp nhà văn Tây học, văn thơ hài hước bột phát từ 1932 đến 1945. Chỉ trong thời gian ngắn ngủi vồn vện hơn 10 năm đã xuất hiện các báo chuyên về trào phúng như các tờ *Duy Tân*, *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, *Con Ong*, *Vịt Đực*, *Ngôi Bút*. Hầu hết báo nào cũng có mục về cười như *Tiểu Khôi Hài*, *Để Cười Một Tỷ*, *Giỏ Cuốn Bụi Đời*, *Chuyện Đời*, *Chiếu Điện*, *Cà Kê Dê Ngỗng*, *Cười Nửa Miệng*, v.v. Các cây viết tham gia phần lớn là các nhà văn sử dụng một tên khác để tránh sự nhòm ngó của mật thám Pháp: Nguyễn Văn Vĩnh lấy tên Đào Thị Loan, Nguyễn Đỗ Mục lấy tên Hì Đình Nguyễn Văn Tôi, Ngô Tất Tố lấy tên Phó Chi và Thục Điều, Lê Nhiếp lấy tên Chuông Mai, Nguyễn Quý Hương lấy tên Lạc Nhân, Thế Lữ lấy tên Lê Ta, Lê Văn Trương lấy tên Cô Lý, Nguyễn Vũ lấy tên Lệ Chi...

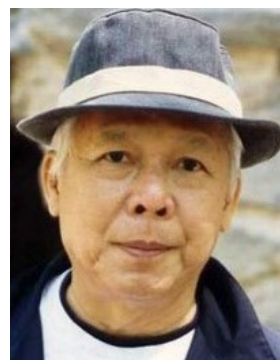
Trong khi tiểu thuyết Nguyễn Công Hoan chỉ có khynh hướng hoạt kê, tác phẩm của Đồ Phồn (1911-1990) và Vũ Trọng Phụng (1912-1939) mới thực sự mang tính cách trào phúng rõ rệt. Tiểu thuyết *Khao*, *Một Chuỗi Cười* (Hàn Thuyên, 1941) Đồ Phồn giễu cợt hủ tục nơi



Đỗ Phôn



Vũ Trọng Phụng



Hoàng Hải Thủy

thôn quê và thói rờm háo danh ở thành thị. Phóng sự tiêu thuyết *Kỹ Nghệ Lầy Tây* (Phương Đông, 1936), *Cơm Thầy Cơm Cô* (Minh Phương, 1937), *Giông Tố* (Văn Thanh, 1937), *Số Đỏ* (1938) của Vũ Trọng Phụng là các tác phẩm văn viết trào phúng được in thành sách đầu tiên ở nước ta.

Sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, miền Bắc hoàn toàn không có thơ văn trào phúng dù chỉ là “*bề ngoài cười nụ, bề trong khóc thầm*”, ngược lại, ở miền Nam từ 1954 đến 1975 số lượng các tác gia trào phúng thật đông đảo. Tạp chí, nhật báo dành nhiều chỗ cho các loại khôi hài, lại có những báo chuyên về châm biếm như tờ *Con Ong*, *Muối Sài Gòn*. Về thơ trào lộng có Hà Thượng Nhân, Thần Đăng (Đình Hùng), Tú Kếu (Trần Đức Uyển), văn Phiếm mang tính cách đánh đấm, giễu cợt có Súc Mấy (Đình Từ Thức), Kiều Phong (Lê Tất Điều), Thương Sinh (Duyên Anh), Dê Húc Cản (Dương Hùng Cường), Đạo Cây (Đỗ Quý Toàn), ký giả Lô Răng (Phan Lạc Phúc). Hoàng Hải Thủy, người duy nhất viết phóng sự hoạt kê (*Tây Đục Tây Cãi, Bà Lớn, Vũ Nữ Sài Gòn, Yêu Tì*), có công sáng tạo nhiều từ ngữ hài hước có duyên và đi

dôm, làm phong phú thêm văn trào phúng mà sau này nhiều chữ vẫn còn được sử dụng.

ĐỐI TƯỢNG CỦA THƠ VĂN TRÀO PHÚNG QUA CÁC THỜI ĐẠI

Các triều đại, chính thể có nhiều bất công thối nát trở thành môi trường phát triển thuận lợi cho văn thơ trào phúng. Mục tiêu của trào phúng từ thế kỷ 19 trở về trước chỉ hạn chế trong phạm vi chỉ trích nhân tình thế thái, những điều trái với lễ giáo, đạo đức, luân thường đạo lý. Trong thời kỳ này thơ văn trào phúng mang tính chất mỉa mai khinh miệt nhiều hơn là hài hước.

Đối tượng chính của trào phúng trong thời kỳ bị Pháp đô hộ trước tiên là lớp người mang danh Nho gia nhưng đã phản bội cốt cách nhà Nho. Trong số đó là những kẻ đang tâm làm tay sai cho giặc trắng trợn phản quốc, những vị quan quyền mang trọng trách đang tâm bỏ trốn, đầu hàng khi nguy biến, các nhà Nho chủ bại “*sĩ khí rút rề gà phải cáo*”. Thử đến là triều đình nhà Nguyễn vô quyền và dám quan lại tay sai theo Pháp, sau nữa là bọn hương hào chức sắc lên mặt ngông nghênh, núp bóng quan trên bóp nặn dân đen, hành hạ người vô tội.

Cuộc sống va chạm giữa phong kiến và thực dân tạo nên những xáo trộn thuần phong mỹ tục, kỷ cương trật tự, dân tình đảo lộn. Biến cố lịch sử làm xã hội đổi thay, diễn ra bao nổi bão điên, dối trá, bất công. Giai cấp mới lên mặt, múa rối, coi tiền trên cả các giá trị tinh thần cổ truyền, cường quyền lấn áp công lý, quốc thể. Đó là các đề tài thơ văn trào phúng trong thời kỳ này.

Với phong trào duy tân, đông du do các nhà Nho tiến bộ chủ trương, đối tượng của văn chương trào phúng nhằm vào việc đả phá hư văn, phong kiến quan trường. Khi phong trào lắng xuống, lúc các cố gắng lật đổ chế độ thực dân đều thất bại, tiếng cười chuyển sang chế giễu lễ giáo cổ hủ, chế độ đại gia đình, hủ tục chốn hương thôn, bọn phong kiến quan liêu nhất là đám quan lại Nam Triều chạy theo Pháp. Lối sống Tây phương du nhập vào đời sống phồn hoa tại các thành thị tạo nhiều hiện tượng quá đà, lố lăng, các nhân vật lố bịch trở thành đề tài cho văn châm biếm dưới dạng văn phẩm và hí họa.

Sau hiệp định Genève miền Bắc theo chế độ độc tài Cộng Sản. Với chính sách quản lý văn nghệ, nhà văn, nhà thơ, nhà báo bị “rọ mõm” [06], tiếng cười hoàn toàn tắt lịm. Miền Nam tự do, tuy rằng tương đối và có những hạn chế, nhưng nhờ thái độ cởi mở, khoáng đạt đã tạo cho môi trường văn chương trào phúng cơ hội thịnh phát. Đối tượng của thơ văn hài hước miền Nam lúc đó nhằm vào các nhà lãnh đạo chính quyền, nghị sĩ dân biểu, tướng lãnh quân đội, chế độ kiểm duyệt...

PHÂN LOẠI THƠ VĂN TRÀO PHÚNG

Văn chương trào phúng gồm những yếu tố tất yếu gắn liền với cách thức cấu tạo hình ảnh mang tính hoạt kê để châm biếm. Phóng đại khía cạnh có thực nhằm phá vỡ các hình

ảnh bình thường trong đời sống, tạo thành một hình tượng hài hước là điều kiện tất yếu của thơ văn trào phúng. Có thể chia ra ba loại: khôi hài, châm biếm, đả kích.

Khôi Hài

Khôi hài là hình thái trào phúng nhẹ nhàng nhất gồm các bài thơ tự trào, tự thuật, cảm hoài, vịnh người, vịnh vật, vịnh cảnh, và thơ văn mang nhân sinh quan tiêu cực. Đó là cái cười đặc biệt của nhà Nho, nụ cười đau xót, đượm màu u uất nhưng trữ tình với lối mỉa mai chua chát. Nếu tiếng cười không bật ra được thì chỉ một cái lắc đầu, chép miệng, hay thở dài đi theo bài thơ cũng đủ nói lên sự hiện hữu của tiếng cười trong thơ. Hoàn cảnh xã hội, phong cách nho gia là nguyên nhân của hiện tượng này nhưng vẫn xuất phát từ sự bất bình với đối tượng. Đạo đức nhà Nho khiến họ dè dặt với văn thơ châm biếm. Họ quan niệm lối thơ văn đả kích là thứ văn chương khinh bạc không nên làm vì bút pháp văn trào phúng không thể thiếu tính cách phóng đại, lấy hư làm thực, lấy có làm không là điều nho gia không thể chấp nhận. Nhưng nhà Nho là người có lương tri không thể làm ngơ trước những bất bình, trò đời điên đảo xảy ra trước mắt. Khi thấy cần phải lên tiếng thì họ chọn lối châm biếm mỉa mai khinh miệt, một cái đánh nhẹ nhàng nhưng thấm thía, nhức nhối.

Bài tự trào khôi hài dưới đây của Chiêu Lý mang tính cách bất cần đời bằng sự phủ nhận chính bản thân, chối bỏ xã hội:

*Có ai muốn biết tuổi, tên gì
Vừa chẵn ba mươi gọi chú Lý
Miễn được ngày nào cho sướng kiếp
Sống thì nuôi lấy chết chôn đi*

Nguyễn Khuyến mượn câu chuyện giữa hai vợ chồng nhà phường chèo để châm biếm kín đáo vua quan triều Nguyễn vô quyền:

*Vua chèo còn chẳng ra gì
Quan chèo vai nhỏ khác chi thằng hề*

Châm Biếm

Khác với thái độ dè dặt của các nhà Nho, thơ văn loại châm biếm can đảm phá vỡ mọi bung bít che đậy. Tiếng cười vạch trần các giá trị có tính cách linh thiêng, những hình thức tượng trưng cổ điển. Đây là tiếng cười phản kháng xã hội hủ nát, căm phẫn uất ức vì bị đè nén, chèn ép, mang ý nghĩa phủ định các nhân vật đương thời.

Đùa cợt, chế diễu sự sai lợi dụng cửa thiên:

*Chẳng phải là Ngô, chẳng phải là
Đầu thì trọc lóc áo không tà
Oản dăng trước mặt năm ba phẩm
Vãi mọp sau lưng bảy tám bà
Khi cảnh, khi tiu, khi chũm chọe
Giọng hi, giọng hí, giọng hi ha
Tu lâu có lẽ lên sự cù
Ngất ngểu tòa sen nọ đỏ mà
Hồ Xuân Hương [07]*

Châm biếm những lạm của các chức sắc ở thôn quê:

*Khen ai khéo khéo đắp đôi voi
Đủ cả đầu đuôi đủ cả vòi
Chỉ có cái...kia sao chẳng đắp
Hay là lý trưởng bớt đi rồi?*

Cao Bá Quát [08]

Chê cười bọn quan lại lúc thái bình thì hưởng lộc nước, khi sơn hà gặp nạn thì trốn mất:

*Một lũ ăn mày một lũ quan
Quanh đi quanh lại vẫn một đoàn
Đến khi dậu hết đèn không cháy
Chẳng thấy ăn mày chẳng thấy quan
Nghè Tân [09]*

Đả Kích

Trào phúng tích cực tấn công trực tiếp vào các đối tượng xấu trong xã hội, phê phán

trực diện thành phần tham ô đại diện cho một chính thể thối nát. Văn chương trào phúng loại này theo sát với thực tại lịch sử, mang tính cách thời đại. Ngọn bút trào lộng là hình thức tấn công về phương diện tinh thần cùng lúc với đấu tranh bằng vũ khí. Tiếng cười không những chứa đựng phản tình cảm mà còn là sản phẩm của trí tuệ dựa trên ý thức rõ rệt về chính nghĩa, dựa trên sự phân tích khoa học sắc bén, mang tính cách lạc quan:

*Dê trắng dê trắng
Ở đâu lảng nháng
Húc đỏ bờ tường
Giẫm nát ruộng nương
Nhà trong dòm đỏ
Hôi thối khôn gàn
Tội ác đầy tràn
Mau mau mà cút
Chớ có lảng loạn
Dở trò ngu dốt
Giương ta đã tuốt
Trừ giống hôi tanh*

Nỗi nhục của Nho sĩ đổ đạt dưới sự đô hộ của Pháp:

*Một đàn thằng hồng đưng mà trông
Nó đồ khoa này có sường không
Trên ghé bà đầm ngoi đít vịt
Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng
Tú Xương*

Vạch mặt bọn quan lại tham nhũng:

*Tri phủ Xuân Trường được mấy niên
Nhờ trời hạt ấy được bình yên
Chữ “thôi”, chữ “cứu” không phê đến
Ông chỉ quen phê một chữ “tiền”
Tú Xương [10].*

CÁC TÁC GIẢ CÓ THƠ VĂN TRÀO PHÚNG

- Nguyễn Trãi (1380-1442)
- Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585)
- Nguyễn Cư Trinh (1716-1767)

- Chiêu Lý (Phạm Thái)
- Nguyễn Du (1765-1820)
- Hồ Xuân Hương (1772-1822)
- Nguyễn Công Trứ (1778-1858)
- Cao Bá Quát (1809-1854)
- Nghè Tân (1811-1856)
- Phan Văn Trị (1830-1910)
- Học Lạc (1842-1915)
- Lê Quang Chiêu (1853-1924)
- Nhiều Tâm
- Nguyễn Thiện Kế (1858-1917)
- Tam Xuyên (1860-1913)
- Nhữ Quí Thích (1864-1942)
- Từ Diễm Đồng (1866-1922)
- Phan Bội Châu (1867-1941)
- Tú Xương (1870-1907)
- Trần Tích Phiên (1870-1922)
- Phan Chu Trinh (1872-1926)
- Kép Trà (1873-1927)
- Phan Điện (1874-1945)
- Huỳnh Thúc Kháng (1875-1947)
- Ngô Đức Kế (1876-1929)
- Vương Thúc Lương (1882-1931)
- Tân Đà (1888-1939)
- Võ Liêm Sơn (1888-1949)
- Song Ngư (1890-1971)
- Hoàng Đức Hậu (1890-1945)
- Ngô Tất Tố (1894-1954)
- Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu 1900-1976)
- Nguyễn Công Hoan (1903-1977)
- Lê Ta (Thế Lữ 1907-1989)
- Vũ Trọng Phụng (1911-1939)
- Đồ Phồn (Bùi Huy Phồn 1912-1990)
- Lãng Nhân (Phùng Tất Đắc)
- Thần Đăng (Đình Hùng 1920-1967)
- Hà Thượng Nhân
- Công Tử Hà Đông (Hoàng Hải Thủy)
- Tú Kêu (Trần Đức Uyển)
- Sức Mây (Đình Từ Thức)
- Kiều Phong (Lê Tất Điều)
- Thương Sinh (Duyên Anh)
- Đạo Cây (Đỗ Quý Toàn)

- Dê Húc Càn (Dương Hùng Cường)

KẾT LUẬN

Mục đích của văn chương là gửi gắm, truyền đạt những gì tác giả mong muốn đến đối tượng tiếp nhận. Thơ văn trữ tình hay trào phúng đều có mục đích tác động đến tình cảm. Trữ tình gây xúc động, trào phúng tạo tiếng cười. Sự thành công của thơ văn trữ tình nằm ở mức độ làm rung động đối tượng, trong khi thơ văn trào phúng bao gồm cả mức rung động và sức thuyết phục. Châm biếm nhưng vẫn rất trữ tình, vì vậy đọc thơ văn trào phúng cần mở rộng tâm hồn để cảm thông với tâm sự và niềm u uẩn của tác giả. Tiếng cười trở thành cười ra nước mắt như những vần thơ trào lộng của Học Lạc, Nguyễn Khuyến, Tú Xương... Chính phần trữ tình trong thơ văn trào phúng đã tăng phẩm chất và giá trị cho các tác phẩm trong lãnh vực này.

Trong thời gian 1932-1945 văn chương trào phúng trở nên phổ cập với các ngòi bút sắc bén đã tạo thành một loại riêng biệt trong văn học Việt Nam. Tác gia là những người sống cùng thời với những đối tượng mà họ giễu cợt, châm biếm, mỉa mai. Người và việc gần gũi trong cuộc sống hàng ngày, các điều trái tai gai mắt xảy ra trước mắt là đề tài quen thuộc và nguồn cảm hứng của thơ văn trào phúng.

Văn học và lịch sử gặp gỡ và bổ xung cho nhau trong lãnh vực văn chương trào phúng. Sự kiện cung cấp đề tài cho trào phúng. Trào phúng phản ánh sự kiện. Việc khảo sát thơ văn trào phúng giúp soi sáng thực trạng xã hội trong các giai đoạn lịch sử. Nghiên cứu văn chương trào phúng để thấy được tiến trình phát triển của tiếng cười qua dòng lịch sử. Nụ cười trở thành vũ khí của người dân can thiệp vào mọi tranh chấp xã hội đương thời. Qua thơ văn trào

phúng chúng ta thấy được những con người và cả không khí thời đại mà con người sống trong đó.

Trần Bích San

CHÚ THÍCH

[01] Sau khi đánh thắng quân Minh, Lê Lợi sai Lê Thiếu Dĩnh, Lê Quang Cảnh, Lê Đức Huy đem tờ biểu và phương vật sang sứ Tàu gồm có:

- 2 người bằng vàng
- 1 lư hương bằng bạc
- 2 bình hoa bằng bạc
- 30 tấm lụa
- 14 cặp ngà voi
- 12 bình hương trầm
- 24 cây hương trầm
- 20,000 nén hương duyên

Đây chỉ là lễ vật tạ tội và xin phong vương, còn mỗi năm nhà Lê vẫn phải tiến cống như những đời vua trước. Vua Quang Trung sau khi đại phá quân Thanh cũng phải dâng biểu cầu phong. Ngoài việc dát lót vàng bạc cho Phúc Khang An (thay thế Tôn Sĩ Nghị làm tổng đốc lưỡng Quảng), và Hòa Thân (cận thân của vua Càn Long), sứ ta là Vũ Huy Tấn còn phải đem theo nhiều cống phẩm trong đó có 2 hình nhân bằng vàng.

[02] **Nguyễn Cư Trinh (1716-1767):** danh sĩ, nhà doanh điền đời chúa võ vương Nguyễn Phúc Khoát, tên chữ là Nghị, hiệu Đạm Am, quê ở huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An sau dời vào huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, đỗ hương tiến (cử nhân) làm quan tới thượng thư bộ Lại kiêm tào vận sứ, tước nghị biểu hầu, nổi tiếng liêm chính, giỏi việc dinh điền. 1750 làm tuần phủ Quảng Ngãi dẹp giặc ở Đá Vách. 1753 vào Nam khẩn hoang lập ấp. 1767 từ trần, hưởng dương 51 tuổi. Truyện *Sãi Vãi* được

viết trong lúc ông đi đánh giặc Đá Vách. Truyện có ý vị trào phúng cốt cho quân sĩ diễm mua vui nhưng với dụng ý đề cao đạo đức, đả kích mê tín.

[03] Thời hậu Lê chính sự đổ nát, vua nhu nhược, chúa bạo ngược, hoang dâm, quân hồi vô phùng, lính Tam Phủ lộng hành làm nhục, đốt nhà các quan đại thần, cướp bóc dân lành. Ngoài chuyện mua quan bán tước, việc học hành thi cử cũng không tránh khỏi những lạm. Năm Canh ngo (1750), đời Cảnh Hưng đặt ra lệ thu tiền *thông kinh* 通經 ai nộp 3 quan thì được thi mà không bị khảo hạch. Lúc bấy giờ những người hàng thịt, làm ruộng, đi buôn đua nhau nạp quyền đi thi đến nỗi các thí sinh tranh nhau vào trường xéo đạp lên nhau khiến có người chết, người bị thương. Vào trong trường thi thì người dùng sách, kẻ thuê người khác làm bài. Quan trường ăn tiền thông đồng với thí sinh không còn phép tắc gì nữa, trường thi biến thành chợ thi.

[04] Từ Đạm đỗ tiến sĩ, sính văn chương, có lần được sung vào phái đoàn sang Pháp, làm quan đến án sát, tổng đốc, hai lần làm quan thuộc tỉnh Nam Định, tham những có tiếng. Chữ Từ 鷓 thuộc bộ Điều 鳥 (chim) nên bị Nguyễn Thiện Kế giễu là họ nhà chim chích chòe (hay khoe mẽ) trong bài vịnh Từ Đạm:

*Lại nầy nòi ra họ chích chòe
Quan thì án sát, đỗ thì nghề
Áo xiêm đứng đỉnh coi ra vẻ
Cờ bạc rong chơi đủ mọi nghề
Tây một chuyến sang chơi đã thỏa
Nam hai lần lại ních đầy phè
Nay mai tuần phủ nhiều nơi khuyết
Sao sáng ông toan bóng lập lòe*

Khi làm tuần phủ Ninh Bình, Từ Đạm đến chơi núi Non Nước cho người khắc thơ và đục dấu chân trên đỉnh Dục Thúy. Tản Đà làm thơ châm biếm:

*Năm ngoài năm xưa đục mấy lần
 Năm nay quan lại đục hai chân
 Khen thay đá cũng bền gan nhĩ
 Chịu được cho quan đục mấy lần*

Nhân dịp mẹ vua Khải Định làm lễ mừng thọ 50 tuổi tổ chức cuộc thi câu đối, Từ Đàm ra về, có người đòi lại mĩa mai thói ăn của đút khét tiếng của y.

[05] Dương Lâm (1851-1920): danh



sĩ, nhà giáo dục có biệt tài, nổi tiếng văn chương, tính tình tao nhã, em ruột ông nghề Vân Đình Dương Khuê, cử nhân năm Mậu Dần 1878 (thủ khoa), con là

Dương Tự Phan đỗ cử nhân, cháu là Dương Thiệu Tường đỗ tiến sĩ. Tuy làm quan với triều đình Huế trong thời Pháp thuộc nhưng ông là người ái quốc. Văn thơ yêu nước của ông không được phổ biến vì bất lợi cho chính quyền bảo hộ. Do đó, Dương Khuê và Dương Lâm chỉ được biết đến như hai tác giả thuộc xu hướng hưởng lạc.

1884 huân đạo Ý Yên, thăng tri huyện Hoài Yên. 1889 án sát Hưng Yên, thăng bổ chánh Sơn Tây. 1891 làm báo Đồng Văn. 1892 tuần phủ Thái Bình. 1895 tham tá nha Kinh Lược Bắc Kỳ. Về Huế làm thượng thư bộ Công kiêm phó tổng tài Quốc Sử Quán, trưởng ban tu thư sửa đổi phép học, phép thi, soạn sách *Tân Giáo Khoa*. 1900 tổng đốc Bình Định Phú Yên tước thái tử thiếu bảo. Khi về hưu viết sách giáo khoa, mở trường dạy học ở quê nhà, mất năm 1920 (xem thêm về Dương Lâm chương 25 Thơ Văn Yêu Nước).

Tác phẩm: *Bắc Kỳ châu quận cánh hoán phân hợp phú, Nam sử phú, Túy hậu*

nhàn ngâm tập, Vân Dương văn tập, Vân Dương thi tập, Vân Đình biểu văn khai trường toàn tập, Vân Đình giải nguyên Dương Lâm văn tập phụ tập văn, Vân Đình thi tập, Vân Hồ văn tập, Âu học Hán tự tân thư, Tấu nghị tiền tập, Trung học ngũ kinh toát yếu, Văn sách tân thức hợp tuyển.

Nguyễn Thượng Hiền (1868-1925):

chí sĩ, hiệu Mai Sơn, con Nguyễn Thượng Phiến, rêu Tôn Thất Thuyết, quê làng Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (cùng tỉnh với Dương Lâm). 1885 đỗ cử nhân, thi hội



đỗ đầu đang chờ xướng danh thi kinh thành Huế thất thủ. 1892 thi lại đỗ hoàng giáp nên được gọi là ông Hoàng Liên Bạt. Không ra làm quan về ẩn cư ở Thanh Hóa, sau triều đình Huế mời nhiều lần ông mới nhận chức toàn tu quốc sử, rồi làm đốc học tỉnh Ninh Bình. 1907 từ quan sang Nhật hưởng ứng phong trào Đông Du, sát cánh với Phan Bội Châu lo việc cứu nước. Gặp nhiều chuyện đau xót, thất bại, ông chán nản vào tu chùa Thường Tịch Quang ở Hàng Châu, Trung Hoa và mất tại đây ngày 28/12/1925.

Tác phẩm: *Nam Chi Tập, Hạc Thư Ngâm Biện, Mai Sơn Ngâm Tập, Nam Hương Tập, Mai Sơn Ngâm Khảo.*

[06] Chữ này do Hoàng Hải Thủy sáng tạo để chỉ việc văn nghệ sĩ miền Bắc bị bịt miệng dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam.

[07] Hồ Xuân Hương (1772-1822):

thân phụ là Hồ Phi Diễn, quê làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, sau ra ngụ ở phường Khán Xuân, huyện Vĩnh

Thuận (nay thuộc Hà Nội). Hồng nhan đa chuân, tuy nổi tiếng văn chương được nhiều trang phong lưu tài tuấn ngấp nghé nhưng phải lấy lẽ ông phủ Vĩnh Tường, sau lại cam phận lẽ mọn cho cai tổng Cóc, rồi làm vợ bé của tham hiệp trấn Yên Quảng Trần Phúc Hiến.

Tác phẩm: *Hồ Xuân Hương thi tập* (đời sau sưu tập), *Lưu hương ký* (chữ Hán), *Xuân Hương thi tập*, *Xuân Hương di cảo*.

Cảnh, tiu, chũm chọe là các nhạc khí giống như loại chiêng nhỏ dùng ở các chùa chiền và trong các dịp tế lễ ngày xưa.

[08] Cao Bá Quát (1809-1854): hiệu Chu Thân, người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), nổi tiếng văn chương (*văn như Siêu Quát vô tiền Hán*). 1831 Á Nguyên kỳ thi Hương (cử nhân). 1831 sung chức Hành Tẩu Bộ Lễ, can tội dùng muối đèn sửa quyền thi cho thí sinh phạm húy nên bị giam rồi phát phối đi Đà Nẵng. Nhân sứ bộ Đào Trí Phú đi Tân Gia Ba công cán được cho theo lập công chuộc tội, khi trở về được phục chức chủ sự. 1854 bị đổi lên Sơn Tây làm giáo thụ phủ Quốc Oai, bất mãn bỏ quan theo làm quân sư cho Lê Duy Cự chống lại triều đình, thất bại, bị tử hình cùng 2 con năm 45 tuổi (gần đây nhiều nhà nghiên cứu tìm ra bằng chứng ông chết trận).

Tác phẩm: *Chu Thân Thi Tập*.

Trong quyển *Cao Bá Quát* của Trúc Khê Ngô Văn Triện có ghi bài thơ này. Nhân vụ sửa chữa đình làng lý trưởng xen bớt công quỹ, Cao Bá Quát lúc đó còn nhỏ thấy vậy châm biếm bằng bài thơ Con Voi.

[09] Nghè Tân (1811-1856): tên thật Nguyễn Quý Tân, hiệu Đình Trai, người làng Thượng Cốc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là Hải Hưng), đỗ tiến sĩ năm

1842, được cử làm quan nhưng sau đó từ chức, có đi thanh tra các quan lại ở Bắc Kỳ, thường làm thơ châm biếm.

Tác phẩm: *Túy Tiên Thi Tập*.

[10] Tú Xương (1870-1907): trước tên là Trần Duy Uyên, sau đổi là Trần Tế Xương, hiệu Vị Thành, người làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đỗ tú tài năm 1894, sau đó thi hỏng nhiều lần, nổi tiếng văn chương nhất là về thơ trào phúng. Nhà nghèo, sống đạm bạc bình dị, nhưng giàu lòng yêu nước. Mất đột ngột vì mắc mưa lạnh trên đường về quê ngoại, hưởng dương 37 tuổi. Tác phẩm: gồm nhiều thơ, phú, câu đối, văn tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Thiệu Tống, *Tâm Trạng Dương Khuê, Dương Lâm*, nxb Khoa Học Xã Hội, TP/HCM 2005.
- Nguyễn Văn Hanh, *Hồ Xuân Hương, Tác Phẩm, Thân Thế và Văn Tài*, nxb Đại Nam tái bản, Hoa Kỳ.
- Kiều Văn, *Thơ Văn Tú Xương*, nxb Đồng Nai, TH/HCM, 1996.
- Lê Văn Siêu, *Việt Nam Văn Minh Sử Cương*, nxb Sóng Mới tái bản, Hoa Kỳ, 1983.
- Nguyễn Ngọc Thuần, *Lược Khảo Về Cười*, Hà Nội, 1954.
- Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam*, nxb Tổng Hợp TP/HCM, 2006.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Bộ Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu, Sài Gòn, 1971, nxb Đại Nam tái bản, Hoa Kỳ.
- Văn Tân, *Văn Học Trào Phúng Việt Nam*, nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.
- Vũ Ngọc Khánh, *Thơ Văn Trào Phúng Việt Nam*, nxb Văn Học, Hà Nội, 1974.
- Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại quyển 3 & 4*, nxb Thăng Long tái bản, Sài Gòn, 1960.

CÁI HAY, CÁI DỒ CỦA PHONG TỤC, TẬP QUÁN QUA CA DAO

(Trích từ Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt của Nguyễn Văn Nhiệm
ở Chương 11; Đời sống có đạo đức)

Bánh chưng – bánh dày

Xét bài ca dao sau đây:

“Cau Lường, trầu Hiếu

Chở mười nóc cho đầm

Bánh chưng khoảng tám trăm

Bánh dày xin tứ bát.”

Lường, Hiếu là hai địa danh ở Nghệ An nổi tiếng về cau, trầu. Các lễ vật xin cưới như trầu, cau, bánh dày, bánh chưng rất có ý nghĩa về phương diện phẩm, về triết lý nhân sinh, về đạo lý; nhưng về phương diện lượng trong việc thách cưới thì quá đáng, làm mất hết ý nghĩa cái hay cái đẹp trong văn hóa truyền thống dân tộc.

Tất cả tinh hoa của Việt lý thu gọn vào cặp biểu tượng *vuông tròn*, mà thể hiện ra vật cụ thể trong đời sống là bánh chưng, bánh dày, có sự tích được tóm lược như sau:

Sau khi phá xong giặc Ân, đất nước thái bình, vua Hùng Vương cũng đã già, nên muốn truyền ngôi cho con. Ngài hội các hoàng tử lại, nói lên ý muốn của mình, rằng hoàng tử nào đem lễ vật ngon, quý lại có ý nghĩa nhất vào kỳ hạn cuối năm để dâng cúng Tiên vương vào đầu năm thì ta sẽ truyền ngôi cho. Thế là các hoàng tử tranh nhau, lo tìm

kiếm của ngon vật lạ nhiều vô số kể.

Trong khi đó, hoàng tử thứ chín tên là

Lang Liêu, có mẹ nghèo đã mất, cho

nên khó bề lo toan, ăn ngủ không yên.

Một đêm nọ, Lang Liêu bỗngưng

chiêm bao thấy Thần nhân mách bảo:

Trong trời đất không gì quý bằng gạo.

Nếu lấy gạo nếp gói làm bánh hình tròn

để tượng trưng cho trời, bánh hình

vuông để tượng trưng cho đất, bên trong

lại thêm nhân cho ngon. Đó là mô

phỏng theo hình trạng trời đất bao hàm

vạn vật và ngụ ý nhắc nhở cái ơn nuôi

dưỡng của trời đất.

Lang Liêu giật mình tỉnh dậy, vừa kinh

sợ, vừa mừng, rồi y theo lời Thần nhân mà

làm. Bánh có hình tròn gọi là bánh dày,

bánh có hình vuông là bánh chưng.

Đúng kỳ hạn, các hoàng tử dâng các

phẩm vật đủ các loại ngon quý, trong

khi đó Lang Liêu chỉ có bánh dày, bánh

chưng. Nhưng cuối cùng, chàng được

vua cha chấm giải nhất vì bánh vừa

thơm ngon, vừa có ý nghĩa Đạo trời-

đất, ông bà, tổ tiên, lại vừa giản dị, dễ

phổ biến trong dân gian.

Đầu năm, nhà vua lấy bánh ấy dâng

lên Tiên miếu và cung phụng cha mẹ.

Thiên hạ noi theo gương này và truyền

mãi về sau.

Ý nghĩa: Hình vuông có huyền số 4 hay 2, chỉ đất, không gian, thể giới hiện tượng vật chất, ý thức. Hình tròn có huyền số 3, chỉ trời, thời gian, thể giới tinh thần, tâm linh, tiềm thức. Điểm quan trọng của câu chuyện huyền thoại này là ở chỗ *thần nhân mách bảo* trong lúc Lang Liêu đang gặp khó khăn, ăn ngủ không yên. Thần nhân báo mộng chỉ cách làm bánh chưng, bánh dày là một sứ điệp phát ra từ tiềm thức sâu thẳm, gợi lên cho ý thức: Đó là minh triết. Trường hợp này cũng tương tự như *Hà xuất đồ, Lạc xuất thư* vậy: Hà, Lạc thuộc tiềm thức; đồ, thư là sứ điệp gợi lên cho ý thức.

Không phải ai cũng có thể đón nhận được minh triết, mà chỉ những người nhân hậu, hiền đức, tâm trong sạch, không vướng mắc tham dục, tà kiến mới đón nhận được thôi. Bởi vậy, Lang Liêu rất xứng đáng được vua cha chấm giải nhất và truyền ngôi để chấn dất muôn dân.

Ngày nay, bánh dày bánh chưng vẫn còn là lễ vật chánh được chưng trên bàn thờ tổ tiên trong dịp Tết và cũng là một trong những lễ vật cưới hỏi như ở bài ca dao đã nói.

Vuông tròn, hình dạng của bánh chưng, bánh dày là cặp biểu tượng cho triết lý lưỡng hợp thái hòa của Đạo Việt, được phản ánh qua ca dao đã được giới thiệu ở phần nói về hình ảnh, biểu tượng.

Trầu cau

Về sự tích truyện trầu cau, xin xem ở chương 5 : Tìm về mái nhà.

Vì trầu cau là lễ vật cưới hỏi, giá thú,

liên quan đến Đạo vợ chồng, tình tự trai gái, cho nên đây là đề tài rất phong phú trong ca dao.

Trầu cau trong sự giao tiếp, xã giao:
“*Miếng trầu là đầu câu chuyện.*”

“*Tiện đây đưa một miếng trầu
Chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng.*”

Trầu tiếp khách:
“*Con quạ nó đứng đầu câu
Nó kêu bỏ má tèm trầu khách ăn.*”

Làm quen qua miếng trầu:
“*Xưa nay ai biết ai đâu
Bởi chưng điếu thuốc, miếng trầu
nên quen.*”

Miếng trầu tâm sự:
“*Miếng trầu kể hết nguồn cơn
Muốn cho đây đây thiệt hơn thế nào.*”

Miếng trầu giải khuây:
“*Miếng trầu giải phá cơn sầu
Ăn cơm chẳng đắng, ăn trầu giải khuây.*”

Miếng trầu đề kỷ niệm:
“*Ngửa tay xin bạn miếng trầu
Từ rày sắp tới biết đâu còn gặp nàng.*”

Miếng trầu tổng đưa:
“*Quân tử lân la đuổi ra cũng tẻ
Tèm ba miếng trầu làm lễ tổng đưa.*”

Trầu mời mà không giáp mặt:
“*Muốn trao miếng trầu, tôi sợ câu bất hiếu
Tôi để trên rào, ai có thiếu lấy ăn.*”

Miếng trầu còn ngăn cách:
“*Cách nhau một bức rào thưa
Tay chùi nước mắt, tay đưa miếng trầu.*”
Ăn trầu mà trong dạ phập phồng lo sợ:
“*Lỡ khi ăn miếng trầu xanh
Đêm ngày lo sợ, mặt xanh như chàm.*”

Miếng trầu tương tư:
“*Từ ngày ăn phải miếng trầu
Miệng ăn môi đỏ, dạ sầu tương tư.*”

Trầu cau là chuyện tình:

*“Thấy ai lo lắng cho mình
Mình nghe trầu ngáp chuyện tình trầu cau.”*

Miếng trầu tương giao:

*“Miếng trầu là nghĩa tương giao
Muốn cho đây đây duyên vào hợp duyên.”*

Trầu tình nghĩa:

*“Trầu này trầu nghĩa, trầu tình
Trầu non, trầu nghĩa, trầu mình với ta.”*

Trong các mối quan hệ, quan hệ tình nghĩa vợ chồng sâu đậm hơn cả. Nó nồng nàn, tươi thắm như hương vị và sắc đỏ khi ăn trầu:

*“Trầu xanh, cau trắng, chay hồng
Vội pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên.”*

Vì thế nói đến trầu cau là nói đến chuyện tình duyên, tình nghĩa, hôn nhân:
*“Đêm qua mây kéo đen dầm
Thấy hai người ấy thì thắm với nhau
Tưởng rằng tính chuyện trầu cau
Ai hay tình vụng với nhau bao giờ.”*

Lễ vật cưới hỏi có ý nghĩa không thể thiếu được của người Việt từ lâu vẫn là trầu cau, nếu chưa có, thì cũng phải ráng tìm mua hay chờ đợi cây nhà lá vườn:

*“Thương nhau hẹn lại năm sau
Cho trầu ra lộc, cho cau trở buồng.”
“Bởi anh sơ ý buổi đầu
Phải chi tới bỏ miếng trầu là xong
Bây giờ gá nghĩa vô vòng
Như gương khóa chặt, ai hòng mở ra.”*

*“Thương ai chẳng nói khi đầu
Để cho thầy mẹ ăn trầu người ta.”*

Bởi anh sơ ý hay lừng khừng? Chứ nếu yêu thương thật sự thì anh phải hăm hở, dang hoàng tiến tới:

*“Mâm trầu hũ rượu dang hoàng
Cây mai đến nói phụ mẫu nàng mới xong.”*

Thách cưới

Đám cưới mà có đủ lễ chứng tỏ xã hội có văn hóa, có đạo lý cương thường:

*“Anh về thưa mẹ cùng cha
Sắm sanh đủ lễ giao hòa cùng em.”*

Đủ lễ là vừa đủ lễ vật để có giao hòa. Chữ đủ và chữ giao hòa nói lên tinh thần của Đạo quân bình, Đạo thái hòa. Lễ vật mà nhà gái đòi hỏi quá nhiều thì đó là thách cưới, xa rời khỏi Đạo rồi. Số phận của các cô con gái có các bà mẹ hay kén rể quá đáng thì thường bị trắc trở:

*“Trăng khuyết rồi lại trăng tàn
Mẹ già kén rể con còn góa lâu.”*

Và sau đây là màn bi hài của hủ tục thách cưới:

*“- Mẹ ơi, năm nay con mười tám tuổi rồi
Chồng con chưa có, mẹ thời tính sao?
Con chim khách nó mách có hai bà mối
Mẹ ngồi thách cưới*

*Tiền chẵn năm quan, cau chẵn năm ngàn
Lợn béo năm con, áo quần năm đôi*

*- Mẹ ơi, năm nay con hai mươi ba tuổi
rồi Chồng con chưa có mẹ thời tính sao?
Con chim khách nó mách có hai bà
mối Mẹ ngồi thách cưới*

*Tiền chẵn ba quan, cau chẵn ba
ngàn Lợn béo ba con, áo quần ba đôi*

*- Mẹ ơi, năm nay con ba mươi hai tuổi rồi
Chồng con chưa có mẹ thời tính sao?
Con chim khách nó mách có hai bà mối
Mẹ ngồi thách cưới*

*Tiền chẵn một quan, cau chẵn một ngàn
Chó béo một con, áo quần một đôi*

*- Mẹ ơi, năm nay con bốn mươi ba tuổi rồi
Chồng con vẫn hoàn chưa có...mẹ thời...*

- Mẹ thời ...cho không.”

Một hậu quả khác nữa đến với các cô con gái có cha mẹ tham lam:

*“Mẹ em tham thúng xôi rền
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh
Hung Em đã bảo mẹ rằng đừng
Mẹ hám, mẹ hứ, mẹ bung ngay vào
Bây giờ chồng thấp vợ cao
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng.”*

Đa thê

Ngày nay, đôi với tục đa thê, ai cũng cho đó là hủ tục. Ngày xưa, đó là hiện tượng xã hội có thật, gây biết bao nỗi khổ cho phụ nữ, khiến ai cũng thắc mắc: *“Ai bày cái cảnh đa thê?
Để cho phụ nữ nhiều bề khổ đau.”*

Tình trạng đa thê đã có trong nhiều gia đình lúc xưa: *“Cò cưa cút kít dùng dằng
Đó ai nhiều vợ cho bằng ông tôi.”*

Câu *cò cưa cút kít dùng dằng* cho thấy cái cảnh giằng co nhây nhưa của một gia đình có nhiều bà vợ ra sao.

Có phải nguyên do của cảnh đa thê là do lòng kiêu hãnh của đàn ông, con trai? *“Làm trai lấy vợ bé như nhà giàu tậu
nghe hoa.”*

Do lòng tham lam, ham hố? *“Anh đây một vợ hai con
Lấy thêm em nữa cho tròn một mâm.”*

Cho tròn một mâm năm người, như vậy anh chàng này có thể cũng thông thạo huyền số Việt lý hơn ai hết: Số 5 là con số ngũ hành.

Do lòng tin nhầm nhí hay lọc lừa? *“Trời mưa dưới biển mưa lên
Số anh hai vợ mới nên cửa nhà.”*

Trong các lý do, có lẽ lý do luân lý phong kiến là nặng nề hơn cả: *“Trai làm nên năm thê bảy thiếp
Gái làm nên thủ tiết thờ chồng.”*

Tam tòng trong luân lý xưa: Người phụ nữ khi còn ở nhà phải theo cha, khi lấy chồng phải theo chồng, khi chồng chết phải theo con, thủ tiết thờ chồng.

Theo lễ thường thì một vợ, một chồng hợp luật tự nhiên, vẫn hay hơn: *“Thế gian một vợ một chồng
Một niêu cơm tám dầu lòng ăn chơi.”*

*“Khó nghèo một vợ một chồng
Một miếng cơm tám mà lòng thanh thoi.”*
Xa xưa hơn nữa lại có sự trái ngược lại là thay vì đa thê, lại có cảnh đa phu: *“Thế gian một vợ một chồng
Chẳng như vua bếp hai ông một bà.”*

Chuyện vua bếp rất xa xưa ở vào thời con người theo chế độ mẫu hệ. Có người cho rằng chuyện ông Táo hay vua bếp là của Tàu, nhưng thật ra thời xa xưa đó làm gì có nước Tàu. Chuyện cổ tích này cũng như nhiều chuyện cổ tích khác đã có từ lâu trong nhóm Bách Việt, có nền văn hóa nông nghiệp lâu đời.

Những cái tai họa của người đàn ông có nhiều vợ: *“Lắm duyên nhiều nợ
Lắm vợ nhiều oan gia.”*

*“Một vợ không khô mà mang
Nhiều vợ, nhiều nợ hết đàng làm ăn.”
“Một vợ mà xử không xong
Còn đòi hai vợ cho cong cái xương sườn.”
“Một vợ nằm giường lèo
Hai vợ nằm chèo queo
Ba vợ ra chuồng heo mà nằm.”*

Thái độ của phụ nữ đối với cảnh có chồng chung: Trước hết là thái độ phân vân: *“Chiếu hoa mà trải góc đèn
Muốn vô làm bé, biết có bền hay không?”*

Có người nghĩ rằng vợ nhỏ thường được cưng chiều hơn:

*“Áo vá quàng viền hàng chữ đỏ
Gẫm sự đời vợ nhỏ cung hơn.”*

Không cung, không mê vợ bé sao lại
bỏ bè con thơ?

*“Gió đưa bụi chuối sau hè
Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ.”*

Có người lại tinh táo hơn, thấy được
cái thế lực thật sự của người vợ lớn:

*“Vợ lớn của anh là gốc là rễ
Còn em, vợ nhỏ là ngọn là ngành
Vợ lớn anh dẫu chua hơn chanh
Phụ mẫu anh đem trầu cau cưới hỏi
Còn gái như em ngọt cách mấy
Cũng không có tấm giấy lộn màn cầm tay.”*

Hơn nữa, tánh của đàn bà hay ghen:

*“Ớt nào là ớt chẳng cay
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng?”*

Mà khi đàn bà đã ghen thì rất
cay nghiệt:

*“Vợ lớn đánh vợ nhỏ
Chạy ra cửa ngõ
Ngóng cổ kêu trời!
Ớ anh ơi!*

Nhất phu lưỡng phụ ở đời dặng chằng?”

Nói chung, phần đông phụ nữ nhất
quyết từ chối cảnh chồng chung:

*“Đói lòng ăn nắm lá sung
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.”*

*“Ai ơi, chớ lấy chồng chung
Chồng chung hai vợ một mừng
Day qua con vợ nọ, chộc khùng con vợ kia.”*

*“Đói cơm thì ăn độn rau
Tội chi làm mọn nằm sau lưng chồng.”*

*“Thiếu chi rau, bậu ăn rau é
Thiếu chi người, bậu làm bé người ta?”*

Tính cách mỉa mai của ca dao về hủ
tục đa thê:

*“Chồng giận thì vợ làm lành
Miệng cười chum chim: thưa anh giận gì?”*

*Thưa anh, anh giận em chi?
Muốn lấy vợ bé, em thì lấy cho!”*

Có lẽ anh chồng này thông thạo triết
lý thái hòa, nắm vững qui luật quân
bình, kinh nghiệm trông trọt, dẫn nước
tưới tiêu của văn minh nông nghiệp:

*“Chiều chiều rọc lá gói nem
Con chị gói khéo, con em cột giùm
Trồng trầu thì phải khai nương
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng.”*

Ca dao sau đây châm biếm, chế
giễu anh chàng có chín vợ:

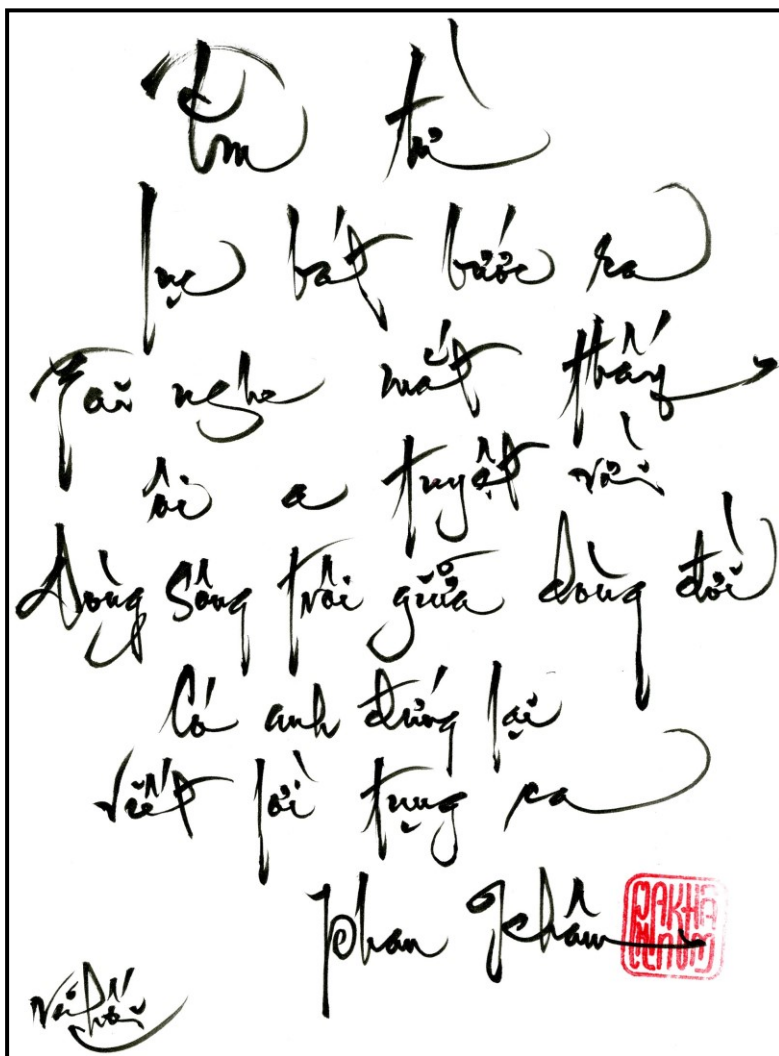
*“Sớm mai đi chợ Gò Vấp
Mua một xấp vải đem về
Cho con Hai nó cắt
Con Ba nó may
Con Tư nó dệt
Con Năm nó viền
Con Sáu đơm nút
Con Bảy vắt khuy
Anh bước cẳng ra đi
Con Tám núu, con Chín trì
Ớ em Mười ơi!
Sao em để vậy còn gì áo anh?”*

Mới nhìn qua sự phân công trong
nhà này tưởng chừng như có sự khéo
léo, hài hòa, nhưng thật ra cái mầm
sanh sự, bất ổn đã bày ra sờ sờ ở đó rồi.
Sự cung yêu các bà vợ không đồng đều
là đã mất quân bình rồi: chỉ có người vợ
thứ Mười mới được gọi bằng tiếng em
ngọt ngào mà thôi.

NGUYỄN VĂN NHIỆM

(Germany)

(nhiem250143@googlemail.com)



Em từ lúc bát bước ra
Tai nghe mắt thấy ôi a tuyết vời
Dòng sông trôi giữa dòng đời
Có anh đứng lại viết lời tụng ca.

Phan Khâm

VŨ HỐI: Kỹ Thuật Tạo “Hồn” trong Thư Họa Tham khảo: *Nghệ Thuật Thư Họa của Vũ Hối*

NXB: EM Magazine, EMMEKONG, INC. 2007

Hải Bằng.HDB

(Phản Hai)

Vũ Hối vốn là một giáo sư hội họa kiêm thi sĩ. Năm 1989, nhờ quốc tế can thiệp, ông được nhà cầm quyền Hà Nội phóng thích. Ông qua Mỹ năm 1992 và hiện nay (2008) là một nhà thư pháp tâm vóc thế giới.

Bằng tác phẩm “Mộng Hòa Bình”, ông chiếm giải Khôi Nguyên “Kennedy’s Prize” năm 1963 với sự tham dự của 32 thư pháp gia thế giới và được vinh danh về “Tinh SángTạo Nghệ Thuật” trong Đại Hội Mỹ Thuật Thế Giới năm 1994 tại Atlanta, Hoa Kỳ. Ông cũng được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền.

Tên tuổi của ông được ghi trong nhiều tự điển như cuốn tự điển Thư Đạo của Nhật Bản (2006) và trong Dictionary Of Internaitonal Biography (tập XXVI) của The International Biographical Centre, Cambridge, England (1998).

Vũ Hối đã từng dùng thư họa viết câu nói nổi tiếng của TT John F. Kennedy: “Ask not what your country can do for you. Ask what you can do for your country. (1963)”, dịch là: “Đừng hỏi đất nước có thể làm gì cho bạn. Hãy hỏi bạn có thể làm gì cho đất nước”. Ông cũng đã vẽ chân

dung Đại Tướng Creighton W. Abraham (1970). Ông là người sáng lập ra trường phái *Painting in Motion (Họa Động)* và *Thư Pháp Họa*.

*

Kỹ Thuật Tạo “Hồn” trong Thư Họa của Vũ Hối

Nói chung, viết thư pháp cho đẹp thì nhiều người cũng có thể viết được, nhưng viết cho “mát con mắt”, cho có “hồn”, ai ngắm cũng phải trầm trồ thích thú thì hiếm có người viết được như vậy. Không thiếu những bức thư pháp nhìn vào chỉ thấy những đường nét muốn như rối loạn hay loạng quạng hoặc thiếu cân đối, không tạo được một cảm xúc nào.

Nhà thư pháp Vũ Hối đã tìm tòi và tự tạo cho mình những dạng chữ đặc biệt để viết thư họa khiến cho những bức thư họa của Vũ Hối thu hút được cảm quan của người ngắm. Gần đây (khoảng tháng 7, 2008) trong dịp gây quỹ ở Fairfax, VA, nhân ngày tưởng niệm Hòa Thượng Thích Huyền Quang mới viên tịch, hai bức thư họa của Vũ Hối đấu giá được 1500 Mỹ Kim. Tất cả số tiền đó được xung vào quỹ yểm trợ.

Bức thư họa viết bài thơ của Hòa Thượng Thích Quảng Độ được đấu giá 1000 Mỹ Kim có nội dung như sau:

Thân ta trong chốn lao tù

*Tâm ta vàng vạc trắng thu mặt hồ
 Bao trùm khắp cõi hư vô
 Lao tù đầu thể nhiễm ô thân này?
 Mặc cho thể sự vẫn xoay
 Tâm ta vẫn chẳng chuyển lay được nào
 (Thư họa: Vũ Hối)*

Để tạo vẻ đẹp cho bức thư họa, Vũ Hối phải cầu cứu tới thiên nhiên bởi lẽ thiên nhiên vốn là Mẹ của tất cả những vẻ đẹp. Vũ Hối vốn là một nhà nhiếp ảnh nên ông luôn luôn đi săn tìm những vẻ đẹp sẵn có trong thiên nhiên để sao chép ứng dụng trong thư họa và trong kỹ thuật Họa Động (Painting in Motion) của ông.

Ai lại không biết vẻ đẹp của lửa (hỏa) khi leo lắt hay khi bùng bùng cháy? Ai lại không thấy vẻ đẹp của nước (thủy) lăn tăn trên mặt hồ? Ai lại không thấy tâm hồn rung động khi ngắm cảnh trúc la đà, lá trúc khua xào xạc? Và, ai lại không thấy man mác buồn khi ngắm áng mây (vân) trôi? v.v. Vâng, những nét đẹp thu hồn ấy của Mẹ Thiên Nhiên đã được thư họa gia Vũ Hối sao chép lại và đưa vào Thư Họa để tạo ra những dạng chữ mà ông gọi là: Hòa Tự, Thủy Tự, Trúc Tự, Vân Tự, v.v.

Với những câu hay lời nói hùng hực lửa chí khí thì Vũ Hối dùng Hòa Tự với màu sắc đỏ quạch và nét bút chập chờn như ánh lửa để viết. Chẳng hạn,

*Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm
 Vương đất Bắc*

Hay

Ngàn năm hùng hực lửa da vàng

Với những câu gọi tình, Vũ Hối dùng Trúc Tự với màu xanh lá cây để viết, như câu:

*Gió đưa cành trúc la đà
 Tiếng chuông Thiên Mụ,
 canh gà Thọ Xương*

Với những câu liên quan tới sông nước, Vũ Hối dùng dạng Thủy Tự với màu lam để viết, như câu:

*Thuyền ra giữa bến thuyền dừng
 Ai đi thương nước, nửa chừng lại thôi?!*
*Trách ai tình nước như vôi
 Thù nhà, nợ nước buông trôi giữa dòng*
 (Thơ của Vũ Hối)

Để hiểu thêm về kỹ thuật thư họa của Vũ Hối, xin hãy đọc bác sĩ Lê Văn Lân (Houston, TX) bản về Thư Pháp trong cuốn *Nghệ Thuật Thư Họa* của Vũ Hối như sau (tr. 13):

Tôi muốn nhắc sơ lược lịch sử tiến triển của Thư Pháp cổ điển Trung Hoa trước khi nói đến Thư Họa của Vũ Hối. Trên thế giới, về Thư Pháp chỉ có Trung Hoa và các nước Á Đông xưa là dùng bút lông, còn các nước khác thì phần lớn đều dùng ngòi bút cứng (bằng lông ngỗng hay bằng ngòi kim khí đủ cỡ, đủ loại). Tác giả Arthur Baker có khám phá ra ở thành phố La Mã ngày xưa cũng có dùng bút lông để viết những chữ La Mã. Đây là sự khám phá năm 1763 trên sự khai quật di chỉ của thành phố Pompei bị núi lửa Vesuvius phun ra và chôn vùi vào lòng đất năm 79. Chữ viết bằng bút lông được viết trên các bảng hiệu buôn hay các câu khảo ngữ. Nhưng theo ông Baker, bút lông La Mã phần lớn là bút lông đẹp, mũi bằng, chứ ít dùng bút lông tròn, mũi nhọn như các nước Á Đông thường dùng.

Cần nói rõ thêm điểm này vì nó liên quan đến nghệ thuật thư họa của Vũ Hối qua sự dùng bút lông chứ không dùng bút ngòi cứng như nhiều văn, thi sĩ Việt Nam đã dùng để trình bày tác phẩm của họ, như Cao Tiều, Võ Đình, hay Thi Sĩ Phạm Văn Toại với bút hiệu Bông chẳng hạn ... Ông

Arthur Baker đã dùng ngòi bút lông để viết chữ Latin với những nét có đường sọc dọc do ngòi bút lông để lại. Phương pháp của ông là Dry Brush Calligraphy tựa như lối Can Bút của Trung Hoa. Can bút tức là “bút khô”, ngòi bút chỉ chấm mực vừa phải rồi tiếp tục viết cho đến khi nó khô ráo mực ... Lối Can Bút phải viết thật nhanh, ngòi bút lướt qua trên mặt giấy nên để lại nhiều đường sọc trắng xen kẽ với những đường sọc đen của mực, nên người Trung Hoa gọi là viết Phi Bạch. Ngòi bút lông của Arthur Baker là bút mũi dẹt chứ không tròn và có mũi nhọn như bút lông Trung Hoa, nên chữ viết của Arthur Baker vẫn phải giữ những góc cạnh kỳ hà học của Thư Pháp Tây Phương. Arthur Baker cũng thử dùng ngòi bút kim khí để tạo ra chữ viết có dạng đậm, nhạt ... của Trung Hoa nhưng trông có vẻ cứng. Độ cứng của ngòi bút đã ảnh hưởng rõ ràng trên những nét viết của Trung Hoa. ...

Trong lối Thư Họa của Vũ Hối, ông đã tận dụng ngòi bút lông để viết những chữ đương nhiên là khác hẳn lối viết bằng ngòi bút kim loại. Do sự uyển chuyển của ngòi bút lông, phối hợp với con mắt của một họa sĩ yêu đường nét và bút pháp Á Đông, Vũ Hối đã tạo ra nhiều tự thể: nào là Thủy Tự, Hỏa Tự, Trúc Tự, Vân Tự ... tùy theo nội dung của câu thơ hay câu nói mà diễn tả trên mặt giấy.

Tuy nhiên, Vũ Hối cho biết thêm rằng:

Tôi còn là người làm thơ. Cho nên khi viết thư họa, tôi dựa theo câu thơ để viết. Thí dụ như “Gió đưa cành trúc la đà” ... thì tôi viết theo Trúc Tự. Còn “Ai đi thương nước giữa đường lại thôi” thì tôi dùng Thủy Tự như nước la đà trên sông. Tùy theo câu thơ mình mà lựa kiểu viết.

Hiện giờ đã có những kiểu chữ do máy làm, nhưng nét chữ rất cứng. Còn do người viết, tùy theo cảm hứng, sẽ có những nét khác nhau. [Tr. 73 *Nghệ Thuật Thư Họa*]

Và ông khẳng định:

Khi ngòi viết, cũng như đang thiền định, phải tập trung. Viết chữ là từ tìm truyền đến cây bút. Tất cả đều xuất phát từ tâm. Thiện căn ở tại lòng ta. Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. Có tài mà không có tâm là văt đi. [tr. 73 *NTTH*]

Trong cuốn *Thư Đạo* của Nhật mới xuất bản năm 2006 - Đạo của chữ nghĩa – có ghi danh tính những người thư họa danh tiếng, trong đó có Vũ Hối. Người ta hỏi: “Mỗi duyên nào mà ông được ghi nhận?”, Vũ Hối đáp:

Tôi không biết tiếng Nhật mà cũng không quen với người Nhật Bản. Tôi có xuất bản mấy cuốn sách thư họa, có lẽ họ thấy được, nên họ ghi nhận. [tr. 73 *NTTH*]

*

Vũ Hối cũng là người sáng tạo ra trường phái mà ông gọi là Painting in Motion, tạm dịch là “Họa Động”. Đó là những bức họa trong đó cảnh trí không đứng yên, tĩnh lặng mà Vũ Hối cố gắng dùng màu sắc và những đường nét chuyên biệt của thư họa để làm cho cảnh trí của bức họa như có chuyển động, có thay đổi với không gian và thời gian.

Nữ sĩ Như Hiền có nhận xét viết trong *Nghệ Thuật Thư Họa* [tr. 68] của Vũ Hối như sau:

Hiện nay có nhà danh họa Vũ Hối đã sáng chế ra một lối viết chữ độc đáo được hầu hết các nhà bình luận tiếng tăm trên văn đàn cũng như báo chí ở hải ngoại công nhận là một thư pháp gia số một ở hậu bán thế kỷ thứ XX. Họa sĩ Vũ Hối đã thể hiện được bản sắc dân tộc qua những nét chữ

quốc ngữ, không lai căn nét bút của Tàu, không vay mượn nét chữ của Nhật hay bất cứ nước nào. ...

Thư họa gia Vũ Hối ngoài lối viết trên giấy, trên lụa bồi, trên sơn mài, v.v. ... còn đặc biệt viết trên đĩa sành bằng chất men sứ, sau đó đem nung lại. Đĩa thơ nghệ thuật này có thể gắn trên tường, để trong tủ kiếng. Đây cũng là một hình thức phổ biến thơ sâu rộng nhất đến với giới thưởng ngoạn qua lối thư họa của Vũ Hối, người đã cố công nghiên cứu lâu năm, đưa cái đẹp của lối viết chữ Quốc Ngữ lên cao, nên được rất nhiều người yêu chuộng. Đây còn là một niềm tự hào của người Việt Nam trong cũng như ngoài nước. ...

Tên tuổi của ông đã được đưa vào tự điển Larousse và giới yêu chuộng nghệ thuật quốc tế cũng đã biết đến tên ông qua loạt tranh sinh động “Painting in Motion”. Đây cũng là một sáng tạo độc đáo của Vũ Hối nhằm mục đích đưa ý thơ hòa lẫn màu sắc trong bộ tranh “Họa Thi Giai Diệu”. Những bức tranh vẽ trên lụa quế hương, với màu sắc hư thực đầy tính Liêu Trai được các phê bình gia quốc tế như bà Karen Lawson và ông Dave Jones nhận xét:

“Với đề tài thuần túy qua bút pháp Á Đông kết hợp với sự đồng nhất diệu kỳ của Trường Phái Trừu Tượng, họa sĩ Vũ Hối đã tạo được một phong cách nghệ thuật sinh động riêng, tuyệt vời trong nghệ thuật sáng tạo đầy mới lạ ở thời cận đại. Và họa phẩm của ông đã được cả thế giới thẩm định giá trị qua lời giải thích bằng Đại Số Học ứng dụng từ công thức của nhà bác học Einstein.”

*

Vũ Hối: Một Nhà Thơ Yêu Nước

Vũ Hối không phải chỉ là một nhà thư họa có tài, ông còn là một nhà thơ – nhà thơ

yêu nước, thương nỗi đậm đà. Ông rất thích thú làm và đọc và viết thư họa những vần thơ ca ngợi quê hương và các anh hùng liệt sĩ. Xin hãy nghe ông tâm sự trong bài thơ:

Nửa

Đời ta nửa tỉnh, nửa say
Nửa đen, nửa trắng, nửa ngày, nửa đêm
Nửa vui với nửa ưu phiền
Nửa sông còn cát, nửa triền núi cao
Nửa thương, nửa nhớ nghẹn ngào
Nửa cười tha thiết, nửa ngao ngán tình
Nửa hồn đau kiếp phù sinh
Chên vênh nửa cuộc hành trình bể dâu
Chập chờn nửa giấc canh thâu
Cười say bên ngọn đèn dầu nửa khuya

*

Cũng như tất cả mọi người yêu chuộng hòa bình chân chính, ông viết cho một giấc mơ hòa bình trên toàn thế giới:

Mắt thâm quầng, nghìn đêm thao thức
Mộng hòa bình, trắng cánh bồ câu
Năm ngón ngọc ngà, môi em e ấp
Trọn môi hôn trái tim địa cầu ...

Trước ngày Tổng Thống Bush lên đường sang Việt Nam phó hội APEC [17-19/11/2006], nhà thư họa Vũ Hối đã viết tặng Tổng thống Bush bức thư họa trên lụa rất đẹp câu nói của TT. Bush nhằm bày tỏ lập trường hiện nay của Hoa Kỳ do ông lãnh đạo rằng Hoa Kỳ sẽ không dùng tự do để đổi lấy ổn định nữa. Như vậy phải hiểu rằng Hoa Kỳ sẽ không nhượng bước trong trách nhiệm giúp các nước khác được hưởng các quyền lợi của tự do. Trong tinh thần đó, TT. Bush đưa ra lời kêu gọi tại phiên họp hàng năm của Liên Hiệp Quốc vào tháng 9, 2006. Ông tuyên bố:

Lời kêu gọi thế giới không nên hy sinh tự do cho ổn định nữa. Những người chúng ta trong xã hội tự do phải giúp những

người khác nhận thức được lợi ích của tự do. Tôi tin như vậy. Tôi tin đó là phần trách nhiệm của nước Mỹ trong thế giới. [tr. 142 NTTH]:

The call that the world no longer should sacrifice freedom for stability. Those of us in free society must help others realize the benefits of liberty. I believe that. I believe that's part of America's responsibility in the world.

Bức thư họa này hiện được trang trí tại Tòa Bạch Cung. TT. Bush không quên gửi Vũ Hối bức thư cảm tạ. Đại ý nói rằng:

Ngày 26 Tháng Mười Hai năm 2006

Kính gửi Ông Vũ Hối

Falls Church, Virginia

Thưa Ông:

Cám ơn ông về lá thư và cuốn thư họa vinh danh chuyến đi của tôi qua Việt Nam. Laura và tôi đã vui hưởng chuyến viếng thăm đất nước đáng chú ý này, và chúng tôi cảm tạ ông đã bỏ thì giờ viết thư họa.

Thật là một vinh hạnh không thể ngờ được khi làm Tổng Thống của một nước vĩ đại như thế, trong đó tự do là quyền của mỗi công dân. Trong giai đoạn quan trọng này của lịch sử Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ lãnh đạo sự tiến triển của tự do, tạo khuôn hình nền kinh tế của chúng tôi, và cố gắng là một xã hội đầy tình thương hơn. Chúng tôi đang xây dựng nền tảng cho một Quốc Gia hùng cường hơn và một thế giới thanh bình hơn.

Xin gửi ông lời cầu chúc tốt đẹp nhất. Cầu Thượng Đế ban phước lành cho ông, và cầu Thượng Đế tiếp tục ban phước lành cho Mỹ Quốc.

Kính thư,

George Bush

Nguyễn văn bức thư:

December 26, 2006

Mr. Vu Hoi

Falls Church, Virginia

Dear Vu:

Thank you for your kind letter and the scroll in honor my trip to Vietnam. Laura and I enjoyed our visit to this remarkable country, and we appreciate your taking time to write.

It is an incredible honor to be the President of a such great Nation, where freedom is the right of every citizen. During this important moment in America's history, we will lead liberty's advance, shape our economic future, and strive to be a more compassionate society. We are building the foundation for a stronger Nation and a more peaceful world.

We send our best wishes. May God bless you, and may God continue to bless America.

Sincerely,

George Bush

*



Từ phải: Vũ Hối - Hải Bằng.HDB và Bạch Cúc.NTN

Đĩa thư họa ghi: “Văn Dĩ Tái Đạo”

LẬP QUỐC

Từ 'Bồ - Cái' hợp hoan sử lịch
Nòi Rồng Tiên chuyển dịch âm dương
Nguyên sơ dựng lập cương thường
Trứng con trăm nở
một phương địa đảng
Lễ huyền nhiệm gậy thần chín khúc
Máu huyền vi sách ước dăm trang
Cha Trời mẹ Đất cưu mang
Lễ vui sáng hóa, hội mừng lập nguyên,
Trăng khuyết sử vầy duyên biển mộng
Gió khinh thanh xóa lộng rừng thiêng
Một Cung Đẩu xuất bình yên
Động đình, Ngũ lĩnh đôi miền giao thoa
Vùng Đông hải một tòa non nước
Phương Nam đồ nhịp bước trăm con
Nghĩa cha tình mẹ vuông tròn
Biển vàng núi biếc sắt son lời thề
Đỉnh núi Tản lối về chim Lạc
Nhịp sóng Hồng tiếng hạc vang ngân
Thấp, cao, sau, trước, xa, gần
Thủy chung nghĩa nặng, ân cần tình sâu
Tình với nghĩa sơ đầu sơ thủy
Hữu cùng Vô nguyên ủy đầu hai
Tâm như, Nhất thể hòa hài
Tình ca bất nhị xóa bài bẻ dẫu!..

NGUYỄN THÙY
(Paris)

Tổng Kết

Tôi đã nghe tiếng danh thu họa Vũ Hối từ lâu và cách đây (2008) vài năm tôi đã có dịp gặp anh trong bữa tiệc thân mật với một số anh em trong Nhóm Cỏ Thơm do chị Nguyễn Thị Ngọc Dung ở Virginia tổ chức. Lúc đó tôi chưa dám “làm thân” với anh vì e ngại câu nói “thấy người sang bắt quàng làm họ” và cũng vì đã từ lâu tôi để cho chữ “duyên” dẫn dắt tôi trong các cuộc gặp gỡ.

Duyên may đưa đẩy, tôi lại được dịp gặp anh nhân ngày đi dự buổi lễ “Mười Năm Tưởng Niệm Cổ Nhạc Sĩ Hoàng Trọng” được tổ chức tại James Lee Theater, Falls Church, VA ngày 20 tháng 7, 2008. Nhân dịp này tôi tặng anh cuốn *Người Việt Nín Lặng* của tôi vừa xuất bản. Có lẽ nhờ cuốn sách giao duyên đó mà anh đã hiểu tôi hơn và chúng tôi bỗng trở nên thân thiết hơn.

Sau đó ít ngày, tôi có dịp ghé thăm anh tại tư gia ở Laurel, Maryland và thật là một bất ngờ thích thú tôi được anh trao tặng một đĩa thư họa trên đó anh ghi bốn chữ: “Văn Dĩ Tái Đạo”. Bốn chữ này tôi có nêu trong tập thơ *Hương Yêu* nhằm nói lên khuynh hướng viết văn của tôi và chính anh cũng rất tâm đắc ý đó trong cuộc đời nghệ sĩ của anh.

Thêm vào, anh còn tặng tôi một tấm thư họa viết một bài thơ của tôi mà anh nói là anh rất ưng ý. Đó là bài thơ thất ngôn bát cú in trong cuốn *Người Việt Nín Lặng* (tr. 175) bày tỏ lòng tri ân của tôi đối với các vị anh hùng tuần tiết trong biến cố 30 tháng Tư năm 1975 mà tiêu biểu là sáu vị anh hùng tuần tiết: Khoa, Nam, Phú, Hai, Vỹ, và Cần. Xin phép ghi lại bài thơ đó ở đây:

Anh Hùng Tuần Tiết

Nòi Việt anh hùng tự thưở nào

Giang san hun đúc bậc tài cao

*Núi sông dâng hiến toàn tâm trí
Đất nước hy sinh hết máu đào
Phủ, Vỡ sát thân cho Tổ Quốc
Hưng, Nam tuần tiết vị Đồng Bào
Cần, Hai tên họ hồng trang sử
Dòng giống Rồng Tiên rất tự hào*
(Người Việt Nín Lặng, tr. 175)

Vâng, ngắm những bức thư họa hay những bức tranh “Painting in Motion” mang trình độ mỹ thuật cao của anh, tôi cảm thấy tâm hồn rung động, rung động một cách thanh cao và đầy sáng khoái khiến tôi vui mừng hy vọng rằng: *tương lai của nhân loại rồi đây chắc chắn sẽ bừng sáng và tốt đẹp hơn nhờ những con người nghệ sĩ như anh suốt đời theo đuổi lý tưởng “Chân - Thiện - Mỹ”*.

Cảm động trước cảm tình đặc biệt của anh, tôi biên soạn bài này dựa vào cuốn *Nghệ Thuật Thư Họa* của anh tặng tôi. Công việc của tôi chỉ là tóm lược những điều các tác giả đã viết trong đó và cho biết cảm nghĩ của tôi đối với anh. Tôi cũng có ý định chia sẻ bài viết này với thính giả Đài Tiếng Nước Tôi, Arizona nhằm mục đích giới thiệu bộ môn thư pháp và thư họa hiện đã và đang phổ biến ở nhiều tiểu bang và càng ngày càng có nhiều người hâm mộ. Đặc biệt ở bang Arizona, nhà thơ Nam Giao cũng là một nhà thư pháp được nhiều người mến mộ.

Tôi cũng hy vọng là một ngày gần đây anh Vũ Hối sẽ lên tiếng trên Đài Tiếng Nước Tôi AZ để trình bày rõ hơn về nghệ

thuật thư họa của anh và đặc biệt là về trường phái Painting in Motion do anh sáng lập. Chính trường phái này đã đưa tên tuổi của anh lên hàng danh họa thế giới.

Vũ Hối được rất nhiều người thuộc mọi giới hâm mộ không những vì tài nghệ họa và thư pháp họa thiên phú của anh mà còn vì những đức tính cao quý của anh. Trước hết anh có một tấm lòng đôn hậu với mọi người. Kết thân với anh chắc chắn sẽ không bao giờ sợ bị phản bội. Sau đó anh là một con người rất khiêm tốn và hòa nhã. Đặc biệt anh là một con người có tần số tâm linh rất cao và rất bén nhạy. Bởi vậy, những người có đời sống tâm linh đều thấy ấm áp và an vui khi giao tiếp với anh.

Được biết anh có tất cả 8 người con và nhiều cháu nội ngoại. Tất cả sống chung, ăn cơm chung trong cùng một khu nhà khang trang, rộng rãi ở thành phố Laurel, Maryland. Hỏi anh bí quyết nào mà gia đình anh vẫn duy trì được nếp sống đại gia đình như vậy. Anh cho biết đó là do phúc đức của ông bà để lại và lại đó cũng là truyền thống của gia đình anh đã có từ trước đến nay.

Trong những năm gần đây, anh luôn luôn bận rộn đi khắp đó đây tham dự các buổi họp mặt gây quỹ cứu trợ quên cả đường xa và sức khỏe yếu kém của tuổi cao. Anh luôn luôn nở một nụ cười hiền hòa và một thái độ tích cực trong giao tiếp. Anh tâm sự với tôi: anh không có gì nhiều để chia sẻ với mọi người ngoài nụ cười.



鎮南關

李陳舊事杳難尋
三百年來直到今
兩國平分孤壘面
一關雄鎮萬山心
地偏每為傳聞誤
天近纔知降澤深
帝闕回頭碧雲表
鈞韶耳畔有餘音
阮攸

TRẦN NAM QUAN

Lý Trần cự sự diều nan tâm
Tam bách niên lai trực đảo câm (kim)
Lưỡng quốc bình phân cô lũy diện
Nhất quan hùng trấn vạn sơn tâm
Địa thiên mỗi vị truyền văn ngộ
Thiên cận tài tri giảng trạch thâm
Đế khuyết hồi đầu bích vân biểu
Quân thiều nhĩ bạn hữu dư âm
Nguyễn Du

Dịch nghĩa:

Việc cũ đời Lý, Trần xa xôi khó biết.

Chỉ biết cửa ải này có đến ngày nay đã ba trăm năm.

Bức thành lẻ loi phân chia hai nước,
Cửa ải hùng vĩ đứng trấn giữa muôn nghìn núi non.

Cách xa nhau, thường có những lời đồn đãi không đích xác, dễ hiểu lầm.

Gần trời mới biết ơn mưa móc thấm sâu đường nào.

Quay đầu trông về cửa khuyết ở ngoài tầng mây biếc.

Bên tai còn nghe văng vẳng tiếng nhạc quân thiều.

Diễn thơ:

ẢI NAM QUAN

Khó hiểu chuyện xưa thuở Lý Trần
Ba trăm năm cửa ải phân ranh
Chênh vênh thành dựng ngăn hai nước
Trùng điệp núi vây xẻ mây tầng
Đồn đãi xa xôi đâu chính quấy
Đổi hình gần gũi quả hư chân
Trông qua cửa khuyết làn mây biếc
Tiếng vọng oai hùng nhạc thúc quân.

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

2011

CA TRÙ MỘT THỜI VANG BÓNG

(Tiếp theo số báo trước)

TRẦN NHẬT KIM

Về nghệ thuật hát ca trù cũng như tư cách của đào nương, trong bài thuyết trình tại Hội Khai Trí Tiến Đức-Hà Nội, đăng trên Tạp chí Nam Phong, số 69 vào tháng 3-1923, Cụ Phạm Quỳnh bàn về “*Văn chương trong lối hát Á đào*” đã nhận định: Lối hát nói theo thời cổ, đào và kép đều hát cả: đào hát thì gọi là *hát nói, hát gái hay nữ xướng*; *kép hát thì gọi là hát trai hay nam xướng*. Kép hát trước rồi đào hát lại với cùng âm điệu và bài hát. Ngày nay chỉ có đào hát. Hát nói trở lên thông dụng và có văn chương hơn cả. Tuy là văn chương du hí nhưng rất đặc sắc và có tinh thần mà các danh sĩ ngày xưa cũng như đời này đều tham gia.

Đối với giới Á đào (cô đầu), người ta thường có nhận thức khắt khe, cho đây là “phường bán phần buôn hương”, còn đàn ông tới nhà hát để tìm “thú vui trần tục”. Nhưng vào thời xã hội cổ xưa, người đàn bà không ra ngoài giao tiếp, nên các bậc văn nhân tài tử có tư tưởng phóng khoáng thường tìm đến nơi ca nhi kỹ viện, để giải tỏa tâm tư, với hình thức “chơi cho có nghĩa lý, có văn chương, có tinh thần, có khí khái...” Theo cụ Phạm Quỳnh, “*ca nương bị mang nhiều tai tiếng không*

đẹp, nhưng đó có phải do lỗi của họ, lỗi của lối hát á đào. Hay chính là lỗi của các quan viên ngày nay không có cái phẩm cách, cái chí thú như các cụ ngày xưa, mà để cho một lối chơi thanh tao phong nhã biến thành một cuộc dâm bôn, một trò cợt nhả.”



Trong các bài Hát nói đã tiềm ẩn một nền văn chương bác học. Thí dụ như bài hát nói “Ông Phổng đá” của cụ Tam nguyên Yên đổ Nguyễn Khuyến, ngoài văn thể hoàn chỉnh còn mang ý tứ rất thâm trầm. Như cấu trúc của một bài hát nói, với 4 câu mở đầu và bài hát nói, đã diễn tả nhận định của tác giả về nhân sinh quan. Riêng hai câu thất ngôn 5 và 6 diễn tả đại ý của bài hát nói:

Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc,

Thượng hải thủy tri ngã diệc âu.

Hai câu thất ngôn trên ý nói: “*ta tự cười đầu đã bạc như đầu chim hạc nơi*

chón núi xanh, có ai hay đâu ta như con chim hải âu ung dung nơi bãi biển.”

Với hàm ý, *“Ta nay sắp về già cũng muốn mũ ni che tai như ông phổng đá để giữ lấy sự tự do và nhân hạ. Người đời ngu xuẩn, họ làm phổng đá mà không tự biết là phổng đá, vì bản chất họ là phổng đá. Nay ta đã già, việc đời đã chán, công danh để lại cho con em. Ta muốn làm phổng đá nhưng tự ta biết là phổng đá.”*

*



Vào thời Pháp thuộc, chữ Ả Đào đã phát âm thành Cô Đầu (Ả= Cô/Đào=Đầu). Danh từ “Hát Cô Đầu” trở lên thông dụng, thay thế cho “Hát ả đào”. Theo tài liệu, Hà Nội là nơi ca trù phát triển mạnh nhất. Có thể nói, Thăng Long là cái nôi của ca trù, nên ca trù mang nét riêng biệt của vùng đất ngàn năm văn vật. Hà Nội có nhiều nhà hát như khu Khâm Thiên, Vạn Thái, Ngã Tư Sở. Nhưng nhà hát cô

đầu không xuất hiện đầu tiên ở Khâm Thiên như mọi người thường nghĩ, mà Phố Hàng Giấy mới là nơi đầu tiên có những nhà “hát cô đầu”, mở màn cho loại nghệ thuật trình diễn này. Phố Hàng Giấy thời Pháp gọi là “Rue du Papier”, sau năm 1945 đổi tên là phố Hàng giấy.

Trước năm 1915, phố Hàng Giấy còn vắng vẻ, vẫn nhà lá hay nhà gạch lợp tôn, có vài cửa hàng xén... Vào phiên chợ Đồng Xuân, người dân làng Bưởi, làng Cót mang giấy ra bán ở hai bên lề đường, nên gọi là phố Hàng Giấy. Đến năm 1925 phố Hàng Giấy mới có một số tiệm buôn lớn, nhà xây có gác. Một số nhà hát cô đầu xuất hiện, nên có câu:

Trải qua Hàng Giấy dần dần

Cung đàn nhịp phách nên xuân bốn mùa.

Khu cô đầu phố Hàng Giấy ngày một phát triển, ngựa xe nhộn nhịp, tiếng đàn nhịp phách ồn ào đến đêm khuya, khiến chính quyền thành phố đã ra quy định nghiêm ngặt về thời gian tụ họp. Giá nhà phố cũng tăng dần, tiền thuê nhà đắt hơn trước. Để tránh sự



nhòm ngó của bót cảnh sát Hàng Đậu gần đó, nên vùng đất Thái Hà là nơi “đồng không mông quạnh”, được chọn để thay thế cho khu nhà hát cô đầu phố Hàng Giầy. Do đó, khu nhà hát cô đầu phố Khâm Thiên ra đời.

Sau năm 1920, Khâm Thiên ngày một mở mang phát đạt, đã trở thành một khu mệnh danh “ăn chơi nhất, hiện đại và đắt khách nhất”. Giá thuê nhà cũng tăng theo mức độ phát triển, khiến các chủ nhà hát không đủ tiền thuê, đã phải xuống khu rẻ hơn như Ngã Tư Sở, Vạn Thái (Bạch Mai), Chùa Mới (chợ mợ)... Vì vậy, dân gian mới có câu:

Nhiều tiền ra Khâm Thiên

Ít tiền ra Vạn Thái....

Vào năm 1936-1940, giá một châu hát ở khu Khâm Thiên lên tới 20\$, không kể chi phí về rượu, thuốc phiện, ăn đêm... lên tới hàng trăm đồng, trong khi lương Tri huyện tập sự vào thời bấy giờ chỉ có 80\$.

Nhà hát cô đầu phát triển ngày càng nhiều ở một số tỉnh miền Bắc như Hà Nội, Nam Định cũng như tại Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa của miền Trung. Vào năm 1938 Hà Nội có 216 nhà hát với 2000 cô đầu. Theo bài viết của Đốc lý Hà Nội Virgitti đăng trên báo “Le périn vénérien à Ha Noi”: từ năm 1936 đến 1939, trên một đoạn đường dài 800 m của phố Khâm Thiên có tới 40 nhà hát với trên 200 cô đầu. Ngoài ra còn có 6 vũ trường với 50 gái nhảy và hai khách sạn.

Trong số nhà hát sang trọng của khu Khâm Thiên, đứng đầu phải kể tới nhà hát số 96 của cô đầu Đốc Sao, một nhà hát có khiêu vũ đầu tiên tại Hà thành. Không biết tên thật của cô là gì, sinh năm nào, chỉ biết cô đến từ tỉnh Hưng Yên, sau khi lấy bác sĩ người Hoa tên Lầu Mần Sầu (Lư Nam Sao) nên cô mang tên Đốc Sao. Bác sĩ Lư Nam Sao là người chồng đầu tiên và duy nhất, sau 5 năm chung sống ông qua đời. Nhờ tài sản của chồng để lại, Đốc Sao mở nhà hát cô đầu. Nhà hát cô đầu của Đốc Sao nổi tiếng nhất khu phố Khâm Thiên trước khi mở phòng khiêu vũ. Y phục của vũ nữ và cô đầu trong nhà hát của Đốc Sao đều do các sinh viên trường Cao đẳng mỹ thuật Đông dương thiết kế. Khách tới đây hầu hết là những người có chức sắc và gia đình giàu có.

Nhan sắc mặn mà đa tình của cô đã làm điêu đứng các văn nhân công tử. Đốc Sao không những xinh đẹp mà còn hát hay và khiêu vũ giỏi. Nhiều người tới đây chỉ muốn chiêm ngưỡng bước nhảy bay bướm của Đốc Sao. Một tờ báo đã nhận định: “*Khi nhìn Đốc Sao, người ta không thể nghĩ những điều tốt đẹp hơn.*”

Cùng với người tình Hoàng Tích Chu, một người có tâm hồn lãng mạn, sau khi ở Pháp về làm chủ tờ Đông Tây, Đốc Sao đã góp phần đưa khiêu vũ trở thành nếp sinh hoạt mới của Hà thành. Chính Hoàng Tích Chu đã giúp Đốc Sao huấn luyện các cô đầu trở thành vũ

nữ như dạy đàn ca, một chút tiếng Pháp và cách chiều đãi khách. Vào thời gian này, Hoàng Tích Chu là một nhà báo nghèo sống bằng tiền nhuận bút, không thể so sánh với những người giàu có theo đuổi Đốc Sao.

Nhiều người ngưỡng mộ Đốc Sao, nhưng Đốc sao chỉ chung tình, chăm lo săn sóc đời sống và cả tờ báo của Hoàng Tích Chu. Sau khi Hoàng Tích Chu qua đời vào năm 33 tuổi, Đốc Sao ở vậy, mặc toàn quần áo màu đen trong 3 năm tang chế. Cô đầu Đốc Sao từ chối mọi săn đón hứa hẹn một cuộc sống vương giả của những người đàn ông giàu có quyền thế. Đốc Sao dành hết tình yêu cho Hoàng Tích Chu, với hàng chữ “Bà góa phụ Hoàng Tích Chu” in trên tấm danh thiếp. Sự chung tình của một cô đầu nổi tiếng như Đốc Sao đã làm nhiều người thần phục.

Văn hóa ả đào đã ảnh hưởng sâu đậm tới sự nghiệp văn chương của các văn thi sĩ trước năm 1945. Khu cô đầu Khâm Thiên là nơi nhộn nhịp nhất, được các nhà văn, nhà báo, nhà thơ nổi tiếng chiếu cố tận tình. Nhà văn Vũ Bằng đã gọi phố cô đầu Khâm Thiên là “cái nôi văn nghệ của Hà Nội” và ông cũng nhận định: “các văn nghệ sĩ hội họp uống rượu, ngâm thơ, đánh một khẩu trống để thưởng một câu văn hay, một giọng ca buông bất thật tài tình. Đôi khi họ tức cảnh làm những câu mưỡu, bài hát nói bằng thơ lục bát thật hay...”, ông cũng nhận định chưa có nhà văn nhà báo nào tại đất Bắc mà

không ra vào nhà hát cô đầu. Nhà văn Tchya Đái Đức Tuấn cho rằng: “Khâm Thiên là đường Nhà Trời tới đây để quên đau khổ bằng rượu, thuốc phiện...”. Nhạc sĩ Văn Cao gọi khu Khâm Thiên là Phường dạ lạc...

Nhờ những cảm hứng nơi các nhà hát cô đầu, một số tác giả như Thế Lữ, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu... đã lưu lại những áng văn thơ bất hủ trong kho tàng văn học cho thế hệ sau này.

Vũ Hoàng Chương với bài thơ “Nghe Hát”:

*“Phách ngọt, đàn say, nệm khói êm
Tiếng ca buồn nổi giữa chùng đêm’
“Canh khuya đưa khách” lời gieo ngọc
Mơ gái Tầm Dương thoảng áo xiêm.....*

Xuân Diệu thông cảm với số phận ca nương trong “Lời kỹ nữ”:

*“Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa
Vội vàng chi, trăng sáng quá, khách ơi
Đêm nay rằm yến tiệc sáng trên trời
khách không ở, lòng em cô độc quá...”*

Từ Đông sang Tây, các danh nhân đã cảm thông với nghiệp cầm ca của ca sĩ. Nhạc sĩ Charlie Spencer Chaplin (1889-1977) còn gọi là “Vua hề Charlot”, sau một thời gian dài của cuộc sống thăng trầm với nghệ thuật sân khấu, đã sáng tác bản nhạc nhan đề Terry’s Theme cho bộ phim Limelight năm 1952. Sau đó được đặt tên lại là Eternally (vĩnh viễn). Cuốn phim Limelight trở lên nổi tiếng, nên bài hát Eternally quen gọi là Limelight. Năm

1955, Nguyễn Xuân Mỹ đặt lời Việt là “Ánh đèn Mầu”, mở đầu với lời ca:

*Đời ca hát ngày tháng cho người mua vui
Đời son phấn làm mất bao ngày thơ ngây
Cùng bên ánh mầu sắc lạc lõng trong
tiếng đàn hát đêm khuya
Rồi bao nếp nhăn về với tháng năm đời
lãng quên rồi.....*

*

Ca trù cũng như văn hóa của dân tộc trải dài từ nhiều thế kỷ đã theo chân người tỵ nạn vào miền Nam hay dân trải đến các quốc gia tự do trên thế giới sau ngày chia đôi đất nước. Các tác phẩm văn học như truyện Kiều của Nguyễn Du hay thơ phú và các bài hát nói của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Bà Huyện Thanh Quan... nằm trong chương trình giáo khoa được giảng dạy tại các trường Trung học của miền Nam sau năm 1954, đã ảnh hưởng sâu đậm tới tinh thần yêu văn hóa dân tộc của giới trẻ miền Nam.

Nghệ thuật ca trù là một nghệ thuật bác học, nên thường thức ca trù gọi là “nghe hát” chứ không phải “xem hát”. Trái lại, nghệ thuật trình diễn tân nhạc hiện tại, vì lợi nhuận của người tổ chức, đã khiến nghệ thuật trình diễn bị giảm giá trị và trở thành nhảm chán. Thường thức trình diễn tân nhạc trở thành “xem ca sĩ” hơn là “nghe” ý nghĩa của lời ca, giọng hát.

Trước tình trạng văn hóa suy đồi hiện tại, nhiều người lo ngại cho một bộ

môn văn hóa bác học như ca trù đang trên bờ vực thẳm. Thực ra, không riêng gì ca trù mà cả văn hóa của dân tộc ngày một xuống dốc. Câu nói đề đời của cụ Phạm Quỳnh khiến mọi người luôn nhắc nhở: “*Truyện Kiều còn tiếng ta còn, tiếng ta còn nước ta còn*”. Truyện Kiều vẫn còn đó, nhưng liệu linh hồn văn hóa Việt có còn khi mà những người giữ trách nhiệm về duy trì văn hóa của chế độ hiện tại, mang tiếng là nhà văn nhà thơ, như Hội Nhà Văn Việt Nam, đã không hiểu biết cũng như không có tấm lòng vì văn hóa dân tộc. Những người có ưu tư với văn hóa dân tộc, cũng bị gạt ra ngoài và đành nhìn sự mai một của một nền văn hóa đã một thời mang lại niềm tự hào cho con dân nước Việt.

Ngày 11-2-2017 với chủ đề “*Đồng hành và sáng tạo cùng Đất nước*” đã được Hội Thơ tổ chức tại “Văn Miếu, Quốc Tử Giám” Hà Nội, hướng tới kỷ niệm 60 năm “Ngày thành lập Hội Nhà Văn Việt Nam”. Nội dung của buổi tổ chức khiến nhiều người thất vọng về sự hiểu biết nghèo nàn của hội nhà văn, mà chủ tịch là nhà thơ Hữu Thịnh. Ông Nguyễn Xuân Diện đã ví đầu óc của Hội Nhà văn có “bã đậu” trong khi họ là hội nghề nghiệp, là nơi hội tụ chữ nghĩa, nhưng có hành động rất cẩu thả.

Ban tổ chức đã “râu ông nọ cắm cằm bà kia”, như ghi trên các biển (pano):

- Chân dung cụ Phan Thanh Giản đã ghi là cụ Nguyễn Khuyến.



Ảnh thi sĩ Yên Lan thì được ghi là thi sĩ Hàn Mặc Tử

- Chân dung cụ Chu Văn An ghi là cụ Cao Bá Quát.

-Tệ hại hơn nữa, hai câu thơ trong tác phẩm nổi tiếng của cụ Nguyễn Du đã được “đổi mới”, mất hẳn ý nghĩa của bản gốc:

Trời còn để có hôm nay (số 3121) –
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời (số 3122)

Đổi thành: **Đời** còn để có hôm nay –
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời

Hai câu trên được Phó Tổng thống Hoa Kỳ, ông Joe Biden đọc lời dịch sang tiếng Anh, tặng ông Nguyễn Phú Trọng vào tối ngày 7-7-2015 khi Trọng sang Hoa kỳ:

“Thank heaven we are here today – To see the sun through parting fog and clouds.”

Trong hình chỉ thấy vẻ mặt ông Trọng hớn hở, tay cầm ly rượu đỏ cười trừ, không có một phản ứng nhỏ nào về câu nói của Phó Tổng thống Hoa Kỳ. Mọi người tin rằng ông Trọng không

hiểu ý nghĩa của câu nói trên, vì chưa từng học hay đọc truyện Kiều.

*

Người Việt trong và ngoài nước nhìn thấy văn hóa dân tộc ngày càng xuống dốc. Một điều phải xảy ra tại một xã hội khi “*Văn hóa Bao thư*” đã trở lên một nhu cầu cấp thiết từ thuở đứa trẻ lọt lòng. 500 ngàn Thạc sĩ tốt nghiệp là một con số cần thiết để phát triển một quốc gia kém mở mang, nhưng không có việc làm vì thiếu bao thư. Khỏi nhân lực quý báu này, để có cơm ăn, một số trở thành lái xe ôm hay được nhà nước thuê nhận làm chỉ điểm, một số khác trở



Ảnh thi sĩ Nguyễn Du thì được ghi là thi sĩ Hàn Mặc Tử

thành nông dân đi trước cái cày, một công việc không cần phải tốn kém tiền bạc và thời gian 5, 6 năm miệt mài trên ghế nhà trường.

Trước câu hỏi “tại sao nhạc sĩ Trịnh Công Sơn sáng tác một năm 3 bài ca trước năm 1975, mà sau 1975 ba năm mới làm được 1 bài”- Tuổi trẻ trong nước nhận ra vì môi trường đời sống xã hội tự do tạo ra chất liệu để nhạc sĩ sáng tác theo cảm hứng của họ. Nội dung các bản nhạc hiện tại khó sánh được với các bản nhạc trước kia về văn từ cũng như kiến thức.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc vừa ký ban hành *Nghị định số 28/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định 131/2013/NĐ-CP, xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo*. Nghị định số 28 ký ngày 20-3-2017 và có hiệu lực từ ngày 5-5-2017.

Nghị định 28 ra đời nhắm vào những bản nhạc sáng tác tại miền Nam trước năm 1975 đang được công chúng yêu thích. Chẳng hạn những bản nhạc của miền Nam nói về người lính VNCH, theo nhạc sĩ Nguyễn Bắc Truyển: “Nó nói lên cái tình, tấm lòng người lính trong thời chiến tranh. Họ không có gì hận thù, là sắt máu. Đó là tình cảm trong thời chiến... Phải chăng chính quyền Việt Nam đang lo lắng không ngăn chặn được những giá trị văn hóa trước năm 1975 của chính

quyền Sài Gòn nay bùng phát trở lại miền Nam và nhiều nơi khác, khởi đầu bằng âm nhạc?... Càng cảm đoán, người ta càng rủ nhau hát nhiều hơn, vì tài sản lớn nhất của con người là Văn Hóa chứ không là cường quyền.”

Nhạc sĩ Lê Minh cũng nhận định: “Khi cái mới không đáp ứng đủ nhu cầu, cái mới không hay hơn, không có gì đặc biệt hơn thì người ta quay về cái cũ...”

Văn hóa là tài sản, là lẽ sống của con người, mang tính liên tục từ thế hệ trước tiếp nối thế hệ sau. Văn hóa chỉ có thể phát triển trong môi trường Tự Do, nơi mà người dân có đầy đủ quyền sống, một xã hội mà mỗi cá nhân phải được tôn trọng và bảo vệ.

Để phục hồi niềm tự hào cũng như văn hóa của dân tộc trong đó có ca trù, một lựa chọn duy nhất là phải hướng xã hội tới Tự do và Dân chủ thực sự.

Trần Nhật Kim

Tháng 4-2017

Chú thích:

Tài liệu tham khảo:

Hình: (*Nguồn: trên Mạng / Ca nương Kiều Anh và Kép đàn Nguyễn Văn Khuê*)

- Nguyễn Công Trứ (1778-1858): vào cuối thế kỷ 18 sang đầu thế kỷ 19, được Vua Minh Mạng phong chức Đình Điện Sứ, khai khẩn vùng đất bồi màu mỡ thành hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải.

- Cụ Dương Khuê sinh năm Kỷ Hợi (1839-1902) tại làng Vân Đình, Tổng

Phương Đình, Hà Đông. Cụ đồ Tiến sĩ năm Mậu Thìn, niên hiệu Tự Đức 21 (1868) và được bổ nhiệm chức tri phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Năm 1897 cụ cáo quan về ở ẩn và qua đời năm 1902, hưởng thọ 63 tuổi. Tác giả bài ca trù “*Hồng Hồng Tuyết Tuyết*”.

- Nguyễn Khuyến 1835-1909) tên thật Nguyễn Thắng. Hiệu: Quế Chi, tự Miểu Chi.

- Giáo sư Trần văn Khê (1921-2015): Vài nét đặc thù của ca trù Việt Nam.

- Nguyễn Hải Phương: (1933-2002) Nhà thơ, GS triết. Quê quán Hải Hậu, Nam Định. Sống tại Sài Gòn.

- Phạm Quỳnh (1892-1945) Bài diễn thuyết về “*Văn chương trong lối hát ả đào*” tại Hội Khai Trí Tiến Đức, Hà Nội (*Nam Phong*, số 69-tháng 3-1923 / Nguồn: *Blog PhamTon*)

- Cát Vàng: (vietnamhoc.the-talk.net) Nghệ thuật ca trù

- Tiến Sĩ Ninh Tôn (1743-1795): Quê Ninh Bình, làm quan dưới triều Lê Trung Hưng và Tây Sơn.

- Phố Hòe Nhai thuộc Quận Ba Đình - Hà Nội, chạy từ phố Yên Phụ đến Phan Đình Phùng. Cây Hòe trồng hai bên đường hiện nay không còn.

- Xuân Diệu (tên thật Ngô Xuân Diệu) sinh 2-2-1916 – 18-12-1985 tại Tuy Phước tỉnh Bình Định.

- Vũ Hoàng Chương sinh (5-5-1916) tại Nam Định. Chánh quán của ông ở làng Phù Ủng tỉnh Hưng Yên. ngày 13-4-1976 ông bị bắt giam tại khám Chí Hòa. Bị bệnh nặng đưa về nhà được 5 ngày thì mất. Ông mất vào ngày 6-9-1976 tại Sài Gòn. Thơ

của ông được cho là sang trọng, hoài cổ, giàu chất nhạc, với nhiều sắc thái đồng phương.

- Nguyễn Xuân Diện: Văn nhân và ả đào

- Biên ghi hình các danh nhân tại Hội thơ Hà Nội tổ chức tại Văn Miếu, Quốc Tử Giám, Hà Nội.



*Đầu hè **Minh Châu** (nghệ sĩ Cỏ Thơm) về thăm quê Nội ở Hà Tĩnh có đi viếng đền Ông Nguyễn Công Trứ và được hân hạnh cầm cây đàn dây của Cầu Lạc Bộ Ca Trù ngay trong đền của danh nhân này.*

ĐÓA CỎ THƠM

Cao Nguyên

Bóng câu qua cửa sổ. Thời gian thoáng qua, thoáng qua. Tuổi già ngồi đếm từng sat-na và tuổi trẻ đếm bằng những mùa hoa. Có buồn, có vui nhưng mà đẹp. Nếu không đẹp, ai chịu khó ngồi đếm để được dịp chúc nhau còn những bóng câu chưa qua cửa thời gian và mừng thấy mình còn hiện hữu .

Không bi quan và cũng không lạc quan với cách tính trung dung thì tất cả đã vô cùng và đang vô tận trên đường đi về trước, vào sau. Gần hay xa kể chi, miễn còn sức Xuân Thì vẫn đó, trên cả bốn mùa chẳng thiếu hoa khai. Ngay cả mùa Đông nơi vùng Đông Bắc Mỹ, đẹp ơi hoa tuyết trắng tuyết vời chờ Xuân đến với Đào hồng rực rỡ .

Cảnh sắc của đất trời và lòng người phối hợp với thời gian tạo chu trình duyên khởi vào chữ nghĩa cho những đóa hoa Cỏ Thơm nở đẹp bốn mùa.

Mỗi đóa nghĩa lung linh từng cánh chữ, nhụy hồng tâm vạn ý đẹp vô cùng.

Tôi yêu từng đóa Cỏ Thơm của mỗi mùa. Tùy theo tiết trời nóng lạnh mà màu hoa chuyển đổi thích nghi với mạch đời Đất Nước. Lời ý lung linh dòng hồi tưởng nguồn xưa,

chuyển tải tin yêu vào nụ biếc mùa sau.

Sự nhập đề lung khởi trên đây có làm bạn mỉm cười không đấy? Cầu cho còn những nụ cười trên môi những người bạn Cỏ Thơm. Nhớ có lần tôi nói đùa với chị Ngọc Dung trong lần họp mặt: Nơi nào có Cỏ Thơm là có tôi. May thay, điều nói đùa là sự thật.

Mỗi lần Xuân đến, những người bạn đếm tuổi Cỏ Thơm. Năm 2012, Cỏ Thơm tròn mười bảy tuổi, tuổi của trăng tròn nhất nên niềm tin và hy vọng cũng sáng nhất về một Việt Nam tự do, dân chủ và thịnh vượng.

Trong niềm vui hàn huyên sẽ không thiếu những dòng hồi tưởng vừa buồn, vừa đẹp. Buồn nhớ lúc tiễn bạn cùng thời vào cõi vĩnh hằng như các anh Vương Đức Lệ, Hoàng Trùng Dương, Trịnh Hưng ... Hoặc nhớ lúc chào tạm biệt anh Đỗ Bình, Lê Mộng Nguyên về lại Paris sau mấy ngày thăm hoa đào nở ở Washington D.C. vào mùa Xuân 2008.

Tiễn biệt hay tạm biệt đều lưu lại nét đẹp của ân tình chữ nghĩa và thanh âm của dòng nhạc quê hương thấm tình non nước. Trong dòng hồi tưởng những kỷ niệm buồn mà đẹp, tôi nhớ đã viết lời chào tiễn biệt Hoàng Trùng Dương:

*... Bạn cùng thời bỏ ta đi
Về bên kia núi còn gì để vui*

*Biệt ly lời ý ngậm ngùi
Án thư gác bút bồi hồi cố nhân ...*

Với nhạc sĩ Trịnh Hưng, anh ra đi nhưng chữ nghĩa và âm hưởng nhạc của anh vẫn thông dong lan tỏa trong cõi đi, về. Vẫn **Tôi Yêu – Lúa Mùa Duyên Thắm** trên cánh đồng bát ngát quê hương. Vẫn bạn anh gần xa bù ngùi luyến nhớ:

*... đã như mới đó không gì
chỉ còn chữ nghĩa làm lì cuộc chơi
ra đi, ở lại đất người
có không, không có còn khơi chi buồn!...*

Phải, còn khơi chi buồn! Tôi nhủ tôi cứ làm lì cuộc chơi với chữ nghĩa. Vãi chữ lên trời, chữ rơi xuống đất. Ở đâu có bạn ta, sợ chi ý lời chẳng thắm. Miễn sao mình còn vì Đất, vì Người mà gởi gắm yêu thương.

Bạn đi rồi bạn đến. Tháng 4 năm 2008, anh Đỗ Bình và anh Lê Mộng Nguyên đến thăm, bằng hữu chào đón các anh với sự hân hoan như **Mùa Xuân Vỗ Cánh**. Khi chào tạm biệt hai anh trở về Paris, tôi buông lời trách nhẹ:

*... sao không về tháng Giêng
sao không về tháng Chạp
mà về giữa tháng Tư
tháng nọ cười se thắt ...*

Bạn biết rồi, trong cảnh đẹp hoa đào đang rộ nở, cũng là lúc dòng hồi tưởng hiện lên tháng Tư buồn:

*... nỗi buồn như sóng chao
xô mạn thuyền thuở nọ
thuở mình đi ngược gió
Quê Hương ở đằng sau!*

Ôi quê hương! Sau 37 mùa Xuân, mỗi tháng Tư về lòng người viễn xứ vẫn buồn.

Buồn bởi **Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi**, dòng nước mưa như dòng nước mắt rơi xuống Sài Gòn thân yêu của những người dân Việt đã có một thời để yêu rồi đành đoạn nhận chịu một thời để chết bởi những đòn thù.

Trong nỗi buồn dằng dặc của tháng Tư, tôi lại ước mong phải chỉ có một lực lượng *từ triệu triệu con tim đập theo lẽ phải, đập theo hướng tới của mặt trời và của tuổi trẻ* khởi sóng triều dâng làm nên một **chuyển mùa**, xóa sạch tai ương cho quê hương giàu đẹp.

Từ nỗi khát khao sự chuyển mùa, tôi thêm viết một tình khúc son hà để cảm ơn những tấm lòng chữ nghĩa vì quê hương, vì dân tộc mà dấn thân vào cuộc phục hưng nền nhân bản Việt Nam. Hy vọng lại vươn lên theo nắng Xuân về trên những Đóa Cỏ Thơm.

Maryland, Xuân 2012

CAO NGUYỄN

Tác phẩm:

Tôi Yêu – Lúa Mùa Duyên Thắm / Nhạc Sĩ Trịnh Hưng

Mùa Xuân Vỗ Cánh / Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên

Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi / Nhà Văn Phong Thu
Chuyển Mùa / Nhà Văn Trương Anh Thụy

HÌNH ẢNH LUẬT PHÁP TRONG NHỮNG VĂN THƠ

Nguyễn Văn Thành

Theo các nhà sử luật danh tiếng tỷ như Lord Birkett hay Louis Blom-Cooper, nét nổi bật nhất của thẩm phán Anh đã đi tiên phong, từ nhiều thế kỷ trước đây, đưa văn thơ vào pháp luật qua nhiều ngã như xây dựng một lý thuyết hay đặt ra các nguyên tắc pháp lý để áp dụng vào các vụ tranh tụng thuộc luật pháp Anh Cát Lợi thường được gọi Luật Hồng Mao (Anglo-Saxon).

Trái lại, ở lục địa tỷ như Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Đức lại chịu ảnh hưởng của luật La-Hy (Greco-Roman), ta thấy thủ tục pháp lý đặt ra các khuôn mẫu phải tuân theo mỗi khi có quyết định của Tòa. Trong khi đó, thẩm phán Anh không bị gò bó vào các thể thức rập khuôn cứng nhắc, đã có nhiều cơ hội rất thích hợp đưa ra các ý kiến pháp lý, phê bình những lý thuyết, đề ra những nguyên tắc hoặc bàn cãi về phong tục tập quán liên hệ tới thông luật (common law) với ngôn ngữ chọn lọc kỹ càng trong một văn phong pháp lý tuyệt diệu đã đóng góp nhiều công trình giá trị làm phong phú sách báo khảo luật. Đó là những Pháp Lý Tập San đủ thể loại được coi như không những là kho tàng vĩ đại của luật pháp mà còn là kho tàng đồ sộ của văn học vậy (*The Law Reports are not only a great treasury of law but they are a great treasury of literature*- Luật Pháp như

Văn Học - The Law as Literature - do Louis Blom-Cooper biên soạn).

NÉT ĐẶC TRƯNG

Về thi ca liên quan tới pháp luật, ta thấy các nhà phê bình văn học và sử luật đều đồng thuận như sau: *“Hầu hết các bài thơ đề cập tới chủ đề pháp lý chứa đựng nội dung rất ghê sợ. Không giống như văn xuôi, thật vô cùng khó khăn sưu tầm được những bài thơ kể câu chuyện truyền cảm với lối viết hết sức lôi cuốn đưa ta bay bổng lên cao để tạm vượt thoát khỏi cuộc sống hiện tại”*.

Chúng tôi không đi sâu vào các lý thuyết hay quan niệm hoặc khuynh hướng phân tích sự tương đồng và khác biệt giữa luật pháp và văn học. Trong bài này, người viết sẽ nêu lên vài nét đặc trưng của thi ca pháp lý về sự phê phán nói trên, thể hiện qua ba bài thơ tiêu biểu dưới đây:

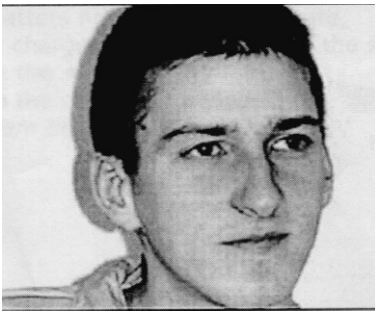
1- INVICTUS

Theo tiếng La Tinh, invictus có nghĩa không bị bại hay không thể chinh phục được.

Thi sĩ Anh William Ernest Henley mở mắt chào đời ngày 23 tháng 8 năm 1849 tại Gloucester và qua đời ngày 11 tháng

7 năm 1903 tại Woking, gần Luân Đôn. Thời thơ ấu Henley mắc bệnh lao và sau đó bị cưa cụt một chân. Trong thời gian hai năm ở Bệnh viện tại Edinburg (1873-1875), thi sĩ đã viết bài thơ Invictus về những ngày trải qua tại bệnh xá, nói lên sự khát khao về cuộc sống, và nỗ lực chống lại căn bệnh nan y.

Đó là bài thơ được nhiều người ưa thích nhất vào thời bấy giờ mà tử tội Mạc Vệ (Timothy McVeigh) đã chép tay trao cho người gác ngục thất Liên Bang Terre Haute, Indiana để đưa cho báo chí và truyền thông phổ biến thay cho lời nói cuối cùng của y, trước khi bị chích ba mũi thuốc độc, để về bên kia thế giới.



Mạc Vệ can tội đặt bom phá hủy Tòa Nhà Liên Bang Alfred P. Murray ngày 19.4.1995 ở Oklahoma làm thiệt mạng 168 người trong đó có 19 trẻ em. Y không hề ăn năn hối hận, cho đến lúc tới giờ hành quyết, tử tội Mạc Vệ vẫn mở mắt trừng trừng nhìn lên trần nhà như hầy còn oán hận chính phủ liên bang đã ra lệnh cho nhân viên thuộc Cục Điều Tra Liên Bang FBI tấn công vào trụ sở của giáo phái Branch Davidian ở Waco, Texas, giết chết 70 người vừa trẻ em và đàn bà. Đó là nguyên nhân vụ trả thù đặt bom ở Oklahoma khiến cho Mạc Vệ bị hành quyết lúc 7 giờ 15 phút ngày thứ hai

11.6.2001 tại ngục thất liên bang Terre Haute, Indiana (tham khảo bài “Án tử hình” của cựu thẩm phán quân sự Nguyễn Đình Trí, bút hiệu Kinh Huy).

Theo giáo sư Marian Hctor, bài thơ Invictus phản ánh chủ nghĩa khắc kỷ (stoicism) mà tác giả muốn nói lên vào thời đó. Còn Mạc Vệ muốn mượn lời thơ của người để nói lên sự chống đối chính phủ liên bang Hoa Kỳ được tiết lộ trong lá thư của y gửi cho báo the Observer qua bản tin của đài BBC. Tác giả Kinh Huy đã trích 4 câu thơ trong số 16 câu trong bài Invictus do nhà thơ Henley làm năm 1875:

*“Đầu ta đầm máu nhưng không gục
Ngoài nơi đầy hận thù và nước mắt
Ta là chủ soái vận mệnh ta
Ta là giáo chủ linh hồn ta”*

(My head is bloody, but unbowed
Beyond this place of wrath and tears
I am the master of my fate
I am the captain of my soul)

INVICTUS

William Ernest Henley

“Out of the night that covers me,
Black as a Pit from pole to pole,
I thank whatever gods may be
For my unconquerable soul.
In the fell clutch of circumstance
I have not winced nor cried aloud,
Under the bludgeonings of chance
My head is bloody, but unbowed.
Beyond this place of wrath and tears
Looms but the horror of the shade,
And yet the menace of the years Finds,
And shall find me, unfraild.
It matters not how strait the gate,

How charged with punishments
the scroll,
I am the master of my fate:
I am the captain of my soul."

BẤT BẠI

*Ra tự màn đêm che tôi, phủ khắp,
Đen như than cực bắc đến cực nam,
Tôi cảm tạ các thần-linh cùng khắp
Đã cho tôi hồn bất khả chinh an.
Dù thời thế hay cuộc đời khắc-nghiệt
Ghi tắc thờ, tôi vẫn chẳng hé môi than,
Và may rủi mà có như đập riết,
Đầu máu me tôi vẫn cứ ngang tàng.
Sau nơi này đầy phẫn nộ, lệ rơi,
Cùng lắm là tởm ghê nơi Diêm-xử
Mặc đe dọa của tuổi đời tôi cứ
Vẫn thấy tôi chẳng biết sợ, còn xơi.
Cửa vào Thiên-đường dù như rất hẹp,
Tội-trang kia cũng có thể đầy bỏ
Tôi vẫn là chủ tôi nguyên trọn kiếp,
Là xếp hồn tôi bẻ lái vào hư-vô.*

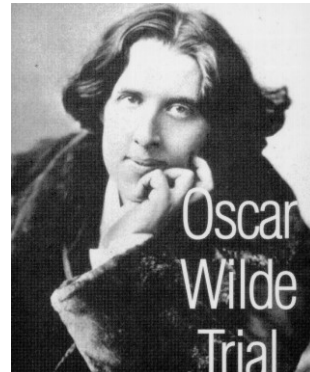
2- FROM THE BALLAD OF READING GAOL

Oscar Wilde (Fingal O'Flahertie Wills), người Anh sinh tại Ái Nhĩ Lan năm 1854 và mất ngày 30.11.1900 tại Paris, Pháp.

Vào năm 40 tuổi, Oscar Wilde, kịch tác gia, tiểu thuyết gia, nhà thơ và người kể chuyện dí dỏm, đã đạt tới đỉnh cao chói vót của danh vọng, nổi tiếng chẳng những ở Anh, ở Ái Nhĩ Lan mà còn vượt đại dương. Nhà văn học Wilde sang Hoa Kỳ năm 1882 thuyết trình về nhiều đề tài. Tiểu sử và tác phẩm của Oscar Wilde chiếm một chỗ trang trọng (trang 218) trong tác phẩm vĩ đại lưu tại Thư Viện Quốc Hội, Washington DC (*Luật Một Kho Tàng của Nghệ Thuật và Văn Học - Law*

A Treasury of Art and Literature - Edited by Sara Robbins).

Rủi thay, Wilde có liên hệ tình dục với người cùng phái, bị Tòa Án tại Luân Đôn, kết án ngày 26.05.1895, phạt hai năm tù với khổ dịch về tội "kê gian" (*sodomy*). Luật hình Anh Quốc rất khắt khe, vào thời đó, cấm chỉ việc làm tình với người cùng phái tại phòng riêng của mình dù là thành niên hay thuận tình. Khi nghe Tòa tuyên án, Wilde đã khóc, khóc cho mỗi tình mà không dám nói rõ tên ở thế kỷ này hay khóc cho những ngày tháng dài lê thê trong ngục tù?



Phạm nhân Wilde khai phá sản trong vụ kiện tai tiếng nhất được gọi The Queensberry Case, một trong một trăm vụ án lớn nhất trên thế giới, về sự giao du thân mật với Lord Alfred Douglas, 22 tuổi, thứ nam của Hầu Tước Queensberry. Cả hai người, Wilde và Douglas, không bao giờ có cơ hội gặp lại nhau nữa kể từ ngày Wilde bị truy tố ra Tòa và bị kết án.

Trong thời gian trên, bị áp lực của Hầu Tước Queensberry và các cuộc tranh cãi lớn giữa cha con, Douglas phải sống lưu vong tại Ý nhưng đã viết xong bài thơ mang tựa đề "Hai Mối Tình". Còn

Wilde, có lẽ lời nói cuối cùng về cuộc đời ngắn ngủi và bi thảm nằm trong sáu câu thơ chót mà đương sự hoàn tất, trước khi lìa đời, coi như lời kết “*Bài Ca Nhà Tù Rét-Đinh*”, muốn nói lên nỗi tuyệt vọng không còn được đoàn tụ với Alfred Douglas nữa.

Sau khi thụ án xong hai năm, ra khỏi tù, Wilde cảm thấy bơ vơ không có nơi dung thân tại Anh nên di chuyển sang Âu Châu tự buộc mình sống cuộc đời lưu vong và cuối cùng quyết định định cư tại Paris, Pháp quốc.

Sống trong tủi nhục và nghèo khổ, Wilde mắc bệnh viêm màng óc, từ già cỗi đời năm 46 tuổi tại Paris, để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng tỷ như *The Importance of Being Earnest* and *An Ideal Husband*.

THE BALLAD OF READING GAOL

(Trích 6 câu)

Oscar Wilde

I know not whether Laws be right,
Or whether Laws be wrong;
All that we know who lie in gaol
Is that the wall is strong;
And that each day is like a year,
A year whose days are long

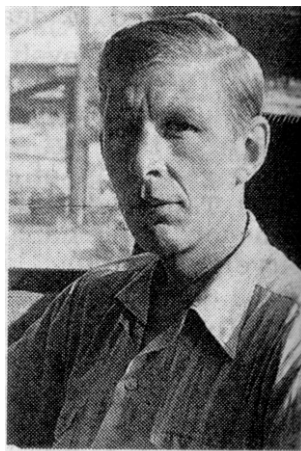
BÀI CA NHÀ TÙ RÉT- ĐINH

*Tôi chẳng biết luật thế-gian có đúng
Hay là sai;
Tôi chỉ biết là ở trong nhà tù túng
Tường thật dày
Nên mỗi ngày dài bằng cả năm
Lê thê rụng*

3- LAW LIKE LOVE

Thi sĩ Auden (Wystan Hugh) sinh năm 1907 tại Yorkshire, Anh Quốc, sau nhập tịch Hoa Kỳ, tạ thế năm 1973 tại

Vienne. Tác phẩm nổi tiếng nhất của thi sĩ Anh Auden là bài thơ Luật Như Tình. Nhiều tác phẩm văn xuôi lớn tỷ như Luật Pháp trong Văn Học hay Luật Pháp như Văn Học đã chọn đăng ngay trang đầu sách, một bài thơ duy nhất, đó là bài Luật Như Tình. Sau nhiều năm sưu tầm tại các thư viện, người viết chưa tìm thấy được bài thơ nào có nội dung và văn phong như bài thơ nói trên.



LAW LIKE LOVE

W. H. Auden

Law, say the gardeners, is the sun,
Law is the one
All gardeners obey
Tomorrow, yesterday, today.

Law is the wisdom of the old
The impotent grandfathers shrilly scold;
The grandchildren put out a treble tongue,
Law is the senses of the young.
Law, says the priest with a priestly look,
Expounding to an unpriestly people,
Law is the words in my priestly book,
Law is my pulpit and my steeple.

Law, says the judge as he looks down
his nose,
Speaking clearly and most severely,
Law is as I've told you before,
Law is as you know I suppose,
Law is but let me explain it once more,
Law is The Law.
Yet law-abiding scholars write;
Law is neither wrong nor right,
Law is only crimes
Punished by places and by times,
Law is the clothes men wear
Anytime, anywhere,
Law is Good-morning and Good-night.

Others say, Law is our Fate;
Others say, Law is our State;
Others say, others say
Law is no more
Law has gone away.

And always the loud angry crowd
Very angry and very loud
Law is We,
And always the soft idiot softly Me.
If we, dear, know we know no more
Than they about the law,
If I no more than you
Know what we should and should not do
Except that all agree
Gladly or miserably
That the law is
And that all know this,
If therefore thinking it absurd
To identify Law with some other word,
Unlike so many men
I cannot say Law is again,
No more than they can we suppress
The universal wish to guess
Or slip out of our own position
Into an unconcerned condition.
Although I can at least confine

Your vanity and mine
To stating timidly
A timid similarity,
We shall boast anyway:
Like love I say.
Like love we don't know where or why
Like love we can't compel or fly
Like love we often weep
Like love we seldom keep.

LUẬT NHƯ TÌNH
W. H. Auden

*Luật là mặt trời, dân làm vườn bảo vậy
Luật là luật
Mà bất cứ ai làm vườn cũng phải
tuân theo
Hôm nay, ngày mai cũng như trong
quá khứ.*

*Luật chính là trí tuệ của người xưa
Mà các ông già bắt lực cau có mắng;
Mà đàn cháu con thè lè lưỡi ra the thé,
Luật chính là cái lý của tuổi trẻ.*

*Luật, vị tu sĩ với bộ mặt thầy tu phán,
Khi ông giảng luật cho bọn dân vô luật,
không tu
Luật là những lời trong kinh sách của ta,
Luật là bực giảng cũng như tháp chuông ta.*

*Luật, ông quan tòa nhìn dọc mũi mình
ngó xuống,
Giọng rành rành và cũng rất nghiêm minh,
Luật là như ta đã từng dạy trước đây,
Luật là như ta nghĩ các người phải biết,
Luật là... nhưng thôi, hãy để ta giảng
thêm cho lần nữa,
Luật là... LUẬT!*

*Vậy mà các học giả trọng luật viết:
Luật chẳng thị mà cũng chẳng phi,*

*Luật chỉ là những tội tình
Mà có nơi có thời xem là đáng phạt,
Luật là áo quần mà người ta mặc
Bất cứ đâu, bất cứ lúc nào,
Luật là Chào buổi sáng và Ngủ yên đêm.*

*Lại có người cho rằng Luật là Định Mệnh;
Hay theo người khác, Luật là Nhà Nước;
Rồi lại có kẻ, lại có kẻ nói
Luật làm gì còn nữa
Luật đã biến từ lâu.*

*Và luôn luôn đám đông giận dỗi la ó
Giận thật giận và cũng rất ồn ào
Luật đích thị là Chúng Ta đây,
Và luôn luôn còn thẳng ngu nhỏ nhẹ: Tui
nữa chứ!*

*Nếu như chúng ta, bạn hỡi, biết là ta
ngốc nghếch
Chẳng biết gì hơn người về luật,
Nếu tôi cũng chẳng biết gì hơn em
Và điều ta nên hay chẳng nên làm
Ngoại trừ mỗi một điều là mọi người
đồng ý
Dù muốn dù không
Là luật có thật
Và ai cũng biết điều này,
Do đó nên nếu ta cho luật là phi lý
Để cho Luật đồng nghĩa với lời nào khác,
Thì khác cả mọi người
Ta không còn nói được Luật là có thật nữa,
Không hơn gì họ ta khó mà đề nén
Điều mong ước phổ cập là đoán định
Hay tìm cách lách ra khỏi vị trí
Của chúng ta để vào một mảnh đất vô ưu.
Thế cho nên dù ít ra ta có thể giới hạn
Nhót cái vênh vang của em lẫn ta
Để rụt rè mà nói
Một điều nhỏ nhẹ giống nhau,
Một điều ta cứ sẽ vênh vang:
Như tình yêu là Luật, ta phán.*

*Như tình yêu, ta chẳng biết vì sao hay ở
đâu nó đến
Như tình yêu, chẳng buộc được mà cũng
không thả được cho nó bay
Như tình yêu, ta đôi khi cũng khóc
Như tình yêu mà ta ít khi giữ trọn.*

(Trích từ trong The Law as Literature, do
Louis Blom-Cooper biên tập. Nguyễn
Ngọc Bích dịch)

TẠM KẾT

Ba bài thơ trình bày ở trên, đặc biệt
bài “Luật Như Tình” dù cho rằng chỉ có
giá trị hoàn toàn về mặt giải trí mà thôi,
đều nằm trong đường hướng của các
nhà khảo luật đề ra nhằm mục đích rút
ngắn khoảng cách khá xa giữa các nhà
chuyên môn hay không chuyên môn về
khoa luật học. Do đó, cần phải phổ biến
rộng rãi những tài liệu quý nằm trong kho
Pháp Lý Tập San, qua các tác phẩm có
giá trị đề cập tới chủ đề pháp lý của các
nhà văn và nhà thơ tên tuổi trên thế giới.

**Trích: “LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT” Của soạn giả:
TP. Nguyễn Văn Thành (1923)**



BIỆT CA

Vi Khuê

Ta tưởng Người
đi về phương Đông
Ta rót cho Người
chén rượu hồng
Rượu sẽ mềm môi
Người sẽ khóc
Ta cười, Người
có hiểu gì không?

Ta tưởng Người
đi về phương Tây
Ta rót cho Người
chén rượu đầy
Rượu sẽ làm cay
đôi mắt ướt
Ta nhìn, lệ rót
giữa lòng tay

Ta tưởng Người
đi về phương Nam
Ta rót cho Người
chén rượu tràn
Rượu sẽ làm hoen
thân áo bạc
Người về. Khất
khưỡng dưới trăng tan

Ta tưởng Người
đi về phương Bắc
Ta rót cho Người
chén rượu ngọc

Rượu sẽ vì ta
nói với Người:
Vĩnh biệt. Đừng
quay nhìn ngổ trúc!

Ta tiễn Người. Ồ
Ta tiễn Người
Rừng phong không gió
trời không mây
Hoa đâu, để
ngát thơm vườn ngự
Ta tiễn Người mà
Ta tiễn Người!

1991

PARTING RHAPSODY

Translation by
Chữ Nhị Anh

Here's to You
who set out to the East
Here's for You
a glass of wine red
Wine-softened lips
You shall weep
I laugh,
do you understand why?

Here's to You
who set out for the West
Here's for You
a glass filled to the top

Wine-stung eyes
You shall weep
I look,
tears drop down my
hand...

Here's to You
who depart down the
South
Here's for You
an over-filled glass
Wine-bleached shirt
You shall walk
swaying under
the bleary moon

Here's to you
who's going up North
Here's for you
a jade glass of port
On my behalf,
to You it will bid
farewell,
Don't look back
at the bamboo gate

Good bye. Hey
Good bye.
No wind through
the woods,
cloudless sky
No hyacinth
for this scentless night
Good bye to You
Good bye!

Tác Phẩm WALDEN

Của Henry David Thoreau

PHẠM VĂN TUẤN

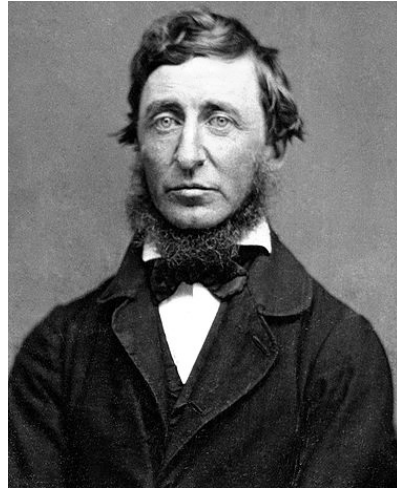
I/ Nội dung của Tác Phẩm Walden.

- Loại tác phẩm: tự thuật
- Địa điểm: Hồ Walden, ở bên ngoài địa phận Concord, thuộc tiểu bang Massachusetts.
- Lần đầu tiên xuất bản: 1854.

Nhà Triết Học Henri David Thoreau mô tả các suy nghĩ và cảm xúc của ông khi ông sinh sống trong khu rừng bên bờ Hồ Walden (Walden Pond).

1/ Chương 1 – Kinh tế.

Bắt đầu từ năm 1845, trong 2 năm 2 tháng, Henry David Thoreau, tác giả của cuốn sách Walden (The Life in the Woods = Cuộc Sống trong Rừng), đã sinh sống trong một khu rừng thưa tại Concord, thuộc tiểu bang Massachusetts, trong một căn nhà mà ông ta làm ra bên bờ của Hồ Walden, một dặm cách xa các người láng giềng. Ông Thoreau đã kiếm sống bằng bàn tay lao động của chính mình và ông đã cắt nghĩa cho độc giả rằng ông ta đã viết ra tác phẩm Walden để trả lời các câu hỏi về đời sống của ông ta trong thiên nhiên. Ông Thoreau hy vọng rằng quyển sách này - phản cắt nghĩa đơn giản và chân thật về đời sống của ông ta tại đó - sẽ đánh thức các người láng giềng về ý nghĩa thực sự và sự quan trọng của đời sống. Do đọc cuốn



sách này, có thể các người láng giềng sẽ định giá lại các cuộc đời của họ.

Kể ra trong cuốn sách, Thoreau cho rằng phần lớn mọi người đều có một ý tưởng sai lầm, đó là họ trừng phạt họ bằng công việc làm của họ. Kết quả là họ bị khốn khổ vì công việc khiến cho họ không hưởng thụ được đời sống. Thoreau khám phá ra rằng công việc cực nhọc (hard work) không phải luôn luôn dẫn tới sự vui vẻ và hạnh phúc là thứ gì nội tại liên quan tới các cảm xúc thâm sâu bên trong như an lạc và thỏa mãn.

Các người thuộc loại kể trên thì còn tệ hại hơn các kẻ nô lệ bởi vì họ là những kẻ cai tù của chính họ. Do sinh sống ở trong rừng, Thoreau đã nhìn rõ xã hội từ bên ngoài nên ông kết luận rằng phần

lớn người ta sinh sống trong thất vọng một cách âm thầm. Các căng thẳng của họ đã khiến cho đời sống của họ trở nên một thứ bệnh tật không chữa trị nổi. Dù cho họ đau khổ, để làm cho các sự việc xấu hơn, những người kể trên tin tưởng rằng các sự thay đổi thì không thể thực hiện được.

Đối với Thoreau, sự thay đổi là một huyền diệu hấp dẫn và đáng suy nghĩ. Để chuyển hóa các người lảng giềng, ông xem xét các niềm tin và cách sống của họ, đặc biệt là cách họ đánh giá cao về tài sản. Bởi vì sức nặng của sở hữu đã đè bẹp và làm nghẹt thở con người nên Thoreau đã quyết định giảm cách đánh giá tài sản của cuộc sống tới mức cần thiết tối thiểu: thức ăn, nơi trú ẩn, y phục và nhiên liệu. Bằng cách đơn giản hóa cuộc sống theo cách này, Thoreau có thể chuyên chú vào các vấn đề thiết thực và các thách thức của đời sống. Mục đích của ông là: “không sinh sống một cách rẻ tiền mà cũng không sinh sống một cách đắt tiền, nhưng sinh sống với càng ít các trở ngại càng hay”.

Vấn đề thời trang là một thí dụ mà người ta đã đi vào giấc ngủ: “con khỉ đầu đàn tại thành phố Paris đội vào đầu một cái mũ du lịch rồi mọi con khỉ khác tại châu Mỹ cũng đều làm như vậy”.

Về sở hữu nhà ở và bất động sản, Thoreau viết rằng: “khi một ông chủ trại có một căn nhà, ông ta không phải là giàu có hơn, mà là nghèo khó hơn, bởi vì “căn nhà đã sở hữu ông ta”. Về công việc (work) theo các ý tưởng truyền thống của xã hội, Thoreau cho rằng người công nhân chỉ là một cái máy (a machine).

Thoreau sinh sống rất đơn giản, vì vậy ông đã có thể cắt giảm các chi phí.

Theo lối sống này, Thoreau chỉ cần làm việc trồng trọt trong 6 tuần lễ.

2/ Chương 2 – Tôi sinh sống ở đâu và tôi sống vì mục đích gì.

Từ lúc còn trẻ, Thoreau đã háo hức muốn mua một mảnh đất trong miền Concord, ông đã đi thăm quan một số nông trại và ngay cả đã trả giá một miếng đất. Nhưng sau đó ông đã cho rằng sở hữu một miếng đất sẽ cột mình vào đó và ông sẽ trở thành nô lệ, phải trả nợ hàng tháng, lãnh chịu các trách nhiệm vv..., vì vậy ông đã không mua đất.

Thoreau đã mô tả sự vui vẻ và sáng khoái khi dọn nhà về Walden. Mỗi buổi sáng, ông thức dậy và tắm trong hồ nước – đây là một thứ thể dục mang tính tôn giáo – và cũng là một điều thú vị ở đời. Ông chỉ quan tâm về những nhu cầu căn bản của đời sống và bỏ qua các giải trí mà phần lớn các người khác phải quan tâm. Ông khuyến khích các người lảng giềng nên ngừng cách sinh sống như các con kiến, hãy làm thức tỉnh trong nội tâm của mình sự đơn giản bẩm sinh và hạnh phúc, và vun trồng tình trạng tự nhiên. Ông hy vọng rằng họ sẽ theo đuổi sự thật nằm bên dưới các ý kiến, thành kiến, truyền thống và vẻ ngoài, và chỉ nên căn cứ vào bản chất tự nhiên của họ: “khi chúng ta không vội vã và khôn ngoan, chúng ta sẽ nhận thấy thứ gì cao lớn và có giá trị mà đã ở sâu trong sự việc”.

3/ Chương 3 - Đọc Sách.

Đọc sách một cách nghiêm túc là hình thức tập luyện tinh thần tốt nhất, đặc biệt khi người đọc tìm hiểu ý nghĩa của từng chữ và từng dòng. Phần lớn mọi người

sinh sống một cách vô vị và phí phạm các khả năng vào cách đọc sách dễ dàng.

Đọc sách nghiêm túc đòi hỏi rằng người đọc phải tỉnh táo trong thời giờ đọc sách.

4/ Chương 4 – Các âm thanh.

Thật là thú vị khi chúng ta có các kinh nghiệm về âm thanh của thiên nhiên. Đó là bản giao hưởng của các con chim, thú vật và gió thổi qua cành cây, nhưng thú vị này đã bị cắt ngang do các tiếng kêu lạch cạch của các toa xe lửa, của tiếng còi tàu rú lên giống như tiếng rít của con diều hâu. Thoreau suy ngẫm về các lợi ích của xe lửa và thương mại nhưng càng nghĩ về phương tiện này, ông càng bị phiền muộn. Sau khi xe lửa đã đi qua, sự bình yên của ông được phục hồi.

5/ Chương 5 – 6. Sự cô đơn, các khách thăm viếng.

Thoreau ưa thích sự cô đơn hơn là các kinh nghiệm do các người thăm viếng mang lại. “Thật là lành mạnh khi ở một mình trong phần lớn thời gian” và sự có bạn bè thường làm cho mình mệt mỏi và phung phí thời giờ. Ông ưa thích sinh sống một mình, đặc biệt bởi vì xã hội thì tầm thường. Nhưng Thoreau xác nhận rằng ông không phải là một người ẩn cư, ông yêu quý xã hội nhưng ông ưa thích hơn các dịp đàm thoại có chất lượng với các người biết suy nghĩ mà không cần phải là các nhà trí thức. Ông kể lại một thú vui đặc biệt khi trò chuyện với một người chặt cây dân Canada, người mà ông kính trọng vì đơn giản và hồn nhiên. Hai người cùng ưa đọc sách nói về Homer.

6/ Chương 7 – Cánh đồng trồng đậu.

Thoreau thảo luận về cánh đồng trồng đậu của ông ta, tổng cộng chiều dài

của các luống là 7 dặm. Ông quyết định tìm hiểu về loài đậu và về các phần thường khi thu hoạch. Ông nhấn mạnh về cách trồng một thể hệ mới của con người với các hạt giống của sự chân thành, sự thực, sự đơn giản và niềm tin.

7/ Chương 8 – Làng Xã.

Thoreau đi quanh làng xã và nhận xét rằng trung tâm của các chuyện ngồi lê đôi mách (gossip) là tiệm tạp hóa, quán rượu và ngân hàng (ghi chú: đây là giữa thế kỷ 19). Vào một buổi chiều của cuối mùa hè đầu tiên, Thoreau bị nhốt tù vì đã không trả thuế. Ngày hôm sau ông trở lại miền Hồ nước và nhận ra rằng căn nhà của ông đã không khóa cửa, và rằng: “nếu mọi người sinh sống đơn giản như tôi thì sẽ không có chuyện trộm và cướp”. Ông đã không hề bị quấy nhiễu ngoại trừ do nhân viên của tiểu bang.

8/ Chương 9 – Các Hồ Nước.

Thoreau đã mô tả rộng rãi hơn về các nơi chung quanh. Ông nhấn mạnh về sự tinh khiết của Hồ Walden. Ông thường bơi lội tại nơi này không phải chỉ vì sự vui hưởng thể chất và vì lý do sức khỏe, mà còn vì sự tẩy sạch tinh thần và tinh thức. Hồ nước là một nơi linh thiêng, gợi hứng và là một tấm gương mà người ta có thể nhìn vào và nhận thấy cá nhân của mình. Đó là một con mắt của trái đất, nhìn vào đó người ngắm sẽ đo lường được độ sâu của bản chất của mình. Cái hồ giúp cho ông đo lường được độ sâu của bản chất của mình.

9/ Chương 10 – Nông trại Baker.

Một hôm Thoreau đi câu cá tại Fair Haven và đi qua một khu rừng thuộc về nông trại Baker. Ông đã thăm viếng ông

John Field và gia đình của ông này. Ông Field đã có một lối sống buồn tẻ. Khi Thoreau cắt nghĩa về kinh tế và lối sống đơn giản, họ đã không chú ý tới các lời khuyên của ông.

10/ Chương 11 – Các luật lệ cao hơn.

Một hôm sau khi đã đi câu tại Fair Haven và đi về nhà vào ban đêm, Thoreau nhận thấy có một con thỏ rừng ở trên đường đi. Ông có cảm nghĩ muốn bắt con vật này để ăn thịt. Động lực này khiến cho Thoreau nghĩ tới bản chất “man rợ” của mình rồi ông so sánh bản chất này với ước vọng tinh thần. Sau đó ông thấy mình ưa thích phía tinh thần hơn phía vật chất. Ông cho rằng con vật kể trên đã đánh thức tinh thần đang ngủ yên của ông. Khi các tư tưởng tiến triển, Thoreau ca ngợi sự trong sạch và lên án mọi hình thức dục vọng. Ông cho rằng sự ngu dốt và dục vọng đã sản sinh ra sự lười biếng và ông ca ngợi sự phấn đấu bởi vì thứ này đã mang tới sự khôn ngoan và trong sáng.

11/ Chương 12 – Các súc vật lảng giềng.

Thoreau đã phân biệt giữa một nhà thơ (a poet) và một người ẩn cư (a hermit) theo đó nhà thơ (Thoreau có một phần) là người chịu suy nghĩ sâu xa, còn người ẩn cư (Thoreau cũng có một phần) là người muốn đi câu cá. Thoreau đã mô tả nhiều con vật là những lảng giềng sinh sống gần Walden: các con chuột, rái cá, sóc... và nhiều con vật khác.

Thoreau đã quan sát các trận chiến giữa các con kiến đỏ và các con kiến đen và trải qua hàng giờ theo dõi các con chim bói cá.

12/ Chương 13 – Làm ấm nhà.

Khi mùa thu tới và mùa đông không còn xa lắm, Thoreau mô tả cách thức ông chuẩn bị cho mùa đông. Ông hành diện về cách làm ra cái lò sưởi và thích thú ngắm nhìn cái hồ nước đóng băng. Ông đã bỏ nhiều thời giờ quan sát sự toàn hảo của nước đá.

13/ Chương 14 – 16. Các khách mùa đông.

Vào mùa đông đầu tiên tại Walden, Thoreau đã trải qua các buổi tối vui vẻ, một mình bên lò sưởi và sinh sống ấm cúng như một con chuột đồng. Thời gian trôi qua, ông phải giữ cho tinh thần bận rộn. Hồ đóng băng cho thấy các phong cảnh quen thuộc mới. Ông đã chú ý tới các con vật của mùa đông như con sóc đỏ là súc vật đã đánh thức ông vào buổi sáng.

14/ Chương 17 – Mùa Xuân.

Khi mùa xuân tới, hồ nước tan băng, ánh sáng mặt trời chiếu mạnh hơn, ngày trở nên dài hơn và vài con vật ra khỏi hang. Thoreau thì say mê vì mùa xuân mới, vì buổi sáng mùa xuân thật tươi đẹp: “tội lỗi của mọi người đã được tha thứ”.

15/ Chương 18 - Kết Luận.

Trong phần tóm tắt, Thoreau mô tả những gì đã học hỏi được tại Hồ Walden, ông đã cắt nghĩa rằng: nếu ai đi theo giấc mơ của ông một cách tin tưởng, người đó sẽ thành công không ngờ trong khoảng thời gian thông thường.

Mọi người không cần phải làm theo các đòi hỏi và mong đợi của các kẻ khác bởi vì nếu một người không theo kịp các bạn bè, có thể vì người đó đã đi theo một nhịp trống khác. Hãy để người đó bước đi theo nhịp điệu này mà người đó nghe

thấy, dù cho là nhịp điệu nào đó hay là nhịp điệu xa vời. Lời khuyên cuối cùng của Henry David Thoreau là: “Hãy yêu đời của Anh” (Love your life).

II/ Tiểu Sử của nhà Triết Học Henry David Thoreau.

Henry David Thoreau (1817 – 1862) ra đời tại Concord, tiểu bang Massachusetts, là nhà văn, nhà thơ, nhà triết học, nhà sử học, nhà kinh tế học và phóng viên. Thoreau tốt nghiệp trường Đại Học Harvard vào năm 1837, bắt đầu viết tạp chí. Ông dạy học tại trung học nhưng rồi phản đối sự bó buộc của hệ thống giáo dục. Thoreau cũng bỏ công sức vào việc làm bút chì (pencils), đo đạc đất đai và theo đuổi một lối sinh sống khác thường khi ông theo bậc cao học.

Thoreau ngưỡng mộ các bài viết của Ralph Waldo Emerson (1803 – 1882) và phong trào siêu nghiệm (the Transcendentalist movement), đây là đường lối triết học của một nhóm nhà văn miền New England, họ chủ trương sự ưu việt của tinh thần trong thế giới vật chất.

Do bị hưng phấn do câu nói của Emerson “Hãy nghiên cứu thiên nhiên” (study nature) và “Biết Mình” (Know Thyself), Thoreau đã đi tìm một lối sinh hoạt giản dị, gần với thiên nhiên và xa lánh thứ xã hội phức tạp. Ông đã ở với gia đình Emerson từ năm 1841 tới năm 1843 và làm việc như một người thợ sửa chữa mọi thứ dụng cụ (a handyman). Ông đã quan tâm tới môi trường và khả năng sinh sống một cách phong phú hơn bằng cách phát triển trí óc và thân thể.

Thoreau đã xây dựng nên một căn nhà gỗ đơn giản trên mảnh đất của Emerson, gần Hồ Walden để trải nghiệm ý tưởng trở về với thiên nhiên để làm hồi

sinh tinh thần. Thoreau sinh sống tại căn nhà gỗ này từ ngày 4 tháng 7 năm 1845 tới ngày 6 tháng 9 năm 1847 rồi sau đó, ông trở về ở trong căn nhà của Emerson cho tới năm 1849.

Vào năm 1849, Thoreau cho phổ biến bài luận văn danh tiếng “Bất Tuân Dân Sự” (Civil Disobedience), đây là sự phản đối cách dùng quyền lực không đúng của chính quyền. Nhà cách mạng Ấn Độ Mahatma Gandhi đã đọc bài luận văn này vào năm 1907 và dùng làm căn bản cho phong trào phản kháng dân sự tại xứ Ấn Độ.

III/ Các chủ đề và ý tưởng chính.

1/ Cá nhân chủ nghĩa.

Thoreau nhấn mạnh về sự quan trọng của ngôi thứ nhất “Tôi” (I). Ông đã coi nhân loại là một loại sinh vật đẹp đẽ và muốn các cá nhân suy nghĩ về các nhu cầu của mình, nâng cao bản năng (instincts) lên mức độ cao nhất và làm cho cá nhân đồng nhất với thiên nhiên. Ông cho rằng điều này không thể thực hiện được khi các cá nhân trở thành các đám đông trong nhà máy.

Theo Thoreau, cá nhân thì quan trọng hơn đám đông (the group) và sự theo đuổi thú vui (pleasure) là đề tài chính của tác phẩm của ông. Tác phẩm Walden ca ngợi khả năng của cá nhân trong việc chọn lựa và tạo nên sự hạnh phúc của riêng mình. Cá nhân có thể nâng cao cuộc đời bằng cố gắng nhận thức và theo đuổi cuộc sống mà cá nhân đã nghĩ ra, và cá nhân nên tạo ra một cuộc sống lý tưởng.

2/ Bất tuân dân sự (civil disobedience).

Để có kinh nghiệm về chủ nghĩa cá nhân (individualism), người ta cần phải từ

bỏ các luật lệ thiêng liêng (sacred laws) của xã hội, chẳng hạn các loại thuế bất công, sự xâm phạm của chính quyền vào đời sống của các công dân v.v... Thoreau phản đối mọi loại chính quyền khai thác hay độc đoán đối với các công dân, ông tin tưởng rằng khi người dân tuân phục các định luật tự nhiên của chính mình, họ sẽ không bao giờ chống đối một chính quyền đúng đắn.

3/ Tỉnh Thức.

Phần lớn nhiều người không được hạnh phúc bởi vì tinh thần của họ bị ngủ mê, ngủ mê bởi vì họ chấp nhận một cách mù quáng và không suy nghĩ về các cách giải quyết theo truyền thống. Đối với Thoreau, cải cách tinh thần là sự cố gắng để không còn ngủ mê. Nhiều người không biết tới thời hiện tại (the present moment) nên họ không biết hưởng thụ đời sống và không hiểu rõ ý nghĩa của đời sống. Thoreau muốn đứng ở chỗ gặp gỡ của quá khứ và tương lai, bởi vì nhiều người đã không chiếm chỗ hiện tại (the present) mà ở sai chỗ.

4/ Sự đơn giản.

Người ta bị đe dọa bởi các vấn đề của đời sống, họ sẽ thấy cuộc đời của họ dễ dàng hơn nếu họ biết tỉnh thức và sinh sống theo hiện tại. Thoreau thúc dục các độc giả nên giữ cho mọi sự việc đơn giản và chuyên tâm vào các thứ cần bản. Một đời sống đơn giản là một cuộc đời không có nhiều tài sản. Vấn đề sở hữu khiến cho tài sản làm chủ cá nhân. Không nên bị vướng mắc vào các thứ vật chất và nên khám phá hiện thực (reality) ở chung quanh cá nhân.

5/ Thay đổi và tái sinh.

Theo Thoreau, phần lớn người đời thường chống lại sự thay đổi, sợ hãi các rủi ro và không hiểu rõ rằng “một người ngồi tại một chỗ thì cũng gặp nhiều rủi ro như khi người đó đang chạy”. Có một cách duy nhất để thắng sự sợ hãi về thay đổi, đó là thay đổi (to change). Quyền sách Walden kết thúc với câu chuyện một con bọ đẹp đẻ sinh ra từ một lá cây khô sau 60 năm, câu chuyện này đã khiến cho Thoreau tin tưởng vào sự tái sinh (rebirth) và khả hữu xuất hiện trở lại “sau một cuộc đời đã chết, khô cằn” để vui hưởng “một đời sống mùa hè hoàn hảo”.

6/ Các biểu tượng chính.

Cái hồ nước: là biểu tượng của sự trong sạch và tự khám phá. Tắm trong hồ là một phần quan trọng của cách tẩy sạch tinh thần và thể chất mà tác giả gọi là “luyện tập tôn giáo” (a religious exercise). Cái hồ giống như một cái gương soi, cho phép người ta xem xét lại tâm hồn của mình.

Đường xe lửa: là biểu tượng của thương mại, tượng trưng cho tinh thần bành trướng và tàn phá thiên nhiên.

Y phục: người ta trong xã hội bị ám ảnh bởi vẻ bên ngoài. Quần áo giúp vào cách nhận diện các tầng lớp xã hội và theo tác giả Thoreau, nếu mọi người không mặc quần áo, sẽ không có việc nhận ra giai cấp xã hội và ông chủ trương rằng “hãy bán quần áo đi và giữ lại các tư tưởng” (sell your clothes and keep your thoughts).

Cánh đồng trồng đậu: công việc của tác giả ngoài cánh đồng giống như tiến trình viết văn. Ông đã quan sát công việc đồng áng, nhận xét sau khi san bằng một

loại cây và trồng thêm một loại cây khác. Cũng phương pháp này áp dụng cho công việc viết văn.

IV/ Cấu trúc và thể văn.

1/ Ngôn ngữ.

Tác giả cho rằng khi viết văn cần phải trong sáng, trực tiếp, có nhịp điệu, cách chọn các từ phải chính xác để giữ cho độc giả ở vào diện quen thuộc. Việc sử dụng các tham khảo về thần thoại, lịch sử cổ xưa, nghệ thuật và thánh kinh cổ Ấn Độ cho thấy rằng tinh thần của tác giả đang làm việc và đòi hỏi người đọc phải suy nghĩ. Đôi khi tác giả dùng thể văn khó khăn bởi vì tác giả muốn độc giả phải đọc kỹ, do bởi “đọc sách là cách luyện tập cao thượng” (Reading is a noble exercise). Tác giả Thoreau không muốn tác phẩm Walden thuộc loại “dễ đọc” (easy reading) và hy vọng rằng khi đọc tác phẩm này, người đọc sẽ suy nghĩ và định giá lại cuộc đời của mình.

2/ Cách kể chuyện.

Tác giả dùng ngôi thứ nhất vì muốn nói chuyện trực tiếp với độc giả, muốn cho họ biết các chi tiết về đời sống của tác giả tại Hồ Walden, với các vấn đề như: nấu ăn, làm vườn, làm nhà, câu cá. Tác giả cũng dùng một thứ lịch với các lời khuyên thực tế về đời sống trong cảnh hoang sơ. Phần lớn quyển sách dùng các động từ ở thì quá khứ để kể chuyện nhưng khi nói về các kỷ niệm và hồi tưởng thì tác giả dùng thì hiện tại.

3/ Các ẩn dụ.

Thoreau dùng dòng suối để tượng trưng cho sự nông cạn của đời sống: “thời gian chỉ là một dòng suối, nơi mà tôi

đi câu, và tôi nhận thấy đáy của dòng suối thì quá nông cạn”. Ông cũng nhận ra rằng cây cối thức tỉnh lại vào mùa xuân và như vậy con người cũng có thể mở mắt to ra để nhìn thấy một cuộc đời mới.

Tác giả Thoreau cũng thường dùng thần thoại và lịch sử cổ xưa để tạo ra cảm giác về sự liên tục qua các thế hệ. Ông cũng dùng chu kỳ tự nhiên của bốn mùa, bắt đầu bằng mùa hè, cuộc sống đầy đủ, vui vẻ, cách tự tìm hiểu lên cao nhất, rồi qua mùa thu là bước loại bỏ các cách sống cũ, qua mùa đông khi tinh thần ngủ yên và cuối cùng dẫn tới mùa xuân là lúc tỉnh thức, tìm hiểu bản ngã.

Tác giả Thoreau dùng cách tiếp cận theo biện chứng (dialectical approach), ông đặt ra các câu hỏi, khuyến khích độc giả xác định lại các giá trị và ông đã dùng các tương phản để diễn tả các vấn đề: sự cô đơn đối với khách viếng thăm, các luật lệ cao cấp đối với những người lảng giềng mọc mọc.

4/ Chủ Thuyết Siêu Nghiệm.

Các nhà triết học siêu nghiệm (transcendentalists), dẫn đầu bởi Emerson, tin tưởng vào cách sinh sống theo cảm hứng (inspiration), họ diễn đạt Thượng Đế là sự phối hợp của nhân loại và vũ trụ và họ tôn thờ Thượng Đế bằng cách sinh sống hài hòa với các định luật của thiên nhiên.

Các nhà siêu nghiệm không đặt ra một hệ thống triết học nhưng họ cố gắng duy trì một cuộc sống tốt (a good life) bằng cách đề cao các vẻ đẹp của thiên nhiên, gồm cả bản chất của con người (human nature) thay vì lo thu thập kiến thức hay tài sản.

Các nhà siêu nghiệm không là những người đi lễ nhà thờ đều đặn nhưng họ là

những người có niềm tin tôn giáo sâu xa. Họ coi mình là những người đại diện cho Thượng Đế. Họ tin tưởng rằng con người có thể tạo nên một thiên đường trên trái đất bằng cách coi xét lại tâm của chính mình để tìm ra các định luật của đời sống và không bán linh hồn vì sự tiện nghi hay tiện lợi.

5/ Thiên nhiên.

Do tấm lòng tận tụy với thiên nhiên, Thoreau đã có được kiến thức sâu xa về thiên nhiên. Ông đã từng viết ra các lời thơ ca ngợi vẻ đẹp của các cánh rừng hay các cánh đồng sau khi đi tản bộ một cách bình thản. Do quan sát các hiện tượng thiên nhiên, Thoreau cho rằng luật đạo đức (moral law) và lương tâm cá nhân thì đáng được coi là cao hơn dân luật (civil law) và các luật lệ của chính quyền.

Thoreau tin tưởng rằng cá nhân nên duy trì cuộc sống một cách đơn giản và độc lập, ở bên ngoài các tổ chức xã hội và nền văn minh vật chất.

VI/ Nhận xét tác phẩm.

Henry David Thoreau là một nhà triết học thông minh, học rộng, yêu thích hòa bình, trật tự, sự thực và vẻ đẹp, nhưng ông thất vọng về những người lảng giềng khi họ làm hỏng cuộc đời của họ bởi vì công việc, lòng tôn sùng sự thành công và tính tham lam vì các sở hữu vật chất. Đối với tác giả, những người kể trên bị coi là “đang ngủ”, họ thiếu lương tri (common sense) và khả năng nhìn ra các giá trị thực sự của đời sống: vẻ đẹp thiên nhiên, sự lương thiện, sự đơn giản, cách theo đuổi các thú vui bản năng và họ trở nên các máy móc của nền kỹ nghệ.

Kỹ nghệ bắt đầu xâm phạm vào thiên nhiên và phá hỏng các vẻ đẹp. Thoreau đã chỉ trích các người lảng giềng bởi vì họ đã trở nên các kẻ nô lệ của chính mình và của các người khác. Ông cho rằng đời sống đơn giản và tự nhiên được coi là hạng nhất và các thái quá của nền văn minh đã hủy hoại sự hài hòa của đời sống và mọi người nên nhìn ra chung quanh để khám phá ra bản chất của chính họ.

Thoreau không phải là người chống đối xã hội, ông tin tưởng vào nhân loại nhưng ông muốn mọi người tiến bước hướng về một cuộc sống đơn giản bởi vì một con người văn minh có các nhu cầu được thỏa mãn một cách đơn giản. Thoreau không chống lại tiền bạc (money) nhưng phản đối sự theo đuổi tiền bạc mà mất đi sức khỏe, sự tự do và sự bình an tâm hồn.

Thoreau đã cố gắng sinh sống tại bờ Hồ Walden để thí nghiệm các ý tưởng kể trên và ông đã chuyên chú vào các nhu cầu căn bản. Ông đã coi cách thử nghiệm này là thành công./.



Phạm Văn Tuấn.

NỔI DÒNG CA DAO

Thương hoàng hậu vương triều
Chiêm quốc
Đầm sủ vàng lệ ngọc Huyền Trân
“Chiều chiều gió thổi Hải vân*
Chim kêu vượn hú gấm thân em sầu”

Khuất Cà tang hỏi đầu làng nước
Vượt đèo Le chân bước ngập ngừng
“Ngó lên hòn Kẽm Đá dừng *
Thương cha nhớ mẹ quá chừng
bậu ơi”

Gió Nam qua tả tơi tàu chuối
Chớm đông rồi bắc thổi thăm thê
“Ai về cầu ngói Dạ Lê *
Cho em theo với thấy quê hương mình”

Người ra đi gói tình đầm lệ
Mãi trông chờ bóng xế trắng lu
“Thiếp làm tượng đá vọng phu *
Bao đông vẫn đợi thiên thu vẫn chờ”

Hận người đi ai ngờ quên vội
Thanh xuân tàn tẩm gội nắng mưa
“Con đò đã thác năm xưa *
Cây đa bến cũ còn lưa đến chừ”

* Ca dao

Lý Hiểu

05/2017

Anh Giàu Tình Em

Đốt lên ngọn nến thánng mười
Tự nhiên bỗng tiếc sao lười yêu nhau
Thánng mười như có phép màu
Choàng vai rất nhẹ anh giàu tình em.

Muốn Hoá Hình Hài

Về sông thả gió lang thang
Thánng mười trở giấc rực vàng nắng mai
Tự nhiên muốn hoá hình hài
Cùng thu rụng lá miệt mài tặng em.

Ý Anh

(Tự Nhiên, 2017)

CẢM HOÀI

Nỗi hờn vong quốc mãi dâng cao
Đối ẩm cùng ai chén rượu đào
Đất khách lênh đênh từ độ ấy
Quê nhà xa khuất tận phương nao
Người nghe tiếng quạ mang sầu lại
Ta gọi hồn thơ gửi nhớ vào
Từng giọt mưa về rơi tí tách
Ngỡ đàn đang dạo khúc Ly Tao

Nguyễn Kinh Bắc

LÀM CẢM CHUYỆN ÁI TÌNH

Từ ngàn xưa ngàn xưa tình yêu nam nữ luôn luôn là một nguồn cảm hứng bất tận của biết bao nhiều văn sĩ, thi sĩ và nhạc sĩ... Khi đã yêu thì nhìn cái cảnh cây khô cản trở trụi giữa trời cũng hình như phảng phất đầy hoa thắm, nụ tươi. “Ái tình như ngọn lửa phù thủy biến túp lều tranh thành lâu đài bằng vàng”, tục ngữ nước Đức nói vậy đó. Tục ngữ nước Pháp nói: “Đời không tình yêu như trời không có nắng”.

Thi sĩ Lamartine nói: “Khi đã yêu, không một trở ngại nào làm cho người ta lo sợ”. Byron thời nói: “Tình yêu của tuổi trẻ khác nào một vườn hoa đang có nhiều hoa đâm nở trong mùa xuân”. Jacques Prevert nói: “Nếu lời nói là bạc và im lặng là vàng thì tiếng kêu của con tim là một hạt kim cương muôn màu muôn sắc.” Ông thánh Paul lại hăm he là: “Thiên đường sẽ chẳng mở cửa để đón chào những người cần cỗi, thiếu tình yêu”. Mẹ Theresa thời nói: “Tình yêu là trái chín của mọi mùa. Nằm trong tâm với của mọi bàn tay”. Còn chàng thi sĩ Xuân Diệu thời viết:

“Đời không ái ân, đời vô vị.

Kiếp sống không yêu, kiếp sống thừa.”

Thôi thì những lời thơ thần như “hoa thơm cỏ lạ” kiểu này đầy rẫy trong sách báo. Nam nữ yêu nhau thường ước mơ

được sống bên nhau dù trong “một túp lều tranh” chẳng nữa nhưng có “hai trái tim vàng” là đủ và đó chính là cái động cơ để tiến tới hôn nhân. Xưa kia người ta thường nói “kết tóc xe tơ” nghĩa là tóc kết chặt lại. Nghĩa bóng dùng để nói sự kết duyên. Đời Hôn trong đêm hiệp cần, vợ chồng mới cưới kết tóc cho nhau, có ý nói sự thương yêu ràng buộc, xoắn xuýt lấy nhau không gỡ được. Trong truyện Kiều của Nguyễn Du cũng có câu:

“Duyên Đắc thuận nẻo gió đưa

Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.”

Ai cũng biết đời sống không thể thiếu đàn bà, nhưng sống được với một người đàn bà không phải dễ. Ngày nay, hôn nhân và gia đình đang bị công phá bởi một lực lượng ý thức hệ hùng hậu, có tổ chức và hệ thống. Nhiều ý kiến khiến ta phải suy ngẫm.

Có người nói: “Phải cầu nguyện một lần trước khi ra trận mạc, cầu nguyện hai lần trước khi bước chân xuống tàu ra biển khơi, nhưng phải cầu nguyện đến những ba lần trước khi... kết hôn!” Hoặc hôn nhân chẳng khác chi một cuốn tiểu thuyết mà trong đó vị anh hùng... “chết ngay từ chương đầu tiên.” Có câu tục ngữ lại ví von rằng người ta lấy vợ lấy chồng “không khác nào thọc tay vào một cái bao trong đó có đựng chín con rắn độc và một con lợn, chắc khó mà bắt được trúng con lợn!”

Ai đó còn nhắc lại câu nói bắt hủ của một người chồng bị vợ bạo hành lừng danh nhất thế giới, đó là nhà hiền triết cổ Hy Lạp Socrates. Ông nói: “Bằng mọi giá bạn phải cưới vợ. Nếu bạn gặp được một người vợ tốt thì bạn có hạnh phúc. Còn nếu bạn gặp phải một bà chẳng tinh thì bạn sẽ trở nên một triết gia” (if you get a bad one, you'll become a philosopher).

Văn hào Mỹ Mark Twain lại cảnh giác: “Quý vị tưởng tình yêu lớn lên nhanh vào bậc nhất ư? Không phải đâu, tình yêu lớn lên chậm rì như rùa bò. Chẳng ai, dù nam hay nữ, thực sự hiểu được tình yêu hoàn hảo là thế nào, mãi cho tới khi đã ở trong đời sống hôn nhân cả một phần tư thế kỷ.”

Người ta còn kể là có một thầy giáo nọ hỏi đám học trò rằng: “Ai có thể nêu lên hai sự kiện lớn trong cuộc đời của nhà thơ Anh Milton?” Một học sinh đã trả lời ngay rằng: “Thưa thầy, sau khi kết hôn nhà thơ viết tác phẩm có nhan đề là ‘Thiên đường đã mất.’ Rồi đến khi vợ ông qua đời ông viết cuốn ‘Thiên đường trở lại’ ”.

Hôn nhân và tình yêu thường đi sánh đôi, thế mà hai thứ đó đã trở thành đối nghịch trong tư tưởng của nhiều người. Chẳng hạn như Oscar Wilde, văn thi sĩ lừng danh của xứ Ái Nhĩ Lan, đã tuyên bố: “Bạn phải luôn luôn sống trong tình yêu. Đó chính là lý do bạn chớ bao giờ nên kết hôn cả.” Còn đại văn hào George Bernard Shaw lại nói rằng: “Nếu hai kẻ đang yêu nhau mà lại nghĩ đến chuyện kết hôn thì không còn gì thiếu khôn ngoan hơn.”

Triết gia Herbert Spencer lại chơi chữ: “Hôn nhân là ‘marriage’, lẽ ra phải đọc là ‘mirage’ (ảo ảnh) mới chính xác.” Diễn

viên hài lừng danh, Bill Cosby thời diễu cợt: “Vatican đúng là đã quên không thừa nhận một phép lạ: đó là việc hai người kết hôn sống đời ở kiếp với nhau.” Sacha Guitry nói “Lúc đầu đàn bà ở trong vòng tay ta, một ngày kia ở trên cánh tay và sắp sửa ngồi trên lưng.” Jeanne Moreau nói “Tình yêu giống như món súp, những miếng đầu thì quá nóng, những miếng cuối lại quá lạnh.” Còn George Bernard Shaw khẳng định “Hôn nhân không phải là xổ số. Xổ số có những người trúng số.”

Có người hỏi cựu tổng thống George W. Bush bí quyết nào khiến cuộc hôn nhân của ông được lâu dài. Ông trả lời rằng: “Chúng tôi thường thoải mái đi tới nhà hàng hai lần một tuần. Có thấp đèn cày, ăn tối, nhạc nhẹ và khiêu vũ. Bà ấy đi vào những ngày thứ Ba. Còn tôi đi vào những ngày thứ Sáu!” (She goes Tuesdays, I go Fridays.)

Thường có những lời khuyên răn là phải thật thận trọng khi quyết định kết hôn nhưng trong thực tế đôi bên nam nữ hình như đôi khi cứ phớt lờ đi và cứ hùng hục lao vào con đường “yêu nhau đi chiều hôm tối rồi” hay nghe theo lời xúi, lời “giục giã” của cái nhà ông thi sĩ Xuân Diệu:

“Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!

Em, em ơi! Tình non sắp già rồi...”

Nhìn qua nước Pháp thì thấy Tổng thống của nước này là François Hollande khôn quá. (Vớ vẩn, cứ khen phò mã tốt áo mà làm chi!). Chàng không bao giờ chịu ký hôn thú gì hết trơn hết trọi! Chàng đã từng lần lượt hứa đưa mấy em về... “chân trời tím”. Sau khi “gom hết mây hai đứa xây lâu đài yêu” tại điện Elysée

chàng lại chơi trò “có mới nới cũ”. Chàng cho về hưu sớm hai bà vợ không bao giờ cưới của mình nay đã về già là Ségolène Royal, 61 tuổi, từng là lãnh tụ trong đảng Xã Hội Pháp, rồi đến Valérie Trierweiler, 51 tuổi, một nhà báo làm cho tờ báo nổi tiếng của Pháp, Paris Match, để tìm tem với một em sexy hơ hớ xuân xanh là Julie Gayet, 41 tuổi. Chắc chàng khoái câu ngạn ngữ Đức: “Thiếu nữ là nho tươi, gái già là nho khô”.

Các bà vợ (cũ) của Tổng thống Pháp muốn vào ở điện Elysée vì thương chàng Hollande hay chỉ muốn làm Đệ nhất Phu nhân với quyền lực tột đỉnh, với đời sống kiêu sa? Con người ta say mê quyền lực có khi còn mãnh liệt hơn tình yêu nữa. Kissinger từng đưa ra nhận xét: “Quyền lực là chất kích thích và quyền rũ đàn bà mãnh liệt hơn hết”. Với thành tích tình cảm “sống chung hòa bình” không hôn thú này François Hollande quả thật là một tay “playboy” Phú Lãng Sa thứ thiệt. Mới đây vào đầu năm 2014 chuyện của chàng bị tờ báo lá cải Closer phanh phui ra tùm lum cả. Điện Elysée lên cơn rung chuyển.

Vào tháng 1-2014, chính ông Hollande xác nhận với Valérie Trierweiler nguồn tin ông có quan hệ tình cảm thầm kín với Julie Gayet là sự thật. Valérie Trierweiler liền nổi cơn “tam bành lục tặc”, không thể kiềm chế nổi, bị khủng hoảng thần kinh cực kỳ hung hãn. Sau đó có tin là trong cơn giận dữ, bà này đã chụp những chiếc đĩa, đồng hồ xưa, chiếc bình cổ của Điện Elysée ném vào ông Hollande. Nợn viên an ninh đã phải can thiệp để bảo vệ

Tổng thống. Công ty Động sản Quốc gia (Mobilier National) được Elysée gọi tới khẩn cấp để tu bổ đồ đạc bị hư hỏng ước tính sự thiệt hại phải lên tới 3 triệu euros. Đó không phải là tài sản của riêng ông Hollande, mà là tài sản quốc gia.

Sau đó Valérie Trierweiler ra một cuốn sách, tựa đề “Cám ơn thời hạnh phúc ấy” (Merci pour ce bon moment). Nàng kể chuyện tình ái giữa nàng và ông Tổng Thống, luôn tiện “tổ cáo” tất cả tính xấu của ông. Trước để trả thù, sau tiện thể làm ăn kiếm “tí tiền”. Tại Pháp cuốn sách này bán rất chạy, chỉ mới ba tháng đầu, mà bán sơ sơ đã 600,000 cuốn rồi. Tác giả có khoảng cả triệu tiền huê hồng. Đây là chưa kể từ nay sách sẽ được dịch ra đủ thứ tiếng!

Đây không phải là lần đầu tiên chuyện tình cảm của một lãnh đạo Pháp chuẩn bị sắp đi thăm viếng ngoại giao nước Mỹ khiến Nhà Trắng đau đầu. Năm 2007, Tổng thống Pháp khi đó là Nicolas Sarkozy từng bất ngờ tuyên bố ly dị người vợ thứ hai, Cécilia Attias, chỉ vài tuần trước một chuyến thăm Washington. Chương trình tiếp đón cả hai vợ chồng “quốc khách” nay phải thay đổi vào giờ chót. Thật phiền hà! Sarkozy quơ là cưới liền. Với ông, đám cưới chỉ cần một nồi chè là đủ (không biết ông đã từng ăn chè ở Nhà Bè chưa?)

Riêng Tổng thống Pháp Félix Faure (sinh năm 1841) nổi tiếng về số bỏ đồng đảo. Ông phải cho làm một con đường hầm dẫn vào điện Elysée để các bà bỏ ra vào kín đáo hơn. Qua đời vào năm 1899,

lúc mới 58 tuổi, ông còn nổi tiếng là “hiệp sĩ chết trên lưng ngựa” trong khi đang cùng nhau làm tình trong văn phòng với cô đào Marguerite Steinheil mới 30 tuổi (died suddenly while engaged in sexual activities in his office.) Cái chết của ông một thời làm sôi nổi báo chí Pháp.

Nhân đó người ta nhớ lại là Vua François 1er từng có một câu nói để đời, có lẽ câu này đã gây ảnh hưởng mạnh đến các vị Tổng thống và chánh khách Pháp trong các thế hệ sau đó. Ông vua này nói: “Cung điện mà không có đàn bà (hoặc tình nhân hay cung phi) thì cũng giống như khu vườn trong hoàng cung mà không có bông có hoa vậy”. Chàng Tổng Thống Bill Clinton nước Mỹ chắc cũng từng được học... tiếng Tây và thuộc nằm lòng “ranh” ngôn này!

Người ta kể chuyện rằng một tiếng thờ dài nhưng đôi khi có hai nghĩa khác nhau. Quan tòa hỏi một nữ nhân chứng: “Có chồng hay chưa?” Bà này thờ dài. Tòa nói với thư ký hãy ghi đi: “Chưa chồng!”. Một lát sau quan tòa hỏi một nam nhân chứng: “Đã có vợ chưa?” Người này cũng thờ dài. Tòa nói thư ký ghi đi: “Đã có vợ!”.

Người ta còn nói: “Tuổi trẻ thì ao ước: ‘tình yêu, tiền bạc và sức khỏe.’ Một ngày kia khi về già họ sẽ ước ao: ‘sức khỏe, tiền bạc và tình yêu!’ ”. Kể cũng chí lí đấy chứ nhỉ? Khi chưa lấy nhau, Nguyễn Sa bảo “em là con mèo ngái ngủ trên tay anh”. Lấy nhau rồi, em biến thành sư tử Hà Đông.

Một số chuyện ái tình khá đặc biệt cần được kể lại ở đây:

-Tại nước Nga có hai nhân viên cùng làm chung trong một xưởng làm súp, gặp

nhau, quen nhau, yêu nhau và đính hôn với nhau hơn... 41 năm rồi. Svetlana và Ivan tuyên bố là sẽ làm lễ kết hôn ngay khi để dành đủ tiền là dọn ra khỏi nhà cha mẹ họ và tạo lập “lâu đài tình ái” của riêng mình!

-Thêm chuyện nữa. Chàng Mustafa, thi sĩ thất nghiệp ở Ai Cập, yêu say đắm một cô phát ngân (teller) nhà băng. Chàng viết gửi nàng nhiều lá thư tỏ tình trong suốt mấy năm trời. Nàng “hổng” trả lời. Chàng quyết định tấn công mạnh mẽ hơn. Một ngày đẹp trời chàng tới nhà băng mang theo một khẩu súng và một lá thư tình. Chàng tới ngay người đẹp phát ngân và đưa ra cả hai thứ rồi yêu cầu: một là nàng phải công khai tỏ ý chấp nhận mối tình cùng chàng, còn nếu từ chối thời phải vét hết tiền trong ô kéo của nàng và đưa ra cho chàng. Nàng bèn vét tiền, đưa ra cho chàng và sau đó là chàng bị... còng tay, tất nhiên rồi. Ra tòa chàng bị kết án với tội cướp và phạt ở tù. Tuy nhiên chàng lại được hưởng án treo với lý do là chàng bị bất ổn tâm thần tạm thời (temporary insanity).

-Lắm cấm chuyện tình yêu người ta đôi khi lại cho rằng đó là... số trời đã định. Chuyện kể rằng ông và bà Chip Stalter cưới nhau vào ngày 11 tháng 3-1985 ở Hillsdale, New Jersey. Cả hai ông bà đều được sinh ra vào cùng một ngày là 21 tháng 10-1959, trong cùng một bệnh viện và hai bà mẹ của ông bà này khi sinh con thì lại ở chung một phòng trong bệnh viện. Không quen biết nhau nên hai bà mẹ không hề liên lạc chi với nhau cả.

-Mới đây, vào năm 2017 báo chí loan tải thêm một chuyện tình của Laura

Scheel và Matt Grodsky. Hai cô cậu bé yêu nhau lúc cả hai còn học Mẫu giáo và gặp nhau ở Phoenix. Ngay lúc đó, hai trẻ đã không rời nhau, chơi chung với nhau và khi ngủ trưa ở trường thường nằm bên cạnh nhau.

Vài năm sau đó, hai trẻ không còn học chung một trường khi lên Tiểu học. Tuy xa nhau, nhưng hai trẻ, không ai quên người mình yêu. Và nhờ gia đình hai bên hằng năm, vào dịp lễ Giáng sinh, gửi thiệp chúc Tết nhau mà hai đứa trẻ vẫn biết tin nhau, và có khi nhìn được mặt nhau qua hình ảnh hai gia đình. Quả đúng là ông Trời có mắt biết xét và ban ơn lành cho cô cậu bé Laura Scheel và Matt Grodsky. Khi cả hai vào Trung học Đệ II Cấp (Lycée) thì họ gặp lại nhau. Một sự bất ngờ vô cùng thú vị. Không đầy hai tuần sau đó, hai người quyết định cặp tay nhau đi chơi. Và cứ như vậy, họ gần nhau sát cánh suốt thời gian trung học. Khi lên Đại học tuy cùng ở khác Tiểu bang họ vẫn giữ liên lạc mật thiết với nhau.

Tới năm 2015 là vừa đúng 20 năm sau lời hứa của Matt Grodsky trước kia là “Anh sẽ cưới em sau này”! Ngày hôm ấy, Matt Grodsky quỳ gối xuống đất, cất tiếng yêu cầu Laura Scheel chấp nhận làm vợ của Matt. Dĩ nhiên Laura nhận lời. Đúng 20 năm sau, hai người yêu nhau gặp lại nhau, cùng nói “đồng ý” để trở thành đôi uyên ương, cưới hỏi nhau đăng hoàng. Hai người dẫn nhau trở lại trường Mẫu giáo khi xưa họ cùng học làm lễ đính hôn!

Ngày nay, Matt thuật lại chuyện tình xa xưa của mình: “Tôi nhớ lại rõ lắm. Hồi

3 tuổi, trước trường Mẫu giáo, tôi hứa với Laura là sau này, tôi sẽ cưới nàng”.

LS. NGÔ TÀNG GIAO

Trích:

“CHUYỆN PHIÊM VỀ PHÁP LUẬT”

OH WORLD

Oh World of wind and snow and rain,
Of fern and flower and fruit and grain;
Oh World of sky and cloud and sun
Where children grow and dream and run;
Oh World of land and sea and stone,
Let love and peace be ours to own.

Lee Blair

ÔI THẾ GIỚI

*Chao ơi Thế Giới tuyệt là bao!
Gió thổi, tuyết rơi, mưa dạt dào;
Hoa lá, hạt mầm vui trái ngọt,
Trời mây, non nước đẹp từng cao;
Đất liền trải rộng ôm triền đá,
Biển cả tuôn dài cuộn ánh sao;
Trẻ lớn tung tăng đầy mộng ước,
Hoà bình, thương mến mãi dâng trào.*

Tâm Minh

chuyển ngữ.

ĐÓA HOA THƠ

*Thân Tặng Giáo Sư Phạm Thị Nhung
Mừng Thượng Thọ Tám Mươi.*

Chúc Mừng Thượng Thọ Tám Mươi
Nụ Cười Chi, Đẹp tuyệt vời : Như Xuân
Một nhà đầm ấm quây quần
Nụ Cười Hoa Nở thân tâm Diệu Hòa
Cảm Ôn Chi, Nụ Cười Hoa
Nụ Cười đầm thắm ...
Tiếng Thơ Ân Tình ...

Và bao nhiêu nụ cười xinh
Nụ Cười Thân Hữu, Đẹp Tình Tri Âm
Ngát giai chương ... Nhạc bổng trầm ...
Ôi, Xuân mãi mãi là Xuân Diệu Dàng,
Mừng Người Chúc Thọ Vinh An
Hoa Thơ Một Đóa Hân Hoan
Tặng Người

Tám Mươi Thượng Thọ Hoa Cười,
Là Hoa Phước Huệ
Tặng Người Tài Hoa .



Tuệ Nga

Thành Phố
Hoa Hồng
Oregon,
Vào Hạ,
Tháng Bảy 2017

MÂY TRẮNG

Ai gửi lòng mình qua ý mây
Tình quê vời vợi bút vời đầy
Thu reo nắng nhạt thơ sầu thả
Nhạc lắng cung trầm cánh mộng say
Gió sớm băng khuâng hương Cúc thoảng
Xuân chiều hờ hững bước Mai gầy
Đem vắn lục bát treo đầu núi
Biển vẫn u hoài ... mây trắng bay

TUỆ NGÀ

(Nửa Viên Trăng)

MÀU TÍM ÁNG MÂY

Họa

Tô lại mắng màu tím áng mây
Rót thêm ly rượu mãi chưa đầy
Ngồi bên giá vẽ lòng mơ tưởng
Đứng giữa căn phòng mắt đắm say
Góc phố nắng hanh theo gót mộng
Con đường mưa bụi thấm vai gầy
Bao điều thu đến còn dang dở
Bật tiếng đàn “Như Cánh Vạc Bay” ...



**Phan
Khâm**
(Maryland)

TỪ TRIẾT TÂY ĐẾN PHẬT PHÁP

Kim-Vũ

Loài người xuất hiện trên trái đất từ lúc nào, bằng cách nào, do đâu? Và ý nghĩa cuộc sống là như thế nào? Tại sao ta phải sinh ra để rồi chết đi? Sau khi chết, ta còn hay mất, và nếu còn thì đi về đâu? Tại sao tôi khổ mà người ta sướng? Tại sao cuộc đời bất công?

Kể từ thuở khai sinh của triết học, những con người xuất chúng của nhân loại đã băn khoăn thắc mắc về những câu hỏi như thế, và cố gắng vận dụng hết khả năng của mình để tìm lời giải đáp. Những con người bình thường như chúng ta nhiều khi cũng đặt câu hỏi như vậy, và vừa lòng với câu trả lời ngắn gọn thực tế:

“Chung cục thì chi cũng tại Trời!”

“Trời sao Trời ở chẳng công,
người hai ba vợ, người không vợ nào?”

“Trời sao Trời ở chẳng cân,
người ăn không hết, người lần
không ra?”

Đặt câu hỏi xong, cười khì rồi thôi. Vì thế mà Việt Nam không có triết gia. Ngoài Trần Đức Thảo, con người xuất chúng bị cuộc đời đầy đoạ, sống trong

nghèo khó và chết trong tức tưởi, một thân một mình giữa Paris.

Trung Hoa cũng không hơn gì. Từ khi Tần Thủy Hoàng đốt sách và chôn sống nho sĩ, trong hơn hai nghìn năm, với dân số ngày nay gần một tỷ rưỡi người, không có lấy một nhà triết học đáng mặt anh hào. Tất cả nền tư tưởng xoáy quanh “Thiên Tử,” được Ông Trời cho xuống trị dân, tha hồ sinh sát, tru di tam tộc, lăng trì xé xác luộc người. “Hoàng Đế của Nhân Dân” Mao Trạch Đông để chết ba mươi bảy triệu người trong nạn đói nhân tạo không tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại, vẫn được coi như thánh sống, một “demigod”!

Phương Tây thì khác. Từ khoảng năm trăm năm trước Công Nguyên, đã có những cuộc tranh luận sôi nổi giữa những triết gia Tiền Socrates về khởi đầu mọi thứ. Nước? Lửa? Không khí? Thượng Đế? Nguyên tử? một chất liệu nguyên nguyên?...

Rồi Socrates xuất hiện. Thôi đi quý ngài. Đủ rồi. Hãy trở về với con người cái đã. “Know thyself.” Plato kể vị ông thầy. Theo ông, trái với điều ta thường nghĩ, nhận thức nảy sinh từ cảm giác chung về thế giới thường có tính chất lừa dối, do đó triết lý thực sự có thể giúp con người sống một cuộc sống hạnh phúc hơn do sự giác ngộ thay vì sự

thiếu hiểu biết. Trong “ẩn dụ hang đá,” ông cho thấy nhân loại mãi nằm trong bóng tối vì những điều kiện môi trường xung quanh và quan điểm nảy sinh tương ứng.

Rồi “Chúa sinh ra đời.” Hơn sáu thế kỷ sau là Mohammed. Tôn giáo độc thần ngự trị. Về phía Tây của lục địa Á Âu, nhân loại triển miên trong chinh chiến và chết chóc. Những cuộc “Thập Tự Chinh” liên liên không dứt, và sau đó là thời Trung Cổ, “the Dark Ages,” với dịch hạch và những phán quan đốt người dị giáo bị coi như phù thủy.

May sao, Copernicus ở Thế Kỷ 15 chứng minh bằng khoa học là trái đất xoay quanh mặt trời. Galileo tiếp nối, khẳng định trái đất hình cầu mà không phẳng như các nhà thần học luận đoán bấy xằng. Rồi Descartes, Newton, Leibniz, Darwin, Einstein... Khoa học, thoát thai từ truyền thống “triết lý tự nhiên” (natural philosophy), không bị ràng buộc bởi tín điều tôn giáo, bước tới bằng đôi chân của người khổng lồ, và chỉ trong vòng chưa đầy 500 năm, nhân loại đã bước vào kỷ nguyên của vật lý lượng tử và lý thuyết dây.

Trở lại với những vấn đề căn bản cốt lõi của triết học: sự hiểu biết, bản thể, luận lý, đạo đức, tâm lý... thì diễn tiến ra sao?

Thomas Hobbes (1588-1679), nhà triết học người Anh, đã dám chối từ sự luận chứng chỉ thông qua đức tin mà thôi của các nhà thần học. Ông nói rằng sự mặc

khải không bao giờ có thể đi ngược lại với lý trí con người và kinh nghiệm thực tế, rằng không có linh hồn vĩnh cửu, không có trừng phạt hay khen thưởng đời đời trong địa ngục hay thiên đường, và không có linh hồn vô thể tương tác với thế giới này.

Sau Hobbes là René Descartes (1596-1650), người đã dùng nghi ngờ như là xuất phát điểm của triết học, tuy rằng không phải trong tinh thần hoài nghi. Ông nói: “... những ý tưởng trong khi thức, thực sự cũng có thể giống như cảm nhận khi đang ngủ, do đó tất cả có thể chỉ là ảo tưởng; nhưng trong khi suy nghĩ như vậy, tôi phải là một cái gì đó; do đó “cogito ergo sum”. Suy nghĩ của kẻ nghi ngờ chứng minh sự tồn tại của anh ta. Tôi kết luận rằng tôi là một chất liệu nguyên sơ mà sự tồn tại là trong sự suy nghĩ, và không thể chứng minh được là (như thế)...có chắc thực hay không, ngoại trừ ... ý thức rõ ràng ... về sự tồn tại của chính mình.”

Baruch Spinoza (1632-1677) thì tin vào Thiên Nhiên, một trật tự vô biên, thống nhất và đồng nhất, và vào khả năng của chính trí óc con người đã đủ để hiểu được những bí ẩn của nó. Đồng thời, những chân lý mà chúng ta khám phá ra không phải là bịa đặt tạm thời trong tâm trí con người, nhưng là chân lý vĩnh cửu về bản chất của sự vật. Thiên Chúa là đồng nhất với vũ trụ và phải hành động đúng theo những lẽ luật vĩnh cửu và tất

yếu. Và tiềm ẩn trong vận hành của thiên nhiên là luật nhân quả, ngoài nó ra thì không có một bộ óc thông minh nào có thể chế định hoặc cưỡng ép được cả. Đối với Spinoza, Thiên Chúa, hoặc thiên nhiên, hoặc CHẤT LIỆU NGUYÊN SƠ, nằm ngoài mọi vật cá biệt, và có vô biên thuộc tính. Nhưng có hai thuộc tính mà chúng ta có thể biết được, đó là TƯ TƯỞNG và NHỮNG DIỄN DỊCH từ nó mà ra.

Leibniz (1646-1716) nhận ra là cảm thức không thể được tìm thấy chỉ thuần trong vật chất. Trong cuốn “Monadology”, ông nói: “... giả sử rằng có một thiết bị được chế tạo ra để suy nghĩ, cảm nhận và có nhận thức, chúng ta có thể bước vào trong nó như vào một nhà máy ... chúng ta sẽ chỉ tìm thấy... nhiều mảnh dây qua kéo lại, nhưng không bao giờ có bất cứ cái gì giải thích cho một nhận thức. Do đó, điều này phải được tìm kiếm trong một chất liệu cơ bản đơn giản, chứ không phải trong sự phức hợp các phần hoặc trong chính cái máy.” Ông đưa ra ý tưởng là các monad chính là các đơn vị cơ bản của ý thức, theo như cách thể các nguyên tử là đơn vị cơ bản của vật chất, để bắc cầu nối kết khoảng cách giữa tinh thần và thể chất.

David Hume (1711-1776) là một người hoài nghi và theo kinh nghiệm chủ nghĩa. Ông nghi ngờ ngay cả giá trị của luật nhân quả, cho rằng chuỗi sự kiện

tiếp nối cũng chỉ có thể là do trùng hợp ngẫu nhiên. “Vượt ra ngoài sự kết nối liên tục của các đối tượng tương tự, và do đó suy ra từ cái này đến cái kia, ta không thấy có ý niệm về bất kỳ sự tất yếu hay liên hệ nào cả.” Về sự tồn tại của một cái gì đó có thể được gọi là tự ngã, ông nói con người chỉ là “một bó những nhận thức” Ông nói: “Tôi không bao giờ có thể bắt gặp bản thân mình bất cứ lúc nào mà lại không có một nhận thức. Nếu bất kỳ một ai ... có thể ... cảm nhận một cái gì đó đơn giản và liên tục, mà gọi là tự ngã ... Thì tôi khẳng định không có điều như vậy trong tôi.”

Đối với Immanuel Kant (1724-1804), một nhân vật trung tâm của triết học hiện đại, trí óc con người tạo ra cấu trúc của kinh nghiệm nhân sinh, không gian và thời gian là những hình thái của cảm tính con người, và thế giới tự nó với tính cách "tự thân" không phụ thuộc vào khái niệm của chúng ta về nó. Bất cứ thứ gì ngoài thời gian và không gian thì không thể được biện biệt, do đó, tự thân phải là một, và tất cả mọi thứ tồn tại, bao gồm cả con người, phải là một phần của thể thống nhất cơ bản này. Đối với thuyết duy tượng siêu hình, những xuất hiện chỉ là những biểu hiện ra ngoài mà không phải là những vật tự thân. Cái tự ngã siêu hình thì không thể biết được. Nó không phải là tự ngã thực nghiệm, cái ngã cá nhân đang hoạt động mà ta có thể nội quán. Ta nhận thức được rằng có một cái "tôi", một chủ thể hoặc tự ngã đi kèm

theo kinh nghiệm và ý thức của ta. Bởi vì ta kinh nghiệm nó như là nó tự biểu lộ trong thời gian, ta chỉ có thể biết nó một cách gián tiếp: là đối tượng, chứ không phải là chủ thể. Chính bản ngã thực nghiệm mới phân biệt một người này với một người khác, tạo cho mỗi cái một cá tính rõ rệt. Thực nghiệm siêu hình cho thời gian và không gian là hai thứ tự nó, độc lập với cảm quan của ta. Những khía cạnh này của trí óc chuyển những vật tự thân thành thể giới của kinh nghiệm. Kiến thức không phụ thuộc vào vật đối tượng của kiến thức mà bằng khả năng của người nhận biết. Không gian, thời gian, nhân quả, và nhiều hiện tượng tương tự khác thật ra thuộc về hình thái mà trí óc áp đặt lên thể giới để tạo ra biểu hiện, và những yếu tố này không có trong vật-tự-thân.

Đối với Georg Wilhem Friedrich Hegel (1770-1831), “Triết học ... là thời gian riêng của nó được nhận biết qua suy nghĩ”. Tác phẩm “Hiện tượng học về Tinh Thần” là nghiên cứu về cách ý thức hay trí óc hiện ra cho chính nó trong một chuỗi tiếp nối, bởi vì nếu coi cho kỹ thì cái trước hoà quyện vào cái đi sau, hình thái hay cơ cấu toàn diện và tổng hợp hơn. Sau đây là trích dẫn từ “Lời nói đầu”:

“... Sự thật và không thật thường được hiểu là thuộc về những ý niệm được định hình rõ rệt ... có một tính chất xác định tự nó, cái nọ đứng phía này, cái kia đứng phía khác. Ngược với kiến giải

trên, ta phải thấy rằng sự thực không phải như một đồng tiền mới từ trong lò đưa ra và do đó có thể cầm nắm và sử dụng... Biết một cái gì chưa đúng có nghĩa là sự hiểu biết chưa đầy đủ, chưa tương xứng với bản chất của nó. Vậy mà chính cái khác này là trong quá trình phân biệt nói chung, là khoảnh khắc thiết yếu của hiểu biết. Chính là do sự phân biệt tích cực này mà tính thống nhất hài hoà nảy sinh, và thực thể này, khi đạt được, là sự thực. Nhưng nó không có nghĩa là sự thực mà lại phải chối từ sự không hoà hợp, sự phong phú ...; mà sự thực cũng không tách rời khỏi sự phong phú, y như là đồ vật hoàn tất không phân biệt từ những dụng cụ khuôn định nó. Sự khác biệt tiếp tục là một yếu tố tức thời nằm trong sự thực như vậy, trong hình thái phủ định, hình thái hoạt động của Tự Thân.”

Arthur Schopenhauer (1788-1860), trong “Thế giới như Ý Chí và những Biểu Hiện”, cho rằng thế giới hiện tượng là sản phẩm của một ý chí siêu hình mù loà, vô độ, và tàn ác. Thế giới mà chúng ta nhận thức là một “màn diễn” các vật thể trên sân khấu của tâm ta. Khía cạnh khác của thế giới, Ý Chí, hoặc “vật-tự-thân” theo Kant, tồn tại bên ngoài thời gian, không gian, và quan hệ nhân quả. Toàn bộ thế giới là biểu hiện của một Ý Chí duy nhất, trong đó ý chí cá nhân của chúng ta là biểu hiện. “Những hình thái” mà Plato nói đến tồn tại giữa biểu hiện và Ý Chí, mà cái đó cũng là “khát vọng”,

"phấn đấu", "ham muốn", "nỗ lực" và "kêu đòi". Triết lý của Schopenhauer chủ trương rằng tất cả thiên nhiên, bao gồm cả con người, là sự biểu hiện của một ý chí muốn sống. Điện và lực hấp dẫn được mô tả như hai lực cơ bản của ý chí. Kiến thức là cái gì đó được phát minh để phục vụ cho ý chí. Tính chất cơ bản của vũ trụ và mọi thứ trong nó được coi là Ý Chí này. Âm nhạc là một biểu hiện trực tiếp và phát tác của ý chí. Cả động vật lẫn con người là sự khách quan hoá của cùng một Ý Chí tiềm ẩn. Từ chối ý chí để sống là cách để cứu rỗi khỏi đau khổ. Khi ý chí bị từ chối, nhà hiền triết trở nên không có gì, mà không thực sự là đã chết. Đối với một người đã đạt được trạng thái không còn ý chí, thế giới của người đó được tỏ bày ra là 'không có gì'. Tác động của nó trên chúng ta, cái có vẻ như là thực tại, đã được 'tiêu tan' để bây giờ trước mắt chúng ta nó chỉ còn như là một cơn ác mộng tồi tệ mà chúng ta may mắn được thoát khỏi.

Franz Brentano (1838-1917), mặt khác, sử dụng thuật ngữ với một ý nghĩa mới. Ông lấy từ Chủ Nghĩa Kinh Viện khái niệm "chủ ý", đặc điểm chính của hiện tượng tinh thần, để phân biệt với các hiện tượng vật lý. Mỗi hiện tượng tinh thần, mỗi hành động tâm lý đều có nội dung, và hướng tới một đối tượng. Những hiện tượng vật lý thiếu khả năng tạo ra tính chủ ý ban đầu, và chỉ có thể tạo điều kiện cho một mối quan hệ có

chủ ý một cách gián tiếp, gọi là chủ đích thứ cấp. Cảm thức từ giác quan bên ngoài không thể cho chúng ta biết bất cứ điều gì về sự tồn tại thực tế của thế giới được nhận thức, mà có thể chỉ đơn giản là ảo tưởng. Tuy nhiên, chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn về nhận thức nội tại của chúng ta. Nhận thức ngoại tại, nhận thức từ giác quan, chỉ có thể mang lại những giả thuyết về thế giới được nhận thức, nhưng không phải sự thật. Nói chính xác ra, nó là đối tượng của nhận thức con người, chứ không phải là chính đối tượng. Tuy nhiên, nhận thức nội tại cũng không thể là sự thật khách quan theo cách thức của logic và toán học được.

Edmund Husserl (1859-1938) là một nhân vật trung tâm trong triết học phương Tây thế kỷ 20, với các môn đệ nổi tiếng như Heidegger, Merleau-Ponty, Sartre, vv ... Hiện tượng học mà ông sáng tạo ra nghiên cứu cấu trúc của nhiều loại hình kinh nghiệm, từ nhận thức, tư duy, trí nhớ, trí tưởng tượng, cảm xúc, ham muốn, và ý chí cho tới nhận thức về cơ thể, hành động qua thể hiện, và hoạt động xã hội, trong đó có hoạt động ngôn ngữ. Cấu trúc của các hình thức kinh nghiệm thường bao gồm các sự trực tiếp của kinh nghiệm về những vật trong thế giới. Thuộc tính của ý thức là nó là một ý thức về điều gì đó. Cấu trúc chủ ý cơ bản của ý thức, được thấy trong suy nghĩ hay phân tích, liên quan đến hình thức kinh nghiệm xa hơn

nữa. Như vậy, hiện tượng học khai triển một sự kiểm kê phức tạp về nhận thức thời gian, nhận thức không gian, sự chú ý, nhận thức kinh nghiệm riêng, tự nhận thức, tự ngã trong những vai trò khác nhau, hành động được thể hiện, mục đích hay chủ ý trong hành động, nhận thức về những người khác, hoạt động ngôn ngữ, tương tác xã hội, và các hoạt động hàng ngày trong môi trường thế giới sống của chúng, vv... Vì muốn đào sâu hơn nữa vào khái niệm về “hiện tượng”, hoặc vật-tự-thể của Kant qua kinh nghiệm và giải thích bằng trí óc con người, Husserl tuyên bố rằng thực tế tinh thần và tâm linh có độc lập thực tế của riêng mình nằm ngoài cơ cấu vật chất, và vì vậy một khoa học của tâm linh phải được thành lập trên một nền tảng khoa học giống như các ngành khoa học tự nhiên đã làm và đã đạt tới.

Martin Heidegger (1889-1976), mà tác phẩm “Hiện Tồn và Thời gian”, được công bố vào năm 1927, gây ảnh hưởng lớn đến triết lý thế kỷ XX cũng như nhiều lĩnh vực khác, cho rằng ý nghĩa hiện tồn của con người “là sự tồn tại tạm thời trong khoảng thời gian giữa sinh và tử.” Hiện tồn là thời gian và thời gian là hữu hạn, nó kết thúc với cái chết của chúng ta. Vì vậy, nếu chúng ta muốn hiểu ý nghĩa của việc là một con người đích thực, điều quan trọng là chúng ta không ngừng hướng cuộc sống của chúng ta vào cái mà Heidegger gọi là ‘linh hồn-hướng-tới-cái-chết.’ Tính

chất “chủ ý” của Husserl đã được thay thế bởi khái niệm về “sự quan tâm chăm sóc,” hoặc Hiện-tồn-trong-thế-giới. Heidegger phân biệt giữa sự thật thông tục về thực thể (ontical) và sự thật về ý nghĩa của Hiện tồn (ontological). Ông cũng nêu ra sự khác biệt giữa bản thể học trong khu vực và bản thể học cơ bản, bản thể học trong các lĩnh vực nói riêng và những điều kiện tiên nghiệm và siêu việt tạo ra hình thái đặc biệt có thể có của Hiện tồn. Chúng ta thường nhìn các thực thể dưới tư cách thiết bị, khi chúng ta có thể sử dụng một cách nhuần nhuyễn để không-trở- ngại. Các thực thể như vậy mang dạng hiện tồn đặc biệt của riêng mình gọi là sẵn-sàng-để-sử-dụng. Có một dạng hiện tồn khác được gọi là hiện-diện- cho-sử-dụng, hoặc ‘đồ vật’. Rồi cuối cùng, chúng ta có không-sẵn-sàng-để- sử-dụng, khi các thực thể đó bị hư hỏng, không còn sử dụng được, và không còn tính chất rõ rệt trong suốt về hiện tượng học nữa. Trên tất cả những thứ đó, cái mà Heidegger gọi là Dasein hay Hiện Tồn Nhân Bản có thể đứng lùi lại hoặc ‘ra ngoài’ sự hiện diện của mình để tự quan sát. Dasein cũng nổi bật trong một sự cởi mở chào đón Hiện tồn và một cánh cửa vào ra của Hiện tồn.

Jean-Paul Sartre (1905-1980), nhà triết học Pháp, tiểu thuyết gia, kịch tác gia, tác giả những cuốn “L’être et le Néant”, “La Nausée”, “Huis Clos”, “Les Sequestres d’Altona, vv ..., cha đẻ của chủ nghĩa hiện sinh, nhà hoạt động

chính trị, là một thiên tài nhiều mặt, người thực hành những gì ông đã rao giảng với một tấm lòng đầy say sưa nhiệt huyết cho điều mà ông tin là ý nghĩa của sự tồn tại. Đối với Sartre, có ba loại Hiện hữu: “tự thân”, một cái gì đó là “chỉ ở đó”, giống như một tảng đá, một chiếc ghế, vv ... “cho-thân”, có thể thực hiện do ý thức con người, và “cho-kẻ-khác”, một người trong con mắt của kẻ khác. Ông viết: “Khi nói rằng tồn tại đi trước bản chất... thì có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là, trước hết, con người tồn tại, xuất hiện, lên sân khấu, và chỉ sau đó mới xác định bản thân mình. Nếu con người ... là không thể xác định được, thì đó chỉ là bởi vì anh ta không là gì cả. Chỉ sau đó anh ta sẽ trở thành một cái gì, và anh ta sẽ tự làm thành chính anh ta.”... “Không có gì làm cho chúng ta hành động cách chúng ta hành động, ngoại trừ do sự lựa chọn cá nhân của chính chúng ta.” Đối với Sartre, đóng một vai trò không phải chính mình là “tin vào điều tồi tệ.” Nền tảng của đạo đức là “sự chân thực,” sự tự nguyện của cá nhân chịu nhận trách nhiệm chứ không phải phụ thuộc vào các quy tắc, và sự dẫn thân trong hành động của mình. Ông hình dung con người như vừa bị khô nạn vừa tự do sống cuộc sống của dẫn thân và sáng tạo. Đó là lý do vì sao ông hăng hái tham gia vào các hoạt động chính trị từ năm 1950 cho đến khi lìa đời, đầu tiên cho chủ nghĩa cộng sản, và sau đó thì chống lại chủ nghĩa cộng sản, khi ông trở thành một

phần tử trong dự án “Ile de Lumière,” với mục đích cứu vớt thuyền nhân Việt Nam lênh đêngh trên biển cả khi đào thoát khỏi chế độ độc tài toàn trị sau năm 1975.

Một đồng nghiệp của Sartre, tác giả của cuốn sách “de Husserl à Marx, du Materialisme à la Phénoménologie Dialectique”, nhà triết học Việt Nam Trần Đức Thảo (1917-1992) hầu như chưa được biết đến nhiều ở phương Tây, ngoại trừ tác phẩm nêu trên và những tranh luận chống lại Sartre trong buổi hoàng kim của Chủ nghĩa hiện sinh. Vốn là một tín đồ cuồng nhiệt của chủ nghĩa cộng sản, ông đã rời Pháp để trở về nước mình với hy vọng cao vợi là giúp xây dựng một nhà nước cộng sản lý tưởng, nhưng đã cay đắng vỡ mộng khi phải đối mặt với thực tế tàn nhẫn khắc nghiệt. Vào những ngày tàn của cuộc đời, ông đã được đưa trở lại Pháp với ý đồ để mặc cho chết âm thầm trong nghèo đói. Sau một cuộc đời đầy bi thảm và thường xuyên sống trong bản khoả về trí tuệ, ông cuối cùng đã đến một nhận thức chân xác có tầm quan trọng vô cùng to lớn đối với bản thân: “Marx đã sai.” Ngay trước khi chết đột ngột vào tháng Tư năm 1993 tại Paris sau dự tính xin tị nạn chính trị, ông đã hoàn thành một tiểu phẩm dài vồn vẹn có năm trang có tựa đề “Pour une Logique Formelle Dialectique,” mà bản thảo vẫn còn đang được lưu trữ trong thư viện François

Mitterrand tại Paris, với một nội dung ngắn gọn như sau:

Triết học cổ điển: “ Cái gì tồn tại, tồn tại. Cái gì không tồn tại, không tồn tại. Hoặc là A, hoặc là không A. Không có lựa chọn thứ ba.”

Triết học biện chứng: "Tất cả mọi thứ tồn tại, và cũng không tồn tại, bởi vì tất cả mọi thứ đều trôi chảy (có cũng là không.) Cái gì không tồn tại, cũng tồn tại (không cũng đồng nghĩa với có.) Mọi thứ đều là ... đồng thời cũng là cái gì khác nữa.“

Sigmund Freud (1856 -1939), nhà thần kinh học người Áo và sáng lập phân tâm học, bắt đầu thế kỷ XX với tác phẩm "The Interpretation of Dreams". Hai mươi ba năm sau, ông xuất bản 'Ego and Id', trong đó ông cho rằng tinh thần con người có thể được chia thành ba phần: Id, hay cái tôi trần trụi, là hoàn toàn vô thức, bốc đồng, phần ấu trĩ của tinh thần, hoạt động trên "nguyên tắc tìm sự sung sướng" và là nguồn gốc của những xung động và thúc bách cơ bản; nó tìm niềm vui trước mắt và thỏa mãn tức thời. Super ego, siêu ngã, là phần đạo đức của tâm lý, tương ứng với các công ước của văn minh. Còn Ego, hay bản ngã, thì cố gắng tìm sự cân bằng giữa hai cái nêu trên. Freud cũng đã đưa ra khái niệm "libido," hay ham muốn tính dục, "năng lượng ... của những bản năng liên quan đến tất cả những gì có thể được bao gồm dưới hai chữ 'tình yêu'." Đó là năng lực bản năng hàm

chứa trong cái ta trần trụi. Những thúc bách về ham muốn dục tính có thể xung đột với siêu ngã. Chính sự cần thiết phải thích ứng với xã hội và kiểm soát ham muốn dục tính đã dẫn đến căng thẳng và xáo trộn trong các cá nhân, đưa tới việc sử dụng cơ chế tự vệ cho tự ngã để làm tan loãng đi năng lượng tâm linh từ những nhu cầu (mà hầu hết là nằm trong vô thức) chưa được thỏa mãn, để chúng được thoát ra dưới các hình thái khác. Nếu sử dụng quá nhiều cơ chế tự vệ này thì sẽ dẫn đến chứng bệnh thần kinh. Một mục tiêu chính của phân tâm học là để đưa các thúc bách về ham muốn tình dục vào ý thức, hầu giúp cho chúng được đáp ứng trực tiếp, và do đó làm thuyên giảm sự phụ thuộc của bệnh nhân về cơ chế phòng vệ tự ngã.

(Xin xem tiếp trong số báo sau)

VŨ MẠNH PHÁT



Phan Anh Dũng và Vũ Mạnh Phát

CHIẾN THẮNG VŨNG-RÔ (x)

Xin nhắc lại những dòng Quân Sử
Thật lấy lòng “**Chiến Thắng Vũng-Rô**”
Đề Người Lính trên bước đường viễn xứ
Vẫn tự hào “Chiến sĩ diệt Cộng nô”!

-o-

Nếu bạn đi trên Quốc lộ Số Một
Qua Khánh-Hoà, đến dãy Trường-Sơn
Gập đèo cao nhất Nước, là Đèo-Cà
Hùng vĩ quanh năm, gió hú mây vờn
Nhìn xuống chân Đèo... Tu-Bông, Vạn-Giã
Xa xa Đại-Lãnh, xóm lá dân nghèo
Đến một vùng, vách đá cheo leo
Eo biển “Vũng-Rô” hoang vu nằm giữa
(*hình A*)

Thấp thoáng sườn non, vài tiều phu chặt nứa
Dăm ba dân chài, ngoài bãi biển giăng câu
Ai ngờ ... nơi đây là bí mật “bến tàu”
Cộng sản Bắc Việt chuyên chở vũ khí
Tiếp tế ngầm, cho bọn Cộng phỉ miền Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 1965

Trung úy Bowers lái trực thăng dọc bờ
duyên hải (1)

Thấy một tàu khả nghi tại bãi Vũng-Rô
Liên báo Cố vấn trưởng MACV, Thiếu
tá Rodgers (2)

Cùng Hải Quân Thiếu tá Hồ-Văn-Kỳ-
Thoại (3)

Tư lệnh Vùng 2 Duyên hải, tại Nha-Trang
Lập tức, phi cơ thám thính phái tới
hiện trường

Quan sát thấy, sườn núi nhiều địch quân
ẩn nấp

Cuộc Hành quân quy mô liền được triệu tập
Phối hợp đủ thành phần: Hải Lục

Không quân

Khu trục AD-1 Skyraider cấp tốc thực
hiện phi tuần

Oanh kích phủ đầu, nhận chìm tàu biển địch

Thiếu tá Thoại chỉ huy cuộc Hành quân
xung kích (*hình: B*)

Quân số tham chiến rất hạn chế trong tay
Chiến trường nơi đây, sườn núi, rừng cây
Địch chiếm cao điểm, nhiều hang sâu
ẩn trốn

Lực lượng cơ hữu của ta, có Duyên
đoàn 24

Và Liên đoàn Người Nhái, quen hoạt
động biển hồ

Được Hộ tống Hạm Tụy-Động (HQ-04)
chờ tới Vũng-Rô

Gặp chiến địa núi rừng, vẫn xông pha
dũng cảm

Đơn vị tiên kích, làm Cộng quân
khiếp đảm

Là Lực lượng Đặc Biệt, do Trung úy
Từ-Vấn chỉ huy (4)

Được trực thăng vận bốc đến Đại-Lãnh
cấp kỳ

Lên Hải Vận hạm Tiên-Giang HQ.405
vào trận

Cuộc chiến diễn ra đã vô cùng gay cấn
Trung đoàn Cộng trên cao, xạ kích

diên cuồng
Đợt xung phong đầu, hai chiến sĩ ta
tử thương
Hạm đội : HQ-405, HQ-04 và Chi-Lăng
II.HQ-8
Nã đại bác, liên hồi vào khu rừng
rậm rạp
Khoá miệng sơn pháo , hỡi tội quân thù
Thung lũng hoang vu, khói lửa mịt mù
Thêm hỏa lực không quân, dội long
trời lở đất
Lực lượng Đặc biệt nương theo địa
hình địa vật
Bung vào trận địa, cận chiến với
Cộng nô
Tinh báo cho hay: bọn địch ở Vũng-Rô
1 Trung đoàn, thuộc Quân đoàn 5 Công sản
Nhiệm vụ tử thủ nơi đây giữ kho súng đạn
Từ Bắc chở vào cất giấu trong hang.

Những Chiến sĩ can trường “Lực Lượng
Đặc Biệt”
Suốt 3 ngày quần thảo với lũ sài lang
Đến chiều 19 tháng 2 (1965), quân ta
toàn thắng
Chiến lợi phẩm: Gồm 1 kho vũ khí
hạng nặng
Đại bác 57 ly, 2 Đại liên, 1000 trung liên,
1 hang chứa vũ khí cá nhân còn mới nguyên
Gồm 2000 Mauser, 150 Tiểu liên
Trung cộng,
300 Carbin và Tiểu liên Tiệp Khắc
Trên 1 triệu đạn súng cá nhân cùng đại bác
1 kho mìn cùng chất nổ hiệu Nga xô.
(hình: C)
Ta đã xóa sổ gọn một Trung đoàn Cộng nô

Thắng lợi hành quân, được ghi nhận
quá ư to tát
Đại Tướng Nguyễn-Khánh đã đến tận
nơi thị sát. (hình: D)
Tổng Tư Lệnh khen thưởng xứng đáng
tất cả chiến binh (hình E & G)
Chiến thắng này, lột trần mặt nạ Hồ-
Chí-Minh
Phản bội Hiệp định Genève, chủ trương
xâm lăng binh biến
Ngày hôm sau, Ủy hội Quốc-tế Kiểm-
soát Đình-chiến
Đến chiến trường, xác nhận: CSBV
xâm nhập Miền Nam
-o-

“Đại thắng Vũng-Rô”, Một chiến tích
vẻ vang
Chối lợi muôn đời những trang Quân
Sử Việt
- Bằng chứng hiển nhiên cho ngàn sau
rõ biết
Lũ Bắc Cộng đội lốt Giải phóng miền
Nam
Gây nên cuộc chiến tranh Nam Bắc
tương tàn
Đưa trọn Việt Nam vào ao tù Cộng Sản
- Người Linh VNCH, dù trên đường di tản
Vẫn luôn tự hào với “Đại Thắng
Vũng-Rô”!
Thực xứng danh: “Chiến-Sĩ diệt Cộng nô”

TRẦN QUỐC BẢO

Richmond, Virginia

Viết cho Ngày Quân Lực VNCH 19/6



(A) Bản đồ Vũng Rô

Ghi chú:

(x) Bài Thơ “Chiến Thắng Vũng Rô” này, là một tài liệu Quân-Sử, tác giả đã tham khảo tư liệu và được sự hiệu đính trực tiếp, của Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại (Houston,TX) và Đại Tá Từ Văn (Sacramento,CA)

.(1) Trong một phi vụ tấn thương, Trung Úy J.S.Bowers lái trực thăng UH.1B đã bay qua vùng Vũng Rô, cách Nha Trang khoảng 50 dặm.

.(2) Thiếu tá H.P.Rodgers, Cố vấn trưởng, Bộ Tư Lệnh Vùng 2 Duyên hải tại Nha-trang

.(3) Sau này ông Hồ-Văn-Kỳ-Thoại là Phó Đề Đốc Hải quân/QLVNCH

.(4) Ngay sau Trận Vũng Rô, Trung úy Từ Văn được gán lon Đại Úy (thăng cấp tại Mặt Trận) - Sau này ông Từ-Văn là Đại Tá/Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 5.BB/QLVNCH (Tư Lệnh SD 5 là Thiếu Tướng Lê Nguyên Vỹ - đã tuấn tiết 30/4/75)

Hình ảnh đính kèm: (6 hình ảnh tư liệu do PĐĐ.Hồ Văn Kỳ Thoại và ĐTá Từ Văn cung cấp)



(B) Thiếu Tá Hồ-Văn-Kỳ-Thoại (người thứ 1, trái) sau chiến thắng Vũng-Rô, được ân thưởng Bảo-Quốc Huân-Chương Bội Tinh kèm Anh-Dũng Bội-Tinh với nhành dương liễu, hình chụp chung cùng các Hạm trưởng Hải Quân (1965)



Rô, đang
xem chiến
lợi phẩm.

.(E) Tổng
Thống
Nguyễn
Văn Thiệu

gắn Đệ Ngũ Đảng Bảo Quốc Huân
Chương cho Trung Úy Từ Văn

.(C) Vũ khí, đạn dược, mìn chất nổ ...
tịch thu của VC sau trận Vũng-Rô

.(D) Thiếu Tá Hồ-Văn-Kỳ-Thoại
(quân phục màu xanh, người thứ 2 từ
trái) Chỉ huy cuộc Hành quân Vũng-
Rô; và - Đại Tướng Nguyễn-Khánh
(tay cầm thuốc lá, người thứ 2 từ
phải) đến thị sát Chiến trường Vũng-



(G) Trung ÚY Từ Văn (thứ 2 từ
trái) và các Chiến
Hữu, Trận Vũng
Rô đứng trước
Chiến lợi phẩm



PHU YEN
1965

DEPARTMENT OF DEFENSE
STILL MEDIA RECORDS CENTER
WASHINGTON, D.C. 20374-1601
ID#: CC-29881 // 1 - CC V-134
DATE: 20 Feb 1965
SERVICE:
PHOTOGRAPHER: Spec. 5 Allan K. Nole

Vietnam....Lt. Gen. Nguyen Khanh, commander in chief,
Vietnam Armed Forces, inspects some of the cases of
captured communist weapons and ammunition on the
beach prior to loading aboard a Vietnamese navy tank
landing ship for movement away from a cave where they
were temporarily hidden. More than 100 tons of
weapons and ammunition were captured by members of
the U.S. Special Forces aboard a large cargo vessel
sunk along the coast of Phu Yen Province. The
suspicious vessel was spotted by a U.S. helicopter
pilot flying along the coast.
OFFICIAL U.S. ARMY PHOTO (RELEASED)

Thơ Nhạc Ca Ngâm

+++++

Nguyễn Phú Long

Trong những chương trình giải trí của các trung tâm lớn sản xuất đĩa nhạc thường thường ngoài mấy bản đơn ca, song ca, hợp ca người ta đã gài vài tiết mục khác như một hai vở kịch ngắn hay màn giới thiệu áo dài mục đích để thay đổi không khí cũng là để cho đầy đĩa, cho đúng khoảng thời gian dự trữ.

Bây giờ tình thế đã khác xưa, nhất là tại hải ngoại, không gian lui tới xa xôi, thời gian tất bật, tuy thỉnh thoảng vẫn còn những hình thức đại nhạc hội tổ chức bán vé cho quý khán thính giả vào rạp tại một vài địa phương đông dân ngôi thường thức như Sài Gòn, nhưng một công đôi việc, mục đích chính là để tiêu vô đĩa nhựa rồi tung ra thị trường to rộng hơn, lợi hơn.

Những sản phẩm văn nghệ đó thực hiện công phụ, rất quý có thể giữ làm tài liệu, có thể mua về dễ dàng từ các tiệm thương mại, sách báo ngoài phố cho cả gia đình thưởng thức. Rồi lâu lâu ta còn mở xem lại vẫn ở nhà thoải mái khỏi phải di chuyển tới rạp đỡ tốn tiền và thì giờ.

Mặt khác chúng ta cũng có cơ hội thưởng thức ca nhạc khi tham dự các hội đoàn, cơ quan, tiệc cưới, sinh nhật,

ra mắt sách... nói chung là những khi tập hợp cùng sinh hoạt với nhau.

Trường hợp này đôi khi cũng thấy mời các ca sĩ chuyên nghiệp cho linh đình, nhưng nhiều phần chương trình văn nghệ do ban tổ chức địa phương tự đảm trách, ban nhạc cũng là địa phương để tiết kiệm. Nó mang tính tài tử, nhiệt tình, gần gũi. Còn vấn đề trình diễn thì khách mời cũng có thể đóng góp được, cũng chẳng cần đủ tiêu chuẩn nhà nghề, vì hát hay không bằng hay hát. Tuy nhiên thường rất ít mục diễn kịch mà đôi khi lại có ngâm thơ...

Ở đây ngâm thơ thường do người lớn tuổi ít biết hát, nhân trong buổi hội họp xung phong đóng góp, biểu diễn cho vui. Và đó cũng là trường hợp từ suy nghĩ của một số người chứ chẳng lẽ mấy vị này, chỉ biết ngồi khui chai nước ngọt dung lượng 2 lít ở trên bàn, gấp cục đá vào ly, mời chào, còn để người khác lo mọi chuyện, làm thế nó hơi có vẻ ít hợp tác, chia xẻ.

Vì lý do có tính cách hiềm hoi, bất chợt, tình cờ như vậy nên chuyện ngâm thơ tại hải ngoại, không hẳn là một bộ môn nghệ thuật sâu rộng phát triển cần nghiên cứu học tập.

Tuy không mấy phổ thông nhưng đôi khi chúng ta vẫn thấy có người yêu thơ với chất giọng thiên phú đã nhiệt tình, vô vị lợi, dốc lòng cống hiến bà con địa phương thưởng thức những vần điệu tuyệt vời khi có dịp như chị Hoàng Bạch Mai ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Còn nhớ hồi xưa có ban ngâm thơ Tao Đàn của đài phát thanh Sài Gòn, với thi sĩ Đinh Hùng đã làm say mê thính giả, nhất là mấy người lớn tuổi, vào ban đêm sau những ngày giờ làm việc mệt nhọc cần chút thư giãn thanh thoi.

Ta cũng không quên mấy ban ngâm thơ nổi tiếng tại quê nhà đã tụ tập nhau với các nghệ sĩ sử dụng những nhạc cụ, phần lớn là cổ truyền như đàn tranh, nguyệt, nhị, sáo. Tại Sài-Gòn có Hồng Vân, đã thực hiện những đĩa ngâm thơ giá trị giới thiệu các bài thơ bất hủ của các thi nhân nổi danh từ trước đến nay kể cả ít người hiện sống nơi hải ngoại gửi về nhờ thực hiện.

Thuở trước ngâm thơ thường do “tức cảnh sinh tình”, nổi hứng, bất chợt, ngẫu nhiên cho mình, cho bè bạn hoặc trước đám đông thí dụ như trường hợp bài Ngày Xưa Đi Học (trong tập Biệt Bao Nhiều tình, 2001) kể chuyện một ông Lão rong chơi sông núi, khi gặp các quan viên sở tại ở đình làng bèn ực chén rượu mời, trở tài, ngâm một bài thơ, rồi sau, vì vậy, được dân xã thôn đề nghị dừng bước sông hồ, mời ở lại làm ông Đồ dạy học:

Bây bước thành thơ rất thanh thoi!
Giữa đình, ứng khẩu, đọc khơi khơi

Bình, bình, trắc, trắc, bình, bình, trắc
Tình tứ, văn chương...đẹp tuyệt vời!

Làng xóm xầm xì...Ồ? Là nhĩ!
Ông đồ già xách túi rong chơi
Được neo ngồi lại “xoa” đầu trẻ
Lũ nhỏ ê a hải quá trời!

.....

Lúc đó không có âm nhạc hòa theo như bình thường bây giờ. Lúc đó nhiều trường hợp khác cũng vậy. Thơ tây phương cũng chỉ tụ họp nhau đọc nghe thôi, không đệm nhạc và không có ngâm như Việt Nam ta. Mà tiếng nhà nghề ngày nay gọi như thế là hát chay, ngâm chay. Một lần, năm 2016 khoảng tháng Mười, nhà văn Phạm Văn Tuấn ở thủ đô Washington đã gửi cho tôi qua một E-mail với nội dung tóm tắt như sau:

“Tại một buổi hội thơ của người Mỹ, các người Mỹ chỉ đọc thơ tiếng Mỹ. nhưng khi một thi sĩ Việt Nam tham dự và đóng góp vào buổi họp, thì thi sĩ Việt Nam này mang theo một nhạc sĩ thổi sáo, và một nhạc sĩ đệm đàn tranh...cả ba người vừa ngâm thơ, vừa thổi sáo vừa hòa đàn. Công việc “phối hợp nhạc và thơ” này làm cho các cử tọa Mỹ vỗ tay quá xá!”

Cũng xin xác nhận, ở đây, ngâm là động từ không phải danh từ. Cũng chẳng phải là nói đến một thể loại văn chương gọi: Ngâm thí dụ như Cung Oán Ngâm Chinh Phụ Ngâm mà Vũ Ngọc Phan bảo ngâm trước hát sau (Tục Ngữ Dân Ca Việt Nam 1978); còn Nguyễn Xuân Kính nói ngược lại (Thi Pháp Ca Dao, 1992).

“Ngâm thơ ở đây” có lẽ thoát thai từ đọc số, văn tế, và việc thôi xao của thi nhân thường làm sau khi sáng tác một bài thơ. Tôi nói “có lẽ” vì những mục này thường sảy ra lan man chỗ nọ nơi kia, lúc này thời khác không kiểm chứng được. Số, văn tế thì ai cũng biết, nay chỉ xin phép kể câu chuyện “Thôi Xao” như sau:

Hồi xưa, ở bên Tàu, có thí sinh tên Giả Đảo (779-843) đang trên đường về kinh ứng thí, ban đêm qua khu rừng thấy một ngôi chùa, bốn bề âm u tịch mịch, bèn làm hai câu thơ:

Điều túc tri trung tạo,

Tăng thời nguyệt hạ môn.

(Trên cảnh chim trú qua đêm

Cổng chùa sư đầy êm đêm dưới trăng.)

NPL tạm dịch thoát ý.

Song nghĩ lại, chữ Thôi (đầy) không đạt, vì giữa đêm khuya nhà chùa đóng cửa cài then làm sao đầy. Nên thay vào đó chữ Xao (gõ) có lẽ đúng hơn:

Điều túc tri trung tạo,

Tăng xao nguyệt hạ môn.

Về sau, thấy gõ cũng chẳng hay vì giữa khu rừng u tịch, tiếng gõ làm ồn ào, chim đang ngủ trên cành, hốt hoảng vỗ cánh bay xa, sẽ hư mất cảnh...thành ra anh ta ngồi trên lưng con lừa, tiếp tục nhịp bước, thu ngắn quãng đường đi, lúc mặt trời đã nhô lên xa xa, suy nghĩ mãi mà cũng chẳng biết quyết định sao!

Lúc đó quan Đại Doãn Hàn Dũ tự Thạo Chi một thi văn gia lớn, nổi tiếng đời Đường quê ở Nam Dương thuộc Đẳng Châu chợt đi qua, hết thấy mọi

người đều tôn trọng phải dạt ra tránh, riêng Giả Đảo vẫn nghênh ngang giữa lộ nên đã bị giữ lại khệp tội vô lễ.

Bầm quan Lớn...” Con chót hớ hênh ông xá tội...”...Giả Đảo trình bày cái lơ đãng của mình, thì ngay quan Hàn Dũ cũng phân vân không biết nên dùng chữ nào. Thôi hay Xao! Rồi hai người cùng bàn luận văn thơ và Giả Đảo được bỏ qua lỗi bất kính!

Chuyện chỉ có vậy. Nhưng đã nói lên từng chữ trong câu thơ nó quan trọng dường nào! Thôi và Xao có nghĩa khác nhau, quyết định dùng đúng trong một hoàn cảnh còn khó thể, huống chi những chữ cùng diễn tả về một ý nghĩa nhưng mức độ cao thấp, nặng nhẹ khác nhau. Thí dụ như: biết nhau, quen nhau, thân nhau, mến nhau, yêu nhau, thương nhau, lầy nhau...

Tiện đây xin mở đầu ngoặc nói thêm thơ Giả Đảo phong cách cô đơn thường là ngũ ngôn tứ tuyệt trầm tĩnh, ít bông bột có khi ba năm mới xong mấy câu, nguồn Wikipedia:

Nhị cú tam niên đắc

Nhất ngâm song lệ lưu.

(Ba năm làm được đôi câu

Một ngâm hai giọt lệ sâu tuôn rơi)

NPL tạm dịch thoát ý.

“Nhị cú tam niên đắc” thì hơi chậm, chẳng bù với bây giờ, nhất là người Việt mình, làm thơ nhanh quá, nhiều quá! Nơi tôi cũng có mấy nhà thơ, cầm bút cầm hơi mãi đến giờ, Chẳng phải cầu mong gì để lại, Mà cho thời khắc bớt ngu ngơ. Khép ngoặc.

Về sau người ta coi câu chuyện thôi xao như một sự tích, hai chữ “Thôi Xao” mang ý nghĩa, làm xong bài thơ nên thôi xao lại, tức là phải đọc, nghe, suy nghĩ, đắn đo, tính toán xem về âm điệu, ý tưởng, luật lệ có cần chỉnh sửa gì không rồi mới kể là xong việc. Mà đọc với tinh thần trân trọng để hết tâm hồn vào nội dung bài thơ như thế thì cũng như ngâm rồi!

Hoài Thanh trong tác phẩm “Chuyện Thơ” xuất bản năm 1978 do nhà Tác Phẩm Mới, ông viết: “Đối với việc ngâm thơ.... một số người cho rằng, thơ thì phải đọc mới tiếp thu được đúng nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Còn ngâm lên thì e rằng bài nào rồi cũng như bài nào. Một bài thơ mà được ngâm đúng cách thì sẽ có thêm rất nhiều sức để đi sâu vào tâm tư.”

Bùi Ngọc Tuấn bày tỏ: “Giống tôi, Nguyên Hồng không thích ngâm thơ, ghét nữa. Giọng véo von trầm bổng làm mất âm điệu ngôn ngữ. Nó giết chết nhạc của thơ”(Bùi Ngọc Tuấn, Góc Nhìn #305)

Tôi nghe vậy thấy hơi lạ, bán tín bán nghi, đối với những cây cổ thụ, nên “kính nhi viễn tri”. Nhưng vẫn yêu thích ngâm thơ. Tại sao ngâm lại làm mất âm điệu ngôn ngữ nhỉ? Ngược lại thì đúng hơn. Có điều một người ngâm bài thơ hai lần, cố gắng lắm nó cũng khó thể nào giống nhau hoàn toàn. Và không bao giờ có nhiều người “hợp ngâm” như ca khúc. Có lẽ lý do thơ không được chỉ định rõ ràng từng chữ

trường đoản cao thấp làm mực thước như âm nhạc. Vậy người ngâm bài thơ cũng là sáng tạo, tùy hứng, và chuyện ‘ngâm đúng cách’ của Hoài Thanh có thể vẫn du di được phần nào.

Tiếp theo xin, cải răng lược, nói sang lãnh vực ca nhạc đôi câu. Trình bày lời ca một bản nhạc người ca sĩ cứ theo mấy nốt có sẵn trầm bổng dài ngắn mà phát âm theo thôi, đã đành là cũng khó, rất khó, dễ thì ai chẳng làm ca sĩ được, nhưng tập luyện kỹ, nhiều và nhận xét học hỏi từ kẻ khác nữa, điều chỉnh đúng thì hy vọng ông trời không phụ.

Giọng Opera lấy hơi cả từ bụng, khó, không phù hợp với người mình nhiều, giọng tenor sắc nét, âm vực cao như xé không gian

tĩnh người, mà giọng thổ trầm trầm lừng khừng thông dong như tiếng đại hồ cầm thoải mái cũng quý. Do sự cấu tạo khác nhau về âm sắc, mỗi người lại có một chất giọng riêng, đặc biệt người nghe thì cứ nghe là biết ngay, ý thích khác nhau, âm thanh giống như màu sắc, nhân tâm tùy mạng mờ làm sao đồng lòng được.

Lý thuyết có lẽ như vậy nhưng từ lý thuyết đến thực hành cũng xa. Xin mạn phép quý nhạc sĩ, ca sĩ, tôi chẳng phải người trong nghề, chưa biết chắc đúng hay sai, xin cứ múa rìu tí cho đậm đà, cho le. Giả dụ về sau trường hợp có ý kiến chỉnh sửa hữu lý thì cũng là dịp học hỏi thêm, “quân tử” sẽ nói lại, không sao đâu!

Nhạc sĩ viết bản nhạc là để cho các ca sĩ trình bày, ca hát, trái lại tác phẩm của nhà thơ không chỉ nhằm một mục đích như thế cho nên các “ngâm sĩ” cần phải chọn lựa mấy áng thơ phù hợp những bài nào có thể đem ra trình bày cho khán thính giả được.

Tuy thơ và nhạc là hai bộ môn hỗ trợ nhau rất khăng khít. Nhiều nhạc sĩ đã lấy thơ phổ thành bài ca, nhiều bài ca có lời là mấy vần thơ tuyệt vời, điều đó hẳn mọi người biết rồi. Nhưng xin nhấn mạnh ở đây là đôi khi mở đầu trình bày ca khúc ca sĩ đã có sáng kiến chọn ngâm thêm vài câu thơ làm khán thính giả chú ý cũng là nét nghệ thuật độc đáo tỷ dụ như ca sĩ Hoàng Oanh vẫn thường biểu diễn.

Đôi khi, thay vì mở đầu, người ta đề mấy câu thơ ngâm ở giữa bản nhạc như bài “Đôi Câu Gửi Về” do ca sĩ Quỳnh Lan trình bày cũng hay.

Đoạn trên vừa giới thiệu sự kết hợp hài hòa giữa thơ và nhạc. Nay xin thêm, trường hợp đặc biệt, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đã sáng tác ca khúc Đò Dọc, tóm tắt và phỏng theo nội dung tiểu thuyết cùng tên của văn sĩ Bình Nguyên Lộc rất độc đáo.

Trường hợp “thơ nhạc giao duyên” (TNGD) bây giờ thấy không phổ biến. Tân cổ giao duyên thì vẫn còn. TNGD vắng bóng có lẽ vì muốn trình bày cần nhiều nhạc cụ khác nhau và hai diễn viên này ít liên hệ với nhau, khó hòa hợp. Một điểm quan trọng nói ra hơi thừa, vì ai cũng biết: Ngâm hay hát cần

phát ngôn rõ ràng có thể thì người nghe mới nắm được đại ý đầu đuôi.

Bây giờ chắc ít ai dám nghĩ chuyện đem trình bày cả vở kịch thơ trên sân khấu vì nhiều phần thiếu khán giả, không đủ sở hụi, mới lại khó kiếm nhiều kịch sĩ ngâm thơ, thí dụ vở Kiều Loan bốn màn nổi tiếng một thời với hơn mười vai chưa kể đám lính và lũ trẻ. Nhân tiện xin cảm ơn thi hữu Đoàn Ngọc Kiều Nga, con gái cung tiền bối Mai Lâm, đã tặng tôi tập kịch thơ rất hiếm này.

Trình bày bài thơ chẳng thể lập lại hai lần như trường hợp nhiều bản nhạc. Do đó theo ngu ý của tôi, thì bài thơ ngâm phải hơi dài, có cốt truyện và thời lượng cần khoảng bốn hay năm phút. Đừng giới thiệu những bài ngắn quá để cứ phải ngâm nga như thầy cúng ở cuối mỗi đoạn, câu thêm giờ, và riêng tôi, thể lục bát thì không dám trình bày nhiều đâu, rất khó, kinh nghiệm một lần khi đang ngâm đoạn mở đầu truyện Thúy Kiều, nó ô-tô-ma-tích chuyển sang cò lá, ru em, sa mạc... lúc nào không hay ngó quanh mấy khán thính giả ngủ gà, ngủ gật.

Còn một điểm khá quan trọng, dù hát hay ngâm cũng cần phải “diễn” nữa! Tuy diễn khi ngâm thơ giản dị, nhẹ nhàng hơn. Thí dụ cầm cái quạt phe phẩy hoặc cuốn sách khoan thai qua lại..

Hồi 75 bọn Ngổ vào Sài Gòn chẳng cho ca sĩ diễn tả như giơ tay cao quơ quơ nhìn vào bầu trời, mơ mộng tưởng tượng đang bắt con bướm trong không khí là chẳng được, phải đứng im mà hát

sau thấy làm thế là sai, đã sửa lại, đã cho nghệ sĩ trình diễn được tự do thả hồn sông với nội dung như cũ.

Đôi khi vì nhu cầu của bản nhạc, một mình ca sĩ diễn chưa đủ ta thấy còn nhiều người cùng xuất hiện phụ diễn để sân khấu thêm tung bừng, sôi nổi, hấp dẫn.

Hiện thời có vài chương trình ca nhạc truyền hình hàng tuần ca sĩ ngồi yên trên ghế để hát khiến cho phần diễn khó khăn có thể cũng là trở ngại làm họ không bày tỏ trọn vẹn được tinh thần bài bản.

Ngược lại khi thấy cặp song ca nam nữ vừa ca vừa diễn quá mùi có thể đó cũng là một trong nhiều lý do khiến ông chồng đề nghị vợ ở nhà “có rau ăn rau, có cháo ăn cháo” chẳng muốn cho tập luyện theo nghiệp cầm ca, môn nghệ thuật hấp dẫn, ăn khách hiện có giá trị đang được nhiều người mến chuộng.

Thực tế làng ca nhạc Việt Nam đã thấy nữ ca sĩ đi hát có bà mẹ luôn luôn đi cùng để chắc chắn sẵn sàng can thiệp lúc hữu sự. Còn cả trường hợp khác, không bao giờ song ca với ai.

Đây là tình trạng giữ gìn thuở trước, bây giờ, thời buổi tân tiến, chuyện nhỏ, và dù nhỏ đôi lúc vẫn không được chấp thuận thí dụ khi có kẻ muốn “khớp con ngựa ngựa ô...” đưa nàng về dinh, nhưng lại ra điều kiện là phải từ giã nghiệp cầm ca khiến “Nàng” cần suy nghĩ kỹ. Đây chẳng hẳn là “môn đăng hộ đối”, vẫn là chuyện tình, và mọi sự ở đời cũng nên cân nhắc, bỏ nghề ca hát sẽ nhận được gì, tiền bạc, danh vọng, hạnh phúc, có xứng đáng, ba-lăng không?

ĐÓN ĐƯA

Em vào với bạn với thầy,
Anh qua Bách Thảo ngó bầy cá bơi.
Mỗi người một ngã đôi nơi,
Cổng trường khép mở như hơi hơi rầu!

Râm ran tiếng nhạc ve sầu,
Uống ly nước mía, gắp câu chuyện tình,
Cỏ cây trong nắng lung linh,
Người qua, kẻ lại, chúng mình vẫn vương!

Tới giờ, trở lại cổng trường,
Em ôm cặp sách nhún nhường đẹp tươi,
Bước ra cùng đám đông người,
Thấy anh, cho một nụ cười thiết tha....

Em về bài vở cửa nhà,
Hẹn mai, ta lại như là bữa nay!
Miệt mài, đều đặn, mê say,
Công anh, kỷ niệm, chuỗi ngày tuổi thơ.

Nguyễn Phú Long.

Nhân mùa tựu trường 2017.

Nói đến trình diễn là nghĩ ngay đến sân khấu nơi các ca sĩ ngâm sĩ cầm micro hành nghề. Ở đó, tất cả các nghệ nhân ai nấy đều cố gắng sửa soạn, son phấn, ăn mặc rực rỡ. Đạo diễn chỉ bảo kỹ thuật tường tận. Những chiếc áo dài đặc biệt quê hương đôi khi đã được các nhà thiết kế sáng tạo tân kỳ: cổ hở, cộc tay vạt ngắn vạt dài, lũng lỗ tùm lum... và diễn viên biểu diễn đã làm độc

giả nhìn đôi khi cảm tưởng lạ lùng sững sốt. Ôi chao kia như họ chẳng mặc quần. Tuy nhiên rất may mới chỉ thấy những cảnh đó dưới ánh đèn màu rực rỡ thôi, ngoài phố chưa gặp, bót dừng xe!

Chắc ai này đều đồng ý là trên sân khấu, các diễn viên trẻ đẹp được ưa chuộng hơn, có ưu thế hơn. Còn nhớ:

“Ngày xưa có anh Trương Chi
Người thì thật xấu hát thì thật hay.”

Đó cũng là một thí dụ về sự thất bại, ôm hận, đòi đòi của...“Anh Trương Chi!!! Tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung... Anh thương nhớ oán trách cái cuộc từ ly nào nùng.” Còn biết mới đây đâu đó phát sinh kỹ thuật hát nhép, khán giả biết ngay, không ưa, nhiều kẻ la ó cho là lừa bịp.

Để kết thúc, lại có người nhận xét “với sự đa âm của ngôn ngữ thơ bên trời Tây, chả thể nào nghe có vần có điệu như những thể lục bát, song thất lục bát, tứ tuyệt hay thất ngôn bát cú của trời Đông nơi ngôn ngữ là độc âm” (Trịnh Bình An, Thơ Limerich, trích đặc san hội Cao Niên 2017).

Điều này đúng, nhưng theo tôi khi đem những thể thơ “của trời Đông” để ngâm lên dù chỉ với mục đích thưởng thức cũng vẫn khó khăn vô cùng.

Thực ra, nói chung, việc gì cũng khó. Nhưng với sự quyết tâm theo đuổi thì ca sĩ và cả “ngâm sĩ” nữa, những kẻ biết mình may mắn có tí chất giọng trời cho hơn người, nếu muốn, cứ tiếp tục nghiên cứu, sửa soạn, luyện tập vẫn hy vọng thành công, đạt mục đích.

Mục đích ấy là gì? Thành công như thế nào? Cố văn sĩ Võ Phiến mô tả

trong cuốn tùy bút “Sống và Viết” 1996, bài Nhà Văn:

”Ca hát cho người nghe, diễn kịch cho người xem, ngoài khoản thu tiền vé vào cửa, lại còn được hưởng thêm những tràng pháo tay kêu đôm đốp. Như vậy cung ứng cho các nhu cầu vật chất thì được đáp ứng bằng vật chất, mà cung ứng khoái thích tinh thần cho người đời thì ngoài khoản lợi lộc vật chất (vẫn thu kỹ) còn được đền đáp bằng lợi lộc tinh thần. Đừng nghĩ vật chất là “thực” tinh thần là “hư” mà xem nhẹ nó. Không nhẹ đâu.”

Thực vậy, sau đó tác giả liền kể một thí dụ về lợi lộc tinh thần “không nhẹ đâu” rất hấp dẫn, xin miễn chả nêu ra đây, bài cũng hơi dài. Võ Phiến lại chỉ đề cập tới ca hát và diễn kịch, chẳng lý tới ngâm thơ. Có thể vì ngâm thơ trên sân khấu bây giờ rất hãn hữu ít ỏi.



Nguyễn Phú Long
Tháng 6, 2017

BUỔI HỌC ĐẦU TIÊN

Trương Anh Thụy

Hôm nay ngày nhập học,
Con xách cặp đến trường
Mặt buồn thiu phụng phịu
Trông thương ơi là thương!

Mẹ dắt con đến lớp
Con chùn lại không vào
Cô giáo ra tận cửa
Mỉm cười, bắt tay chào

Bước theo Cô, miễn cưỡng
Đôi chân nặng như chì
Quay đầu nhìn trở lại
Như van mẹ: “Đừng đi!”

Mẹ rón rén ngồi xuống
Trên chiếc ghế góc phòng
Lầm lét con nhìn mẹ
Đôi mắt ướt lưng trông

Lần đầu tiên xa mẹ
Xa bố, xa ông bà
Con tưởng như trời đổ
Như vật đổi sao sa!

Nhớ hôm trước con hỏi:
“Cô giáo có yêu con?”
“Bạn là ai hở mẹ?”
“Họ trông có giống con?”

“Ở trường làm sao nói
“Khi muốn uống, muốn ăn?”

“Khi muốn đi phòng tắm?
“Khi con lỡ tè dầm ?”

Tuổi thơ sao sớm hiểu
Sớm biết liệu lo thân!
Thương con còn non nớt
Mẹ suy nghĩ bần thần...

Thoáng thấy con lơ đãng
Nhìn giấy dán trên tường
Mẹ lui mau lối cửa
Rồi biến mất ra đường

Tan trường mẹ trở lại
Hân hoan đón con về
Con ôm chầm lấy mẹ
Nước mắt dài lê thê... :

“Con không đi học nữa
“Con chẳng có ai chơi
“Con nói bằng tiếng Việt
“Cả lớp phá lên cười!”

Mẹ thương con đứt ruột
Nhưng vội mắng át ngay:
“Con tội hư quá nhỉ!
“Không bằng mấy anh mày!

“Con sẽ học tiếng Mỹ
“Sẽ có bạn nay mai
“Chúng nói một thứ tiếng
“Con nói được những hài.”

Đêm nay con nằm ngủ
Trần trọc mãi không yên
Mẹ vuốt ve khuyên nhủ:
“Lâu dần con sẽ quen

“Con khác bạn cùng lớp
“Vì con, người Việt Nam
“Từ xưa một giọng giống
“Văn hiến mấy ngàn năm

“Tổ tiên con: Nguyễn-Trãi,
“Lê-Lợi với Quang-Trung...
“Chuyện Hoa Lư, Thánh Gióng...
“Sáng ngời gương Triệu, Trưng...”

Bồng con lay tay Mẹ:
“Thôi! Thôi! Con nhớ rồi:
“Chuyện Cờ Lau tập trận
“Chuyện Phù Đổng lên Trời

“Con sẽ kể với bạn
“Cho chúng phục la... ăn... chơi... ơi...”
Chợt... giọng Con nhỏ hân...
Khò... Khò... Con ngủ rồi!



Bản dịch tiếng Anh:

The First Day of School

English version by Huynh Sanh Thong

Today is his first day of school
The child, with satchel, must go in—
wearing a face of gloom and doom,
poor boy, he looks so woebegone!

Mother will steer him to his class,
but here he balks and won't walk in.
The teacher, waiting at the door,
smiles a big smile and shakes his hand.

Against his will he follows her,
dragging his feet which feel like lead.
He turns his head and looking back,
he seems to plead, “Mom, please don't leave!”

So Mother tiptoes to a chair
and, in a corner, she sits down.
Meanwhile, the child keeps watching her
with furtive eyes that brim with tears.

For the first time he'll be away
from Mom and Dad, Grandpa, Grandma.
The child believes the sky will fall
and stars will tumble in their flight.

Recall the other day—he asked:
“But will the teacher care for me?
Who'll be my friends and play with me?
Will they look just like me or not?

“Tell me--- at school what should I say
if I would like to drink or eat,
if I must go to their rest room,
if I do wrong and wet my pants?”

He knows so much for his young age!
He sees ahead and makes his plans.

Poor boy, he's just a little kid,
and Mother worries for his sake.

The child's attention now is held
by colored posters on the walls.
So toward the exit Mother slides
and disappears into the street.

But after school she does come back:
in triumph she'll escort him home.
The child clasps her and won't let go
as down his cheeks the hot tears flow.

"Mother, I won't go back to school!
There was no one to play with me.
And when I spoke in Vietnamese,
They burst out laughing—all of them!"

It breaks her heart to hear these words,
but gently she chastises him:
"You're just too spoiled, my darling son.
Watch your big brothers and behave.

You'll be taught English --- you will learn;
soon you'll be making friends.
They speak one language --- only one.
Study, and you'll be speaking two!"

Tonight the child she tucks in bed
fidgets and frets and won't doze off.
Mother strokes him and softly says:
"You'll like it when you're used to school.

You're different from the other kids
because you are a Vietnamese.
Since long ago we've formed one race ---
Our history boasts four thousand years.

Your ancestors include Nguyen Trai, (1)
Le Loi, Quang Trung --- all worthy men. (2)
You know about Hoa Lu, Saint Giong. (3)
Such names as Trung and Trieu still shine... (4)

Suddenly the child shakes Mother's arm:
"Oh, I remember now those tales!
Reed tassels in war games were flags.
He flew to heaven, that Saint Giong!

I'll tell those stories to my friends:
their eyes will pop out, and they'll gasp..."
His voice trails off and then stops short.
A steady snore—he is asleep.

Translated by Huynh Sanh Thong
(An Anthology of Vietnamese Poems,
New Haven: Yale University Press,
1996).

[1] Nguyen Trai: Nguyen Phi Khanh (1336-1408) served Ho Quy Ly in a high post and shared his fate when Ho was toppled by the Minh invaders and taken as a prisoner of China in 1407. Legend has it that his son Nguyen Trai (1380-1442) wanted to accompany him into exile, but Phi Khanh told him to stay home and work for national liberation. Nguyen Trai was destined to become Le Loi's strategist and the architect of their ultimate victory over the Chinese in 1428.

[2] Quang Trung: the reign of Nguyen Hue (1752-1792), victorious peasant leader of the Tay Son revolt.

[3] Hoa Lu: the capital of Vietnam during the Dinh dynasty (968-980) and the Earlier Le dynasty (980-1009). A village in Ninh-binh Province, it was chosen as the capital by Dinh Bo Linh after he had triumphed over the other warlords and unified the country under his rule. Hoa Lu means "reed tassels." As legend has it, in his youth Dinh Bo Linh would lead fellow buffalo boys in war games, using reed tassels for flags.

Saint Giong: according to Vietnamese myth, the child hero who saved the country from the northern invaders and flew back to heaven after victory.

[4] Trung: In the first century of the Christian era, Vietnam was known as Chiao-chih (Giao-chi in Vietnamese) and was part of the Han empire. The tradition goes that the Chinese governor Su Ting (To Dinh) killed Trung Trac's husband, Thi Sach. After that incident, the widow and her younger sister Trung Nhi led a revolt that succeeded in toppling Chinese rule. The two women reigned briefly, from 40 to 43. Defeated by China's legendary Marshall Ma Yuan (Ma Vien), they either drowned themselves or were captured and executed,* according to various accounts. Lady Trieu: with her brother, she led a

rebellion against the Chinese in 248 CE.)

*Note from Truong Anh Thuy: The idea that the Trung Sisters were possibly "captured and executed" is just not plausible. With the intense hostility at the time, had the Trung Sisters actually fallen into the hands of the Chinese, their triumph would have been widely celebrated and documented. The Sisters would have certainly been savagely humiliated and violated before eventually being executed. The evidence of which would have been broadly and proudly propagandized by the Chinese. Yet, we have never seen any such evidence – only hearsay in their revisionist history.

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

THÔN VĨ DẠ

Thôn Vĩ Dạ - hiện nay thuộc phường Vĩ Dạ (Huế) - lấy tên « Từ gốc là Vĩ Dạ (- vĩ : lau, - dã : cánh đồng) nằm ở ngoại vi thành phố Huế, bên bờ sông Hương. Trước kia, nơi đây có nhiều vườn tược rất xinh xắn, nên thơ ; là nơi cư ngụ của nhiều vương hầu, quý tộc, danh sĩ thời trước. *Vĩ* được viết *i* ngắn, vì theo cách viết trong sách giáo khoa *Ngữ văn* đang hiện hành » (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia). Thôn Vĩ Dạ nổi tiếng từ xưa đến nay nhờ bài thơ « Đây thôn Vĩ Dạ » (lúc đầu gọi là *Ở đây thôn Vĩ Dạ*) của Hàn Mặc Tử :

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

*Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay ?*

*Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà ?*

VỸ DẠ mon amour

*Pourquoi ne venez-vous pas au village
Vĩ Dạ ?*

*Nous y admirerons ensemble le lever
du soleil*

*Dardant ses rayons lumineux sur les
rangées d'aréquiers*

*À l'avenant de ce jardin verdoyant,
resplendissant d'émeraude,*

*Qui appartient à celle dont le beau
visage de forme carrée*

*Se trouve dissimulé derrière le feuillage
de bambou éclairé.*

*Le vent poursuit sa direction et les
nuages leur course*

*Tout en effleurant le cours du fleuve
mélancolique*

*Et en secouant sur les deux rives les
fleurs de maïs...*

Quant au sampan anonyme,

*Amarré près de la berge du Fleuve au
reflet de Lune,*

*Serait-il en mesure de la transporter
chez nous pour cette nuit ?*

*Tu rêves toujours, ô bien-aimée, au
voyageur très lointain*

*Dans ta robe si blanche que tu
sembles irréelle...*

Te confondant avec la brume du matin

*Qui rend blafarde toute image humaine,
Comment, dans ces conditions, peut-
on savoir*

Toute l'intensité de ton amour pour moi?

(Traduction française de
Lê Mộng Nguyên)

Bài *Đây Thôn Vỹ Dạ* phản ánh một mối tình vô vọng của nhà thơ đối với người mình yêu tha thiết nhưng không bao giờ được gặp mặt « ... Mơ khách đường xa, khách đường xa, Áo em trắng quá nhìn không ra... », tương tự mối tình muôn thuở mà Félix Arvers ấp ủ trong tim, không bao giờ dám nói thẳng với Marie Nodier phải đi lấy chồng năm 1833 và trở thành Bà Marie Mennessier-Nodier :

Tình muôn thuở (Sonnet d'Arvers)

*Đời ta ôm ấp một mối tình
Mối tình muôn thuở mới sơ sinh
Tình không hy vọng, tình ngang trái
Mang bệnh thương này ta lặng thinh
Than ôi trong cuộc thế thẳng trâm
Bên cạnh em mà như xa xăm
Thời gian qua vẫn luôn cô quạnh
Không dám cầu xin, không nói năng
Em là thân diệu của tình si
Trong tâm lơ đãng có nghe gì
Trái tim đau khổ không hàn gấm
Âm thầm theo dấu bước em đi
Cho tròn tiết nghĩa vợ trung thành
Với chồng là phận gái đoan trinh
Xem thơ ta gửi em toàn vẹn
Không hiểu là thơ nói chuyện mình*

(Bản dịch sang Việt ngữ của Lê
Mộng Nguyên)

Theo Nguyễn Đình Niên (*Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mặc Tử* (Nxb SEACAEF, 2009) :
« ...những người đàn bà thi sĩ đã kinh

qua cuộc đời Hàn Mặc Tử, đó là : Hoàng Cúc, Mộng Cầm, Mai Đình và Thương Thương ». Wikipedia trích GS Nguyễn Đăng Mạnh nói về nguồn gốc hứng cảm của bài thơ *Đây thôn Vỹ Dạ* : « *Hồi làm nhân viên ở sở đặc điền Quy Nhơn, Hàn Mặc Tử có thắm yêu trộm nhớ đơn phương một cô gái người Huế tên là Hoàng Thị Kim Cúc, con ông chủ sở. Một thời gian sau, nhà thơ vào Sài Gòn làm báo, khi trở lại Quy Nhơn thì cô gái đã theo gia đình về Vỹ Dạ (Huế). Một buổi kia, cô Cúc do sự gợi ý của một người em thúc bá, bạn của Hàn Mặc Tử, gửi vào cho nhà thơ một tấm bưu ảnh (carte postale) chụp một phong cảnh sông nước có thuyền và bến, kèm theo mấy lời thăm hỏi để an ủi nhà thơ lúc này đã mắc hiểm nghèo (Bệnh phong) ». Lời thăm hỏi không ký tên, nhưng bức ảnh và những dòng chữ kia đã kích thích trí tưởng tượng, cảm hứng, và đã gợi dậy những gì thắm kín xa xưa của Hàn Mặc Tử... » (theo *Văn Học 11 tập 2*, Nxb Giáo dục, 2008, tr. 40...).*

Bài thơ « *Đây Thôn Vỹ Dạ* » làm tôi động lòng, và dưới một xúc cảm dạt dào, đã viết ngay trong chiều 25 tháng 4 – 1950, tại Huế (đường Gia Long) sáu tháng trước khi lên máy bay qua Pháp, bài nhạc lấy tên chính thức « **Về Chơi Thôn Vỹ** », cảm tác thơ « *Đây thôn Vỹ Dạ* » của Hàn Mặc Tử, để tặng hương hồn người thi sĩ đa tài nhưng bạc mệnh.

Về Chơi Thôn Vỹ (Nhạc và lời : Lê Mộng Nguyên)

*Chiều vàng gió thu reo mây mờ
Người về thăm chốn năm xưa
Sao ta không về chơi thôn Vỹ ?
Vườn nắn hàng cau, lá trúc lao xao, bờ
thu xuyên xao,
bến xưa còn loang nắng đào
Sao ta không về chơi thôn Vỹ ?
Nhớ người mắt biếc khuôn mặt chữ điền,
chiều chiều lai láng tình quê,
chờ ai ra đi không về
Gió lướt theo gió mây về đâu ?
Con sông này thu xưa mến thương nhiều
Này đây lối về năm trước còn ghi mấy
lời thề ước
Ai đi cho lòng đau thương
Chiều nay bước về năm xưa
Xào xạc bên hàng tre thưa
Bóng dáng ai hầu phai mờ
Chiều vàng lòng tha hương mong ngày về
Rồi cùng ai nối duyên tơ
Bao năm không hề quên thôn Vỹ
là bóng nắng thơ
nhớ nhung say sưa,
ngàn năm ước mơ,
hắt hiu lòng ta đợi chờ...*

Nhạc phẩm « Về Chơi Thôn Vỹ » của Lê Mộng Nguyên được đưa lên Trang Nhà « Nhạc Ngô Càn Chiếu » chiều ngày chủ nhật 26 tháng 06 – 2011, 16:26 (giờ Paris) thì tôi nhận được ngay trong ngày chủ nhật ấy (16:58), những cảm tưởng của nhà thơ Từ Nguyễn như sau :

« Lại được thưởng thức thêm một nhạc phẩm đặc biệt hay của nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên viết cho miền cổ hương, cho một mối tình thơ đang dở. Mọi dang dở đều gọi nên nhiều tiếc nhớ nhất là dang dở trong tình yêu. Chuyện xưa đã qua lâu, nỗi đau tình đã phai đi ít nhiều qua lớp bụi thời gian nhưng bằng bạc suốt cả chiều dài nhạc phẩm là những hoài niệm, luyện thương, có lúc lại tràn lên,



chất ngất. Trên nền ý thơ. “ Đây thôn Vỹ Dạ” của Hàn Mặc Tử, những cảm xúc về hình bóng một người thương đã xa khuất trời xa, trong mối tình bất toại, lại như càng tăng thêm muôn ngàn nỗi vọng... Cảm ơn nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, nhạc sĩ Võ Công Diên và ca sĩ Quốc Duy đã cho mọi người thưởng thức nhạc phẩm tuyệt vời này ! » Và cũng trong ngày chủ nhật 26/06/2011 nhà thơ Từ Nguyễn viết trên mạng lúc 17:36 : ... Nhân hôm nay nghe bài hát của nhạc sĩ mới gửi lên Site của nhạc sĩ Ngô Càn Chiếu (<http://www>.

ngocanchieu.net/ngocanchieu/audio),
thấy thật nhiều hoài niệm về một bóng
nàng thơ của Huế trong mỗi tình xưa...
Từ Nguyễn viết vội bài thơ này, gọi là
chút cảm hoài cho mỗi tình dang dở ngày
ấy bên sông Hương của nhạc sĩ. Mong sẽ
được nhạc sĩ và bạn bè đón nhận !

Người Thơ Năm Cũ (Thơ Từ Nguyễn do
Lê Mộng Nguyên phổ nhạc, với giọng ca
Quốc Duy và hòa âm Võ Công Điền) :

*Nàng thơ mắt biếc đã về đâu
Lá trúc vườn xưa mấy độ sâu
Mưa nắng bao mùa phai nhạt sắc
Bên dòng sông lặng có chờ nhau ?*

*Mặt chữ điền xưa có hắt hiu ?
Có đôi hàng cau ngấm nắng chiều
Nhớ một người đi xa vạn dặm
Nợ suốt đời dài một chữ yêu !*

*Bến vắng bên bờ Vỹ Dạ xưa
Khóm tre còn đội nắng, che mưa ?
Người bao năm trước ngồi chải tóc
Bây giờ đã bạc mái đầu chưa ?
Thôn Vỹ chưa một lần về lại
Xa xôi còn đó những miệt mài
Hỏi thăm chừng cũng nghe ngần ngại
Nỗi màu má ứa..., nỗi đời phai*

Nhạc Sĩ
Lê Mộng Nguyên
(Paris)

LA BOMBE

C'était un beau matin d'été
Le ciel était clair, les enfants dormaient encore
Dans leurs rêves de cerisiers blancs de neige
Ça ne ressemblait guère à Sodome et
Gomorrhe.
Elle se détachait des nuages de coton
L'enfant-née des Etats réunis
Sacrifiée au bout du continent rond
Si Einstein pouvait la blâmer ou la punir.

Comme un père Noël revenue de l'enfer
Maintenant que les gosses ont cessé de pleurer
Ce cadeau merveilleux venu du ciel
Dans sa toile de velours argenté
Elle est descendue du paradis lointain
De tous ses mythes maudits de l'histoire
Ses enfants chantaient sur le même refrain
Leurs voix s'élevaient au bout de l'île noire.

Au fond du cratère de mille et une nuits
Elle se déployait les ailes de poudre et de fer
Pour s'envoler vers un monde couronné de vies
Elle vous a bien eus, vous étiez trop sincères.
Aucun roi ne voulait vivre avec elle
Dans la honte des nouvelles générations
Et aucun dieu ne voulait l'adopter
Dans son royaume que le diable a tant rêvé

Diễm Hoa

Hiroshima Août 80

«LES PLUS DÉSESPÉRÉS SONT LES CHANTS LES PLUS BEAUX»

Phạm Trọng Lê

Ai có ý thơ này đầu tiên? Người thích thơ ai cũng biết rằng câu thơ là của thi sĩ lãng mạn Pháp Alfred de Musset (1810-1857). Nhưng Musset có phải là người đầu tiên có ý thơ này không? Không hẳn hoàn toàn như vậy. Bài viết này nêu lên một nghi vấn: Có thể thi sĩ Musset trong bài La Nuit de Mai đã có một câu mà ý chính giống một câu thơ của nhà thơ lãng mạn Anh Percy Bysshe Shelley (1792-1822) trong bài thơ To a Skylark.

[Nguyên văn bài thơ To a Skylark và đoạn thơ La Nuit de Mai trong hai websites dưới đây:

To a Skylark :

www.poetryfoundation.org/poems/45146/to-a-skylark

La Nuit de Mai :

Poesie.webnet.fr/lesgrandsclassiques/poemes/alfred-de-musset/la-nuit-de-mai.html]

Trong những mẩu đối thoại với Nàng Thơ (La Muse) trong La Nuit de Mai, nhân vật Thi sĩ (Le Poète) nghe nàng khuyến khích chàng cầm đàn lên, ý nói cầm bút lên. Nàng thơ trách chàng thi sĩ rằng nàng muốn bút ngọn cỏ dại trong vườn kia mà nàng ví với sự chây lười khiến chàng không còn cảm hứng sáng tác. Nàng nói: Không gì làm ta cao cả bằng

nỗi đau đớn khôn cùng, « Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur. »

Khổ đến mấy cũng đừng để tiếng nói của chàng phải câm nín. Đó là đoạn đầu của câu chuyện ngụ ngôn được gọi là Allégorie du pélican trong đó có câu:

«Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,
Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots.»



Alfred de Musset

Và câu chuyện đầy kịch tính bắt đầu bằng cảnh bò nông bố mỗi cánh từ ngoài biển trở lại bờ lau trong sương chiều, nhìn đàn con đói chạy ủa ra reo đón bố mang mồi ăn về. Nhưng tuyệt nhiên không kiếm được miếng mồi nào, bò nông bố như một ngư phủ u sầu, nó chậm rãi bước lên bờ đá cao, xòe

cánh che ấp đàn con, rồi phanh ngực mình moi ruột gan làm đồ ăn cho các con của nó. Trong câu chuyện này, theo Nàng Thơ—cũng là tiếng nói của Musset—Thi sĩ cũng chịu đau khổ khi tạo những vần thơ cho loài người, giống như chim bồ nông vậy, và đoạn thơ chấm dứt bằng những câu :

«Poète, c'est ainsi que font les grands poètes
Ils laissent s'égayer ceux qui vivent un temps;
Mais les festins humains qu'ils servent à
leurs fêtes
Ressemblent la plupart à ceux des pélicans.
Quand ils parlent ainsi d'espérances
trompées,
De tristesse et d'oubli, d'amour et de malheur,
Ce n'est pas un concert à dilater le cœur.
Leurs déclamations sont comme des épées:
Elles tracent dans l'air un cercle éblouissant;
Mais il y pend toujours quelque goutte de
sang.»

Thi nhân hỡi, khi mang tài nghệ,
Hiển cho người trần thế niềm vui.
Tạo thơ bao nỗi buồn ngùi,
Khác gì « tiệc máu » trút đời bồ nông.
Lời thơ tả nỗi lòng tê tái,
Nỗi buồn phiền, ân ái, khổ đau.
Tưởng đâu khúc nhạc giải sầu,
Lại là gương sắc nhiệm màu sáng trong.
Vạch không khí một vòng choáng mắt,
Giọt máu hồng, lay lắt còn treo.

(Tô Giang Tử (Nguyễn Quang
Nhạ) dịch, sách dẫn bên dưới, p. 338)

Theo Nàng Thơ, khi thi sĩ mang tài nghệ
hiển cho đời, lời thơ là sự cô đọng của
đau đớn, thống khổ, như bữa tiệc bồ
nông xả gan ruột mình cho các con ăn.
«Mais il y pend toujours quelque goutte
de sang.»

Theo trường phái lãng mạn, và theo gs
Robert Fotsing-Mangoua, thuộc đại học
Dschang (Cameroun)*, ý niệm rằng sự
đau khổ là động lực của sự sáng tạo
được gói ghém trong hai câu đã ghi ở
trên của Musset:

Les plus désespérés sont les chants les
plus beaux
Et j'en sais d'immortels qui sont de purs
sanglots.

Cũng theo wikipedia, Alfred de Musset
viết La Nuit de Mai, năm 1835. Nhà thơ
lãng mạn Anh Percy Bysshe Shelley viết
bài tụng ca (Ode) To a Skylark năm
1820, gồm 21 stanzas trong đó stanza 18
có những dòng thơ:

**We look before and after,
And pine for what is not.
Our sincerest laughter
With some pain is fraught
Our sweetest songs are those that tell
of saddest thought.**

(To a Skylark, 1820)
(Chúng ta hướng về tương lai/ ngoảnh
nhìn về quá khứ/khát khao những gì
không có/Ấn trong tiếng cười ròn rã/là
niềm đau xót khôn nguôi/Những lời êm
dịu ngọt ngào/lại là lời thật buồn bã).

Trong bài thơ này, Shelley tả giọng ca
của con chim chiến chiến skylark như
một con chim thần, vút cao tiếng hót trời
ban từ những đám mây cầu vồng bầy
sắc trên cao trải xuống trái đất những giai
điệu tuyệt vời.

(What thou art we know not;
What is most like thee?
From rainbow clouds there flow not
Drops so bright to see

As from thy presence showers a rain of melody)



Percy Bysshe Shelley

Tiếng hát của chim chiến chiến đem lại niềm hy vọng và hạnh phúc cho loài người mà họ không biết và thi sĩ muốn chim dạy cho mình cách diễn tả bằng lời thơ tiếng hát mình đang lắng nghe trong như dòng suối pha lê (« How could thy notes flow in such a crystal stream?»).

(Teach me half the gladness
That thy brain must know,
Such harmonious madness
From my lips would flow
The works should listen then, as I
am listening now.)

Câu thơ của Musset xuất hiện **sau câu thơ của Shelley 15 năm**.
Vậy Musset có thể đã mượn ý từ câu thơ của Shelley?

Musset chọn bối cảnh chim bồ nông moi ruột mình cho các con ăn; Shelley tả chim chiến chiến đem tiếng hát thiên thần làm vui lòng người. Cả hai cùng tả người thi sĩ sáng tạo lời thơ đem vui thú cho con người.

Hai câu có vài điểm **tương đồng** :

Musset

Shelley

Chants	songs
Désespérés	fraught
Immortels	sincerest laughter
Purs sanglots	saddest thought
Les chants les	our sweetest songs
plus beaux	

Hoàn cảnh sáng tác có thể không giống: Shelley viết bài To a Skylark vào một buổi tối tháng sáu 1820 sau khi nghe tiếng chim chiến chiến hát khi cùng vợ là Mary Shelley (tác giả cuốn Frankenstein), cùng nhau đi dạo ở Leghorn bên Ý. Ngày 8 tháng July, 1822, còn 1 tháng nữa thì được 30 tuổi, Shelley bị đắm thuyền chết đuối ở Vịnh Spezia thuộc Sardinia (Italy). Musset lúc đó mới 12 tuổi. Musset viết đoạn đối thoại La Nuit de Mai cùng mấy đoạn đối thoại khác khi đang trải một khủng hoảng vì mối tình sôi nổi với nữ văn sĩ George Sand ở Venise trong khoảng thời gian hè 1833 - tháng Ba 1835. Năm 1835 cũng là năm Musset viết La Nuit de Mai. Shelley và Musset cả hai cùng thuộc phái lãng mạn, công tử ăn diện bánh bao đúng mốt, sống hết mình đến mức trụy lạc (dandy débauché). Cùng đọc nhiều từ khi còn niên thiếu, Musset đỗ giải nhì concours general môn luận văn Latin mới 17; sau được vào hàn lâm viện Pháp cùng lúc với văn hào Balzac. Shelley học ở Eton và trong khi

ở Oxford, người sau kể lại chỉ nghe giảng một lần nhưng hàng ngày thường đọc sách tới 16 tiếng, sau bị đuổi năm 1811 vì viết cuốn sách mỏng *The Necessity of Atheism*. Shelley có thể coi như ngoài William Wordsworth, một lý-thuyết gia của trường phái romanticism tại Anh (tác giả *A defense of Poetry* trong đó ông cho rằng « poets are the unacknowledged legislators of the world ») và như Musset, cũng có mộng lớn về trách nhiệm của thi sĩ. Và ở hai câu trích trong bài, cả hai thi tài gặp nhau ở điểm chung là thơ là kết quả của sự đau khổ trần trọc của thi sĩ.

Thi sĩ Tô Giang Tử đã quảng diễn ý niệm của Musset rằng sự đau khổ như động lực chính cho sự sáng tạo trong bài « Tâm trạng Thi nhân »:

*Vất não làm thơ cống hiến đời
Nhưng đời nào hiểu tưởng trò chơi
Mông lung cảm hứng, so vắn, điệu,
Khắc khoải trầm tư lựa ý, lời...
Gọi khổ tha nhân, tâm thốn thức,
Khơi sáu vạn cổ, lệ đầy vơi...
Chen vai, sát cánh trên trần thế,
Mặc khách, tao nhân có mấy người ?*
Tô Giang Tử
(Trích trong Tuyển Tập Thi Phẩm
(McLean, VA, 1981, p. 465)

Vì ảnh hưởng sâu đậm của thơ Pháp trong chương trình học ở Việt Nam, hai câu thơ đáng nhớ nhất của Musset đã được một số văn thi sĩ/ dịch giả chuyển sang thơ Anh và thơ Việt. Vài tiêu biểu:

Nguyên văn:
***Les plus désespérés sont les chants
les plus beaux***

***Et j'en sais d'immortels qui sont de
purs sanglots***
(Alfred de Musset, *Nuit de Mai*, 1820)

**1-The sweetest songs are those that
sing of saddest thought
Some memorable ones I know that are
pure sobs.**

(Clare Nicolas White, trans. "A Night in May", 1989 in Katharine Washburn and John S. Major, eds. *WORD POETRY*. New York: W.W. Norton. Book-of-the-Month Club, Inc. 1998, p. 753.) Dịch bài *La Nuit de Mai* sang thơ Anh.

**2-Best are the songs most desperate
in their woe—
Immortal ones, which are pure sobs I know.**
(Source: Translation from Alfred de Musset.
<https://quod.lib.umich.edu/a/amverse/BAK3042.0001.001/1:29?rgn=div1>
p. 239.) Dịch sang thơ Anh những bài *La Nuit de Mai* (p. 238-239) và *La Nuit d'Octobre* (pp. 241-253).

**3- Càng thất vọng thơ càng tuyệt diệu
Nức nở vẫn, nhạc điệu ngàn thu.**
(Tô Giang Tử, Tuyển Tập Thi Phẩm.
McLean, VA., 1981, p. 337.)
Dịch bài *La Nuit de Mai* sang thơ Việt.

**4- Những gì tuyệt vọng trên đời
Là lời hát thật tuyệt vời tung bay
Trong thiên thu với ngàn mây
Nghe như nức nở với đầy đau thương**

(Anh Độ Đỗ Cẩm Khê, Hương Tinh: Thơ,
Falls Church, VA: Phổ Thông, 1995, p. 37.)
Chỉ dịch hai câu của Musset.

5- Tươi đẹp nhất những bài ca tuyệt vọng Vang ngàn thu tiếng nước nở náo nùng.

(Trần Mai Châu, Thơ Pháp Thế Kỷ XIX, TP HCM: Nxb Trẻ, 1995, p. 91).
Dịch giả Trần Mai Châu, ngoài La Nuit de Mai, còn dịch La Nuit d'Aou[^]t, và La Nuit d'Octobre, sang thơ Việt, pp. 86-105.

6- Lời thơ tuyệt vọng ở đời Là bài ca đẹp tuyệt vời khó quên Lời thơ bất hủ lưu truyền Là lời than khóc nỗi niềm thương đau

(Hà Bình Trung, "Sơ Lược Thi Ca Pháp Quốc Qua Các Thời Đại," in trong Tập san Văn Phong, số 5 & 6, 1-1-2000, tr. 27).
Chỉ dịch hai câu của Musset.

=>**Giới hạn của bài viết:** Tuy bài viết này có nêu nghi vấn rằng Alfred de Musset trong bài La Nuit du Mai có thể đã mượn ý thơ của Percy Bysshe Shelley trong bài To a Skylark nhưng, để lập luận được vững vàng hơn, cần có thêm tài liệu (như thư riêng, nhật ký, hay thư từ của những bạn thân, hay bản nháp bài thơ còn giữ lại, hay hồi ức của hai nhà thơ này, nhất là những tài liệu về tiến trình sáng tạo bài thơ La Nuit de Mai, nhất là những năm 1833-1835 của Musset. Nếu không thì hai câu thơ của Musset và Shelley, tuy viết ở hai thời điểm khác nhau, và có những điểm tương đồng, chỉ có thể coi là một sự trùng hợp văn chương ngẫu nhiên. Sự tiếp tục tìm tòi khảo cứu có thể là một đề tài cho một tiểu luận senior thesis của sinh viên văn chương?

Additions. Nhạc

-Ruggiero Leoncavallo, La Nuit de Mai.
Nello Santi, conductor (1886)

<http://www.youtube.com/watch?v=ARxU8CaIVQ>

-Placido Domingo sings "La Nuit de Mai" by Leoncavallo, Lang Lang, pianist.
Orchestra Teatro Comunale di Bologna, Alberto Veronesi, conductor.

http://www.youtube.com/watch?v=f3HiT9i8U_E
Note: Youtube này nghe không rõ.

- en.m.wikipedia.org/wiki/Percy_Bysshe_Shelley
- fr.m.wikipedia.org/wiki/Alfred_de_Musset

-*Tóm tắt ý chính được tả kỹ hơn dưới đề tài "rapport entre la souffrance et la poésie," trong bài Allégorie du Pélican, của M. Robert Fotsing-Mangoua, professeur à l'université de Dschang (Cameroun).

- michel-parpere.pagesperso-orange.fr/pedago/sq4_poesie/GT4/docs/01_Musset_cours.pdf

- <https://www.cliffsnotes.com/literature/s/shelleys-poems/summary-and-analysis/to-a-skylark>.

Học sinh hay sinh viên văn chương thường dùng bộ CliffNotes để giúp nhớ những nhân vật và chi tiết trong một tác phẩm.

-Viết xong tại Virginia, August 20, 2017



PTLệ



RỪNG MƠ

Hôm nay nắng chưa về
 Mưa phùn dài lê thê
 Áng mây giăng đầu ngõ
 Gió bay thổi tóc thề
 Chiều thu trong rừng vắng
 Lá khô rơi từng cánh
 Trong không gian trầm lắng
 Ta yêu ngày có mưa
 Thác rơi đẹp nào nề
 Đôi ta chung bước về
 Con đường mòn bên sông
 Nước chảy theo đời thông
 Xa xa đằng trước mặt
 Cặp nai vàng thủng thẳng
 Cùng nhau vui nhớn nhor
 Lá vàng đẹp cảnh thơ
 Hương lòng ta lâng lâng
 Tình ta trải mênh mông
 Như nai vàng bên suối
 Ta nhẹ gót rừng mơ

Cảm hứng sau khi đi Great Falls

Diệm Trân

BÀI TANGO ĐÊM GIÁNG SINH

*Chút gì chợt đến rồi đi
 Ôi buồn như vết chim di xa ngàn
 Lá buồn chiếc cuối bay sang
 Âm thầm như thể đồ ngang không người.*

*Như em, xây mộng bằng đời
 Còn anh, xây mộng bằng lời thế gian
 Phút đầu, xao xuyến ngõ ngang
 Tơ duyên là nỗi bể bàng... khó quên.*

*Đêm huyền chân ngọc ướm mềm
 Noel hương ngát, thoáng miền dấu môi
 Tango dịu dặt gọi mời
 Nghe trong ánh mắt, buồn chơi vơi buồn..*

*Vòng tay, điệu nhạc quay cuồng
 Đền lung linh bóng, rượu lâng lâng tàn
 Bên em, say đắm dịu dàng
 Tình chưa hò hẹn, lệ tràn thấm tim...*

VA, Christmas Eve, 2003

Bùi Thanh Tiên



Bài Tango
Đêm Giăng Sinh.

Hợp: Bùi Thước, Tiến
Nhạc: Đinh Hùng

TANGO (T.115)

(Intro... Am C F ET Am 9

Am C F ET Am

...) Cứ ngỡ chợt đến rồi đi ! ôi buồn như vết chim đi xa ngàn . Lá
bướm chực cười bay sang . Âm thầm như thể' đó ngang không ngờ như
em xây mộng bồng dờ . Con Anh xây mộng bồng lơ' thể' gần phút
đầu xo xuyến ngỡ ngỡ . Tổ duyên là rồi về bằng khó quên . Đêm
huyền như ngọn vệt năm . Nổi hương ngọt ngào miền đất mới . Tan-
-go dịu dặt gọi mời . Nghe trong ánh mắt buồn chờ với buồn ! Vong
tay trên nhạc quay xoay . Bên lưng lưng bóng rười rượi lắt lắt tàn . Bên
em say đắm dịu dàng . Tình chưa hề hết lệ tràn thấm tim. (cuối)

Bên Em say đắm dịu dàng . Tình chưa hề hết lệ tràn thấm tim.

SƠ LƯỢC NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM TIỀN BÁN THẾ KỶ 20

+++++

Tạ Quang Khôi

Nói tới nền văn học của một nước dù chỉ nửa thế kỷ trong một bài ngắn chúng tôi sẽ nông cạn, hời hợt, nhất là văn học nửa thế kỷ đầu 20 của Việt Nam rất phong phú. Vì thế, chúng tôi cố gắng chỉ nói tới những điểm chính, quan trọng. Dù vậy, chúng tôi vẫn tin là sẽ thiếu sót rất nhiều. Dám mong quý vị thông cảm và lượng thứ.



Nền văn học Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ 20 rất quan trọng trong văn học sử. Sau gần mười thế kỷ, chúng ta phải mượn chữ Hán làm chữ viết chính để sáng tác và để dùng trong các kỳ thi tuyển chọn nhân tài. Chữ Nôm, được Hàn Thuyên, đời nhà Trần, sáng chế vào thế kỷ thứ 13, cũng chỉ là một thứ chữ ghép chữ Hán để có thể phát âm tiếng Việt Nhưng chữ Nôm không thông dụng vì không được triều đình dùng trong các khoa thi. Chỉ có Quang Trung đại đế, triều đại Tây Sơn muốn đề cao tinh thần tự chủ đã mở khoa thi tuyển nhân tài bằng chữ Nôm. Nhưng triều đại này quá ngắn, nên chưa gây được ảnh hưởng gì trong dân gian. Trong khi



đó, các nhà nho còn dè dặt, chèn là “nôm na mach què”.

Đến đầu thế kỷ 20, văn học Việt Nam có nhiều biến chuyển quan trọng.

Trước hết là việc dùng chữ quốc ngữ mẫu tự La Tinh để sáng tác. Chúng ta đều biết rằng loại chữ này đã được một nhóm các tu sĩ Thiên Chúa giáo người Tây phương sáng chế vào giữa thế kỷ 17 với mục đích truyền đạo mà người có công nhất là linh mục Alexandre de Rhodes. Đến giữa thế kỷ 19, Pétrus Trương Vĩnh Ký là người Việt Nam đầu tiên

dùng loại chữ này để viết sách. Nhưng vào hồi đó, Hán học còn thịnh, người ta không chú ý đến sách của ông, dù có những cuốn rất giá trị, như Kim Vân Kiều của Nguyễn



Phạm Quỳnh, chủ bút trẻ của tạp chí Nam Phong

Du, Đại Nam Quốc Sử Ký Diễn Ca...

Một biến chuyển khác cũng rất quan trọng là việc triều đình Huế bãi bỏ các kỳ thi Hán Học. Kỳ thi Hương cuối cùng ở Bắc kỳ là năm Ất Mão (1915) và ở Huế là năm Mậu Ngọ (1918). Trong kỳ thi Mậu Ngọ này, các thí sinh đã phải làm những bài thi bằng chữ quốc ngữ, như luận, toán và sử địa. Không những thế, Pháp văn cũng đã được dùng để khảo hạch thí sinh. Rồi năm Kỷ Mùi (1919) là khóa thi Hội cuối cùng ở Huế mà cũng là khóa thi cuối cùng trên toàn quốc. Như vậy là Hán học đã thực sự cáo chung. Còn thi cử còn người theo học, không thi nữa, người ta học để làm gì?

Khi Hán học suy tàn, chữ quốc ngữ được trọng dụng. Thật ra, học chữ quốc ngữ dễ hơn học chữ Hán rất nhiều. Người ta chỉ cần ba hay bốn tháng đã có thể đọc sách báo được.

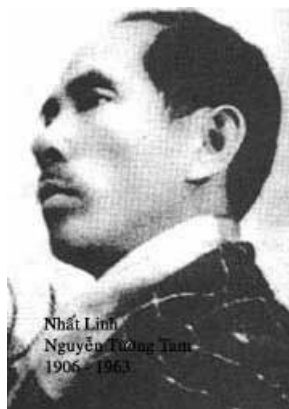
Năm 1913, Nguyễn Văn Vĩnh xuất bản **Đông Dương Tạp Chí**, mở đầu một giai đoạn mới trong nền văn học Việt Nam. Đông Dương Tạp Chí là một tờ tuần báo, ban biên tập gồm cả những người Tây học cũng như Hán học. Đến giữa năm 1917,



Nguyễn Văn Vĩnh

Phạm Quỳnh phát hành tờ nguyệt san **Nam Phong tạp chí**, Cả hai báo đều đặt tòa soạn ở Hà Nội và được coi như hai luồng gió mới thổi vào nền văn học Việt Nam khiến cho chữ quốc ngữ phát triển nhanh

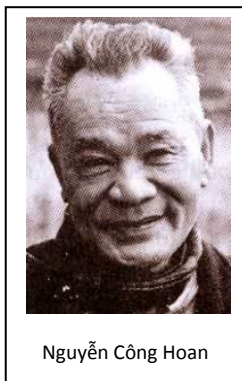
chóng hơn. Người ta thấy đã có nhiều nhà văn, nhà thơ xuất hiện. Các thi sĩ nổi tiếng vào buổi đầu ấy là Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Tương Phố, Đông Hồ, Mộng Tuyết... Vào thập niên 1920, hai nhà văn viết tiểu thuyết dài xuất hiện trên văn đàn là Song An Hoàng Ngọc Phách với tác phẩm **Tổ Tâm**, xuất bản năm 1922 và Hồ Biểu Chánh với nhiều tác phẩm, như : **Cay Đắng Mùa đời, Chút Phận Linh Đình, Tỉnh Mộng...** đa số đăng trong Phụ Nữ Tân Văn ở trong Nam.



Thập niên 1930 là thời kỳ mà nền văn học Việt Nam phát triển đến cùng cực. Gần bảy mươi nhà văn xuất hiện với những tác phẩm giá trị. Nhiều nhóm văn học hay văn đoàn đã được thành lập với những chủ trương khác nhau. Nổi bật nhất là Tự Lực Văn Đoàn với Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng... hô hào cải cách xã hội; nhóm Hàn Thuyên với Trương Tửu Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Đức Quỳnh... chủ trương cách mạng theo đường lối của đệ tứ quốc tế... Giai đoạn này có thể coi như giai đoạn “Trăm hoa đua nở” của nền văn học Việt Nam. Việc “hoa đua nở” cũng nhờ một

phần ở thủ tướng Pháp Léon Blum có khuynh hướng xã hội, nói lỏng phần nào vòng kiểm soát thuộc địa, cho báo chí được một chút tự do ngôn luận. Trong bài này, vì số trang có hạn, chúng tôi chỉ xin nhắc lại một vài điểm đặc biệt.

Trước hết, có thể coi như nổi bật nhất trong thời kỳ này là chuyện cải cách xã hội, phần đối tệt nạn mẹ chồng hành hạ con dâu, coi con dâu như đây tở. Nhà văn Nhất Linh trong Tự Lực Văn Đoàn viết truyện Đoạn

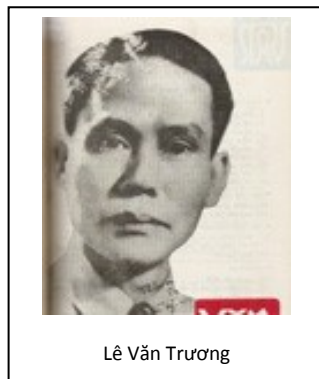


Tuyệt để hô hào bãi bỏ hủ tục làm dâu. Loan là một cô gái mới, có học nên có tư tưởng tiến bộ, phải vâng lời cha mẹ để lấy Thân, con bà Phán Lợi. Thân ít học và nhu nhược, chỉ biết nghe lời mẹ. Hai vợ chồng không hợp nhau nên gia đình lúng cụng dù Loan đã cố gắng chịu đựng. Rồi trong một buổi tối, có chuyện xích mích xảy ra giữa mẹ chồng con dâu, bà Phán đánh Loan, nàng chỉ né tránh, không dám phản ứng lại. Nhưng trong khi né tránh nàng đã vô ý làm bà té. Thân tưởng vợ đánh mẹ nên nhảy vào can thiệp. chàng lấy một chiếc lọ đồng để làm khí giới. Loan hoảng sợ phải vợ vội lấy một con dao díp rọc giấy để tự vệ. Trong khi giằng co, nàng ngã xuống giường, Thân cũng mất trớn, ngã theo, nằm đè lên con dao vợ đang cầm, không ngờ dao đâm trúng tim.

Khi ra tòa, Loan được trắng án vì không cố ý giết chồng. Nhưng độc giả thắc mắc không lẽ muốn giải quyết nạn làm dâu trong xã hội Việt Nam người ta phải dùng tới biện pháp tàn bạo như vậy, dù chỉ là vô ý?

Trong khi đó, cũng đề cập tới chuyện mẹ chồng con dâu, nhà văn Nguyễn Công Hoan viết truyện **Cô Giáo Minh** để bày tỏ quan điểm của mình. Cuộc đời làm dâu của cô giáo Minh cực khổ ngay từ lúc làm đám cưới. Mẹ chết, không được lo việc ma chay cho mẹ, phải mặc áo cô dâu để về nhà chồng trong một đám cưới chạy tang.

Nhưng cuối cùng, tác giả cho cô giáo Minh hòa thuận với nhà chồng trong tinh thần đại gia đình. Minh tỏ ra là một người rất chịu đựng và cao thượng. Cô



không hề thù ghét những người đã hành hạ cô. Không những thế, khi trúng số một vạn đồng lại đem nửa số tiền đó ra để cứu gia đình cô em chồng, người đã từng hành hạ cô khi chưa ở riêng, và nửa kia đứng tên mẹ chồng tặng một hội thiện. Vào thập niên 1930 một vạn bạc (10 ngàn đồng) là một tài sản rất lớn. Lương công chức cao cấp chỉ hơn một trăm. Cái cao thượng của cô giáo Minh nhiều người cho là không đúng thực tế. Phải chăng Nguyễn Công Hoan muốn đề cao nghề dạy học vì chính ông cũng là một nhà giáo? Thật ra, nghề

nào cũng có người tốt người xấu, nhưng nếu đề cao một người quá mức sẽ trở thành lối bịch và xa thực tế.

Muốn cải cách một xã hội mà hai tác giả đã nêu lên hai giải pháp khác hẳn nhau. Một đảng thì quá khích, dù chỉ là vô ý đâm chết chồng; một đảng thì chịu đựng quá sức tưởng tượng như không còn nhân phẩm nữa. Chuyện mẹ chồng hành hạ con dâu là một khía cạnh của nền văn hóa cổ Việt Nam đã có từ nhiều thế kỷ không thể nhất thời mà hủy bỏ ngay được, vì còn tùy thuộc ở tâm lý con người và hoàn cảnh xã hội. Không phải cứ đi học và có tư tưởng mới là có thể theo mới được. Mấy chục năm sau này, nhiều gia đình vẫn còn lung củng về chuyện mẹ chồng con dâu.

Đó là cuộc tranh chấp mới cũ được các nhà văn đề cập tới trong những năm của thập niên 30. Nhưng không phải tất cả các nhà văn, nhà thơ trong thời kỳ đó quan tâm đến cuộc tranh chấp này. Nhiều nhà văn có những khuynh hướng khác nhau. Vì thế, nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan đã xếp loại các nhà văn theo khuynh hướng của họ như sau : phong tục, luận đề, luân lý, truyền kỳ, phóng sự, hoạt kê, tả chân, xã hội, tình cảm, v.v...

Chúng tôi chỉ có thể đề cập tới một số nhà văn tiêu biểu của giai đoạn đó mà thôi, dù rằng nhiều nhà văn hay nhà thơ khác cũng có nhiều giá trị.

Trước hết, chúng tôi xin nói tới Khái Hưng mà Vũ Ngọc Phan xếp vào loại các nhà văn có khuynh hướng viết về phong tục. Trong Tự Lực Văn Đoàn, Khái Hưng là người được độc giả hâm mộ không thua gì Nhất Linh. Ông đã xuất bản nhiều tác

phẩm, như : Hồn Bướm Mơ Tiên, Nửa Chừng Xuân, Tiều Sơn Tráng Sĩ, Đẹp.... Văn của ông nhẹ nhàng, trong sáng. Nhiều người cho rằng ông đã bị ảnh hưởng lối văn của Alphonse Daudet, một nhà văn Pháp sống vào cuối thế kỷ 19. Hồi đó, có người thắc mắc tại sao Khái Hưng cùng chí hướng với Nhất Linh và Hoàng Đạo lại không có tính cách tranh đấu như hai nhà văn này? Cho mãi đến khi Việt Minh cướp chính quyền vào tháng 8 năm 1945 ông mới trở thành một nhà báo tranh đấu quyết liệt. Với bút hiệu “Chàng Lăn Thẩn” ông đã viết những bài phiếm luận trong báo Việt Nam của Việt Nam Quốc Dân Đảng để đả kích cộng sản. Lối viết của Chàng Lăn Thẩn rất độc đáo, tế nhị và sắc bén đến nỗi các chuyên viên tuyên truyền cũng như các nhà báo của Việt Minh không thể đối đáp được, đành giữ im lặng. Có lần chúng phải đem công an tới tấn công tòa báo ở phố Quan Thánh, Hà Nội. Khi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ vào cuối tháng 12 năm 1946, Gia đình Khái Hưng phải tản cư về phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Ông liền bị Việt Minh bắt rồi cho vào bao tải dìm xuống sông Cự Đà thuộc huyện Trực Ninh cho chết.

Khái Hưng ít làm thơ, nhưng bài thơ ông dịch dưới đây được nhiều người ca tụng:



Khái Hưng

Tình tuyệt vọng

**Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu.
Tình tuyệt vọng, mối thảm sầu,
Mà người gieo thảm như hâu không hay.
Hỡi ôi, người đó, ta đây,
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân?
Dẫu ta đi trọn đường trần,
Chuyện riêng dễ dắm một lần hé môi.
Người dù ngọc nói, hoa cười,
Nhìn ta như thể nhìn người không quen.
Đường đời lạng lẽ bước tiên,
Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình.
Một niềm tiết liệt đoan trinh,
Xem thơ nào biết có mình ở trong.
Ngậm ngùi lòng tự hỏi lòng,
Người đâu ta ở những dòng thơ đây?**

(Sonnet d'Arvers)

Người thứ hai chúng tôi nhắc tới là nhà văn Lê Văn Trương. Ông được Vũ Ngọc Phan xếp vào khuynh hướng luân lý. Văn của họ Lê không có gì đặc sắc mà luân lý của ông cũng không phải là một thứ luân lý cao siêu, chỉ là những điều giáo huấn bình thường, như tôi phải trung với vua, vợ phải hết lòng với chồng, con phải có hiếu với cha mẹ... Nhưng ông có một biệt tài là viết rất nhanh và rất nhiều, một tháng có thể xuất bản mấy cuốn sách. Ông được các độc giả bậc trung rất ái mộ. Những tác phẩm nổi tiếng của ông là: Trường Đời, Người Anh Cả, Tôi là Mẹ, Lòng Mẹ, Cô Thơm, Một Lương Tâm Trong Gió Lốc... Thời đó, vì ông giảng đạo đức nhiều quá, một số nhà phê bình gọi ông là một “Người Hùng”.

Sau này, chúng tôi có hân hạnh được gặp “Người Hùng” ở Saigon, nhưng tiếc rằng ông đã lẩn nên chúng tôi không học hỏi được điều gì mới lạ về kỹ thuật viết tiểu thuyết của ông. Suốt ngày ông chỉ đi tìm và nói chuyện về một bản thảo bị thất lạc. Ông cho rằng nếu bản thảo này được in thành sách có thể sẽ được giải thưởng Nobel về văn chương. Nhưng chính ông cũng không nhớ tựa đề cuốn sách đã viết xong.

Nhà văn tiền chiến thứ ba chúng tôi nói đến ở đây là Nguyễn Tuân. Vũ Ngọc Phan xếp Nguyễn Tuân vào khuynh hướng Bút ký. Tác phẩm của ông gồm có: Vang Bóng Một Thời, Chiếc Lư Đồng Mắt Cua, Một Chuyến Đi, Thiếu Quê Hương...

Vũ Ngọc Phan nhận xét về Vang Bóng Một Thời như sau:

Tác phẩm đầu tay của ông là một văn phẩm gần tới sự toàn thiện toàn mỹ. Đó là tập Vang Bóng Một Thời (Tân Dân – Hanoi, 1940).

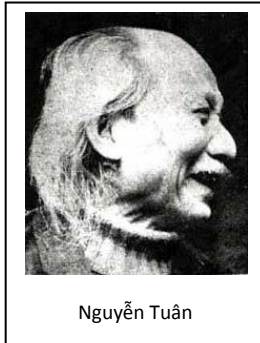
....

Đọc “Vang Bóng Một Thời” của Nguyễn Tuân, người ta cũng có một cảm tưởng gần giống như những cảm tưởng trong khi ngắm một bức họa cổ. Gần giống, vì họa sĩ, tác giả bức cổ họa, là người thời xưa có cái óc của thời mình và có những nét, những màu của thời mình; còn tác giả “Vang Bóng Một Thời” chỉ là người khơi đóng tro tàn của dĩ vãng để bày lại trước mắt ta những cái ta đã biết qua hay chưa biết rõ.

(Nhà Văn Hiện Đại, Quyển ba, trang 6)

Cuối cùng, Vũ Ngọc Phan kết luận về Nguyễn Tuân như sau:

Chỉ người ưa suy xét đọc Nguyễn Tuân mới thấy thú vị, vì văn Nguyễn Tuân không phải thứ văn để người nông nổi thưởng thức. Một ngày không xa, khi mà văn chương Việt Nam được người Việt Nam ham chuộng hơn bây giờ, tôi dám chắc những văn phẩm của Nguyễn Tuân sẽ còn có một địa vị xứng đáng hơn nữa.



Nguyễn Tuân

Nhưng tiếc rằng khi người Việt Nam ham chuộng văn chương Việt Nam thì Nguyễn Tuân đã đi theo cộng sản để viết những bài tuyên truyền rẻ tiền và trơ trẽn, xa hẳn sự thật. Về cuộc tấn công của Việt cộng vào Tết Mậu Thân năm 1968, tất cả dân miền Nam đều biết Việt cộng đã thất bại nặng nề, vậy mà Nguyễn Tuân viết bút ký ca tụng “thắng lợi vĩ đại” của cộng sản trong trận tổng tấn công này. Trong bài bút ký “Saigon Tổng Mỹ”, in trong Tuyển Tập Nguyễn Tuân, quyển 2, trang 247, do Nhà Xuất Bản Văn Học ở Hà Nội ấn hành năm 1982, Nguyễn Tuân đã ca tụng sự thắng lợi tưởng tượng của quân Việt cộng như sau:

Tết năm nay to quá, miền Nam ta đánh to quá. Tấn công và nổi dậy khắp bốn mươi ba thành và thị, và hàng trăm thị trấn miền Nam thiết lập chính quyền cách mạng. Diệt năm vạn địch (trong số này có một vạn viên chinh Hoa Kỳ và tiêu tan hai mươi vạn quân ngụy). Cùng là phá hủy độ ngàn rưởi máy bay. Và vân vân và hăng hà sa số súng trường đạn một và xăng dầu. Chiến thắng quân xâm lược,

cách đây 179 cái Tết, chúng ta đã có trận Đổng Đa với ngày mừng 5 tháng giêng lịch sử.

(trang 247)

Dân miền Nam đều biết rằng cuộc tấn công của Việt cộng vào phi trường Tân Sơn Nhứt đã hoàn toàn thất bại trước sức phản công mãnh liệt của quân đội Việt Nam Cộng Hòa dưới quyền chỉ huy của đại tá không quân Lưu Kim Cương. Đại tá Cương đã hy sinh vì nước trong trận này.

Mời quý bạn đọc tiếp những lời tuyên truyền rẻ tiền của “nhà văn lớn”;

Vào cùng lúc ấy, xuân lửa giữa Sài Gòn đang đốt đầu các thứ tay sai Mỹ. Mới nghe súng nổ, Thiệu tướng Kỳ bắt đầu lật đổ mình, Kỳ cũng tướng Thiệu nó bắt đầu chơi mình, cả chánh tổng lẫn phó tổng, không đứa nào bảo đứa nào, cả hai thằng cùng tẩu vọt cả, mỗi thằng biến một hướng. Thế rồi lửa bốc cháy quanh hàng rào dinh độc lập và lực lượng khởi nghĩa tung hoành tại giữa dinh. Thế rồi sân bay Tân Sơn Nhứt bị đánh ba mặt, bị cháy ba mặt. Thế rồi Đài Sài Gòn sập. Thế rồi liên liên quân khởi nghĩa đánh chiếm Bến Đá, Chú Lá, Phú Nhuận, Cây sung, Hàng Sanh, Hàng Thai, Khánh Hội. Và ngã năm Chuồng Chó và ngã tư Bảy Hiền giết và bắt các thứ lính Mỹ...

(Trang 248 và 249)

Ài đã ở Saigon lâu năm có biết hai địa danh Chú Lá và Hàng Thai ở đâu không? Điều này chứng tỏ “nhà văn lớn” chỉ “nghe hơi nôi chõ” rồi viết bậy bạ, đúng là một cán bộ tuyên truyền hạ cấp của cộng sản. Đến đây, chúng tôi xin ngưng nói về Nguyễn Tuân để bạn đọc khỏi bức mình. Thật ra không riêng gì Nguyễn Tuân mà mà

hầu hết những nhà văn, nhà thơ đi theo cộng sản đều trở thành những tên bồi bút đáng khinh bỉ, chẳng hạn như Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan, Thanh Tịnh... Nhưng việc nhận xét về những tên bồi bút đó không thuộc phạm vi của bài này.



Tản Đà

Về thơ, ở bất cứ thời đại nào chúng ta cũng có nhiều thi sĩ. Có người đã nhận xét rằng tất cả người Việt Nam đều có tâm hồn thi sĩ. Theo Hoài Thanh - Hoài Chân trong “Thi Nhân Việt Nam”,

vào giai đoạn đó, chúng ta có hơn bốn mươi nhà thơ. Chúng tôi chỉ có thể nhắc tới mấy thi sĩ đặc biệt, như Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Phan Khôi, Thế Lữ, Xuân Diệu.

Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu được coi như một thi sĩ của buổi giao thời giữa cũ và mới. Ông là người bất đắc chí, sống một cuộc đời long đong, lận đận với nghiệp văn chương báo chí. Thơ văn ông lúc nào cũng bàng bạc một nỗi buồn. Vì cuộc đời lận đận ông có nhiều giấc mộng, cả lớn lẫn nhỏ, nhưng chẳng giấc mộng nào thành sự thật nên ông thất chí, trở thành ngông. Có lần ông dám viết thư lên Trời để hỏi vợ, bị Trời mắng:

**Cớ làm sao suông sã dám đưa thơ?
Chốn thiên cung ai kén rể bao giờ?
Chỉ những sự vắn vơ mà giấy má.
Chức Nữ tảo tùng giai tế giá,
Hằng Nga bất nại bão phu miên.**

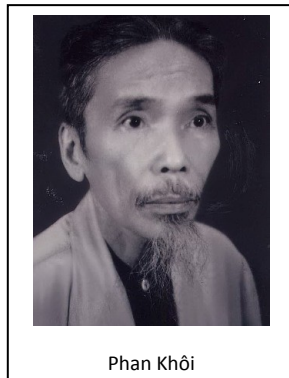
Ngay đầu cuốn “Thi Nhân Việt Nam” Hoài Thanh – Hoài Chân đã cung kính viết như sau:

Tiên sinh còn giữ được của thời trước cái cốt cách vững vàng, cái phong thái thung dung. Đời Tiên sinh tuy bơ vơ, hờn Tiên sinh còn có nơi nương tựa. Tiên sinh đã đi qua giữa cái hỗn độn của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ hai mươi với tấm lòng bình thản một người thời trước...

(Thi Nhân Việt Nam, trang 6)

Vũ Ngọc Phan trong “Nhà Văn Hiện Đại” nhận định về Tản Đà như sau:

Trong số các thi gia Việt Nam hiện đại và thuộc lớp tiền phong, Tản Đà là một nhà thơ điển tả đúng nhất tâm hồn Việt Nam; ông đáng làm tiêu biểu lớp người bực



Phan Khôi

trung nước ta; bao nhiêu những điều ao ước, những nỗi băn khoăn, những sự chán nản của hạng người này, người ta đều thấy trong lời thơ ông...

...

Phần nhiều thơ của Tản Đà đều buồn. Thơ tình của ông là thơ của người khao khát tình yêu; thơ rượu, thơ chơi của ông là thơ của người chán đời, của người phải tìm những thú vui để khuây khỏa; mà chán đời cũng chỉ vì đời chán mình, đời không chiều mình; rồi nhất là ông có lòng tin ngưỡng...

(Nhà Văn Hiện Đại, trang 223, 224)

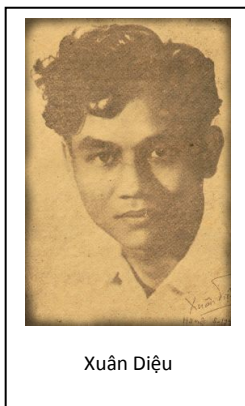
Nhà thơ thứ hai cần nhắc tới là Phan Khôi. Thật ra, Phan tiên sinh viết văn xuôi nhiều hơn làm thơ. Nhưng ông lại là người làm bài thơ mới đầu tiên ở nước ta, tuy ông là một nhà nho. Bài thơ “Tình Già” đã đi vào văn học sử Việt Nam, dù không phải là tuyệt tác nhưng mọi người đều phải ghi nhớ. Chúng tôi xin chép lại nguyên văn cả bài:

**Hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới ngọn đèn mờ,
Hai cái đầu xanh kề nhau than thở
- Ôi, đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,
Mà lấy nhau hẳn là không đáng.
Để đến nỗi tình trước, phụ sau,
Chi cho bằng sớm liêu mà buồn nhau.
- Hay ! Nói mới bậy làm sao chó,
Buông nhau làm sao cho nở.
Thương được chừng nào hay chừng nấy.
Chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy.
Ta là nhân ngãi,
Đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy chung?
Hai mươi bốn năm sau,
Tình cờ đất khách gặp nhau.
Đôi cái đầu bạc,
Nếu chẳng quen lung, đổ có nhìn ra được.
Ôn chuyện cũ mà thôi.
Liếc đưa nhau đi rồi,
Đôi mắt còn có đuôi**

Về sau này, vào năm 1956, ở ngoài Bắc, một nhóm văn nghệ sĩ đòi hỏi được tự do sáng tác. Tức thì, họ bị chính quyền cộng sản đàn áp. Phan Khôi làm một bài thơ ngắn có ý thách thức, tỏ ra ông là một nhà nho khí phách:

**Làm sao cũng chẳng làm sao,
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi**

**Làm chi cũng chẳng làm chi,
Dẫu có cái gì cũng chẳng làm sao**



Vụ đàn áp này người ta gọi là “Vụ Án Nhân Văn Giai Phẩm”, có nhiều văn nghệ sĩ bị tù hay bị đày ra khỏi thành phố Hà Nội và cấm sáng tác, như Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần...

Nhà thơ thứ ba mà chúng tôi muốn nói tới là Xuân Diệu. Khi những bài thơ đầu tiên của Xuân Diệu xuất hiện trên báo, nhiều người đã tỏ vẻ ngạc nhiên vì tưởng một người ngoại quốc, hay đúng ra là một ông Tây, làm thơ chữ Việt. Trong “**Thi Nhân Việt Nam**”, Hoài Thanh và Hoài Chân đã viết về ông như sau:

“Bây giờ khó mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt Nam khi Xuân Diệu đến. Người đã đến giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần, vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng.

“Ngày một ngày hai cơ hồ ta không còn để ý đến những lối dùng chữ đặt câu quá tây của Xuân Diệu, ta quên cả những ý tứ người đã mượn trong thơ Pháp. Cái đáng hấp yêu kiêu, cái cốt cách phong nhã của điệu thơ, một cái gì rất Việt Nam, đã quyến rũ ta.”

(Thi Nhân Việt Nam, trang 102)

Chúng ta thử đọc mấy câu thơ mà tác giả Thi Nhân Việt Nam cho là “y phục tối tân” để hiểu Xuân Diệu:

**Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử;
Gâm trong lòng và khi đứng chờ ngáy;
Và nhạc phẩn dưới chân mừng sánh bước;
Và tơ giăng trong lời nhỏ khời ngòi;
Tà áo mới cũng say mùi gió nước;
Rặng mi dài xao động ánh dương vui.**

hoặc :

**Lẫn với đời quay tôi cứ đi
Người ngoài không thấu giữa lòng si.
Cũng như xa quá nên tôi chỉ
Thấy núi yên như một miếng bìa.**

Quả thật, nếu ngày nay bắt ngờ được đọc mấy câu thơ trên, nhiều người trong chúng ta cũng ngạc nhiên về cái “tây” của tác giả, nói chi bảy chục năm trước.

Đến đây, chúng tôi xin kết thúc bài “Văn Học Việt Nam Tiền Bán Thế Kỷ 20” với



Thế Lữ

Giây Phút Chạnh Lòng... Một số người hỏi đó cho rằng ông đã viết Nhớ Rừng để tả

tâm trạng của vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn. Nhưng có nhiều người khác không đồng ý vì cho rằng Bảo Đại chỉ là một ông vua nhu nhược, ham chơi hơn là lo việc nước, việc dân. Người ta không tìm thấy ở ông cái hào khí như:

**Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.**

hoặc:

**Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
Than ôi ! thời oanh liệt nay còn đâu!**

Khi bài “Tiếng Sáo Thiên Thai” ra đời, nhưng người ái mộ Thế Lữ đã coi ông như một người có “tiên cốt”. Người ta cho rằng phải có “cốt” tiên mới làm được những câu thơ như:

**Trời cao xanh ngắt. – Ô kìa
Hai con hạc trắng bay về Bồng lai.
Theo chim tiếng sáo lên khơi,
Lại theo dòng suối bên người Tiên nga.
Khi cao, vút tận mây mờ,
Khi gần, vút vèo bên bờ cây xanh.
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như Ngọc nữ uốn mình trong không.
Thiên thai thoảng gió mơ màng,
Ngọc chân buồn tưởng tiếng lòng xa bay.**

Thế Lữ được độc giả ái mộ như vậy, còn nhà phê bình thơ nhận xét ông ra sao, xin mời các bạn đọc Hoài Thanh và Hoài Chân trong “Thi Nhân Việt Nam”:

Độ ấy, thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ như vàng sao đột hiện, ánh sáng chói khắp cả

LỬA GỌI PHONG BA

Đã cháy trang thơ cạn rượu mời
Biển Đông gào thét hận đầy vơi
Mòn con mắt ngóng trang hào kiệt
Lửa gọi phong ba dậy bốn trời

Cổ quốc chấp chùng xa vạn dặm
Đường về thăm thẳm khuất chân mây
Đêm mơ vó ngựa mùa chinh chiến
Chợt tỉnh nhìn theo cát bụi đầy

Đã rụng ngày xanh héo tuổi vàng
Chết từng thớ thịt, nát tim gan
Người xưa tâu quốc vung trường kiếm
Chém đá hờn sôi dưới nguyệt tàn

Tóc bạc hững hờ danh lợi hão
Vàng son tiều nuối thuở xông pha
Một mai sấm sét rền sông núi
Trên đồng tro tàn lại trở hoa...

Hồ Công Tâm

trời thơ Việt Nam. Đầu sau này danh vọng
Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta
không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ
đã dựng thành nền thơ mới ở xứ này. Thế
Lữ không bàn về thơ mới, không bênh vực
thơ mới, không bút chiến, không diễn
thuyết, Thế Lữ chỉ lặng lẽ, chỉ điềm nhiên
bước những bước vững vàng, mà trong
khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan
vỡ (trang 48).

Chúng tôi nghĩ rằng khó có lời khen
nào có thể nồng nhiệt hơn lời khen trên.

Vũ Ngọc Phan cũng nhận xét về Thế Lữ
như sau:

**Ông mới là thi sĩ có công đầu trong việc
xây dựng nền thơ mới. Phan Khôi, Lưu
Trọng Lư chỉ là những người làm cho người
ta chú ý đến thơ mới mà thôi, còn Thế Lữ
mới chính là người làm cho người ta tin cậy
ở tương lai của thơ mới.**

(Nhà Văn Hiện Đại, Tập hai, trang 691,
ấn bản 1989)

Nền văn học tiền bán thế kỷ 20 bắt đầu
suy kém từ đầu năm 1945. Trong năm này
có nhiều biến cố trọng đại xảy ra khiến
chuyện văn chương thơ phú bị lu mờ hẳn
đi. Đầu năm là trận đói kinh khủng giết
chết gần hai triệu người dân quê vùng
đồng bằng Bắc Việt. Biến cố thứ hai là cuộc
đảo chính của Nhật ngày 9 tháng 3. Chính
phủ Trần Trọng Kim ra đời. Đến tháng 8,
Việt Minh cướp chính quyền. Từ đó, văn
chương, chữ nghĩa được dùng để tuyên
truyền chống Pháp, ít có tính chất nghệ
thuật hay đúng ra chỉ có kỹ thuật tuyên
truyền với nhiều điều không xác thực. Rồi
cuộc kháng chiến bùng nổ vào ngày 19
tháng 12 năm 1946, văn chương tuyên
truyền được phát triển mạnh mẽ hơn.

Cảm ơn quý vị đã cùng chúng tôi “cưỡi
ngựa xem hoa”. Vườn hoa rộng mênh
mông bát ngát với nhiều kỳ hoa dị thảo mà
chúng ta phải phi nước đại nên đã bỏ sót
nhiều bông hoa quý, chỉ vì thời gian quá eo
hẹp, số trang báo cũng bị hạn chế. Mong
quý vị thông cảm mà lượng thứ cho sự
nông cạn và hời hợt của bài viết này.

Tạ Quang Khôi (3-2009)

CHÌM DƯỚI BIỂN DẦU

Hoàng Hải Thủy viết:

Mặc Thu. Thơ làm trong ngày tiền
Trần Dạ Từ sang Hoa Kỳ.
*Người đi bốn biển vui hò hẹn.
Ta ở đây chìm dưới biển dầu.
Thôi.. Người đi nhé, đừng quay lại
Ta khóc đây, người có biết đâu!*

Khi làm bài thơ Tiền Trần Dạ Từ sang Mỹ, Mặc Thu sống ở Sài Gòn. Khi Trần Dạ Từ và Nhã Ca đi chưa có chuyện HO, chưa có chuyện những sĩ quan, những công chức Việt Nam Cộng Hòa bị bọn Bắc Cộng bắt đi tù được chính phủ Hoa Kỳ đưa sang sống ở Hoa Kỳ. Vài năm sau ông Mặc Thu, có thời là sĩ quan, và gia đình ông đi HO sang Hoa Kỳ. Sống ở Cali, ông đưa tiền Mai Thảo đến nghĩa trang, rồi vài năm sau nữa ông về sống ở Sài Gòn. Ông qua đời ở Sài Gòn.

Có ba ông văn nghệ sĩ sống ở Hoa Kỳ nhiều năm rồi bỏ Hoa Kỳ trở về sống và chết ở Sài Gòn. Đó là các ông Lê Văn Vũ Bắc Tiến, Mặc Thu Lưu Đức Sinh, Tạ Ty.

Ông Lê Văn Vũ Bắc Tiến làm báo từ những năm 1950 ở Hà Nội. Ông là chồng bà Thu Nhi, nữ diễn viên đoàn Kim Chung. Năm 1954 bà Thu Nhi giải nghệ. Ông Lê Văn đi chui, sang sống ở San Diego, Cali. Khoảng năm 1980 ông bỏ Hoa Kỳ về sống nghèo với vợ con

ông trong căn nhà nhỏ dưới chân cầu Trương Minh Giảng. Ông qua đời ở đó.

Mặc Thu. Thơ làm ở Cali, Hoa Kỳ trong buổi tiền biệt Mai Thảo.

*Sân ga một đám đứng chờ tàu,
Toàn bạn già xưa biết mặt nhau.
Tàu chật, có người lên được trước.
Chậm chân, kẻ đợi chuyển tàu sau.
Một đi là chẳng quay đầu lại.
Áo trắng trên người đủ kín thân.
Ra đi giống thuở ai vừa đến,
Tàu suốt trăm năm chỉ một lần.
Sân ga thấp thoáng bóng người già
Họ sẵn sàng về cõi thật xa.
Hình như trong đám trông chờ ấy,
Có bạn thân tình, có cả ta.*



Nhà văn MAI THẢO
tại trại tỵ nạn Pulau Besar-Mã Lai
1978

Mời bạn đọc Thơ Nhã Ca làm ở Hoa Kỳ trong Tháng Tư 1999:

Thơ giỗ đầu Nguyên Sa

*Một mình, một ngựa ra vào
Trường văn, trận bút, trận nào cũng vui.
Nhớ anh, giấy mực bồi hồi,
Lại nghe chữ nghĩa một đời râm ran.
Nén nhang chung cháy đã gần
Câu thơ lục bát, đôi vắn từ sinh*

*

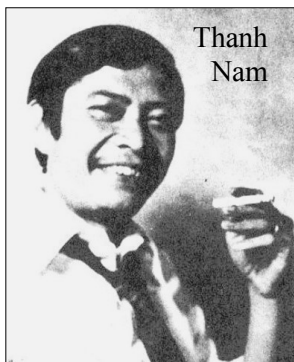


Nguyên Sa

*Nhớ anh xưa mũ đội đầu
Mũ Tây, mũ Mỹ, mũ Tàu, mũ Ta.
Mũ Tây Độc, mũ Đông Tà
Mũ Ông Thầy, mũ Chủ Ba... cười cười.
Một mình một ngựa.. Ôi thôi..
Bao nhiêu là mũ rụng rời. Anh đi.
Mũ nan, mũ dạ, mũ ni..
Hôm nay Anh đội mũ gì quá quan?*

Hoàng Hải Thủy

Tạ Quang Khôi viết:



Thanh
Nam

Năm 1982, gia đình tôi vượt biên, rồi được định cư ở Mỹ. Vào giữa năm 1984, khi tôi ở Sacramento (CA) thì liên lạc được với Thanh Nam ở

Seattle (WA). Lúc đó ông đã bị ung thư cổ và đã giải phẫu cắt chỗ bị ung thư nên không còn nói được nữa. Khi biết địa chỉ tôi, ông gửi tặng tôi cuốn thơ “Đất Khách” với lời khuyến khích :”Cầm bút lại đi nhé !” “Đất Khách” có hai mươi một (21) bài, bài nào cũng hay và cảm động khi nhắc tới quê hương xa xôi nửa vòng trái đất. Riêng tôi, tôi thích nhất bài “Khúc Ngâm Trên Đất Tạm Dung”.

*Uống say mai sớm bạn lên đường
Thân lại nương nhờ chốn viễn phương
Trăm hận nghìn đau nào sánh nổi
Tắm lòng lưu lạc nhớ quê hương ?
Ta như goiing bão tan rồi hợp
Trôi dạt còn hơn song đại dương
“Lặn đạn bên trời chung một lửa...”
Say càng chua xót, tình càng thương
Tháng năm xa mãi thời hoa mộng
Râu tóc thêm gần với tuyết sương.*

Đầu tháng 2 năm 1985, Huy Quang Vũ Đức Vinh gọi dây nói báo tin Thanh Nam đã ra đi.

Hệ Lụy

Khi nhà văn Ngọc Cường nhờ giới thiệu cuốn Hệ Lụy của anh, tôi thật ngẩn ngại vì:

- Từ hai năm nay cơ thể tôi không được bình thường, luôn lao đao, loạng choạng.

- Giữa Ngọc Cường với tôi có liên hệ gia tộc. Ngọc Cường là con thứ của ông bác cả, Nguyễn Lâm là con thứ của ông thứ tư. Sợ làm diễn giả về Hệ Lụy sẽ không được khách quan, kiểu “mèo khen mèo dài đuôi” chẳng?

Chợt nhớ, thuở nhỏ, mỗi khi về ăn giỗ bên quê nội, bà chúng tôi vẫn dẫn dò con cháu rằng anh chị bảo thì em phải nghe. Thế nên, đành phải gật đầu với Ngọc Cường:

“Đã lòng dậy đến, dậy thì phải vâng” (Kiều)

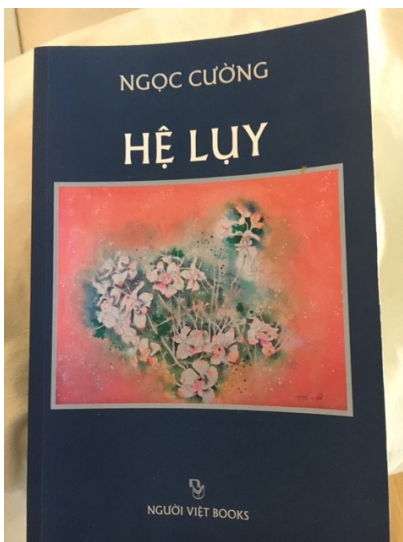
Vả lại, họ hàng cật ruột với nhau người ta còn “*xót tình máu mủ thay lời nước non*” (Kiều) huống hồ chịu đựng nhứt đầu, choáng váng mắt hoa đọc hơn 200 trang giấy rồi nói về ý tưởng của riêng mình thì dù mắt có mờ, mũi có rỉ rỏ nước, tai có nhức, cổ họng có khan cũng phải nhận lời. Đó chính là **Hệ**

Lụy! Sự liên hệ giữa người với người, với gia đình, với bạn bè, với cộng đồng, với xã hội, với quốc gia dân tộc... Có những liên hệ trên đời dù muốn dù không, mình vẫn phải làm. Đó chính là **Hệ Lụy!**

Đọc Hệ Lụy, tôi cùng ý nghĩ với Ngọc Cường về những liên hệ ở thế gian này. Những liên hệ đó trở thành giàng buộc, mạnh hơn thành trời buộc, ghê hơn thành xiềng xích. Mà đã có xiềng xích thì phải có tù nhân. Vậy thì, chúng ta là tù nhân: tù nhân của quá khứ, tù nhân của hiện tại, tù nhân của tương lai.

Tù nhân của quá khứ? Trong những lúc giao tế, trong câu chuyện đặc thù, chúng ta thường kể lể: ... ngày xưa nhà tôi là một gia đình quý tộc... đã một thời bác tôi là một tay vĩ cầm hái ra tiền... thuở ấy, tôi đã say mê một cô gái đẹp... đẹp lắm... nhưng... điên... Và phải kể tới ngày 30 tháng tư năm 1975 là cái ngày gì không bao giờ chúng ta, những người Việt Nam lưu vong quên được... mãi mãi chúng ta nhớ tới **ngày ấy** với những đau thương khắc sâu trong tâm khảm, trong trí óc kỷ niệm góm ghiếc ấy! **Hệ Lụy với quá khứ!**

Tù nhân của hiện tại? Ngay trong lúc này đây. Khi thừa chuyện cùng quý



vị tôi là một tù nhân, đang bị dằn vặt bởi những ý tưởng, những suy tư của chính mình (để nói sao cho quý vị hiểu, không chán ngán, không buồn ngủ),chúng ta còn là tù nhân của dục vọng, của ham muốn tham lam ích kỷ, tính yếu đuối dễ hèn ganh tị, sự mặc cảm (dù tự tôn hay tự ti), và ngay cả những sợi dây tình vương mắc... **Hệ lụy trong hiện tại!**

Tù nhân của tương lai? Có phải chúng ta luôn mong ước một ngày mai tươi sáng, cho bản thân, cho con cháu, cho gia tộc, cho tương lai đất nước? Vì khao khát khiến chúng ta lao tâm khổ trí, chúng ta bị gông cùm trong ước vọng như Ngọc Cường trong **Hệ Lụy vì tương lai!**

Hệ Lụy dần trải suốt trong 10 truyện ngắn của Ngọc Cường. Ngón mấy trang đầu, thú thật tôi chẳng thấy cái gì hấp dẫn. Giật mình, thầm nghĩ “văn dĩ tải đạo”, mình phải đổi cách đọc để tìm ra cái hay trong cuốn sách như văn hào Nhất Linh chỉ dạy trong *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết* mới được. Phải giảm tốc độ đọc. Phải từ từ, phải nhẩn nha mới thấy gần tác giả, hiểu tác giả hơn, mới thấy câu chuyện lý thú, hữu ích hơn. Từ mấy trang đầu tẻ nhạt, tôi thẩm dần những suy tư trần trụi của tác giả để tìm trong đồng tro âm ỉ vài tia lửa còn lưu lại lóe lên soi sáng mầm **hạnh phúc thế gian**.

Xin dẫn mấy truyện trong Hệ Lụy:

-Ngày Về: tâm trạng bất an của Lộc, người tù cải tạo. Vừa nhận được tin mừng sắp được tha về lại tiếp ngay

đến tin động trời vợ đã có người khác. Niềm vui cho ngày về vừa đến đã bị dập vùi. Lo âu, hãi sợ, sung sướng, khổ đau cứ pha trộn hòa lẫn với nhau đầy vò Lộc đến tận ngày về - trên toa xe lửa nhìn qua khung cửa sổ xuống sân ga anh bắt gặp “đôi mắt đen láy” của ai đó đang đảo dắc kiếm tìm. Đôi mắt đó dừng lại trên gương mặt Lộc ánh lên niềm nhớ thương hạnh phúc. Đôi mắt đó là đôi mắt của người vợ thủy chung. Đó là những sự kiện xảy ra cho nhiều chiến binh VN Cộng Hòa. Đôi mắt đẹp đó là ánh lửa **hạnh phúc** trong Ngày Về.

-Tình Yêu Muôn Thuở: Có hay không tình yêu muôn thuở thật sự hay chỉ là mỹ từ trong sách vở? Có gì là vĩnh viễn với thời gian ngoài sự đổi thay?

Mấy câu thơ tuyệt vời của Xuân Diệu có lý lắm chứ:

“Tình yêu đến, tình yêu đi ai biết

Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt...”

vì “*Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn*” mà!

TYMT chỉ là tựa đề dẫn tới định mệnh của con người. Với Ngọc Cường, tất cả không qua được mệnh số. Đây là một truyện ngắn mà dài vì nhiều tình tiết để đưa tới kết luận, muôn sự tại Trời:

*“...Bất phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phân thanh
cao”* (Kiều)

Xin nói dang dở để độc giả đọc tiếp truyện vì thế nào quý vị cũng có Hệ Lụy trong tay!

-Gia Đình: Rất nhiều chi tiết tỉ mỉ nhưng tôi ngạc nhiên và thích thú vì Ngọc Cường tìm ra chân Hạnh Phúc ở một hành động con con:

... hai vợ chồng luống tuổi dọn dẹp trong bếp. Vợ bảo chồng: *“Ông mang rác ra giùm tôi, nó bốc mùi rồi”*. Tiếng vợ cắt ngang giọng suy nghĩ đang miên man của ông. Kéo bao rác lên, buộc dây cẩn thận rồi xách nó ra thùng rác ở sân sau, vừa làm ông vừa cười một mình và tự nhủ: *Buồn cười nhỉ! Bộ mặt hạnh phúc có ai ngờ là thế này không?”*

Thật khó ngờ một hành động nhỏ nhoi thế mà chính lại là chìa khóa của Hạnh Phúc đã làm thắm đậm tình vợ chồng. Thật sự hạnh phúc đó bắt nguồn từ: *“ông cảm thấy mình may mắn có được người bạn đời suốt bao năm qua, thăng trầm đến độ nhưng luôn tận tụy với chồng con, không một lời than van. Suốt những năm tháng tuyệt vọng nhất của người chiến binh sa cơ như ông, bà vẫn kiên cường vượt bao nguy hiểm thăm nuôi ông, cho ông niềm hi vọng ngày về. Tình yêu như văn chương vẽ vời ca tụng đối với ông sao đẹp bằng những hy sinh kham khổ không tên tuổi, nhưng là châu báu dành cho nhau trong cuộc đời khô héo, từ trái tim ơn nghĩa vợ chồng tràn ngập xót thương không văn thơ nào diễn tả hết.”*

Cùng cảm nghĩ với nhà văn. Muốn giữ cho tình vợ chồng được bền chặt phải có sự đồng thuận, sự cảm thông, sự bao dung, sự hy sinh và nhất là lòng nhân ái. Những điểm này nằm trong Hệ Lụy!

-Quyết Định Cuối: Truyện này thiên về nội tâm. Tác giả kể cuộc đời của nhân vật Thanh, một người xấu trai, vô duyên, âm thanh của tiếng nói như xé màng nhĩ người đối thoại. Thanh học giỏi, chăm chỉ. Ra đời có bằng cấp, có việc làm khá. Nhưng số phận hẩm hiu khiến chàng cô quạnh suốt đời. Không một bóng hồng nào chịu dừng chân. Họ đến để nhờ vả, để lợi dụng rồi rời chàng không chút thương hại. Không chịu nổi sự lẻ loi, Thanh kết thúc cuộc sống trong một nhà trọ xa thành phố với dòng chữ tuyệt mệnh:

“Tôi rất ghét những gì không hoàn chỉnh, thiếu sót hay hư hỏng. Mà cuối cùng tôi thấy tôi chỉ là một kẻ như vậy”.

Ngọc Cường mơ tới một thế giới an lành trong đó không có ai là nạn nhân của ai, không có bị người khác lừa dối hay phụ phàng, không có ai dè bĩu, chê bai coi rẻ người khác vì ngoại hình, vì khuyết tật... vv...”

Một ý nghĩ giản dị mà sao đẹp đến thế? Nếu ai cũng ước ao và thực thi như vậy thì quả thật thế gian thanh bình, sung sướng quá. Còn có hệ lụy nữa hay không?

-Căn Nhà Ở Jaux: Ai thích cảnh đẹp ở Âu Châu xin mời đọc chuyện này. Làng Jaux, một thị trấn nhỏ ở miền nam nước Pháp, một cảnh đẹp thơ mộng với những mái nhà đỏ và những bức tường phủ kín dây leo lâu ngày đã thành màu bò quân được bao vây bởi những mảnh vườn cỏ non và những tàng cây đậm xanh màu Bích Ngọc như để che bớt ánh

nắng chói chang của mặt trời . Ai chịu ảnh hưởng văn hoá Tây phương xin mời đọc chuyện này để thích thú nhâm nhi ly cà phê đặc biệt của địa phương trong những quán cóc nhỏ nhỏ tại làng Jaux.

Căn nhà ở Jaux – nơi anh chị em nhà văn Ngọc Cường gặp gỡ hằng năm để ôn lại những kỷ niệm êm đềm thời thơ ấu. Tôi nhận ra ngay những ông anh bà chị của mình dù Ngọc Cường đã gán cho họ những tên khác. Người nào cũng đẹp như lai kể cả Ngọc Cường - đương lãng xăng không chịu ngồi yên- quý vị thấy đấy! Vậy mà tâm tính họ lại mộc mạc, thành thật.

Và đây là **đoạn kết của Nguyễn Lân về Hệ Lụy**: Ngọc Cường không có lối viết chau chuốt, thơ mộng, quyền rũ với âm điệu nhịp nhàng trầm bổng. Ngọc Cường không có lối viết dí dỏm, nghịch ngợm hay xun xoe tán tỉnh. Ngọc Cường cũng không có lối viết xán xô, ngộ ngáo hay xác xược, cao ngạo hay điều cột, châm biếm. Không! Văn Ngọc Cường hiền lành, rõ ràng, đơn sơ, không cầu kỳ, không hoa mỹ, không sáng tạo những từ ngữ lập dị khó hiểu hay bày tỏ những ý tưởng siêu thực gach trí khôn độc giả.

Ngọc Cường nghĩ sao nói vậy, nói sao viết vậy. Văn là người. Thật đúng với nhà văn của Hệ Lụy. Hệ Lụy thật giản dị dễ thương như người viết nó mặc dầu trong thâm tâm nhà văn đầy những suy tư trần trụi. Ngọc Cường có tâm hồn sâu đậm.



Bất hạnh mà không bao giờ anh quên được là những năm tháng trong ngục tù Cộng Sản suốt từ nam ra bắc sau ngày Ba Mươi Tháng Tư đen.

Hạnh Phúc mà không bao giờ rời xa nhà văn là đôi mắt đen láy của ai đó rải rác nhiều trong Hệ Lụy – đôi mắt của người vợ hiền dù xa xôi cách trở vẫn tồn tại trong tâm trí anh. Đôi mắt ấy kề cận bên anh mang lại nguồn vui chan hòa dưới ánh mặt trời. Thay mặt nhà văn, tôi xin đọc câu thơ này để tặng “đôi mắt ấy”

“đôi mắt đẹp từng ánh sao tắt lịm”
(Nguyễn Sa)

Hệ Lụy mang lại cho người đọc tâm hồn thanh thản, nhẹ nhàng, tươi trẻ làm thắm hồng cuộc đời như nhà văn đang sống.

Xin chân thành giới thiệu cùng quý vị tập Hệ Lụy của nhà văn Ngọc Cường và ước mong khi ra về mỗi người **ôm một Hệ Lụy trong tay**.

Thêm một lần xin muôn vàn cảm tạ.

NGUYỄN LÂN (6/2017)

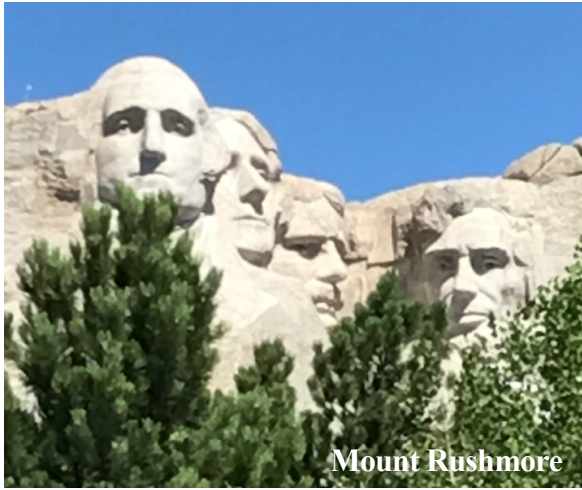
Đi Thăm Non Nước Đá Vàng

Lê Minh Thiệp

 ặc dù sống ở Mỹ cũng gần ba mươi năm nhưng chưa có dịp đi thăm được nhiều những nơi nổi tiếng của đất nước vĩ đại này. Trong số đó phải kể đến Yellowstone National Park rất thu hút và nổi tiếng của Hoa Kỳ, có thể là của Thế giới mà từ lâu tôi đã muốn thăm nhưng chưa có dịp. Nhân đây tôi cũng phải nói lời cảm ơn đến Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, người đã dịch từ Yellowstone ra “Non Nước Đá Vàng” trong tác phẩm cùng tên của chị, thật ý nhị, nên thơ và cũng thật chính xác mà tôi không tìm thấy từ nào hay hơn để diễn dịch nó. Vì vậy tôi xin cảm ơn Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung và tôi rất tâm đắc với từ này của chị khi nói về Yellowstone National Park.

Đi viếng Yellowstone thì phải đi cho trọn vẹn. Vì thế cả nhà chúng tôi bắt đầu chuyến đi từ Rapid City của vùng Black Hill, South Dakota, lần lược qua Wyoming và cuối cùng là Montana, như thể mới tương đối đầy đủ của chuyến đi. Chu vi của Yellowstone Park gồm 3 loops. Upper loop có chu vi 70 miles, Lower loop có chu vi 96 miles và Grand loop có chu vi 142 miles. Chúng tôi dành ưu tiên thời gian cho Upper và Lower Loops. Vì vậy cả nhà chúng tôi cộng thêm gia đình của một người bạn của con gái phải bắt đầu đi từ South Dakota và kết thúc chuyến đi 7 ngày tại sân bay Bozeman/Montana. Một chuyến đi hơi bận rộn và mệt mỏi vì phải lái xe nhiều (tội nghiệp thằng Mỹ nhà tôi quá!) để làm sao có thể thăm được nhiều nơi mà chỉ với thời gian có 7 ngày. Thêm vào đó khách sạn nơi gia đình thuê cách trung tâm Yellowstone khá xa, mặc dù đã book trước gần cả năm mới được. Những khách sạn gần trung tâm thăm viếng không còn chỗ, và theo họ cho biết muốn giữ chỗ phải book trước 2 năm.

Phải nói là chuyến đi chơi tuy có vất vả nhưng vô cùng lý thú, nhiều mới lạ mà bản thân tôi chưa được nhìn thấy bao giờ. Vất vả vì khách sạn ở xa cả trăm miles, sáng lái xe đi, chiều lái về phòng ngủ, ngày nào cũng vậy. Ngày đầu tiên chúng tôi khởi hành từ phi trường Washington Dulles, đổi máy bay tại Dallas FW, đến Rapid City (SD) gần 7 giờ chiều, nhận xe mướn, đi ăn tối rồi chạy loanh quanh một vòng “thăm dân cho biết sự tình” trước khi về khách sạn nghỉ ngơi. Không khí ở đây thật trong lành, cảnh quang ở đây thật đẹp mắt, toàn những núi đồi, đồng cỏ mênh mông, những rừng thông ngút ngàn như vô tận, xa xa là những khu nhà sàn bằng gỗ, làng mạc của các bộ lạc người da đỏ (Native American) thật nên thơ và yên bình ...



Ngày thứ nhất bắt đầu cuộc thăm viếng, sau khi ăn sáng, cà phê, cả nhà lên xe đi. Địa điểm đầu tiên mà tôi ao ước đến thăm là khu Mount Rushmore, trên núi đá có tượng điêu khắc của 4 ông Tổng Thống Hoa Kỳ. Cậu con rể Mỹ và con gái tôi muốn thỏa mãn ao ước của ba và của ông già dzợ nên chúng đã lái thẳng đến Mount Rushmore trước tiên vì chúng biết tâm lý của bố dzợ nôn nóng đến đây từ bao năm nay.

Mount Rushmore chỉ cách Rapid City 25 miles về hướng Nam trên

US 16, ngang qua Keystone, Crystal Caverns, Bear Country, Dinosaur Museum. Phải nói chúng

tôi rất ngạc nhiên và vô cùng thích thú khi ngắm nhìn bức tượng của 4 vị Tổng Thống Hoa Kỳ. Họ khắc trên núi đá với kích cỡ to lớn đến thế mà trông giống hệt trong hình, trong ảnh, trong sách vở. Riêng hình TT Washington ngoài khuôn mặt, còn có cả cái cổ chiếc áo vét trông thật đầy đủ, uy nghi.

Có lẽ cũng cần nói thêm một chút về Mount Rushmore National Memorial này. Mount Rushmore ở độ cao 5,500 feet (1,650m) so với mực nước biển, tượng 4 Tổng Thống cao 465 feet (140m), khuôn mặt của TT cao 60 feet (18m). Tượng do điêu khắc gia Gutzon Borglum vẽ kiểu và thực hiện. Khi ông bố Gutzon qua đời, công trình được tiếp tục bởi người con là Lincoln Borglum. Công trình khởi đầu vào ngày 4 Tháng 10 năm 1927 với 14 năm ròng rã miệt mài cùng với tổng cộng 400 công nhân, số tiền tốn kém cho công trình lúc bấy giờ là một triệu dollars và hoàn tất vào ngày 31 Tháng 10 năm 1941. Tại sao Gutzon Borglum chọn 4 vị TT này? Theo suy nghĩ của cá nhân tôi, lịch sử dựng nước Hoa Kỳ đến thời điểm 1927 (150 năm) thì 4 vị TT này là vĩ đại nhất: George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt và Abraham Lincoln. Đài tưởng niệm thu hút lượng du khách hàng năm lên đến 2 triệu người.

Nói đến Mount Rushmore National Memorial mà không nói đến Crazy Horse Memorial cũng là điều thiếu sót. Crazy Horse chỉ cách Mount Rushmore chừng 17 miles. Đây là bức tượng được khắc trên núi đá để tưởng nhớ vị anh hùng của bộ tộc da đỏ có tên gọi là Crazy Horse, ông là lãnh tụ lực lượng người da đỏ (native American) trong cuộc chiến chống lại chính quyền liên bang vào hậu bán thế kỷ thứ

19. Trong trận chiến Little Bighorn năm 1876, vì không chống cự nổi với quân của Đại Tướng Crook, ông phải đầu hàng, bị bỏ tù và chết ngày 5 Tháng 9 năm 1877 khi mới 36 tuổi. Tượng do điêu khắc gia Korczak Ziolkowski vẽ kiểu và thực hiện từ 1948. Cho đến nay công trình bao gồm viện bảo tàng, trung tâm văn hóa người da đỏ (Native American Culture Center). Công trình



nói chung vẫn chưa hoàn tất. Toàn bộ tượng đài có chiều ngang 195m, chiều cao 172m, đầu của tượng cao 27m (đầu của tượng 4 Tổng Thống cao 18m). Sau này khi hoàn tất thì đây sẽ là tác phẩm điêu khắc lớn nhất thế giới cho một bức tượng không thuộc về tôn giáo.

Một điểm đáng thăm nữa là Cosmos Mystery Area. Cosmos Mystery Area chỉ cách Mount Rushmore 10 phút lái xe. Nơi đây có vài hiện tượng rất thú vị mà không có ai giải thích. Chẳng hạn như trên một mặt đất nhỏ thật bằng phẳng, người hướng dẫn lấy cây thước nước đo mặt phẳng, rõ ràng 100/100 là mặt phẳng. Thế mà khi 2 người có chiều cao bằng nhau, người đứng bên này cao hơn người đứng đối diện $\frac{1}{2}$ cái đầu, hai người thay đổi vị trí nhau và cũng thấy như vậy. Hoặc trên một cái máng gỗ, trước mắt quan sát của mọi người thấy 2 đầu máng có độ cao thấp rất khác biệt, khi một trái banh tennis đặt ở đầu thấp thì lại lăn ngược lên đầu cao hoặc nước đổ vào đầu thấp thì nước lại chảy ngược về phía đầu cao, khiến ai ai cũng cười vui thú vị. Có lẽ vì hiện tượng nghịch lý và bí ẩn, phản định luật như vậy mà người ta đặt cho nơi này cái tên ‘mystery area’. Tại Santa Cruz, California cũng có một nơi tương tự như thế.

Từ Rapid City chạy về hướng Nam trên US 79 chừng 60 miles là vùng Hot Springs. Nơi đây vô số những suối, hồ hay giếng nước nóng, ngày này qua ngày khác hơi nước bốc lên một màu trắng xóa trông thật đẹp. Đi ngược về hướng Bắc cũng trên US 79 chừng 35 miles kể từ Rapid City, chúng tôi gặp những khu làng của các bộ tộc người bản xứ (native American tribes) và dễ bắt gặp nhiều thú rừng như bison, black bears, bighorn sheep ...

Rời South Dakota, chúng tôi ngược lên hướng Tây qua Wyoming để gọi là chính thức viếng thăm Non Nước Đá Vàng - Yellowstone National Park. Vừa qua



biên giới South Dakota vào Wyoming , vợ chồng con gái đưa chúng tôi thăm Devils Tower, một ngọn núi tháp đơn độc nhô lên. Tháp cao 380m giữa vùng đồi bằng phẳng. Ngọn Tháp này được thổ dân ở đây coi như là nơi linh thiêng của họ. Nhiều người thích đến đây vui chơi, leo trèo hoặc cắm trại. Tower này được Tổng

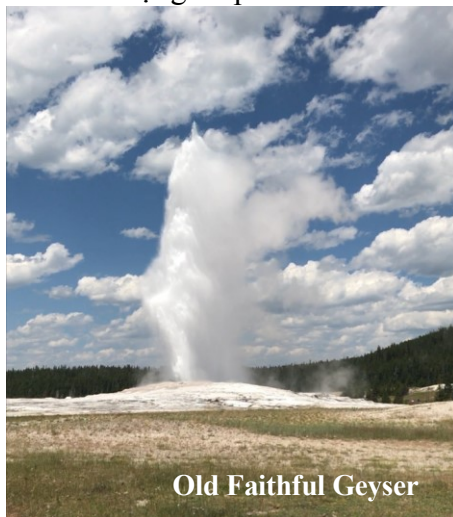
Thống Roosevelt ký ban hành sắc lệnh thành National Monument vào năm 1906.

Tiếp tục hành trình thăm viếng quê hương Non Nước Đá Vàng, chúng tôi có dịp ngang qua Canyon Village hay xuôi về hướng Nam một tí là Hayden Valley. Nơi đây khí hậu thật vô cùng mát mẻ, đồng thời có dịp bắt gặp các loại thú rừng trong lúc lái xe như grizzly bear, wolf, bison. Cũng tại những khu vực này, không thể bỏ qua Mud Volcano, chúng tôi chứng kiến những giếng nước nóng phun liên tục, những hồ nước bùn lúc nào cũng sôi sùng sục, hay suối miệng rồng (Dragon's Mouth Spring), một "steamy cave" mà từ trong cái miệng rồng lúc nào cũng phun ra mù trời hơi nước nóng, không ngừng nghỉ . Trông bí hiểm và đẹp mắt làm sao. Đặc biệt nhiều hồ nước nóng luôn có màu cẩm thạch hay xanh biếc của da trời. Chúng tôi cũng không thể nào quên không thăm cảnh núi đá cao hùng vĩ của Grand Canyon đẹp tuyệt trần với thác nước The Lower Falls và dòng suối uốn lượn theo hai bên vách đá cao ngất trời mây. Cảnh vật nơi đây đẹp đến nỗi với vốn liếng văn chương hạn hẹp của tôi, ngôn từ không thể mô tả hết vẻ đẹp thần tiên của non nước thiên nhiên kỳ diệu này !Chúng tôi cũng dành ra một ngày đi thăm Mammoth Hot Springs và Tower Roosevelt. Từ Big Sky Montana Village nơi đang trú ngụ chạy về hướng Đông, qua khỏi Madison theo hướng Tây Bắc thăm khu Norris Geyser Basin và tiếp tục Bắc tiến trên vòng đai phía Tây của Upper Loop để đến Mammoth Hot Springs. Cả một khu rộng lớn từ thấp theo trails bằng gỗ leo lên tận đỉnh núi, đâu đâu cũng thấy rất nhiều geysers, lớn nhỏ, màu sắc khác nhau, ngày đêm sôi và bốc hơi. Tôi không hiểu nước ở đâu mà lắm thế, sôi và bốc hơi quanh năm như vậy mà không hết và chẳng lẽ cả khu rộng lớn như thế này bên trong lòng đất là cả lò lửa khổng lồ như vậy sao. Tài liệu cho biết cả vùng này cách đây 50 triệu năm đã xảy ra núi lửa kinh thiên động địa và núi lửa đã phun lên tại đây lần gần nhất cách nay 640,000 năm. Lâu thế mà bây giờ vẫn còn lửa âm ỹ bên trong như vậy sao. Liệu có bao giờ nó phun lại nữa không? Cầu xin đừng phun núi lửa

nữa vì nơi đây bây giờ phổ xá, dân cư làm ăn đông đúc lắm rồi, đừng phun nham thạch làm gì, chỉ phun hơi nước làm đẹp thế gian như thế này là đẹp và đủ lắm rồi. Từ Mammoth chúng tôi tiếp tục về hướng Đông thăm Tower Roosevelt trên đường về lại khách sạn sẽ ngang qua Canyon Village nhưng không may trên xa lộ một lane này có tai nạn phía trước, xe không di chuyển được, cảnh sát cho biết đường bị đóng và chờ máy bay đến cứu nạn, họ khuyên chúng tôi quay xe trở về đường cũ tuy xa hơn gấp 2 lần, vẫn nhanh hơn là chờ mở lại đường, nghĩa là thay vì còn chưa đến 50 miles, con tôi phải chạy xe trên 100 miles. Cũng phải đành vậy thôi, coi như luyện tay lái!

Một nơi đặc biệt nhất của Yellowstone mà bất cứ du khách nào đến đây đều không thể bỏ qua . Đó là Old Faithful Geyser! Một cái giếng phun nước nóng. Đây là cái geyser đầu tiên được đặt tên trong số hàng ngàn geysers ở Non Nước Đá Vàng này. Nó được mang cái tên “Old Faithful” vào năm 1870. Khi chúng tôi đến đây, được Information Center cho biết lần phun sắp đến là 1:21 PM (+ - 10). Nhìn đồng hồ, còn 30 phút, vậy cũng may, không phải chờ lâu . Tuy vậy số người đã chờ đợi chung quanh giếng cũng đã khá đông, khoảng 5-7 ngàn người. Nhìn đồng hồ gần đến 1:21 mọi người hồi hộp ,1:21 đến cũng không thấy phun,1:22 rồi 1:23 ..Tôi nghĩ chắc phải + 10 như đã được thông báo, và quả thật đúng 1:31 phút, vài cụm nước thấp bắt đầu phun lên và ngay sau đó vài ba giây nó phun lên những cột nước cao đến ba bốn chục mét, tiếng vỗ tay, reo hò rầm trời ! Đây là cái giếng phun nước nóng hoàn toàn do thiên nhiên mà lại đúng giờ như vậy, kỳ diệu thay ! Có lẽ do đặc tính đó mà nó có tên là giếng trung thành (faithful). Theo tài liệu cho biết thì thời gian phun của giếng cách nhau từ 65 phút đến 91 phút tùy theo thời lượng nó phun lần kế trước. Thời lượng mỗi lần phun là từ 1 phút 30 giây đến 5 phút. Nếu lần phun liền trước dưới 2 phút rưỡi thì 65 phút sau nó phun lại, nếu trên 2 phút rưỡi thì 91 phút sau sẽ phun lại. Chính vì độ chính xác như vậy mà Trung Tâm Thông Báo người ta biết trước giờ giấc sẽ phun. Trong một ngày giếng phun 17 lần. Độ nóng khi phun lên không khí là 96 độ C. Chiều cao của nước phun từ 32m đến 56m. Mỗi lần phun, tùy theo thời gian dài hay ngắn, có lượng nước từ 3,700 gallons đến 8,400 gallons.

Một tuần lễ thăm Non Nước Đá Vàng qua thật nhanh. Tuy chưa thăm hết mọi nơi nhưng



Old Faithful Geyser

chúng tôi cũng dành ngày cuối để nghỉ ngơi và thăm viếng những khu gần nơi trú ngụ tại Big Sky, Montana và vui chơi tại đây. Big Sky, Montana là địa điểm chơi trượt tuyết lớn nhất Châu Mỹ. Ở đây có thác nước khá đẹp, có những hệ thống dây cable đưa người từ chân núi dưới thung lũng lên tận đỉnh núi cao đến 3,350m, hệ thống cable rất hiện đại. Muốn đi dây này du khách phải mua vé \$85.00/người và được đi 2 dây nếu muốn. Dây đầu tiên ngắn hơn, nếu sau khi đi dây đầu tiên mà không cảm thấy sợ thì có thể đi dây thứ hai, dây này xa và cao gần 3 lần dây trước.

Chuyến đi chơi kể ra cũng vất vả vì phải lái xe nhiều. Tuy vậy vợ chồng con gái của tôi muốn đi như thế thay vì đi theo tour. Đi tự lái xe như thế này thăm được nhiều nơi hơn và cũng tự do hơn, đi tour thì khỏe nhưng không thăm được nhiều và quả thật chúng tôi đã thăm được rất nhiều nhưng tôi không nhớ hết, không kể lại hết tất cả được, chỉ xin viết lại tiêu biểu một số ít mà tôi đã nhớ. Chúng tôi lấy máy bay đến Rapid City, mướn xe và trả xe tại phi trường Bozeman, Montana trước khi về lại Maryland, tính ra phải lái xe gần 2,000 miles kể cả mỗi ngày lái đi thăm và tôi về lại khách sạn. Thật tình mà nói cậu con rể nhà tôi lái xe thật cừ. Nếu ai yếu tim thì cũng phiền vì có nhiều đoạn đường chỉ một lane, đường xe chạy chênh vênh trên lưng chừng núi, cảnh vật hai bên thì đẹp tuyệt vời mà không thể nhìn vì vách đá sâu thăm thẳm, khách ngồi trong xe nhìn xuống còn ghê sợ, nhắm mắt, không dám nhìn, huống chi là tài xế!

Chấm dứt chuyến đi, từ giả Non Nước Đá Vàng về lại quê nhà Maryland mà lòng còn lưu luyến khôn nguôi! Ước gì với tuổi già, được sống ở đây với một căn nhà gỗ, với núi rừng yên tĩnh, bên dòng suối trong xanh, ngày ngày vui với núi rừng, săn thú hay ngồi câu cá bên những giòng nước mát trong xanh hữu tình. Mùa Đông tuyết lạnh, ngồi nhâm nhi vài ly rượu bên bếp lửa hồng với thịt thú rừng hay cá nướng và, đọc sách, ngâm thơ...

Ước mơ cũng chỉ là mơ ước!

Tạm biệt Non Nước Đá Vàng!

Maryland, August 01/2017

Lê Minh Thiệp



Gia đình Nhà văn Lê Minh Thiệp

Tình Ngõ

(mến tặng Lan Hương, nhân đọc
tùy bút thời sinh viên Luật khoa)

Năm em vào trường Luật
anh sống ở miền cao
vẫn còn duyên bút mực
viết thơ trong chiến hào

Nhớ cổng trường đại học
thuở còn ở Văn khoa
tạm quên thời khó nhọc
nuôi mộng ước hiền hòa

Tình yêu và hạnh phúc
dường như chưa nghĩ qua
muốn làm người trí thức
khỏi chịu cảnh xa nhà

Thành phố mình đang sống
hỏa châu về mỗi đêm
niềm tin và hy vọng
vào thanh bình chao nghiêng

**

Thôi đành xa sách vở
dấn bước vào quân trường
dòng tình thơ đang dở
cất sâu vào đáy rương

Năm năm về lại phố
em hàng xóm ngày xưa
biết chào anh mắc cỡ
giữa trời chiều rây mưa

Cô sinh viên trường Luật
đã biết gọi anh đùa:
Anh lính còn háo hức
mơ bóng hồng đón đưa?

Nếu có người thích đón
anh sẵn sàng muốn đưa
người yêu ra hỏa tuyến
ngắm chiến hào say sưa!

CAO NGUYỄN

Mây Có Hay...

Mây thôi học bước lên đường nhập ngũ,
Xếp lại đây trang triết lý âm u.

Đời xông pha nơi hỏa tuyến đạn thù
Xem chém giết là những bài học phụ?
Mây bỏ lớp rời giảng đường buồn ngủ,
Chọn rừng sâu áo trận bước phiêu du
Khỏi ngán ngơ giải lý luận rối bù,
Mà ngạo nghễ dấn thân vào ngõ tử.

Mây chiến đấu vì tự do dân chủ
Nên khinh thường lời phản chiến ba xu?
Thư cho tao mây đã biết hận thù
Bài đạo đức năm xưa nay đã cũ!
Mây đâu biết hòa bình hay đến muộn?

Nghe tin mây vừa gục ngã tao buồn!
Trời thăm sâu làm nhỏ lệ mưa tuôn,
Mẹ mây khóc mà tìm tao ép cuộn!
Mây bỏ xác nơi chiến trường Quảng Trị,
Tao bồi hồi cầm tờ giấy động viên
Buồn hay vui ai giải được nỗi niềm?
Đám bạn cũ cũng theo mây đến điểm!

Ngày nhập ngũ tao ghé nhà thằng Viễn,
Chiếc quan tài của nó mới về xong
Tao run run, thoáng một loạt bạn hiền
Hiện trong trí thời ước mơ cháy bỏng.
Nó nằm đó xuôi về miền miền viễn
Mây lang thang trong một cõi thiên tiên.
Tao, ngày mai nơi chiến tuyến hận thù,
Lấy tiếng súng làm kinh cầu dân chủ.

ĐỖ BÌNH

(Paris)

CÔ TƯ HỒNG

Phạm Bá

Những người sinh trưởng ở Miền Nam trước đây, khi nhắc đến chuyện Bạch Công Tử, Hắc Công Tử hẳn không mấy ai không biết đến Yvette Trà, một cô gái quê mùa chân lấm tay bùn đất Cần Giuộc Long An, đã bị mẹ gả cho một ông Tây vào những năm đầu thế kỷ 20. Sau này, cô lên sống ở đất Sài Thành hoa lệ và nhờ có nhan sắc mặn mà, Yvette Trà đã trở thành một bà hoàng trong các chốn ăn chơi thời ấy. Riêng đối với những thế hệ người già gốc Bắc, hẳn cũng không ai quên được cái tên Cô Tư Hồng, người đàn bà có một không ai đã một thời lẫy lừng nơi Kinh Thành đất Bắc.

Số là trong chuyến về thăm Hà Nội cách đây vài năm, người viết đã tản bộ qua khu Thành Cổ Hà Nội, nơi mà ngày xưa xa lắm, tôi không còn nhớ là đã bao nhiêu lần, ngày ngày đi học ngang qua Khu Cột Cờ, nơi đây chính là Thành Cổ Hà Nội, vẫn còn mang nhiều dấu tích lịch sử của Cô Tư Hồng, mà đâu có hay.

Để bạn đọc có thể tìm thấy cái thích thú về chuyện Cô Tư Hồng, người viết xin được lược qua đôi dòng lịch sử về Thăng Long thành. Số là sau khi Vua Gia Long chuyển kinh đô vào Huế năm 1802, các Vua nhà Nguyễn kế tiếp đã cho tháo gỡ rất nhiều công trình kiến trúc quan trọng của Cổ Thành Hà Nội chuyển vào Huế để xây dựng và lắp ráp lại. Hơn thế, sau đó nữa, Thăng Long thành còn bị kiến trúc

thu nhỏ lại để chỉ cho xứng với một Thủ Phủ của một Tỉnh - Bắc Thành. Sau ngày Tổng Đốc Hoàng Diệu tuần tiết, năm 1882, thành Hà Nội thất thủ, thực dân Pháp chiếm đóng Cổ Thành để đặt Tổng Hành Dinh của quân đội xâm lăng và Cột Cờ ba tầng hình bát giác được làm trung tâm phát tuyến, Pháp bắt đầu phá hủy các công trình kiến trúc nơi đây và trong kế hoạch đô thị hóa, người Pháp đã cho làm một con đường phóng ngang qua, đi từ Đồn Thủy đến khu công sở chính của bộ máy nhà nước thực dân Pháp - Phủ Toàn Quyền. Tất cả các công trình phá dỡ này được giao cho Cô Tư Hồng và Cô đã thực hiện công việc này một cách thật xuất sắc.

Vậy Cô Tư Hồng là ai ?

Cô Tư Hồng, tên tục là Trần Thị Lan, nguyên quán ở Hà Nam, Phủ Lý. Theo nhiều chuyện kể, cô có vóc dáng lưng ong, nước da bánh mật điểm thêm vào đôi mắt bồ câu, trông hết sức quyến rũ. Tuy quê mùa ít học nhưng lại là người ăn nói có duyên. Lúc đầu cô lấy một người khách trú giàu có gọi là Chú Hồng. Sống với người này chẳng được bao lâu, cô trở thành một người góa bụa vào lúc tuổi còn mơn mơn xuân xanh. Cô bước thêm một bước nữa với một viên quan tư Tây tên là Croibier Hugust, nguyên là một nhà tu xuất theo đạo Chúa. Từ đó cô được bàn dân thiên hạ gọi là Cô Tư Hồng.

Vào một năm đầu thế kỷ 20, gặp tai trời ách nước, người dân tỉnh Quảng Bình vừa bị mất mùa vừa bị thêm một trận lụt khủng khiếp. Trong cơn hấp hối này, Cô đã lợi dụng quyền chức của chồng là Thiếu Tá (Quan Tư), liền cho chở ba thuyền gạo vào Quảng Bình tính bán chợ

đen cho dân bị lụt. Nhưng thiên bất dung gian, Cô bị quan quân triều đình nhà Nguyễn bắt được vì chưa nộp thuế. Gạo bị tịch thu và cô bị bỏ tù. Nhưng nhờ cái sắc đẹp trời cho, cùng quyền thế của người chồng Quan Tư, do đó từ một người toan tính đầu cơ chợ đen, Cô đã khai báo là đưa ba thuyền gạo vào để cứu tế phát chẩn cho dân Quảng Bình. Biên bản được quan quân Triều Đình sửa đổi lại từ gạo "đầu cơ" ra gạo "cứu trợ". Thế là từ một người mang tội tày trời, Cô đã được nhà Vua ban cho Hàm Tứ Phẩm: Tứ Phẩm Cung Nhân. Cũng nhờ việc này, Cụ thân sinh ra cô cũng được thớm lây, và triều đình phong cho Cụ hàm "Hàn Lâm Thị Độc".

Trở lại chuyện Cổ Thành Thăng Long, nhờ uy thế quan Tư của chồng, Cô đã đứng ra lãnh thầu công tác phá hủy các bức tường kiên trúc Cổ Thành của các triều đại trước, lấy gạch ngói xây nhà cho thuê. Nhờ công tác này khiến cô càng ngày càng giàu có phát đạt ít ai sánh nổi, tiếng đồn lan ra khắp xứ Bắc Kỳ một thua.

Một ngày kia cô về làng cũ thăm nơi chôn rau cắt rốn, tay cầm dù hồng, tay dắt chó Berger, mở tiệc ăn khao, Cụ Trần Bình một lão nho trong huyện đến mừng cô hai câu đối:

*Bốn chữ sắc phong hàm cụ lớn
Ba thuyền tế độ của bà to (*)*

Ngắm cho kỹ mà xem... đúng là của bà to thật !

Cô Tư Hồng còn đến nhà cụ Tam Nguyên Yên Đổ để xin Cụ vài câu đối treo ngày Tết. Cụ dùng tục ngữ thường nói về giới "chị em ta" để mắng nhiếc cô một cách tài tình, văn vẻ:

*- Có tàn có tán, có hương án thờ
Vua, danh giá lẫy lừng bầm sáu tỉnh.*

*- Nào cờ nào biển, nào sắc phong cho
Cụ, chị em hồ để mầy lăm người.*

Nếu giai thoại về Yvette Trà đã đi vào lịch sử dân gian Nam Bộ, thì ở đây Cô Tư Hồng còn có một chỗ đứng "cao" hơn thế nữa. Từ một me Tây, Cô Tư Hồng đã nghiễm nhiên được ghi tên vào lịch sử VN những năm cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Nhắc đến công trình tàn phá Cổ Thành là nhắc đến tên Cô và cả trong văn học sử VN qua một bài thơ Đường Luật của Cụ Tam Nguyên Yên Đổ:

Giầu sang bà lớn thực trời cho

Trời lại cho bà chữ tự do

Áo mạng, con đà, ngôi mệnh phụ

Sắc rằng, cụ cũng mặt làng Nho

Tóc sương, bậc lão đàn ông không kém

Má phấn, đàn em để dăm so

Khắp cõi trời Nam đều biết tiếng

Nghìn năm cái tiếng của bà to

Nguyễn Khuyến

(1835-1909)

Nhưng chuyện Cô Tư Hồng chưa chấm dứt ở đây.

Số là thường xuyên theo dõi những tin tức về Hồ Gươm, người viết được đọc một tin mới nhất trên báo Dân Trí (6-2-2015) thông tin, chiếc ghế đá lịch sử gọi là "Ghế Vua" từ thời Nhà Lê được Cô Tư Hồng, trong thời gian cô cho lệnh phá Điện Kinh Thiên năm 1897, đã mang ra tặng cho thành phố Hà Nội để trang trí cho danh thắng Hồ Hoàn Kiếm từ ngày ấy. Cho dù con người và thành phố Hà Nội đã trải qua biết bao nhiêu biến thiên



của đất nước, chiếc ghế đá vẫn sừng sững với thời gian theo chiều dài lịch sử của thành phố và cư dân Hà Thành đã trân quý chiếc ghế đá này hàng trăm năm nay. Nhưng vào một ngày, ngày 5-2-2015, một đại gia Hà Nội, vừa từ một quán nhậu ra về, bất cẩn “dze xe”, hất tung chiếc ghế đá văng ra khỏi bệ đỡ. Chiếc “Ghế Vua” vỡ tan ra làm nhiều mảnh như hình đính kèm của báo DT.



Sau khi gây ra tai nạn, ông này thản nhiên lái xe đi mất. Có người chứng kiến sự kiện và trình báo nội vụ cho cơ quan sở tại. Sau đó sự việc diễn tiến ra sao, chẳng ai biết nữa.

Chiếc ghế đá khi còn nguyên trạng thường là nơi người dân Hà Thành ngồi hóng mát lý tưởng bên bờ Hồ Gươm. Vì thế nhân dịp này, tên Cô Tư Hồng lại được

thêm một lần cư dân Hà Nội nhắc đến như “một hoài niệm khó quên”.

Nhân ngày cuối tuần nhàn rỗi, người viết xin góp nhặt ít chuyện xưa để nhớ về bút pháp tuyệt vời của tiền nhân để bạn đọc, đọc chơi cho vui và cũng để nhắc nhở cho đôi chữ nhân tình... thế thái.

Phạm Bá

North Potomac, MD

(Theo nhiều tài liệu)

(*) Sách **"Văn hóa VN Tổng Hợp"** (1989-1995) viết:

Một đạo sắc phong hàm cụ lớn Trăm năm danh giá của bà to

và một tài liệu khác viết:

*Tứ phẩm sắc phong hàm cụ lớn
Trăm năm công đức của bà to*

NÚI SỢI TƠ TRỜI

Đỗ Bình

Tôi vẫn thường nghĩ :« Đi vào cõi thơ là bước vào cõi vô tận. Thơ vốn sẵn trong thiên nhiên, hàm chứa nhiều tính chất trong trời đất, ngôn ngữ của thơ đôi khi ẩn trong văn, nhạc và hội họa Sự rung cảm con tim trước ngoại cảnh và tâm cảnh bất thành thơ. Hồn thơ tựa làn khói, mùi hương; mà hương thì vô ảnh người đời chỉ cảm nhận chứ nào thấy được hình tướng, nhưng ngay cả lúc hữu hình hồn thơ hóa thể thành sợi khói, vầng mây chúng ta đều nhìn thấy nhưng nào ai nắm bắt được ? Thơ bắt nguồn từ cảm xúc của tâm hồn nơi ẩn chứa những khối tình thiêng liêng sâu kín. Làm thơ là đi giữa cõi mộng và thực để đời trở nhánh đâm hoa, và đưa thực vào mộng cho hồn vơi đi những nỗi đau trần thế. ».

Tôi biết linh mục Guise Đình Đồng Thượng Sách trên 30 năm, ông là cha xứ quản hạt giáo phận Cergy, mà tôi là một cư dân và cũng là một tín đồ. Ở đây tôi muốn nói đến nhà thơ Cung Chi, chất nghệ sĩ trong con người linh mục.

Cuộc đời tu sĩ là con đường dài đầy gian nan và nhiều thử thách mà cha Đình Đồng Thượng Sách đã chọn ngay từ hồi còn nhỏ, đã dâng hiến tâm hồn và thể xác hướng về Thiên Chúa. Đời và

Đạo là con đường chia hai nhánh có lúc cũng trùng nhau, có lúc tách rời nhau. Ở cõi phàm, Thơ vẫn là Đạo (Văn Dĩ Tải Đạo) nên thi nhân đã được ơn Trời ban cho một đặc ân đó là nguồn cảm hứng dào dạt để dệt lên những vần thơ tuyệt tác tặng đời, nhà thơ Cung Chi là một trong số thi nhân đó tay lần tràng hạt tay phóng bút làm thơ. Theo nhà thơ Thanh Hương đã viết về ý nghĩa Bút hiệu Cung Chi: «Bao gồm một ý nghĩa tôn giáo lấy từ sách Luận Ngữ: «Vi chánh dĩ đức thi như Bắc-Thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh cũng chi». Làm việc liêm chánh, đức độ, ví như sao Bắc thần đứng một chỗ, các vì sao khác đều quy châu. Người liêm chính và đức độ nhất không ai bằng Đức Mẹ. Trong kinh cầu Đức Bà có câu: « Đức Bà như sao mai



sáng vậy ». Cung Chi, lấy từ chữ «cung chi», bỏ dấu hỏi đi cho dễ đọc, hàm ý một sự cung kính và yêu mến Mẹ Maria. Đó là tâm nguyện và đường hướng thánh đức của Cha Đỉnh Đồng Thượng Sách. Ký bút hiệu Cung Chi, có lẽ cha Đỉnh Đồng Thượng Sách muốn gói ghém một tâm tình cung kính và yêu mến Giáo Hội Việt Nam. Và vì vốn sẵn một tâm tình yêu mến và cung kính mẹ Maria, cha đã muốn.»

Thuở mà Hội Thơ Ba Lê Thi Xã còn đông đủ, thường có những cuộc họp thơ giới thiệu những bài thơ mới sáng tác, sinh hoạt hội luận Thơ sôi nổi. Nhà thơ Cung Chi cũng đến tham dự do lời mời của người hội trưởng là cố Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh. Nhà thơ Cung Chi rất khiêm tốn, ông không hề đem thơ mình đọc trước những văn nhân thi sĩ khác, mà chỉ im lặng cảm nhận những nét tinh hoa của thơ người nên được tất cả mọi người quý mến.

Có lẽ tôi là một trong số người bạn thơ may mắn được thi sĩ Cung Chi trao gởi những bài thơ. Vào nhiều dịp lễ hội lớn ở Giáo Xứ Việt Nam Paris tôi được ban tổ chức mục vụ mời đọc thơ, tôi không đọc thơ mình mà xin diễn ngâm những bài thơ của Cung Chi hợp với không khí trang nghiêm của giáo đường.

Vài Nét Về Tiểu Sử:

Nhà thơ Cung Chi tên thật là Đỉnh Đồng Thượng Sách, ông sinh ngày 15 tháng 8 năm 1939 tại Từ Nê, Bắc Ninh, thừa nhỏ được học chữ nho với ông bác họ.

1950 vào tiểu chủng viện Antôn Ninh Đạo Ngạn, Bắc Ninh. học xong trung học phổ thông ở Hà Nội.

1954 Vào Nam.

1958 Đậu tú tài, ghi tên học Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

1959 lên học Giáo Hoàng Học Viện Đà Lạt.

1960 trở về tiếp tục học Đại Học Văn Khoa.

1963 Tốt nghiệp cử nhân giáo khoa Việt Hán Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, sau đó đi dạy học ở trường Nguyễn Trãi. Hằng năm ông được mời chấm thi và chủ khảo một trung tâm Tú Tài. Lần chót chấm thi tú tài là năm 1965. Cũng trong năm 1965 ông đã trình tiểu luận cao học văn chương Trung Hoa ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn về đề tài :«Tính Chất Trữ Tình Trong Văn Chương Tào Thục», mà chủ khảo là giáo sư Nghiêm Toàn. Đây là tiểu luận cao học văn chương Trung Hoa đầu tiên ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn». Khi vừa trình tiểu luận cao học xong thì Giáo sư Nghiêm Toàn hỏi có muốn làm giảng viên dạy đại học không để ông giới thiệu. Nhưng ông đã cảm ơn giáo sư và thưa rằng muốn tiếp tục đi tu.

1966 Sang Pháp (Tập Viện Dòng Thánh Thể, Mayenne).

1968-1969: Đại Học Lovain (Bỉ)

1969-1972 : Học viện Công Giáo Paris (cử nhân thần học)

Đêm Noel 24.12.1972, được thụ phong linh mục tại nhà thờ Dòng Thánh Thể, Paris Champs Elysées, quận 8.

1986 Tiến sĩ (Paris 7), chuyên ngành
Viễn Đông Học

Con Người và Tác Phẩm:

Nhà thơ Cung Chi sáng tác rất khỏe có hơn 1000 bài thơ đủ loại : Đạo, Tâm Linh, Trào Phúng (Ngửa Mòn, Nụ Cười Lịch Sử,), Tự Trào (Quét Đờ, Thơm Tháy), Cảnh (Sa Mạc, ô), Những bài thơ về đền đài, cung điện, di tích lịch sử Paris), Xướng Họa, Tình Người, Tình Quê (Những Người Con Yêu, Ru Con)...qua nhiều bút hiệu : Cung Chi, Lương Nhi Tử, Chổi Cùn Giáo Xứ.

Những tác phẩm:

- Thương Ngàn Thương (bộ 3 tập), '2012)
 - Họ Là Ai (2013) (117 Bài thơ về 117Thánh Tử Đạo VN)
 - CD Thương Ngàn Thương (Ca khúc phổ thơ Cung Chi), Thư Viện Giáo Xứ Paris, 2014
 - Tuyển tập thơ Cung Chi (2015) Lê Đình Thông
 - Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolo II (2016) (cuộc đời bằng thơ về Đức JP II)
 - Tuyển tập thơ Cung Chi (2017) (Thư Viện mừng 70 Năm GXVN/ Paris.)
- Sắp in:
- Tuyển tập thơ Cung Chi 45 năm LM)
 - Thương Ngàn Thương tập IV

Trước khi bước vào vườn thơ Cung Chi xin trích một đoạn bài giới thiệu mang tựa: Gởi Chút Này Làm Tin của nhà thơ Lê Đình Bảng trong thi tập Thương Ngàn Thương của Cung Chi: «*Với số lượng khổng lồ, dày đặc*

hàng ngàn bài thơ dài, ngắn, Mới , Cũ, Cổ Điển, Hiện Đại với nội dung phức hợp, mệnh mông bát ngát không cho phép tôi quy nạp, thu tóm để vô đoán, chủ quan, một chiều. Nhưng thật lòng tôi yêu những bài thơ ngắn ngắn nhẹ nhàng mà sâu lắng được viết theo thể loại Ngũ Ngôn hoặc Lục Bát của Cung Chi.....».

Bài giới thiệu thật là hay, nghiên cứu sâu rộng, lời văn nhẹ nhàng trầm bổng như một bài thơ. Bài viết làm nổi bật giá trị của những nhà thơ. Trong tác phẩm Tuyển tập thơ Cung Chi (2017) (Thư Viện mừng 70 Năm GXVN/ Paris.), mở đầu là bài giới thiệu của Đức ông Giuse Mai Đức Vinh: Hành Trang Mục Vụ. Thi tập gồm nhiều bài thơ diễn tả về những sinh hoạt giáo xứ VN Paris. Nhà thơ đã mượn những vần thơ như lời tâm sự để tạ ơn Trời, cảm ơn Người, những người bạn đồng tu, những tín hữu đã cùng với linh mục gắn bó nhiều năm phục vụ trong cộng đoàn giáo xứ Paris mà nay có người còn kẻ mất. Qua tập thơ này cho thấy linh mục Đinh Đồng Thượng Sách thương yêu giáo xứ VN Paris vô cùng vì nó đã chất chứa bao kỷ niệm buồn vui trải dài nhiều năm tháng. Cách nay vài năm, nhà thơ Cung Chi có nhã ý muốn tôi ghi đôi dòng cảm nhận như lưu chút tình thơ văn nghệ nhưng tôi không dám nhận lời vì không am tường nhiều về thơ Tâm Linh, nhất là thơ nặng về thần học! Mới đây gặp thi sĩ Cung Chi, nhà thơ vẫn còn giữ ý định cũ, và còn bảo

rằng tôi muốn ghi gì thì ghi. Trước cả ngàn bài thơ nêu có viết cả cuốn sách cũng chưa đủ, tôi xin gởi chút lời cảm như một khúc dạo đầu cho một bản trường ca và cùng vần thơ của thi sĩ làm một khúc phiêu du:

Con vui mừng dâng mẹ
Đôi vần thơ nhỏ bé
Như búp nụ tâm Xuân
Trong rừng thơ nhân thế
(*Dâng Mẹ, trang 144*)

Tâm hồn của linh mục Đình Đôn g Thượng Sách luôn hướng về Chúa, ngài chọn con đường mục vụ là được vác Thánh Giá theo Chúa nên đã quên mình để phục vụ người khác làm vinh danh Chúa, cho dù gian nan, khó khăn nguyện đi đến hơi thở cuối cùng. Phải có ý chí và đức tin vững mạnh mới vượt qua những thử thách, những cám dỗ mà nhiều người đồng tu đã bỏ cuộc!

Như đã trình bày ở trên trong con người linh mục có chất thơ, khi nguồn thi hứng trời dậy thì chẳng có nhà thơ nào không phóng bút ghi lại những rung cảm bất chợt mà chỉ có thi sĩ mới cảm nhận được. Cung Chi mang tâm hồn thi nhân nên nặng nợ với tình thơ, như kiếp tâm nhả thơ thi sĩ đã hóa thân vào cuộc sống tha nhân, hòa với nhịp thở của nhân gian nên cảm thông được nỗi buồn của nhân thế mà viết lên vần thơ. Bài thơ: Ngâm Thơ Ngày Tết, nhà thơ mượn những vị cay đắng, ngọt bùi của tình đời làm chất men, nguồn cảm hứng sáng tác của thi sĩ để dệt thành thơ. Khi say đắm thơ nghĩa là bước vào mộng

vào thế giới mơ hồ đầy ảo tưởng làm cho con người linh mục không khỏi buồn, thương cảm cho những tâm hồn yếu đuối, sa ngã trước thói đời! Làm sao mà không xót xa khi nhìn thấy những cuộc tình tan vỡ mà ngày trước chính linh mục là người làm chủ lễ cho cuộc hôn phối của hai tâm hồn trẻ yêu nhau, kết hợp thành một trước mặt Thiên Chúa, nay họ chia tay! Nhà thơ đã buồn cho cái buồn của người khác:

«Ta ngâm lên những lúc hồn bay bổng
Lúc vui buồn, lúc sướng khổ, lúc cô đơn.
Lúc đắng cay cũng như lúc tủi hờn,
Khi yêu đương khi mộng mơ nung nhớ
Ta ngâm thơ nhẹ nhàng như hơi thở,
Như tiếng ca, như chim hót ngọt ngào.
Như giọng hò, như tiếng sáo thanh tao
Như hoa bướm trao tình ngày nắng đẹp.
Ta ngâm lên những lời thơ tha thiết,
Bao mối tình dang dở đến ngẩn ngơ,
Ta giạt mình và bỏ ngơ chẳng ngờ
Cứng cỏi lắm như ta mà say đắm !...
Ta muốn ngâm trong gió vờn xuân thắm
Giữa lời kinh pháo nổ đón giao thừa
Như trầm bay khói cuộn thoảng đương đưa
Vào không gian ướp sương trời mờ sáng.
Cả lòng ta là thửa vườn lênh láng
Nhạc và thơ như Thánh vịnh chân thành
Mỗi lời ngâm giọt nước mắt long lanh
Của buồn vui pha lẫn cùng sướng khổ
Ta cứ ngâm bao lâu còn hơi thở
Giữa giòng đời trôi chảy chờ ta đi
Lên Thiên đàng chốn ấy rất từ bi
Bao thơ ý dương gian thành bất tử.»
(*Ngâm Thơ Ngày Tết*).

Bài Tơ Trời, nhà thơ không dùng ngôn ngữ thần học nhưng ý thơ là lễ đạo, ngôn ngữ trong thơ đượm tư tưởng Phật giáo (*bến mê*) có từ thuở còn trẻ học ban Việt-Hán ở đại học Văn Khoa Sài Gòn. Nhiều từ ngữ Hán Việt có ẩn chứa những tư tưởng Phật giáo, rất gần gũi với thi ca Việt Nam. Khởi giác cho con đường sinh lộ
 Dắt dìu con ra khỏi bến mê
 Cho máu trong tim luôn tươi đỏ
 Mở cõi lòng xanh chói chấp nê.
 Lòng con rung chuyển như tơ trời
 Trong trắng vừa đủ mong manh thôi
 Biết giữ làm sao cho khỏi gió
 Lúc nào còn chẳng lúc rồi ròi ?
 Tơ trời biết bám vào đâu nhĩ
 Đành xin suốt đời vẫn cứ bay!
 Đến khi trong Chúa nằm an nghỉ
 Đẹp như tuyết trắng nhẹ như mây
 (*Thương Ngàn Thương tập2, trang 192*)

Tơ trời ở đây là Ánh Sáng Nhiệm Màu, là Đức Tin, ta không thể thấy bằng mắt trần, kiểm chứng bằng khoa học mà chỉ cảm nhận bằng tâm hồn nên tin tưởng. Hình ảnh ngôn ngữ trong thơ là những mảng màu: cõi lòng xanh, máu đỏ tươi, trong trắng, tuyết mây gợi hình có lúc hiện thực có lúc trừu tượng. Bài thơ có sắc thái riêng thuộc tâm linh.

Thường người ta phân biệt hai loại Thơ: Thơ Đời (*Poème de l'Existence*) và Thơ Đạo (*poème de l'Être*). Thơ Đời, ai cũng biết là Thơ phản ánh hiện thực đời sống thế gian; Thơ Đạo là Thơ đề cập đến vấn đề Tâm Linh. Nhưng Đạo là gì, Tâm Linh là gì? Hầu như

chưa thể định nghĩa, giải thích tường minh. Ta thường nghĩ rằng Thơ Đạo đề cập đến những vấn đề siêu hình, vượt khỏi phạm trù hiện tượng, hướng đến việc tìm hiểu chính tự thân sự vật, chính bản thể của sự vật mà những biểu hiện của chúng nơi thực tại vật lý chỉ là hư diện (*appearance*). Với nhà nghệ sĩ, nhất lại là tín đồ tôn giáo, những vấn đề siêu hình đó phát xuất từ Đức Tin chứ không từ cái Lý trí luận lý (*raison raisonnante*) như nơi các Khoa học thực nghiệm. Đức Tin là sự gắn bó vào một chân lý nền tảng cao xa nào đó được xem là đã tạo dựng, điều hướng diễn tiến mọi sự vụ thế gian để viên dung bản chất, bản thể mình và khi tất cả cùng quy về với bản thể nơi mình thì sự sống thoát được mọi hư phù, giả hoặc và tất cả đều được sống trong cảnh giới thực hữu, tự tại, bằng an, không còn thị phi, tranh chấp, không còn gây tội, tạo khổ cho mình và cho nhau. Do đó, Thơ Đạo luôn trong cái khuynh hướng đem Đức Tin của mình soi rọi vào thực tại đời sống, đưa Đạo vào Đời. Nhưng còn trong vòng hiện tượng, do tương tác thường trực giữa mọi thứ ‘hữu’ (vạn pháp, nói theo từ nhà Phật), trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại (môi trường xã hội), do sự ‘phân ly chủ-khách’ (*scission sujet-objet*), con người luôn thấy mình yếu đuối, tuy luôn hướng về một ơn thiên triệu, một ơn cứu rỗi nhưng nhiều khi cũng cảm thấy Đức Tin nơi mình chưa thực sự vững vàng nên phải luôn luôn cầu nguyện. Bài Thơ ‘Tơ Trời’ có

thể xem là lời cầu nguyện, vừa nói lên cái yếu đuối của thân phận con người như sợi tơ trời mỏng manh :

«Biết giữ làm sao cho khỏi gió
Lúc nào còn chẳng lúc rã rời ?»

Không biết bám vào đâu nên *‘đành vãn cứ bay’* trong cõi đời vô thường này. Bài ‘Tơ Trời’ với hai hình ảnh ‘tơ’ và ‘mây’ nói lên ý đó. Như ta biết Tơ, là thứ mỏng manh dễ đứt nhưng đây là *‘tơ trời’* có nghĩa Tơ trời ở đây là ánh sáng Nhiệm Màu. ‘Tơ Trời’ trong bài thơ này là hình ảnh phần sống Tâm linh, hình ảnh Đức Tin nơi nhà thơ, một tín đồ Thiên Chúa giáo. Sợi *‘tơ trời’* đẹp để đó bị quăng ném vào đời, vào cõi hiện tượng trở nên ‘mong manh’ nổi chìm, *‘đành xin suốt đời mãi cứ bay’*. Bài thơ, theo tôi, vừa là *‘lời xưng tội’* với Trời, với Thượng Đế về Đức Tin nơi tác giả có những khoảnh khắc bị giao động, vừa là lời cầu nguyện, ước mong được được trở về với nước Trời, được an nghỉ trong Chúa, sợi Tơ Trời sẽ luôn trắng trong, *‘đẹp như tuyết trắng, nhẹ như mây’*, có nghĩa được luôn bình an, được trở về với bản thể tinh anh, thuần khiết, thanh thoát, nhẹ nhàng như mây trắng không còn đọng lại chút nào sắc màu tục lụy. Con đường trở về được bình an trong Chúa, theo tác giả bài thơ, chính là *‘sinh lộ’* của con người do từ Đức Tin nhưng Đức Tin luôn bị cõi đời vùi dập nên nhiều lúc trở nên mỏng manh, dễ vỡ, dễ cạn, do đó phải luôn cầu nguyện ơn Cứu Rỗi *‘khởi giác’* cho mình.

Ở nhà thờ Cergy thanh thoát linh mục Đình Đồng Thượng Sách đã đem thơ của những nhà thơ công giáo tiên bối ở những thế kỷ trước vào bài giảng. Điều đó làm tươi mát bầu không khí trang nghiêm. Chất thơ Đạo tỏa hương nhẹ nhàng làm lòng người thêm thân thiện mến nhau. Vào ngày Tết nhà thờ đã tổ chức văn nghệ cho giáo dân và những người đồng hương trong vùng đến xem, lớp thiếu nhi đã diễn kịch thơ, và lên đọc những bài thơ Đạo làm không khí âm áp chan chứa tình quê hương.

Linh mục Đình Đồng Thượng Sách đáng người nhỏ bé, giọng Bắc, Hà Nội cũ nên rất truyền cảm, âm áp. Ông là người thành lập cộng đoàn Công giáo Cergy. Vào những năm đầu sau biến cố 1975 những người Việt quốc tịch Pháp và người tị nạn ồ ạt đến Pháp. Cha Sách là một trong những vị linh mục tiên phong rất nhiệt tâm đến giúp đỡ người đồng hương. Những người cư ngụ lâu ở Cergy hiện còn sống cho biết cha từ Paris ra ngoại ô vùng Cergy rất vất vả, thuê ấy phương tiện di chuyển đi lại còn khó khăn, hàng giờ mới có chuyến xe lửa, sau đó còn phải đi bộ nhiều cây số mới đến địa điểm chung tâm đón tiếp người tị nạn, chứ không như bây giờ xe điện cao tốc 15 phút là có. Thời gian đầu cha Sách đến Cergy vào chung cư tị nạn mượn một phòng nhỏ để hành lễ dù chỉ vài tín hữu. Hàng tuần cha vẫn kiên trì bỏ nhiều thời gian đi vào Cergy hành lễ. Cergy hôm nay phồn thịnh, lộng lẫy, là thành phố đông dân cư của Paris, một

thành phố có nhiều di tích cổ, Cergy-Pontoise có hai ngôi giáo đường cổ của thế kỷ 12 và 14, và nhiều trường đại học danh tiếng. Nói đến Cergy là người ta bảo thành phố đại học. Cộng đồng công giáo ở Cergy lên đến hàng ngàn, và cha Sách đã quản trị địa hạt đó mỗi tháng hành lễ hai lần, ở những buổi lễ trọng đầy người dự lễ. Linh mục Đinh Đồng Thượng Sách rất tận tụy với đời sống mục vụ, nhiệt tâm với mọi người giáo dân. Không phân biệt tôn giáo, ông thường lưu tới thăm hỏi người già đơn chiếc, người bệnh nan y, người nghèo khó bằng tình thương anh em đồng hương. Sự hiện diện của cha Sách đối với cộng đồng người Việt ở Cergy là một biểu trưng về tinh thần. Ngày đó tôi sáng lập ra Hội Văn Hóa Cergy và thành lập thư viện Cergy sau này đã trở thành thư viện thành phố, do chính quyền địa phương quản trị. Một thời gian sau ở Paris giáo sư Bạch Thái Hà thành lập ra thư viện Diên Hồng và cha Đinh Đồng Thượng Sách thành lập ra thư viện Giáo Xứ VN Paris. Những thư viện đó còn tồn tại đến hôm nay. Viết bài này tôi đã hỏi nhiều người để kiểm chứng lại suy nghĩ, nhận xét của mình trước khi viết: Linh mục Đinh Đồng Thượng Sách một con người chân phương, rất trong sáng, là một vị chân tu. Cha rất nghèo, đời sống giản dị để có chút tiền gửi về Việt Nam xây nhà thờ hoặc giúp đỡ người khốn khó. Ở những dịp tết hàng năm tôi thấy một số người biếu cha một ít hộp bánh, cha mở

ra và phân phát ngay cho những người khác. Ở Paris tôi có quen biết và thân với vài người ngày trước có thời làm tu sĩ, linh mục, nhưng sau xin xuất để lập gia đình. Họ là giáo sư, nhà nghiên cứu, nghệ sĩ... bản thân rất tốt, tử tế với mọi người, vẫn ngoan đạo nhưng bỏ tu vì con đường tu rất gian nan, họ chỉ đi được một đoạn đành bỏ cuộc cuốn theo lốc đời giữa Paris đầy quyến rũ!

Vị tu sĩ trẻ Đinh Đồng Thượng Sách năm xưa đã thành linh mục từ lâu, và đã đi suốt con đường dài tu hành,



vượt qua bao khó khăn cho đến lúc tóc bạc phơ vào nhà hưu trí, tâm hồn luôn trong sáng.

Đỗ Bình
Paris 10.08.2017

TẠP CHÍ CỎ THƠM
Có bán tại
WASHINGTON MUSIC
EDEN CENTER
6795 WILSON BLVD. #26
FALLS CHURCH, VA 22044
TEL. (703) 538-4979

NGƯỜI TÌNH GIÀ

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Ngày nay người đẹp rất nhiều, nhìn đâu cũng có, không như thời xưa tìm đồ mắt mới ra một cô... Cũng chẳng lạ lắm gì vì theo đà khoa học tân tiến, biến đổi như một cây dừa thần rụng vào người, rụng mình một cái là hoá thành người khác, xinh đẹp, mỹ miều hơn... ngắt nổi dừa thần chỉ đổi được cái mặt và “body”, còn tính nết thì vẫn y như vậy...

Thành thử nhiều anh vì mê vỏ bề ngoài xinh như mộng của người thương, không ngờ bên trong nhiều nàng hiện thân là “phù thủy”! Không ít chàng trai đã yêu người thua mình nhiều tuổi, cũng chỉ vì “cô bạn” nhìn còn hấp dẫn, lôi cuốn... Nhiều nàng nổi danh “chăng lửa” có chồng con đang hoàng rồi, mà ra đường mấy anh “bu” đông gặt không hết, cũng bởi nàng đó biết tô bồi son phấn, giọng điệu khi ra ngoài thường xuyên nhỏ nhẹ, nhõng nhẽo, ỡng ẹo... cho thêm phần hấp dẫn... khiến trai nào chịu cho thấu! Trong khi đó lại có nhiều ông già khú thì mê gái trẻ, hay mấy bà sồn sồn khoái “kép nhí”! chuyện đời nói hoài không hết...

Bà Hoan cũng đang mang tâm trạng bức mình, ray rứt khi nghĩ đến chuyện nhà mình! Nhà có ba người, hai vợ

chồng và thằng con trai yêu quý đã ra trường bác sĩ mấy năm mà chưa chịu lấy vợ! Mới đó giờ mỗi người là một ốc đảo lạnh lùng, không ai được (hay muốn) xâm nhập vào lãnh vực riêng tư của ai!

Ông bố cách đây một năm, nổi hứng đòi về thăm quê hương một tháng, dĩ nhiên là đi cả hai vợ chồng... Ông cũng viện cớ rất chính đáng là nay về hưu, con trai thành đạt, cha mẹ rảnh rồi... Về thăm bà mẹ Hai đã nuôi ông cực khổ khi mẹ ruột mất lúc ông tuổi còn thơ là hợp lý...

Khi về ở nhà mẹ Hai, ông đi đâu cũng có bà theo một bên, chỉ khi nào mua thuốc lá đầu ngõ là mình ông đơn độc thôi. Mỗi lần đi mua thuốc lá, cộng thêm thời gian đứng ngoài đường hút cho xong liều thuốc... cao lắm là chỉ khoảng nửa tiếng, thì làm sao đủ thì giờ để mà “gái gú” tán công ông chồng Việt Kiều già của bà được chứ!

Bà Hoan yên tâm khi nghĩ điều đó. Ai chứ chồng bà không thể nào dính vào vụ “gái trẻ thơ ngây, tâm hồn dày dạn” như mấy ông bạn vàng của ông được! Mấy thằng đó ngu, gặp tôi là đừng có tưởng bở!

Nhưng khi trở qua Mỹ, ông có vẻ thần thờ sao đó, câu tuyên bố hùng hồn ngày nào lặn mất! Thần trí ông thường xuyên như người đang đi trên mây! Bà nói gì, hỏi gì... ông cũng chẳng lọt vào tai... Tỉnh tỉnh thì khi ngọt khi nhạt! Chẳng biết đâu mà lần! Nhiều khi bà cau mặt nhìn ông không giấu diếm, rồi hỏi:

- Đạo này ông làm sao thế?

Nghe như tiếng vợ quát, ông giật mình:

- Hà... bà nói cái gì?

- Tôi hỏi ông sao vậy? Nhớ cái gì?

Thế là ông chối biến:

- Bà bảo tôi thì nhớ cái quái gì? Có gì để mà nhớ? Chẳng lẽ tôi “nhớ bà” chắc!

Đúng là “ba xạo”... Nhớ bà, tại sao lại đưa câu nói đầy tính cách “nhạo báng” vào câu hỏi này? Bà trả lời:

- Nếu ông nhớ tôi thì bình thường, có chuyện gì mà nói! Hay là về Việt Nam lại bị con nào nó hớp hồn rồi? Đúng không?

Ông chồng gân cổ:

- Bà đừng có ghen tương vô lý vô sự rồi đổ bậy bạ cho tôi như thế! Không bao giờ có chuyện đó!

- Được, ông đã chối thì nhớ lấy...

Câu trả lời của ông nghe cũng còn ngon lành!... nhưng bà thấy vẫn có sự gì gian dối trong ánh mắt, cử chỉ và cả dáng điệu của ông chồng mình... Thế rồi tiếp theo đó là tối ngày ông cứ ngồi trước máy “computer” dán mắt vào đó, tay gõ lóc cóc những dòng chữ... như đang viết cái gì cho ai.

Mỗi khi thấy bà lại gần, ông tức thì bấm ngay qua trang khác coi phim hay đọc truyện... Bà Hoan tức cho cái sự

ngu ngốc không biết xử dụng máy vi tính của mình! Bà than phiền với bà bạn thân tên Thu:

- Hồi đó có cậu sinh viên đến nhà dạy cho lại không chịu học, tôi cứ nghĩ là một mình ông ấy biết đủ rồi, ai ngờ bây giờ tổ tác!

- Tổ tác sao?

- Ông tối ngày “chát chịch” với mấy con nào... tôi có biết gì đâu mà lần!

Tiếng bà Thu cười nhẹ:

- Bộ bà tưởng biết xử dụng máy là bà kiểm soát được ổng sao?

- Ủa, cũng không được sao bà?

- Biết bao nhiêu người là nhân viên của hãng điện tử mà vẫn mất chồng... Nhưng tui chỉ bà cách này...

- Cách gì?

- Ông có hay thức khuya ngồi đánh máy thường xuyên không?

- Còn phải nói... có, từ khi đi Việt Nam về là bắt đầu như vậy...

- Ông có hay ra sân nói điện thoại cầm tay thật nhỏ giọng không?

Bà Hoan nhíu mày cố nhớ, nhưng rồi lắc đầu:

- Tui cũng không để ý nữa...

- Trời, bà này thật vô tâm... bà phải theo dõi kỹ mấy chuyện đó chứ! Đây nè, tui chỉ cho bà biết mấy cha nào mà có bồ nhí bên Việt Nam hay làm gì...

- Ủ, chỉ đi... tui đang nghĩ ông chồng tui, chắc ổng dính với con nào rồi quá!

- Cẩn thận... không khéo thì ổng đòi ly dị... bà trở thành một mình một bóng, lẻ loi tuổi già đó!!!

- Dám lắm!

Giấu cái thờ dài sau câu nói, bà Hoan cảm thấy lo lắng vu vơ!

- Thôi được rồi... để tui nói bà biết... đàn ông có tình cảm bên ngoài thường hay ăn mặc chải chuốt, biết để ý đến bề ngoài của mình hơn trước đó...

- Phải, phải... lúc trước tui hỏi ông đi cắt tóc thì ít khi nào ông nghe lời, có khi còn cự nự tui.. vậy mà bây giờ điệu dễ sợ, cứ hai tuần là ra tiệm một lần đó bà...

- Ông ra tiệm là để có thời gian rảnh liên lạc với gái mà bà không biết đó thôi!

- Tối tối lại thường hay ngồi “chát”... khi nào thấy bóng tui loanh quanh đó, lại hối tui đi ngủ sớm...

- Ông có bao giờ hát vu vơ không?

- Có, hát và hay cười tùm tùm một mình!

Bà Thu đột nhiên hỏi:

- Nhà bà tiền bạc ai nắm?

- Thì ông chứ ai... Ông ký trả “bill” hết... nhưng tui cũng có tên trong ngân hàng...

- Bà ở nhà mà không làm mấy việc đó lại để ông làm... Đàn ông có quyền hành trong vấn đề tiền bạc thì cưới thêm vài bà... vợ cũng không biết!

- Hồi đó tui cũng có thử ký trả tiền vài lần, nhưng thấy lộn xộn và nhức đầu lắm, riết rồi tui giao hết cho ông làm luôn...

- Vậy ông có quỹ riêng không?

- Chuyện này làm sao tui biết được!

Câu trả lời của bà Hoan làm bà Thu chán:

- Vậy chứ bà biết chuyện gì?

- Tui nghi ông có bồ bên Việt Nam...

- Chắc không? Hay lại nghi bậy?

- Chắc như đinh đóng cột... Ông giờ lạ lắm... tui nhìn là ngứa mắt!

Nghe bà Hoan nói, chợt bà Thu la lên:

- Ờ... nghe bà nói ngứa mắt tui mới nhớ... hôm qua tui thấy thằng Tú con bà nó đi với một con mẹ nào già hơn nó cả chục tuổi...

- Thì có sao đâu... nghe nói nó đang liên lạc với mấy bà làm địa ốc, vì nó cũng muốn mở phòng mạch riêng, nhảy vào cho biết thị trường này...

- Con bà bác sĩ muốn mua phòng mạch... thì đâu cần nhảy vào địa ốc làm gì?

- Không phải làm, nó chỉ muốn tìm hiểu cận kề thôi...

- Nhưng mụ này giống như bò của nó chứ không phải là công việc!

Rồi bà Thu tố luôn:

- Thú thiệt là khi nhìn thấy nó ôm eo mụ này, nhìn y chang hai chị em... thấy tui, nó phớt lờ nghe bà...

- Có khi nào bà ta là bệnh nhân của nó không?

- Chắc chắn không! Vì họ ăn uống vui vẻ, con bà lại còn đút cho bà ta ăn... âu yếm lắm!

- Mà bà có chắc đó là con tui không?

Thấy bạn không tin, bà Thu giận:

- Bộ bà nghĩ là tui bịa chuyện sao? Mất tui đã quáng gà đâu mà nhìn lầm người khác... thằng con bà hồi còn đi học tới nhà tui ăn thịt nướng với thằng Nu hoài chứ gì... làm sao tui làm được!

Những lời chắc như đinh đóng cột của bà Thu làm cho bà Hoan quên tuốt lượt chuyện ông chồng “hình như” đang mê “gái tơ” của mình!

- Bà thấy con mẹ đó ra sao? già lắm hả?
- Già nhưng giàu...
- Biết rồi... Nhưng mặt mày nó thế nào?
- Thì sửa sắc đẹp là chắc, ăn diện xéch xy muốn lòi con mắt... Tui thấy cái xe của bà đó chắc cũng năm chục ngàn trở lên...

- Trời ơi là trời... con mẹ đó già bằng tui chưa?

- Xem xem... nhưng dĩ nhiên là ăn diện, nhìn mi nhon và hấp dẫn hơn bà nhiều...

Tiếng của bà Hoan rên lên:

- Bộ hết người hay sao mà nó đi cặp với gái già chứ! Trời ơi... Con với cái!!! Hết cha rồi tới con! Sao tôi khổ thế này!

Con tức tràn tới làm cho bà Hoan muốn ngộp thở! Mới đây nghe nó tuyên bố là đang để ý thích một cô, bà lại tưởng tượng đến một cô gái xinh xắn cùng trường cùng lớp, cùng tầm cỡ... ai dè nó lại đi cặp với một con mẹ già khù thế hờ trời! Bà phải tính cách ngăn chặn mới được!

Từ khi nghe tin, bà Hoan đứng ngồi không yên! Bà đã gọi phen cho thằng Tú để dò hỏi, nhưng thằng nhỏ khoá phen, cố tình tránh mặt. Nó đâu còn ở chung với cha mẹ để bà có dịp la rầy con như xưa!

Bà tức con của mình quá sức... Bộ thế giới này hết đàn bà con gái rồi hay sao mà lại cặp với “má bay bà già!” như thế! Mà thằng Tú tính tình cũng không phải dễ dàng như những thằng con trai mới lớn khác! Cái suy nghĩ của nó già dặn, đôi khi làm cho bà Hoan

ngờ ngàng... Nó không thẳng ruột ngựa như bà, mà khôn ngoan ra phết, nói cái gì cũng nghĩ suy...

Cứ nghĩ về người bồ của thằng con, thì bà Hoan lại lo âu và thấp thỏm! Bà muốn nói chuyện này với cha nó! Còn “người đàn ông đáng nghi ngờ” của bà, thì “hãy đợi đấy”..., bà sẽ tính sổ sau khi giải quyết xong chuyện thằng con!

Cuộc đời này thật là éo le hết sức! Bà tên là Hoan, mà từ bé tới giờ có lúc nào thấy hân hoan sung sướng đâu!

Tuổi thiếu niên của bà tràn đầy nhựa sống, học cùng trường thời trung học, thân thiết và tình cảm với Đức, một anh bạn cùng lớp, thì bị gia đình chê bai không cùng giai cấp, cấm tiệt không cho bà giao du... bắt bà phải lấy anh chồng môn đăng hộ đối, người cùng làng cùng tông gió đó với bố mẹ và ông bà nội! tức là bố thằng Tú bây giờ!

Bố Tú lúc ấy là một cậu ấm con nhà giàu, đi du học bên Tây mới về nên le lói lắm, nhiều cô rất thích vì cái mã bên ngoài cũng không đến nỗi tệ! Dù tính ông ta lù khù ít nói, nhưng con gái lại thích, và chính bà Hoan cũng chịu như thế hay hơn là mấy anh ba hoa chích choè.

Cuộc hôn nhân xảy ra ngay sau đó ba tháng. Hai bên gia đình cùng vui về... Bà Hoan dù xót xa vì chưa có dịp nói lời tri kỷ với Đức, thì làm sao có lời chia tay... Bà cũng bớt buồn vì tình cảm thâm kín “tình trong như đã mặt ngoài còn e” với bạn học của mình...

Khi bà Hoan có bầu, thì mọi việc lắng xuống, vợ chồng bà chuyện ai người

nấy làm... Bạn bè bên trời Tây, công việc của ông, ông lo... Bà Hoan vác bụng bầu ở nhà lo việc nội trợ, giao thiệp với vài người bạn thân cùng lớp... Qua họ, bà biết anh chàng Đức ngày xưa sau đó đã vào quân đội, và đánh giặc giỏi nên lên lon vù vù...

Biết tới đó là đủ. Chuyện tình cảm thời đi học của bà đẹp như một bài thơ và thánh thiện, khi gia đình có chuyện xáo xáo, bà nghĩ đến để an ủi... Dù sao bà cũng có một tình cảm dễ thương thời áo trắng để nhớ...

Hai cha con thằng Tú tính tình hơi giống nhau, được cái là Tú thương mẹ hơn cha, thường hay đứng về phía mẹ, những khi mẹ gặp chuyện “bất bình”.

Đúng ra thì bà Hoan cũng không phải là người vất vả cho lắm... nếu so sánh với những người đàn bà có số “khổ” trên thế giới... Bà chỉ là cực, quần quật với cha con nhà này trong những việc lớn việc bé như thu dọn nhà cửa, nấu nướng, giặt ủi đồ, làm vườn cắt cỏ, đưa rác ra ngõ, bao thầu luôn việc thay nhót, đem xe đi sửa!

Nhiều người hàng xóm Mỹ đàn ông đi qua sân, hay thợ sửa xe thường hỏi khi thấy bà mang xe đi sửa, hay lui húi “check” cái gì đó hư trong xe:

- Chồng bà đâu?
- Nhà không có đàn ông hả?

Mỗi khi nghe người ta thăm hỏi như thế, bà Hoan lại chạnh lòng nỗi con giận chồng, giận con... hai cái mặt lười đáng ghét, nhất là ông chồng “ung dung

tự tại” của bà! Thằng con đủ lông đủ cánh lại bay ra ở riêng!

- Ai bảo tại bà tỏ ra giỏi giang tháo vát làm chi, mà nhờ làm bà mới biết việc, rồi nhờ biết việc mới cực! Tất cả cũng tại bà mà ra... còn than thở gì nữa!

Bà Thu thường nhận định như thế mỗi khi bà Hoan than khổ! Mà bà nói vậy cũng không sai... Mình năng nổ làm lụng quá thì cha con nó mới ỷ lại, ỉ ra đó cho mình làm!

Bây giờ nó lại đồ đôn đi thích một con mụ “phù thủy” “chó cắn”... nào cơ chứ! Cứ mỗi lần nghĩ đến việc này, là bà Hoan lại đặt những danh từ không đẹp cho người đàn bà đó!

- Hay là bà ta xài bùa mê quyến rũ trai tơ?

Giả thuyết này không đúng, bởi thằng Tú thích ăn những thứ gia vị mạnh, như tỏi, tiêu, hành, ớt rất nhiều! Bùa nào mà chịu được với nó! Mà chính thâm tâm bà cũng chẳng tin có bùa! Nếu có thì mấy mạng làm bùa khỏi cần mở “business” câu khách chi cho cực thân!

- Hay là con mẹ ấy đẹp, quyến rũ thật?

Giả thuyết này bà Hoan vừa đưa ra nhưng lại gạt đi ngay! Thằng Tú ranh như ma! Bà Hoan nhớ như in có lần chính miệng nó nói với bà:

- Đàn bà giờ họ mảnh mung, mưu kế lắm, nhất là mấy bà sồn sồn!!!

Bà hỏi lại nó:

- Sao con lại nói như vậy?

- Trời ơi, nghề nghiệp của con... Mẹ quên rằng con là bác sĩ sửa sắc đẹp à?

- Sửa sắc đẹp thì mắc mớ gì tới đàn bà sồn sồn?

- Mẹ không biết đâu... thế giới của những người ăn diện ghê gớm đến không ngờ... Mẹ cứ ở trong nhà là bình yên nhất...

- Cha mày... tao ở nhà để làm đầy tớ cho cha con mày là đủ chứ gì!

- Mẹ ơi... đừng nhìn cô nhà người ta mà so sánh... cô nhà mình là xanh nhất!

Lại triết lý! Câu này ai mà không biết... nó quên là chính bà dạy nó chứ ai! Bây giờ nó dạy lại mình! Thôi, cứ dụ cho nó về đây hỏi cho ra lẽ... Bà nhấn vào máy:

- “Tú à... mẹ đây, sao con không mở phone lên? Cuối tuần này về mẹ làm nem nướng cho ăn, nhớ nghe. Chiều thứ sáu nghe con. Mẹ nhớ con quá!”

Sau đó, bà lái xe ra chợ mua thịt thà, chuẩn bị cho bữa cơm tối thật ngon... Vừa làm, bà vừa nghĩ sẽ nói với nó thế nào khi nó gật đầu hay phủ nhận tin trên. Nếu có bồ già thì nhất định phải triệt hạ cho đến nơi đến chốn, còn “tin vịt” thì tốt, nhưng vẫn phải bắt nó lấy vợ là vừa... Lấy ai thì bà chưa biết!

Mới đó mà thứ sáu đã đến. Tú đã gọi cho mẹ trả lời sẽ đến đúng hẹn, vì nó cũng đã mệt với công việc quá rồi! Muốn về nhà nghỉ ngơi và ngủ lại đêm đó. Bà Hoan vui lắm. Ít ra nó còn nghĩ đến cha mẹ chứ không sống buông tuồng quá!

Ông chồng bà dạo này có vẻ không vui, mặt mày lúc nào cũng đăm chiêu, đôi khi nhìn giống táo bón! Nhưng bà

Hoan không quan tâm, bởi ông càng xấu thì bà đỡ suy nghĩ.

- Chắc lại nhớ mấy em bên Việt Nam! Cái mặt già khó ưa như vậy mà sao cũng có người khoái? tui nó chỉ muốn moi tiền thôi chứ gì!

Dưới mắt bà Hoan, ông chồng năm mươi tám tuổi của bà lúc nào cũng là một người già muôn năm!

- Mẹ... mạnh giỏi không? Ừm... thịt nướng thơm quá.

Mãi suy nghĩ, bà Hoan giật mình vì tiếng thằng con và vòng tay ôm bên tai! Bà nhoẻn miệng cười:

- Con về rồi sao... Mẹ OK... Vào phòng cất đồ đi rồi ra đây nhà mình ăn cơm vừa nói chuyện... Thịt nướng hôm nay hết xẩy...

Bà bày đồ ăn lên bàn thật nhanh. Ông chồng nghe con về cũng đi ra bếp ngồi sẵn vào bàn chờ. Một lát, khi Tú trở ra thì thức ăn đã sẵn sàng. Đợi cho con ăn xong một chén bún, bà Hoan mới mở lời thăm dò về “con mẹ già” bạn của nó. Tú nghe mẹ hỏi, cười:

- Tin ở đâu mà mẹ biết mau thế?

- Con làm cái gì mà mẹ không biết! Sao, thiên hạ đồn thế có đúng không?

Qua sự trả lời của Tú, thì ra đó là một bà khách hàng xộp giàu có, bà này sống bên Mỹ trước năm 1975, lại là cựu hoa hậu trong cộng đồng Việt hai mươi lăm năm trước, còn có thêm nghề kịch sĩ... nên mọi cử chỉ cộng thêm tính hay trình diễn của bà, khiến người ngoài nhiều khi tưởng lầm... thực ra bà ta cũng tốt, nhiệt tâm ủng hộ công việc của Tú rất nhiều...

- Thiệt vậy hả con...

- Dạ, có điều...

- Sao?

Bà Hoan dương mắt ra chờ câu trả lời... Mong rằng nó không tình ý gì với bà này!

- Con thân mật với bà vì có mục đích...

- Mục đích gì?

- Con thích con gái bà.

- Cái gì? Thích con gái mà giỡn hót với “mẹ vợ” như vậy sao?

Tú nhún mắt:

- Giỡn gì đâu mẹ?

- Mày dứt đồ ăn cho bà không phải là giỡn sao?

- Ai nói mẹ? Thôi con nhớ rồi, tuần trước gặp bà trong nhà hàng, bà mời ngồi chung bàn, sau đó bị dính chút đồ ăn trên miệng, con lấy giùm vì bà sợ lem màu son, chứ dứt hôi nào! Con là bác sĩ thẩm mỹ thì làm đẹp là chuyện bình thường...

Ra vậy, chắc bà Thu ngồi xa, vừa nhìn vừa bực vì Tú không thấy mà chào, nên nghĩ sai! Mình sẽ nói lại cho bà biết... Bà Hoan cười:

- Mà con cũng không nên quá thân mật với bà nghe không... dù sao cũng là mẹ của người con thích, đứa nào vậy con?

- Mẹ còn nhớ Thương không...

- Ô, con bé tóc dài hơi quê quê đó hả?

Tú phản đối ngay:

- Đâu có quê mẹ... chỉ là không diện quá như các bạn thôi... Thương tình cảm và tâm lý lắm, nhỏ nhẹ ít làm ai buồn...

- Thì mẹ tưởng con ưa mấy đứa đẹp tân tiến... chứ con bé đó mẹ thích lắm. Ra “bà già” con quen là mẹ của Thương...

- Mẹ Thương nhìn trẻ hơn mẹ nhiều, mẹ kêu người ta như vậy thì bà phải kêu mẹ là “bà nội” đó... mẹ đâu có thích phải không!

- Thằng này... chưa gì đã bình nhà vợ rồi! Tao kêu “bà già” đâu có sao! Vì bà là “bà già” của con bà... Nhưng bà không kêu tao bằng “bằng nội” được, vì mày đã có con đâu, mà tao cũng không phải “bà nội” của bà!!! Đúng không? Lấy vợ có con đi, rồi muốn kêu bằng gì mẹ cũng chịu!

- Trời, mẹ lý luận quá... thì hôm nào con sẽ giới thiệu cho hai bên biết nhau, nhưng xin mẹ đừng nghĩ xấu cho người khác khi chưa gặp mà chỉ nghe người này người kia nói... Mẹ Thương vui tính lắm, bà xã giao rộng, gặp ai cũng đẩy đưa vì công việc, chứ không có ý gì... khi nào mẹ quen sẽ biết!

- Thôi được rồi... muốn thế thì nhớ đưa con Thương về đây giới thiệu càng sớm càng tốt!

Bà Hoan thấy vui trong lòng... đang bực vì “bí ẩn” của ông chồng chưa sáng tỏ được, thì tin thằng con thích đứa con gái bà ưng chịu... cũng đủ làm cho bà cảm thấy phấn khởi...

Chuyện của chồng, bà chỉ tạm gác qua một bên, sẽ tính lại sau. Dĩ nhiên lần này chắc chắn là phải có sự tiếp tay của bà bạn thân và thằng con ưu tú rồi.

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

TÀN MỘT ĐÊM THU

Phong Thu

Mùa thu đã ghé vào khu vườn đầy hoa của nhà Hạ. Những chùm cúc mâm xôi màu vàng nhạt, màu tím thắm u buồn, màu hồng phấn, xanh da trời đã bừng nở... Chậu hoa Gaint allium đã tàn, những cánh hoa tím rũ xuống và những chiếc lá đã khô cứng. Ngược lại cây Korean spice viburnum lại đổi màu, những cánh hoa màu hồng sậm của mùa hè lại chuyển sang màu trắng muốt và những chiếc lá xanh tràn đầy sức sống đã biến thành màu rượu chát. Korean spice viburnum luôn tỏa ra hương thơm và những trái berries đen ngọt ngào quyến rũ những loài chim lạ. Hoa của nó lại nở từng bùng khi những cơn mưa thu kéo về. Những chùm hoa Li-ly đã trở cả gốc. Dọc hai bên đường cây Ginkgo, Amur maple, Witch Hazel, Dog wood... đang chuyển sang màu vàng nhạt, đỏ, cam, đỏ nâu, xanh đen... màu sắc đan chéo vào nhau tạo cho mùa thu ở đây thật thơ mộng và lãng mạn. Cây Sugar maple trước sân lá đã vàng hoe. Những chiếc lá đó nhìn cũng như những chiếc lá bình thường nhưng thật ra người ta đã chế tạo thành syrup

cho những buổi điểm tâm của người Mỹ. Cây Winged evonymus năm nay hoa màu đỏ. Mỗi năm nó đổi màu nên Hạ không bao giờ biết trước nó có màu gì khi trời vào thu. Những cơn mưa và những cơn gió lạnh đã làm trời mùa thu bằng bạc. Mùa thu của những niềm u ẩn, của những nỗi buồn không tên cứ len nhẹ vào hồn. Hạ yêu mùa thu. Hạ yêu những vòm lá trên đầu mang những màu sắc khác nhau như gương mặt người đời, như tâm linh sâu kín của những tâm hồn tha hương luôn khắc khoải, luôn mơ ước và hoài niệm. Mùa Halloween lại bắt đầu. Trên khắp đường phố, những cửa hàng lớn nhỏ người ta bán đầy những hình nộm đủ màu. Những chiếc mặt nạ của ác quỷ, quái vật, vương miện của nàng công chúa, những chiếc áo thiên thần, những trang sức mang hình trái Pumpkin với con mắt trợn tròn và hàm răng lởm chởm... Người Mỹ gọi đây là ngày lễ cô hồn. Còn nhỏ Bích Liên thì gọi là ngày "Cô Hồn Các Đản". Chẳng trách Liên hàng năm cứ tổ chức tiệc tùng vào ngày này. Khi Hạ hỏi tại sao chọn ngày này để họp mặt bạn bè thì nhỏ Liên cười hì hì trả lời rất láu cá: "Đời muôn mặt và con người luôn sống bằng chiếc mặt nạ vô hình". Hạ

bảo Liên khùng nhưng nghĩ lại câu nói của nhỏ có nhiều ý nghĩa lắm.

Không biết phải mua cái áo nào cho ngày hội hoá trang nên cuối cùng Hạ tìm Barbara- người da đen, chủ nhân của tiệm may nổi tiếng ở Washington D.C, đặt may một chiếc áo in hình những chiếc lá đủ màu và chiếc mặt nạ cũng vẽ hình một chiếc lá màu đỏ bầm pha lẫn màu nâu và vàng nhạt. Hạ rất ưng ý và vui vẻ trả cho bà ta 200 đô la. Bà Barbara bảo rằng Hạ quá tốt bụng, một người Việt Nam dễ thương. Hạ mừng thầm trong bụng và cảm ơn tình cảm bà dành cho cô. Ừ hự! Đi đâu mà nghe người ta khen thì mừng, vì có nhiều người ngoại quốc họ nhìn người Việt Nam như một lũ ăn nhờ ở đậu mà còn giành hết công ăn việc làm của họ. Tên "lãnh chúa da đen"- Louis Farrakahn , trong ngày Million Man March 16/10/1995 trước hàng triệu người dân Mỹ và trước ống kính truyền hình quốc tế hắn đã nhục mạ người Việt Nam và Do Thái là bọn hút máu họ. Hạ đi cày hai job, tối gò lưng trong trường để học chữ i, tờ của xứ người thì cô nghĩ mình không thể nào là bọn hút máu dân da đen. Chỉ có sự lừa dối, vô trách nhiệm và lối sống buông thả, chỉ biết hưởng thụ mới là nguyên nhân dẫn đến sự xáo trộn trong cuộc sống của họ. Dù sao, cũng có những con người đáng được kính trọng như bà Barbara.

Đứng trước tấm gương lớn, Hạ ngắm nhìn khuôn mặt mình. Nước da trắng xanh, đôi mắt đen buồn đã có nhiều nếp nhăn chạy quanh. Nhỏ Bích Liên cứ bảo Hạ sống ở Mỹ mà quê mùa một cục, không chừng diện làm sao lấy được chồng. Hạ phì cười và bảo rằng:" *Còn mấy chutg diện mà có thằng ghệ nào công chuta?*". Khi nghe Hạ hỏi vậy mặt nhỏ buồn so. Nghĩ mà thương cho nhỏ. Ngày xưa khi còn học trung học nhỏ thật đẹp và dịu hiền, đã vậy tánh tình nhất như thổ đế. Các chàng trai trong trường trồng cây si trước lớp học và trước nhà nhỏ điều lánh mặt vì mắc cỡ. Vậy mà khi sang đây, nhỏ yêu một tên sở Khanh. Hắn có vợ ở Việt Nam nhưng giấu kín và không hề cho nhỏ biết. Khi Liên mang bầu thì hắn cao chạy xa bay. Nhỏ uống thuốc tự tử nhưng không chết. Hạ đã kịp mang nhỏ vào nhà thương khi người nhỏ đã lạnh cứng. Đứa bé chưa kịp tượng hình đã chết ngay trong bụng mẹ. Nhỏ Liên sống lại nhưng trái tim Liên đã chết lịm. Liên bắt đầu uống rượu và hút thuốc lá. Liên bắt đầu son phấn, tóc nhuộm đủ màu và nhỏ không thích ai gọi nhỏ là Bích Liên mà phải là Makeno. Cái tên mắc dịch này Hạ rất ghét nhưng nhỏ cười nhả nhỏ và nói rằng:" *Tao không còn là Bích Liên của mười năm về trước. Đừng buồn Hạ ơi!*" Và Liên khóc vui trên vai Hạ. Hạ khuyên can hoài không được mà chỉ hy

vọng thời gian sẽ chữa lành vết thương lòng của nhỏ. Còn Hạ thì sao? Cô vẫn mang theo nỗi buồn không tên tuổi để ước mơ và chờ đợi người tình trong giấc mơ của một thời xa xưa. Mỗi tình đó cô đeo mang gần 20 năm nhưng người ấy vẫn biến biệt như một cánh chim trời. Anh bỏ Hạ ra đi không một chút tiếc nuối. Những nụ hôn đầu đời cứ khắc sâu trong trái tim Hạ, để Hạ cứ mãi lạc lõng bơ vơ trong mối tình vô vọng. Anh ở đâu? Bầu trời California lung linh nắng ấm, anh có bao giờ một lần dạo phố để nhớ những dấu chân của hai đứa đắm nát những giọt mưa trong những đêm thu muộn màng. Có bao giờ anh nhớ tới những nụ hôn ngở ngàng, vội vã của những ngày chia tay, để Hạ khám phá ra hương vị đam mê của tình yêu. Và Hạ nhận thức được rằng cho đến ngàn năm, tình yêu vẫn là điểm khởi đầu cho cuộc sống của loài người. Tình yêu cũng chính là con quỷ dễ thương đã ban tặng loài người hạnh phúc và cũng chính nó hành hạ con người đến tận cùng sự đau khổ. Tiếng điện thoại reo. Hạ cuống quýt mặc vội chiếc áo hoá trang và nhắc máy. Con Makeno hối như giặc. Nhỏ nói mọi người đang chờ Hạ. Hạ tô lại đôi môi bằng sáp màu đỏ bầm, đeo nhanh chiếc mặt nạ và vội vàng lên xe chạy như bay.

Căn nhà nhỏ của Makeno nằm trên một ngọn đồi. Người tình thứ tư, hay

năm, sáu, bảy, tám... gì đó mua cho nó. Anh ta là một người Mỹ chính gốc và hiền như con nai (Liên nói với Hạ như vậy) nên bị nó quay như dế. Chỉ tội nghiệp cho anh chàng, vì quá yêu con nhỏ chán đời nên khổ và hay nói với Hạ rằng: "Bích Liên không thương tôi". Trước cửa nhà Makeno được trang trí bằng những hình nộm quái đản. Vài bộ xương trắng miếu đóng đưa chiếc hái ngọn hoắc. Một khuôn mặt của ác quỷ Dracula với hàm răng nhe ra gớm ghiếc. Mấy trái Pumpkin to lớn màu cam hắc ra những tia sáng ma quái. Hạ đẩy cửa bước vào. Phòng khách khá đông người. Tất cả đều mang mặt nạ nên Hạ không nhận ra ai là bạn. Con nhỏ Makeno nhận ra Hạ nhờ cánh hoa hồng cài trên áo làm tín hiệu. Nhỏ kê cái mặt nạ con cọp vào tai Hạ và chỉ một người cao lớn mặc trang phục một con gấu to xồ và giới thiệu:

– Đây là con gấu yêu quý của tao – Rankintom.

Hạ đá nó một cái:

– Con quỷ! Mày đổi tên nó hồi nào vậy? Mày có cúng chè hôn?

– Cần gì phải cúng chè. Mày mà mậy. Muốn lấy tên gì mà không được.

– Nó có cự nự gì hôn?

– Hấn chỉ nhe răng cười trừ.

Rankintom không hiểu hai đứa nói gì với nhau nhưng cũng lịch sự chào Hạ và buông một tràng tiếng Anh:

- _ Bích Liên luôn nhắc cô.
- _ Tốt hay xấu?
- _ Cô ấy nói cô là ân nhân của nàng.
- Con nhỏ chỗ mồm vô:
- _ Em muốn Hạ dọn về đây ở chung?
- _ Như vậy càng tốt. Có bạn em sẽ hết buồn.

Cuộc nói chuyện tạm chấm dứt khi tiếng nhạc vang lên rộn rã. Mackeno một tay nắm tay Hạ còn một tay choàng qua lưng con gấu lồi đi. Liên đẩy Hạ về phía người đàn ông mặc áo choàng đen trùm phủ bộ trang phục đen có khắc hình một con chó sói. Chiếc mặt nạ lông lá với chiếc răng nanh nhọn và cong của con thú hoang đại làm Hạ giật mình. Hạ chỉ nhìn thấy được sự chuyển động linh hoạt của đôi mắt. Anh ta nhìn Hạ chăm chú và hỏi Mackeno:

- _ Bạn của cô hả?
- _ Ủ! Làm quen đi. Nhưng mà đừng làm cho nó sợ. Nó sống không như tôi với ông. Nếu ông làm cho nó buồn là tôi sẽ thịt ông đó.

Anh ta vội vàng phân bua:

- _ Tôi sẽ cố gắng làm vui lòng cô ta mà. Đừng lo.

Khi Hạ nhìn lại thì Liên biến mất và vòng tay đầy móng nhọn của con chó sói choàng qua lưng Hạ. Không hiểu sao Hạ muốn tháo ngay cái mặt nạ trên mặt anh ta khi giọng nói anh ta cất lên. Âm thanh đó quen thuộc quá. Nó đã xoáy vào tâm trí cô hình ảnh của một người thân quen.

Hạ cố gắng xua tan ý nghĩ đang nảy sinh trong đầu, nhưng cảm giác đó lại trở lại khi vòng tay anh ta siết Hạ thật nhẹ. Mặt anh ta rất gần với Hạ và qua lớp áo Hạ cảm nhận được cảm giác của cơ thể anh ta rung động, tim anh đập hồi hã. Hạ bối rối và nhẹ nhàng đẩy anh ta ra:

- _ Xin lỗi ông tôi hơi mệt. Tôi muốn được đi ra ngoài một chút.

_ Ồ! Không sao. Nếu cô thấy mệt thì cứ tự nhiên. Nhưng xin cô cho tôi đi ra ngoài với cô.

Thấy từ chối không tiện nên Hạ gật đầu:

- _ Nếu điều đó không làm ông ngại chán, thưa ông.

_ Chắc chắn là không rồi – Anh ta đáp ngay.

Gió đêm mát lạnh. Bầu trời thu u ám. Hạ chỉ thấy một màu đen thăm thẳm cao vời vợi buồn và một vì sao sáng rực rỡ lẽ loi trong không gian mênh mông. Tiếng đế rúc từng cơn trong bãi cỏ phẳng lì. Vài con chim kêu chim chirp trong những hàng cây đen sẫm. Anh ta chậm một điệu thuốc, rít từng hơi dài và nhả ra những cuộn khói trắng bay lả lơi trong gió.

- _ Từ nãy giờ chưa dám hỏi tên cô. Xin cô cho tôi biết quý danh – Anh ta ân cần hỏi.

_ Ông thật khách sáo. Cứ gọi tôi bất cứ cái tên gì ông thích.

— Như vậy không tiện. Vì biết đâu sau này chúng ta sẽ gặp lại nhau và có thể trở thành bạn bè.

— Ông cứ gọi tôi là Linh Lan – Hạ nói dối. Đó không phải là thói quen của Hạ nhưng Mackeno dặn rằng nếu không muốn rắc rối thì phải nói dối trong đêm hoá trang.

— Còn tôi tên Johnny. Cô đến Mỹ được bao lâu rồi? Quê cô ở đâu?

— Gần mười năm. Quê tôi ở Búng, tỉnh Bình Dương. Còn ông?

Anh ta reo lên:

— Thật vậy sao? Tôi cũng ở Bình Dương, nhà ở gần ngã Sáu – Anh ta chột thở dài- Mới đó mà mười lăm năm rồi. Thời gian đi nhanh quá. Tóc tôi đã chớm bạc. Nếu được một lần sống lại tuổi đôi mươi, được chạy nhảy trên đôi chân rắn chắc đầy mơ ước lãng du, được nhìn lại đôi mắt người bạn gái dịu hiền và được một lần dầm mình dưới cơn mưa đêm để đón nàng về. Tôi đã sẵn đuổi một giấc mộng.

Hạ ngắt lời anh ta:

— Cô gái ấy thật diễm phúc vì còn có người nhớ đến. Rồi sao nữa? – Hạ sốt ruột hỏi.

— Khi tôi nhận được giấy xuất cảnh, tôi đã đến nhà nàng báo tin. Chúng tôi đưa nhau ra bờ sông tâm sự. Trời cũng vào thu như hôm nay và mưa lất phất bay. Chúng tôi choàng chung chiếc áo mưa nên tóc hai đứa ướt sũng. Tôi

không cảm thấy lạnh vì có nàng bên cạnh. Mái tóc nàng thơm mùi chàm kết cứ quện bên má tôi. Đôi mắt nàng buồn dịu làm tôi xúc động. Và cuối cùng tôi hôn nàng đắm đuối. Nàng khóc ngất trong tay tôi và hỏi rằng:" Tại sao mãi đến bây giờ anh mới nói yêu em. Anh chạy theo một giấc mộng bên chân trời xa mà quên đi em là một hiện thực – Anh ta ngập ngừng giây lát rồi tiếp – Những ngày tiếp theo nàng luôn tránh mặt tôi. Tôi không hiểu nàng đang nghĩ gì và nàng có chờ đợi ngày tôi trở về hay không. Định mệnh đã thực sự chia rẽ hai chúng tôi khi gia đình tôi làm giấy xuất cảnh. Khi đó chúng tôi chỉ mười tám đôi mươi. Lứa tuổi đầy mộng đẹp. Và tình yêu là khát vọng lớn nhất của tuổi trẻ nhưng tôi đã chối bỏ. Còn nàng chỉ xem tôi là bạn. Ngày tôi đi Mỹ, nàng từ chối không đưa tôi ra sân bay. Nàng hẹn nhưng không đến. Tôi nghe bạn bè nói rằng nàng có người yêu khác. Anh ta là một nhạc sĩ khá nổi tiếng và có một biệt thự sang trọng tại Sài Gòn. Tôi thất vọng và đau khổ nên lặng lẽ ra đi và không hẹn ngày về. Tôi nghĩ rằng tình yêu xuất phát từ tình bạn luôn bền vững vì chúng tôi đã lớn lên từ một mái trường. Cùng chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn suốt mười hai năm không thể một sớm một chiều mà dễ dàng ngoảnh mặt quay lưng. Nhưng người yêu của tôi đã phản bội tôi...

Tim Hạ đập dữ dội. Hạ cố trấn tĩnh nói:

_ Câu chuyện của ông buồn quá! Nhưng câu chuyện này hình như tôi đã nghe kể lại. Chi tiết rất trùng hợp nhưng đoạn kết lại khác...

Johney dúi tắt tàn thuốc ném vào cỏ và bồn chồn hỏi:

_ Cô cũng có câu chuyện tương tự như vậy sao? Cô có thể kể cho tôi nghe được không?

_ Ông hãy rót dùm tôi một ly rượu.

_ Cô muốn uống loại nào?

_ Champagne cognac và cho tôi xin một trái táo nhỏ.

Anh ta nhanh nhẹn vào trong. Không đầy hai phút anh ta trở ra, trên tay hai ly rượu đầy. Hạ đưa ly rượu lên môi và hớp một ngụm nhỏ. Men rượu nồng nàn cay cay, ngọt ngọt làm tê đầu lưỡi. Hạ ngước nhìn vì sao trên trời cao và thăm thẳm: "Sao kia ơi! Hãy ban cho ta sức mạnh. Hãy giúp ta vượt qua sóng gió và bão táp. Hãy giúp ta tỉnh táo để giải quyết một sự kiện quan trọng mà ta đã ấp ủ mười lăm năm qua. Ta không muốn trái tim ta một lần nữa lại yếu mềm và rạn nứt..."

_ Cô uống rượu có vẻ sành quá!

_ Ông lầm rồi. Đây là ly rượu đầu tiên của tôi. Tôi không bao giờ biết uống nhưng đêm nay lòng tôi trống trải và buồn. Nghe ông kể chuyện làm tôi nhớ đến cô bạn gái đáng thương của tôi. Tôi gặp cô ấy trong một chuyến vượt

biên. Cô ấy ra đi vì muốn tìm người yêu. Cô kể rằng....

...Hạ và Ngọc Long học cùng một trường. Ngọc Long yêu Hạ ngay từ khi còn trung học. Bạn bè cùng trường ai cũng mong hai đứa thành đôi. Sau đó, Ngọc Long vào ĐHBK còn Hạ vào sư phạm. Long mơ ước rời khỏi VN tìm cuộc sống mới. Hạ biết thế nên cô đổi tình yêu thành tình bạn. Thời gian dần trôi, tuổi Hạ đã gần ba mươi mà cô vẫn cô đơn. Cô sống âm thầm với niềm hy vọng người bạn trai của mình đạt được niềm mơ ước. Hạ mang mối tình đơn phương suốt mười mấy năm trời. Người bạn trai nhiều tham vọng đã làm lơ không biết đến. Anh ta ôm ấp giấc mơ viễn xứ và quên đi một mối tình chân thật. Ngày Long nhận được giấy xuất cảnh, Long báo tin cho Hạ biết. Hạ đau buồn và nói rằng: "Trước sau gì Hạ cũng mất anh vĩnh viễn. Hạ biết vậy mà." Không hiểu sao Long lại nói lời yêu đương trong lúc này. Lúc mà Long đã thực sự rời bỏ tất cả. Tại sao Long không lặng lẽ ra đi để tình bạn vẫn còn vĩnh cửu. Anh đã làm Hạ đau khổ trong những nụ hôn vội vàng và muộn màng. Những nụ hôn đã mang Hạ vào những giấc mơ đầy mộng mị. Tại sao Long lại chọn ngày tiễn biệt là ngày bắt đầu cho mối tình mười hai năm. Hạ khóc thật nhiều... Nhiều tháng trôi qua không một lá thư, không một dòng chữ. Long như

một cánh chim trời. Biết đâu tìm Hạ ơi. Hạ tự an ủi lòng mình và hy vọng ngày nào đó Long sẽ viết cho cô vài dòng thăm hỏi. Nhưng vô vọng. Cho đến một hôm bạn bè cho biết tin Long đã âm thầm kết hôn với Thanh Thuý, cô bạn gái của Hạ. Cái tin đột ngột làm Hạ chết lặng. Hoá ra ngày đi Long không muốn Hạ ra sân bay đưa tiễn vì sợ Thanh Thuý biết. Long đã tỏ ra bức tức và khó chịu ra mặt khi nghe bạn bè đồn Long yêu Hạ. Buồn cười thật. Suốt mười hai năm làm bạn, Long xuất hiện thường xuyên ở nhà Hạ trong những đêm giao thừa, Long đón Hạ đi chơi và chăm sóc Hạ như người tình. Sao lúc đó Long không tỏ thái độ khó chịu. Cái giấy xuất cảnh đã làm Long thay đổi vì Long biết rõ giá trị của nó. Nó là món quà vô giá có thể đánh đổi tất cả mọi giá trị căn bản. Hạ chưa xót khi hiểu rõ Long. Câu chuyện đổ bể, Thanh Thuý đã ghen hờn và tìm cách trả thù Hạ. Cô ta nhờ người yêu sơ-cua mang thư từ của Long cho Hạ xem. Nhìn dòng chữ Long, Hạ cảm thấy xót xa. Thì ra Long chỉ yêu một cô gái tầm thường và thất học. Cô ta quyến rũ Long vì sự dễ dãi. Long đã ăn nằm với cô ta như vợ chồng và đã thề non hẹn biển với nhau. Dù sao cô ta cũng còn trẻ đẹp, hay ít ra cô ta cũng còn đủ thời gian để chờ đợi. Còn Hạ tuổi đã sắp về chiều. Hạ như một cánh hoa đã ép khô và không thể nào tìm lại

nét thanh xuân của một thời hương sắc. Chẳng trách Long đã lập tức quay lưng lại với nàng...

_ Câu chuyện của cô sao lại...- Giọng anh ta run run tỏ dấu xúc động - Cô là ai?

_ Tôi là bạn của người con gái xấu số đó thưa ông. Sau nhiều năm đau khổ, cô ấy bỗng thay đổi hẳn. Cô ấy sống lặng lẽ như một chiếc bóng và cuối cùng vượt biển ra đi.

_ Cô ta bây giờ ở đâu?- Anh ta nắm vai Hạ thật chặt.

Hạ gỡ tay anh ta ra và giả vờ ngạc nhiên:

_ Tại sao ông hỏi về cô ta. Câu chuyện này có liên quan gì đến ông không?

Người đàn ông rên rỉ:

_ Tôi chính là Long. Tôi không ngờ tôi đã quá nông nổi. Cô có biết bây giờ nàng đang ở đâu không?

Hạ mím môi thật chặt để không bật ra tiếng khóc:

_ Cô ấy chết rồi. Chết trên đường vượt biên. Tôi là người may mắn sống sót.

Người đàn ông ôm đầu. Anh ta tháo chiếc mặt nạ ra ném xuống đất và lẩm bẩm điều gì Hạ không nghe được. Lòng Hạ cũng tới bờ. Sao ta lại hành hạ chàng? Sao lòng ta đứng đưng và nguội lạnh đến như vậy? Sao ta lại tàn nhẫn không muốn nhìn người bạn trai mà cả tuổi thanh xuân ta hằng yêu thương? Ta đã áp ủ kỷ niệm xa xưa và mang theo

mối tình vô vọng trong suốt cuộc hành trình đầy giông bão. Bây giờ chàng đang hiện diện trước mặt ta bằng xương bằng thịt. Ta lại chối bỏ. Có phải ta đang muốn trả thù chàng? Đã bao nhiêu năm tháng ta mơ ước ngày hạnh ngộ. Và ta nghĩ mình sẽ ngã ngay vào lòng chàng và khóc thoả thê. Nhưng sao lòng ta lạnh như cơn gió đêm nay. Ta đã căm giận chàng đến như vậy sao? Hạ cứ suy nghĩ mên mông. Dù bóng tối bao phủ, Hạ vẫn nhận ra khuôn mặt thân quen của Long. Khuôn mặt ngày xưa thư sinh bây giờ đã tròn đầy, đầy đặn vì no đủ. Đôi mắt ngây ngô và đa tình đã trũng xuống hiện rõ sự mệt mỏi. Mái tóc nhuộm đỏ và cắt cao được chải giống các tài tử Mỹ. Chiếc áo choàng đen làm Long thật xa lạ. Có phải Long đó không? Hạ cảm thấy thất vọng khi không còn nhận ra được những nét dễ yêu của người tình năm xưa. Hình ảnh Long chợt tan vỡ trong tim nàng. Mười mấy năm vật đổi sao dời có còn gì để lưu luyến Hạ ơi! Có chăng chỉ còn lại dư âm của cung đàn tình ái. Cung đàn đó đã gãy nhịp trong một đêm thu muộn màng mà người tình đã dứt áo ra đi. Long phá tan sự im lặng:

_ Tôi nghiệp cho nàng.

_ Chỉ tội nghiệp thôi sao? Cô ta không cần sự

thương hại của ông. Dù sao đêm nay gặp ông, tôi đã nói dùm cô ấy những gì mà cô mang theo xuống tuyến đài. Tôi hy vọng vong linh cô ấy đã thanh thản. Thôi khuya rồi tôi phải về sớm. Chào Johny. Ông hãy xem những gì tôi kể chỉ là một giấc mơ. Đừng bận tâm.

_ Chỉ là một giấc mơ ư? – Johny lập lại.

Hạ quay đi thật nhanh. Cô biến mất trong đám đông đang nhảy múa quanh phòng. Một đám trẻ con trong trang phục sắc sỡ đến gõ cửa xin kẹo bánh. Lúc mọi người không để ý Hạ bỏ ra về. Johny cố gắng tìm Hạ thì nàng đã biến mất. Xung quanh anh chỉ còn lại đêm tối và những chiếc lá hững hờ bay.

Mưa bắt đầu rơi. Những cơn mưa mùa thu đã mang hơi lạnh về cho trời đất. Qua khung cửa sổ Hạ nhìn thấy hàng ngàn chiếc lá bay vèo trong gió và ngày mai chúng sẽ nằm yên vĩnh viễn nơi thảm cỏ xanh và mục rữa với thời gian. Sao lòng người không bình yên như thế? Ước gì được làm cây cỏ, tháng năm vui đùa với gió mưa, để lòng không vương bận, lo âu, phiền muộn, để dòng đời trôi qua lặng lẽ. Và Hạ sẽ không có một đêm thu cô đơn và buồn như đêm nay.



PHONG THU

LÂU ĐÀI MA

Tôn Nữ Mặc Giao

Mùa Đông năm nay Đại bồng có ý định thay đổi không khí bằng cách rời bỏ tiểu bang New York về miền nắng ấm Cali đón Noel một lần cho biết. Bà cô của chàng và cũng là người vú nuôi dưỡng chàng từ tấm bé cho nên chàng thương và kính nể bà chẳng khác gì mẹ ruột của chàng. Đã lâu lắm rồi, chắc cũng có đến 4 năm rồi chàng chưa gặp lại bà kể từ khi hai vợ chồng bà dời về San Jose ở với con gái. Để dành cho bà một sự ngạc nhiên bất ngờ, chàng không báo trước mà chỉ nhờ mẹ điện thoại dò hỏi khéo léo để biết chắc bà có ở nhà vào dịp Christmas và New Year là được rồi.

Trời San Jose hôm nay mưa mù mịt, máy bay bị “delay” trễ hai tiếng đồng hồ, thay vì 10 giờ rưỡi máy bay đáp xuống thì phải đến quá nửa đêm chàng mới được chui ra khỏi máy bay. Sau khi làm xong thủ tục thuê mướn, Đại lái chiếc Toyota Camry mới toanh đời 2012 ra khỏi phi trường San Jose trực chỉ về hướng đồi núi chùa Kim Sơn. Mưa lớn quá! Đại chẳng nhìn thấy gì hết, khó khăn lắm chàng mới tìm được con đường rẽ vào núi, đường đồi ngoằn ngoèo lượn khúc qua lại. Tuy là đã quá nửa đêm lại đang mưa, nhưng chàng cũng nhận xét được khá giống đường đèo Đà Lạt của VN. Chàng lái xe thật chậm, trên tay cầm lái tờ giấy hướng dẫn cũ xì do chính tay con gái của bà cô đã vẽ cách đây hơn 4 năm khi hộ tống hai vợ chồng bà cô rời khỏi

New York. Nhưng lúc đó chàng đang bận công tác ở ngoài nước Mỹ nên đưa em trai kế phải đích thân làm công việc này.

Đây rồi! Đây rồi! Số 524, may mà bảng số nhà cắm ngay ngoài vệ đường cho nên chỉ cần để ý lanch mắt một chút khi đèn xe hơi quét qua một cái là đọc thấy ngay. Chàng nhanh tay bẻ lái quẹo ngay vào con đường kế bên bảng số nhà. Con đường thật lạ lùng, ngoằn ngoèo tối om, cây cối um tùm như đi vào hang động. Chàng có cảm tưởng con đường này hình như bỏ hoang đã lâu không người qua lại, xe chàng lái tới đâu, bầy dơi bị động vỗ cánh bay lung tung tới đó. Một lát sau chàng dừng lại trước một cánh cổng rào bằng song sắt đen thật cao và rộng như cánh cổng dinh Độc Lập của nước VN ngày xưa. Cánh cổng không có khoá, tuy trời đất đang nổi cơn thịnh nộ, mưa gió sấm chớp ầm ỉ cũng không làm nó mở toang hoác, mà chỉ hở ra độ một gang tay đang sập ra khép vào dưới màn đêm mưa lất phất trông thật rùng rợn như những phim kinh dị của “Halloween” vào cuối tháng mười mỗi năm. Ngồi biệt thự trông đồ xộ, to lớn nhưng không được tân thời lắm! Nhìn lối kiến trúc của ngôi nhà, Đại đoán có lẽ được xây cất chắc cũng trên nửa thế kỷ là ít. Ngôi nhà to lớn như thế này mà không có lấy một bóng đèn đường ngoài những tia chớp của thiên lôi trên trời, thỉnh thoảng nhá nhá sáng lên kèm theo những tiếng nổ đùng đùng như dọa nạt hăm he Đại đừng có dại dột mà bước vào.

Đại ngồi trong xe đưa mắt quan sát cảnh vật chung quanh có đến hai phút rồi mới tắt máy xe. Chàng ngần ngại vô cùng khi phải bước xuống xe, lội bộ sâu vào sau cánh cổng sắt đen một khúc nữa mới tới được chính điện của ngôi biệt thự tối om,

nằm chênh vênh trên cao trước mặt chàng trông lạnh lùng đến rợn người dưới trời vừa mưa vừa gió như thế này. Nhưng chẳng lẽ đã đến nơi rồi mà không vào? Thật ra chàng cũng có thể tự đẩy cánh cổng sắt sang một bên vì cổng không có gài rồi lái xe vào ngay trước cửa nhà mới bước xuống cũng được, nhưng đã tính làm “surprise” cho bà cô nên chàng không muốn ồn ào, đành phải bước xuống xe đi bộ đến gõ cửa vậy.

Cánh cổng sắt nặng nề rít lên ken két khi Đại đẩy nó lớn hơn một chút để lách mình vào trong, cho Đại có cái cảm tưởng hình như đã từ lâu nó không được xử dụng mở ra khép vào cho nên mới nặng nề và rì sét đến như vậy, hay là còn có một lối đi nào khác mà Đại không biết? Còn đang suy nghĩ vẩn vơ, một đàn dơi không hiểu ở đâu kêu lên ẹt bay sà ngay trên đầu Đại, hốt hoảng Đại ngồi sụp xuống buông rơi cái túi xách cá nhân, kéo cao cổ áo che lấy đầu. Đàn dơi xà quần ồn ào một lúc rồi bay lên cao mất hút vào đêm tối, trả lại sự yên tĩnh như lúc đầu. Mưa không lớn lắm! Chỉ còn lại tiếng gió rít quật vùn vụt ngã nghiêng trên đầu cây ngọn cỏ khiến cảnh vật càng thêm ma quái. Đại đứng dậy, kéo cao cổ áo lên, đeo cái túi xách lên vai, thọc sâu hai tay vào túi áo “manteau” chạy nhanh về phía ngôi biệt thự. Đầu óc chàng thật là hoang mang không hiểu tại sao con gái bà cô lại có thể ở chỗ hoang dã, kinh dị đến như vậy?

Gõ cửa chán rồi đến nhấn chuông cũng chẳng có động tĩnh gì, bên trong lại tối om khiến Đại không thể đoán được chuyện gì. Còn đang tiến thoái lưỡng nan, Đại có cảm tưởng có một luồng ánh sáng đang lớn dần phía sau lưng chàng. Đại quay lại chờ đợi, thì ra luồng ánh sáng từ phía bên hông nhà quẹo ra phía trước rồi từ từ dừng lại trước

mặt chàng. Hình như là một bà lão, tay cầm một ngọn đèn bão, có lẽ chạy bằng pin. Bởi ánh sáng không đủ để cho chàng nhận diện được già hay trẻ, chàng đoán được nhờ cách ăn mặc, dáng đi lom khom chậm chạp, và giọng nói đàn bà mà thôi. Không đợi cho chàng lên tiếng hỏi, người đàn bà nói:

- Đi theo tôi.

Đại lú rú theo sau lưng người đàn bà vừa đi vừa liếc ngang liếc dọc lung tung để quan sát. Quái lạ! Nhà có người ở mà như nhà bỏ hoang không người chăm sóc, cây thì trơ cành trụi lá bởi mùa Thu lá rụng không nói làm gì, nhưng lối đi xung quanh nhà lại xào xạc những lá khô như chẳng bao giờ quét dọn. Người đàn bà dừng lại trước cánh cửa gỗ ở phía sau của căn biệt thự, đưa tay vặn quả nắm bước vào, chàng nhanh nhẹn lách mình bước vào theo. Thì ra đây là nhà bếp và phòng ăn, điểm đặc biệt đầu tiên đập vào mắt Đại là những ngọn nến leo lét đặt khắp nơi và mùi ẩm mốc như đã từ lâu không người sinh hoạt thốc thẳng vào mũi chàng. Người đàn bà tắt cái đèn bão đặt lên bàn, đổi lấy cái đèn ba ngọn nến đang cháy leo lét dẫn Đại lên cầu thang. Đại lặng lẽ quan sát, dường như hiểu ý Đại, người đàn bà lên tiếng:

- Nhà này đã lâu không sài điện nữa rồi, ba ngọn nến này sẽ để lại phòng của cậu, tôi sẽ dẫn cậu đến phòng tạm ngủ, đừng làm ồn đánh thức cô Tư.

Bà lặng lẽ đi trước, Đại cũng âm thầm theo sau, hai cái bóng chập chờn in trên vách bởi ngọn lửa nến ngã nghiêng qua lại trông như bóng ma trôi. Người đàn bà dẫn Đại đi qua một dãy hành lang dài hun hút ở lầu một (dãy hành lang này nằm bên trong tòa lâu đài, hình như được trải thảm đỏ). Tất cả những hàng rào và tay nắm cửa lan

can đều làm bằng đồng hay mạ vàng gì đó Đại không rõ, được chạm trổ rất tinh vi. Đại không ngờ gia đình con gái bà cô lại giàu và “xưa” đến như vậy, nếu không ở vào đêm tối với những ánh sáng thấy mà ghê như thế này thì Đại có cảm tưởng như đang được chiêm ngưỡng những tòa castle của Pháp mà chàng đã có dịp viếng thăm qua một lần. Người đàn bà dẫn chàng quẹo sang một dãy hành lang khác, đến căn phòng cuối cùng, bà mở cửa trao cây đèn cây ba ngọn cho chàng và nói vắn tắt:

- Bên trong có đầy đủ tiện nghi, khuya rồi! Đừng đi lộn xộn, ngủ ngon.

Đại cầm lấy ngọn đèn cây lí nhí:

- Cảm ơn.

Chàng đóng cửa phòng lại, đứng dựa lưng vào cửa đưa cao ba ngọn nến lia qua lia lại trước mặt quan sát. Căn phòng cũng khá rộng, cách bày trí hơi giống cung điện vua chúa thời xưa, đồ đạc trong phòng từ giường tủ, bàn ghế đều là đồ cổ xưa loại quý, tốt, ngoại trừ cây đèn dương cầm loại Baby Grand thì có vẻ hơi tân thời một chút. Phía bên tay trái của Đại là cái cửa ra vào hai cánh hình vòng cung, một nửa dưới là gỗ, một nửa trên được gắn bằng kiếng với những ô hình quả trám. Tuy ánh sáng lờ mờ trong phòng chỉ là ba ngọn nến, nhưng Đại cũng đoán được đó là loại kiếng màu giống mấy tấm kiếng của nhà thờ tây phương thời xưa. Cánh cửa được ăn thông ra ngoài balconny nhìn xuống sân biệt thự, nhưng bố bảo chàng cũng không dám mở cửa bước ra mặc dù chàng chẳng nhìn thấy gì ngoài những lần chớp sáng thỉnh thoảng loé lên bên ngoài, cho chàng được thấy thêm tấm kiếng cửa ô quả trám có nhiều màu xanh, đỏ, vàng, tím. Tiếng gió hú liên hồi rít qua khe cửa nghe ròn tóc gáy, thêm ánh sáng

quái lạ bên trong ngôi biệt thự và sự tiếp rước của bà già không biết là địa vị gì trong nhà này đã làm cho chàng phải e dè hồi hộp nếu không muốn nói là sợ sệt. Chàng thoáng có chút hối hận đã không gọi báo trước cho bà cô biết để bây giờ nửa đêm nửa hôm chàng chẳng cục cựa gì được cả. Chẳng lẽ lòng lên đòi đánh thức bà cô dậy hay sao? Chính chàng đã muốn dành sự ngạc nhiên cho bà cô mà! Bây giờ có lẽ sự ngạc nhiên không phải dành cho bà cô nữa mà cho chàng mới phải.

Còn đang miên man suy nghĩ, Đại nghe thoang thoang tiếng hát nho nhỏ của con gái:

- Đừng bỏ em một mình!... Đừng bỏ em một mình!... Trời lạnh quá! Trời lạnh quá!... Sao đành bỏ em một mình...

Đại nghe ớn lạnh xương sống dựng cả tóc gáy có cảm tưởng như lạc vào tòa lâu đài ma. Tiếng hát càng lúc nghe càng lộng lộng thê lương giữa đêm hôm thanh vắng, rõ mồn một như tiếng oan hồn khóc than từ mộ sâu vọng về. Tiếng hát dường như nhỏ dần và ngừng hẳn lại khi đi ngang qua cửa phòng chàng. Rồi như nghe ngóng một hồi, tiếng hát lại rên lên nho nhỏ: “Đừng bỏ em một mình...”. Chịu hết nổi Đại nạt lớn:

- Ai?

Tiếng hát ngưng bật, Đại cũng im ru không dám nhúc nhích, mặt mũi và căng thẳng quá độ, nếu trời không mưa gió chắc Đại đã tông cửa chạy ra xe đi ngủ khách sạn cho rồi. Chàng chán nản đặt cây đèn nến lên bàn, chẳng buồn làm vệ sinh cá nhân, để nguyên cả áo “manteau” chàng toang buông mình nằm đại xuống giường nghỉ đỡ cho khoẻ sáng mai rồi tỉnh thì ngoài cửa lại vang lên... lần này không phải là tiếng hát nữa! Mà là tiếng khóc thút thít, tức tưởi của con gái. Đại thờ dãi, hai tay

bụng lấy đầu khe khẽ kêu lên: “Trời ơi!”. Bên ngoài tiếng khóc vẫn dai dẳng, nức nở từng hồi. Coi bộ không ra là không được, Đại lại cầm lấy cây đèn nền mở cửa bước ra. Tiếng khóc phát ra từ một người con gái xõa tóc dài rũ rượi mặc bộ đồ ngủ trắng, khoác áo choàng trắng, đang ngồi bó gối ngoài hành lang gục mặt thổn thức cách cửa phòng chàng độ 5 bước chân. Chàng bước lại gần cho ngọn đèn rọi sáng cô gái hơn một chút rồi hỏi:

- Khuya rồi! Sao cô không về phòng ngủ mà lại ngồi đây khóc?

Cô gái không thèm ngước mặt lên, cũng chẳng nói chẳng rằng, đôi vai cô run lên từng hồi theo nhịp thổn thức của tiếng khóc. Đại quỳ xuống một bên nói nhỏ:

- Cô không muốn ngủ cũng phải để cho người khác nghỉ ngơi chứ!

Cô gái ngẩng mặt lên, nước mắt đầm đìa, nói qua tiếng nấc:

- Mặc kệ tôi! Can gì đến ông. Rồi cô lại gục xuống tiếp tục nức nở.

Đại ngăn người, cô gái rất đẹp lại rất trẻ, chỉ độ mười tám, mười chín là cùng. Thấy cô có vẻ đau khổ, chàng thương hại hỏi:

- Cô có chuyện gì buồn mà khóc dữ vậy? Có cần tôi giúp gì không?

Cô gái trả lời như hờn dỗi:

- Không cần!.

Đại đẩy cây nến ra xa một chút rồi ngồi xuống bên cô gái:

- Cô cứ tí tí khóc trước cửa phòng tôi như thế này làm sao tôi ngủ được?

Cô gái ngẩng đầu lên, vừa quạt nước mắt vừa hỏi:

- Ông mới tới hờ?

Đại gật đầu:

- Đáng lý ra tôi đến từ sớm kìa! Nhưng vì máy bay bị trễ cho nên vừa mới đến tức

thì. Xin lỗi! Có lẽ sự trễ muộn của tôi làm cô thức giấc?

Cô gái nhìn vào xa xăm:

- Ông đến sớm hay muộn ăn nhằm gì đến tôi. Tối nào tôi chả hát và khóc như vậy, đã bao nhiêu năm nay rồi mà có ai thèm để ý đâu? Rồi đột nhiên cô quay hẳn sang Đại, nhìn chàng với cặp mắt long lanh kỳ lạ nói:

- Nhà này đã lâu không hề có khách viếng bao giờ, ông là người đầu tiên. Ông là ai? Tại sao lại đến đây? Ông không sợ à? Ông có biết tôi và bà già ban nãy dắt ông vào đây là ai không?

Đại trả lời như phân trần:

- Xin lỗi! Tôi không biết, tôi ở New York đến San Jose thăm bà cô tôi. Tôi không báo trước vì định dành sự ngạc nhiên cho bà, không ngờ vì khí hậu thời tiết ảnh hưởng làm chuyến bay bị “delay” quá trễ... chàng bỏ lửng không nói tiếp.

Đầu óc chàng thắc mắc không biết cô bé này là ai, liên hệ thế nào với gia đình bà cô mà sao chàng không hề được gặp và nghe nhắc đến bao giờ. Sự yên lặng kéo dài có đến một phút, đêm tịch mịch, ánh đèn cầy leo lét làm bóng cô gái lung linh tựa sương khói khiến Đại có cảm tưởng như đang ngồi trong nhà quán thì đúng hơn, chàng lên tiếng phá vỡ bầu không khí ma quái:

- Cô chắc thân thiết với chủ nhà này lắm?

Cô gái nghiêng đầu nét mặt nghinh nghinh nhìn Đại, khuôn mặt không còn rầu rĩ như lúc đầu nữa, cô trả lời với nụ cười có chút tinh nghịch:

- Thân! Thân lắm là đằng khác, ông muốn biết lắm hờ? Cô khoác tay: Ngày mai đi! Sáng mai mọi việc sẽ sáng tỏ hết. Rồi cô bắt chuyện: Ông đến đây chơi, có dự tính

THU VẮNG

Nghe gió Thu đưa quyền quện mây
Hồn Thu băng lảng ở đâu đây
Tôi ngồi đếm những tương tư rụng
Đếm mãi tình buồn theo lá bay.

Như thể hồn ai theo chiếc lá
Heo may lạc nẻo ở phương này
Thương người mãi mãi hoa đơn chiếc
Khuất bóng lâu rồi chẳng có hay

Nên gió Thu mang đầy tiếc nhớ
Xuôi theo trăng nước bến sông đây
Con đò thờ trước không còn nữa
Lặng ngắm trường giang lòng ngắt ngày.

Xao xuyến qua đi bao mộng đẹp
Cuối đời còn lại sầu riêng tay
Mưa Thu rào rạt bên hiên vắng
Dưới ngọn đèn mờ ai ngủ say.

Thu 2017

Đăng Nguyên

Đại gật đầu:

- Tôi có nghe nói. Bởi vậy năm nay tôi mới lấy phép xuống thăm bà cô luôn tiện viếng thăm ngôi chùa mà tôi chỉ được nghe qua miệng mọi người chứ chưa được chính mắt nhìn thấy. Cô ở gần đây chắc thường đi lễ chùa?

Đôi mắt cô gái sụp buồn:

- Đã lâu lắm rồi tôi chưa hề được đặt chân đến cửa chùa. Tôi rất muốn được lên chùa để nghe kinh mà chẳng ai đưa tôi lên cả.

Đại thắc mắc:

- Cô không thể tự một mình đi sao?

Cô gái không trả lời vào câu hỏi mà ngập ngừng hỏi Đại:

- Ông... có lẽ sùng đạo Phật lắm phải không?

- Tại sao cô hỏi vậy?

Cô gái đưa tay chỉ vào ngực Đại:

- Tôi thấy ông đeo tượng Phật.

Đại cúi xuống nhìn, thì ra ban nãy ở trong phòng cảm thấy ... ghê ghê cái không khí quái đản của căn nhà này, phản ứng tự nhiên chàng đã luồn tay vào ngực kéo sợi dây chuyền tượng Phật lộ ra ngoài áo để tự trấn an mình. Đại cười ngượng ngập:

- Thật ra tại tôi thần hồn nhát thần tính... nhưng mà hỏi cô chứ giữa đêm hôm khuya khoắt, tại sao cô không ngủ mà lại đi lang thang giữa một tòa nhà rộng thênh thang như thế này? Lại còn hát lên những lời nghe... Đại lắc đầu không nói tiếp.

Cô gái che miệng cười nói tiếp lời Đại bỏ dở nửa chừng:

- Không lọt lỗ tai chút nào phải không? Ông sợ hả?

- Nếu là cô, cô có sợ không?

Cô gái gật gù:

- Kể ra ông cũng thành thật, bây giờ nhìn thấy tôi ông có còn sợ không?

- Nếu cứ ở trong phòng mà tưởng tượng thì sợ thật. Rồi Đại tự giới thiệu: Tôi tên Đại, xin lỗi cô tên gì? Ngày mai chúng ta có thể cùng đi chùa Kim Sơn được không?

Cô gái trả lời rất khó hiểu:

- Tôi không đi được, ai cho tôi vào? Rồi cô vừa gật đầu vừa nói tiếp: Nhưng nếu có ông giúp đưa được tôi lên chùa thì tốt quá. Tôi tên Thẩm, Đỗ Lệ Thẩm.

Đại kêu thảm trong đầu: Trời đất! Cái tên nghe kỳ cục, đã “đổ” lệ mà còn thảm nữa thì chắc cuộc đời cô bé này phải khốc dài dài. Không hiểu nghĩ sao Đại gật đầu quả quyết:

- Tôi hứa! Ngày mai sẽ đưa cô lên chùa.
Cô gái mừng rỡ nắm lấy tay Đại kêu lên:
- Thật hả? Ông chịu giúp đỡ đưa tôi lên chùa?

Đại cảm thấy một luồng khí lạnh chuyển qua thân khi bàn tay cô gái vừa chạm vào da thịt chàng. Đại rút tay lại kêu lên:

- Trời đất sao tay cô lạnh thế này! Không khéo bị cảm mất, phòng cô ở đâu? Để tôi đưa cô về phòng nghỉ.

Cô gái trả lời không sao và đưa tay chỉ vào phòng chàng nói tiếp:

- Trước kia tôi ở phòng này nhưng bây giờ thì không phải nữa rồi. Nếu ông không ngại, tôi có thể vào thăm lại căn phòng của tôi không?

Đại cảm cây nến đứng qua một bên nhường lối:

- Cô cứ tự nhiên.

Cô gái đứng lên vừa đi vừa giao hẹn:

- Ông đã hứa ngày mai đưa tôi lên chùa là ông phải giữ lời hứa đấy nhé!

Đại gật đầu:

- Cô có thể tin ở tôi, một khi tôi đã hứa là tôi sẽ làm.

- Thế ông có thể cho tôi mượn sợi dây chuyền tượng Phật của ông không? Sáng mai ông lên lầu trên, cô gái đưa tay cao khỏi đầu chỉ thẳng lên trần: Phòng tôi ở trên này, tôi sẽ trả lại cho ông, ông sẽ biết chi tiết và lý do vì sao tôi thích được... ở chùa để nghe kinh, niệm Phật.

Đại đặt cây đèn nền lên nắp cây đàn Piano, tháo sợi dây chuyền đeo vào cổ cô gái nói:

- Nếu cô thích, tôi tặng cô đó! Mai một tôi “thỉnh” cái khác cũng được.

Cô gái kêu lên:

- Không được! Tôi không nhận được, tôi chỉ mượn tạm ông đêm nay để... làm tin

BÀI HÁT MÙA THU

Lá vàng thu tím lê thê,
Đường đi lối dốc, đường về thênh thang.

Tung bay chiếc lá thu tàn,
Chạnh lòng xao xuyến, miên man vợi buồn.

Thoảng mùi hoa cúc dâng hương,
Nơi xưa chốn cũ còn vương vấn tình.

Sầu thu, gió hát một mình,
Tiếng buồn nước nở trên cành chia phôi.

Giấc thu xưa mộng tan rồi.
Nghìn thu ai biết có người đợi mong?

Lá vàng thu tím mệnh mông,
Chiều thu mây ửng sắc hồng trời xa...

Chiều thu xa, bóng mây qua,
Khơi thương gợi nhớ quê nhà, mùa thu...

Nguyễn Mây Thu

(Cournonterral, 01-09-2017)

cho chắc ăn ông không nuốt lời, sáng ngày mai chúng ta gặp nhau ở lầu trên, ông bắt buộc phải lấy lại sợi dây chuyền thôi! Rồi ông sẽ hiểu, bây giờ đừng hỏi gì nhiều, rồi cô cứ suýt xoa: Cảm ơn ông, ông tốt quá! Tôi chưa thấy người đàn ông nào tốt như ông, họ toàn là kẻ xấu và độc ác. Rồi cô ngồi xuống bên cây đàn, mở nắp bấm bấm vài nốt nói: Tôi đàn tặng cho ông nghe một bài nhé! Cây đàn này của tôi, tôi đã từng học qua chắc đàn cũng không tệ lắm!

Đại cười gật đầu nhưng ngượng ngập khi nghĩ đến cái lỗi tai tồ tề của mình, chàng nghe nhạc gì cũng như đàn khảy tai trâu, chả phân biệt được hay dở là gì cả. Ai đàn chàng cũng thấy hay như nhau, mà ca sĩ nào hát chàng cũng nghe hết xẩy cả, miễn đừng tề quá như trả bài là chàng “chăm”... đậu tuốt luốt. Bởi vậy, mỗi lần bạn bè đàn đúm bàn về thể giới âm nhạc là chàng bủ trớt. Có lẽ vì vậy cho nên chàng đâu biết thưởng thức tiếng đàn của cô gái, hay vì quá mệt mỗi chàng ngã người xuống giường và “khò” lúc nào không hay, trong khi tiếng đàn của cô gái vẫn thánh thót vang lên lồng lộng không ngừng...

Cái cell phonne rung và reo lên từng hồi ở thất lưng quần đánh thức Đại dậy. Cái hình ảnh đầu tiên đập vào mắt Đại là bức ảnh bán thân của cô gái hồi đêm được vẽ bằng sơn dầu thật to treo ở góc phòng mà đêm hôm qua vì tồ quá nên chàng không để ý, thì ra căn phòng này là của cô ta thật. Có lẽ đêm qua thức khuya quá nên mệt mỏi, chàng uể oải trả lời phon:

- A lô!

- Đại đấy hử cháu?

Hình như tiếng bà cô, Đại ngồi bật dậy:

- Cô Hải hả? Sao cô biết số cell phone của cháu mà gọi?

- Cháu đang ở đâu? Đêm qua thức khuya lắm hay sao mà giờ này chưa dậy? Mẹ cháu vừa gọi cho cô xong, mẹ cháu bảo tối hôm qua cháu đến San Jose thăm cô mà sao hôm nay đã 12 giờ trưa rồi vẫn không thấy cháu gọi về nhà nên mẹ cháu sốt ruột gọi hỏi cô. Cô có biết gì đâu? Cô bảo cô chưa gặp cháu, mẹ cháu mới đưa số cell phone của cháu cho cô. Thế nào? Chắc là cháu đến khuya lắm hay sao mà không ghé cô?

Đại hốt hoảng ngồi bật dậy ngó đảo dác cảm thấy có điều gì không ổn, sợ bà cô lo lắng chàng nói dối:

- Xin lỗi cô! Hôm qua máy bay bị trễ quá nửa đêm, sợ mất giấc ngủ của cô chú và gia đình nên cháu về khách sạn, mệt quá nên ngủ quên, một chút xíu cháu sẽ chạy đến cô ngay được không? Bây giờ cháu đi chuẩn bị đây.

- Được rồi! Cô chờ, nhớ điện thoại về cho mẹ cháu kẻo bà sốt ruột, nhá!

Đại cúp máy xong trong lòng thắc mắc: Chết cha! Không biết mình đang ở nhà ai đây? Chẳng lẽ đêm qua gõ cửa lộn nhà? Tại sao chủ nhà lại tử tế cho người dẫn mình vào đây? Nhớ tới lời hẹn với cô gái đêm qua, chàng lật đật phon về cho mẹ yên tâm xong vớ lấy cái túi xách đeo lên vai rón rén mở cửa phòng bước ra, chàng thận trọng từng bước một lần theo hành lang đến cầu thang để lên lầu trên. Tầng trên này rộng thênh thang, được ngăn làm đôi bằng một bức vách thật rộng và cao in hình bức tranh bãi biển rợp bóng dừa xanh trông thật mát con mắt, nơi Đại vừa bước lên là phần nửa lầu phía sau của ngôi nhà, dùng làm phòng giải trí và tập thể dục. Nhìn chung các dụng cụ, máy móc đồ chơi game, đồ tập thể dục mặc dù đã “démodé” có tới chục năm nhưng vẫn còn văn minh hơn cách bài trí trong phòng ngủ đêm qua, mặc dù các cửa sổ và cửa cái ăn thông ra baconny phía ngoài sân vẫn là hình vòng cung với lớp kiếng đủ màu xưa lắc. Tất cả đều phủ một lớp bụi mờ, chứng tỏ đã lâu không có ai đụng đến, vậy thì cô gái ở đâu? Đêm hôm qua rõ ràng cô gái nói với mình là cô ta ở tầng trên này mà, chẳng lẽ ở phòng phía ngoài? Đại nhanh chân đi dọc theo hành lang vòng ra phía sau của bức tranh bãi

biển là căn phòng phía bên ngoài hướng ra phía mặt tiền của ngôi nhà. Căn phòng này cũng rộng không kém gì phòng trong, nhưng trông trơn không có đồ đạc gì ngoài một cái tủ bằng gỗ gụ căn xà cừ kiểu VN để thờ, kê sát vách tường, dựa lưng vào mặt sau của bức tranh bãi biển ngăn đôi hai phòng, hướng thẳng ra cửa cái ăn thông với balconny bên ngoài mặt tiền của ngôi nhà.

Đại bước lại gần bàn thờ quan sát không khỏi giật mình suýt té ngửa khi nhìn thấy sợi giây chuyền của mình treo tồn ten trên tấm hình của cô gái đêm qua đặt trên bàn thờ, kế bên tấm hình cô gái là bức ảnh bán thân của một người đàn bà đã già mà khi nhìn kỹ chàng hết hồn lủi lại té lăn cù trên sàn nhà. Trời đất! Chính là bà lão đêm qua đã đưa chàng vào đây, ba chân bốn cẳng, chàng phóng thật nhanh xuống cầu thang quên cả việc lấy lại sợi dây chuyền của mình. Bất kể nhìn thấy chỗ nào có vẽ là “exit” chàng phóng vào ngay. Xuống đến tầng dưới cùng của ngôi biệt thự là chính diện của phòng tiếp khách rộng thênh thang, cao chót vót nhìn thẳng lên nóc nhà tròn hình cái tháp, được lợp bằng lớp kiếng đủ màu giống như kiếng của các cửa sổ và cửa cái vậy. Đại nheo mắt cúi xuống bởi ánh nắng chói chang xuyên qua lớp kiếng đủ màu rơi xuống làm chàng chói mắt. Đại thở hắt hễn, đưa tay vận quả nạm của cửa chính để ra ngoài, nhưng chàng xoay thế nào cánh cửa cũng không chịu mở, chàng quay lại, đưa mắt quan sát những balconny chung quanh bên trong ngôi biệt thự, nhận ra cánh cửa căn phòng hồi đêm chàng ngủ và nơi đã ngồi tâm sự với cô gái đêm qua ở lầu một. Chàng bỗng đứng bình tĩnh trở lại, đi trở lên căn phòng thờ, đến trước bức hình cô gái lâm râm khấn vái:

- Cô Thắm! Tôi biết cô không phải là người ở chốn nhân gian này nữa! Không biết có phải trời run rủi không mà đêm qua tôi đã lạc vào căn nhà này để rồi được gặp cô. Tuy không hiểu vì lý do gì cô chưa được siêu thoát cho nên đã gửi gắm tâm sự cùng tôi. Những gì tôi đã hứa với cô đêm qua, tôi sẽ làm. Tuy nhiên việc trước mắt, xin cô giúp tôi mở được cửa để đi về nhà, sau đó tôi sẽ lên chùa Kim Sơn nhờ thầy lập đàn làm cỗ siêu độ cho cô và người đàn bà đêm qua đã dẫn tôi vào đây.

Chàng vừa khấn xong, bức ảnh của cô Thắm trên bàn thờ ngã năm xuống hất tung sợi dây chuyền văng vào người chàng. Đại không sợ một chút nào hết mà còn nhanh tay hứng lấy sợi dây chuyền đeo trở lại vào cổ mình (chẳng phải đêm qua cô gái đã nói với chàng sáng nay trả lại sợi dây chuyền cho chàng hay sao?) Đại mở túi xách lấy ra một chiếc máy ảnh digital, lật tấm hình của Thắm lên, rút ra khỏi khung ảnh, đem ra chỗ sáng, vừa chụp vừa khấn: Xin cô phù hộ tôi chụp hình cô được rõ ràng để mang cô lên chùa an vị. Chụp xong, chàng lồng tấm ảnh trở lại khung kính, mắt chàng đập vào những hàng chữ đề phía sau tấm ảnh:

ĐỖ LỄ THẨM

Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1977 tại CA

Mất ngày 01 tháng giêng năm 1997 hồi 1 giờ 25 phút sáng tại CA

Đại lấy giấy bút ghi lại cẩn thận, đến bức ảnh bà già chàng cũng làm y như vậy. Khi đọc những hàng chữ phía sau tấm hình của bà già, chàng ngạc nhiên vô cùng khi thấy ngày, tháng, năm và giờ tử của hai người giống hệt nhau. Trước khi đặt hai tấm hình trả lại trên bàn thờ, Đại kéo ngăn tủ bàn thờ quan sát tìm kiếm, thấy có hộp quẹt, nhang và cây chổi lông gà. Chàng cẩn

thận quét bụi bàn thờ sạch sẽ rồi mới đặt hai bức hình trở lại chỗ cũ, thấp ba nén nhang rồi mới quay mình bỏ đi. Lần này chàng thông thả vừa đi vừa quan sát, chàng nhận ra con đường dẫn vào nhà bếp. Nhưng chàng không dám bước trở lại con đường cũ đêm qua để ra bằng cửa sau nữa! Vì không biết bên trong ánh sáng như thế nào cho nên chàng cứ men theo hành lang chói ánh nắng trên trần rơi xuống bên trong phòng khách mà đi xuống chính điện đến ngay cửa chính cho nó... đỡ sợ.

Khi đã đứng trước hai cánh cửa chính ra vào của toà biệt thự, Đại nín thở run run đưa tay định mở nắm cửa thì cánh cửa đã tự động mở ra chờ đợi, Đại tuy có giật mình nhưng cũng nhanh nhẹn chui tọt ra ngoài ngay vì sợ chậm trễ cánh cửa đổi ý đóng sập lại thì chết. Chàng vừa bước ra khỏi ngưỡng cửa là cánh cửa tự động sập vào ngay, Đại đưa hai tay chận lấy ngực thở một cái phào. Chàng tò mò đưa tay vặn thử quả nắm để mở cửa xem sao, nhưng cánh cửa vẫn khoá chặt như chưa từng mở ra bao giờ. Trước khi quay lưng đi, Đại đưa tay “bái bai” và nói:

- Tạm biệt cô Thẩm, tôi sẽ làm theo lời đã hứa với cô đêm qua.

Rồi Đại chạy nhanh ra xe “đè” máy cho xe lùi trở lại ra đường cái, con đường này chỉ đủ cho một chiếc xe chạy mà thôi! Nếu muốn quay đầu xe thì phải chạy qua cánh cổng sắt vào bên trong sân biệt thự rộng thênh thang mới có chỗ “U-turn” được, còn đậu như Đại chỉ có nước “de” thụt lùi mà thôi. Nhưng Đại đâu có care, thoát được ra khỏi ngôi nhà... kinh dị này là chàng mừng rồi. Ra đến đường cái, check lại cái số nhà chàng mới thấy mình hồ đồ, thì ra vì mưa bão che mắt đã làm chàng nhìn lộn số 574 ra thành số 524.

Về đến nhà bà cô, chàng dò hỏi mới biết, ngôi biệt thự đó của một gia đình người VN, đã bị một nhóm thanh niên bị mặt (có lẽ là bạn bè xấu của người con trai lớn vì không biết chọn bạn mà chơi nên mới xảy ra thảm kịch). Đã đột nhập vào nhà uy hiếp chủ nhà để ăn cướp, cô con gái út phản kháng nên bị chúng bắn chết ngay tại chỗ, bà vú hoảng quá la lên cũng bị chúng bắn chết tốt. Đứa con trai nhìn thấy em gái mình chết thảm như vậy đã phát điên phải vào bệnh viện thần kinh một năm sau mới được xuất viện. Cha mẹ cô gái vì đau buồn không muốn nhìn ngôi nhà thấy lại cảnh xưa và cũng vì con trai họ, sợ nó nhìn thấy cảnh cũ lại phát bệnh trở lại nên cả gia đình đã chuyển sang Pháp ở với gia đình người con gái lớn. Căn nhà trưng bày bán mãi không được cũng thôi, thỉnh thoảng chủ nhà cũng cho người vào quét dọn, nhưng không biết họ nhìn thấy cái gì mà họ tông cửa chạy bán sống bán chết. Từ đó! Ngôi nhà bỏ không chẳng còn thấy ai lai vãng đến nữa ngoại trừ chủ nhà mà thôi! Nhưng chắc có lẽ cũng đã lâu lắm rồi họ không trở về ngôi nhà cho nên Đại mới nghe mùi ẩm mốc và bụi bám như vậy.

Ngày ngày hôm đó, để giữ đúng như lời đã hứa với Thẩm đêm qua, chàng xúc tiến ngay việc đưa Thẩm và người vú già lên chùa. Chàng in ra hai tấm hình ghi ngày sinh, ngày tử của hai người rồi nhờ thầy ở chùa Kim Sơn làm một mâm cơm, tụng kinh, niệm Phật xin an vị và làm lễ nhập tự cho Thẩm và người vú già. Bản thân chàng cũng tự nguyện đọc cho nàng một tuần kinh để hồi hướng công đức cầu cho linh hồn Thẩm sớm được siêu thoát về miền cực lạc.

Tôn Nữ Mặc Giao
(California)

THAM BẠN Ở VÙNG TÂY BẮC HOA KỲ

Lời quê chấp nhật đông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh
(Nguyễn Du)

Khi mướn xe xong ở phi trường Portland, cô Mỹ hỏi mướn xe đi đâu, tôi nói địa chỉ nhà Võ Độ ở Seattle, cô tự động bấm dùm địa chỉ trong máy dẫn đường mà tôi vừa mướn. Tôi không ngờ trước là khi xe vừa lăn bánh một giọng tiếng Đức trong máy lại vang lên. Mấy ngày nay ráng nghe và nói tiếng Mỹ, bỗng nhiên nghe tiếng „mẹ đẻ“ không vui sao được. À, thì ra cô Mỹ bấm dùm luôn qua tiếng Đức để tôi dễ dàng khi chạy xe ở Mỹ. Nhưng không sao, máy chỉ đường chỉ rõ quá, nhiều khi không cần nghe ai nói, chỉ nhìn vào máy là có thể chạy được.

Đoạn đường từ Portland lên Seattle gần giống như những đoạn đường ở Âu Châu, chỉ có khác biệt là đường ở Mỹ rộng quá, và xe thì thường chạy ở tốc độ bình thường, tối đa theo như nước Mỹ cho phép là 125 km/ 1 giờ.

Nói về tốc độ mới nhớ hôm đi với một người bạn Không Quân vào khu Eden, Virginia, qua bạn tôi, tôi quen một cặp vợ chồng cũng đang đi dạo đêm ở trong sân khu Eden. Đêm ấy cộng đồng người Việt ở đây tổ chức buôn bán thức ăn, văn nghệ nhỏ ngoài trời. Nhiều anh chị ca Live rất hay. Có một anh tóc dài người ốm như Trịnh Công Sơn ca không thua gì Duy Khánh, nhưng hỏi ra thì người ta nói anh là người Nam. Một cô gái (tôi đoán là cô gái từ miền Bắc qua Mỹ không lâu) ca bản Đứng Xa Em Đêm Nay, nghe không thua gì các ca sĩ. Còn nhiều người khác ca lắm, nhưng hai ca sĩ „nghệ dư“ này là ca hay nhất.

Trở lại hai anh chị mới gặp và đứng nói chuyện trong khu Eden. Anh kể anh là sĩ quan người nhái của Hải Quân, đi vượt biên trước, bảo lãnh gia đình qua sau. Anh đi làm mấy chục năm, giờ đã nghỉ hưu ba bốn năm rồi. Nghe nói tôi từ Đức đến anh nói anh có đi Đức hai lần để thăm các người bạn thân đi du học Đức trước năm 1975. Anh kể mấy địa danh mà anh đi qua như Nürnberg, Berlin v.v... Anh nói ở Đức anh thích nhất là xa lộ, muốn chạy bao nhiêu thì chạy. Anh làm tôi ngạc nhiên khi anh nói anh đã chạy đến 270 Km/ 1 giờ. Anh còn chỉ chị nhà làm bằng chứng là chị đã ngồi cùng anh khi anh đang chạy như thế trên xe Mercedes của người bạn thân. Lúc chạy chỉ có hai vợ chồng. Tôi hỏi anh chạy đoạn đường nào, anh nói chạy khoảng từ Leipzig đi Berlin. Tôi nghĩ chắc là anh đã chạy đến tốc độ đó, vì tôi có đi qua tôi biết, đây là đoạn xa lộ mới do chính phủ Đức đã làm mới lại hầu hết các xa lộ bên phần Đông Đức cũ sau ngày thống nhất nước Đức năm 1989.

Anh nói chạy để biết cảm giác như thế nào thôi. Tôi nói với anh là tôi thường chạy nhanh nhất là đến 165, 170 Km/ 1giờ, nên cũng chưa biết cảm giác chạy đến 270 là như thế nào. Buổi nói chuyện với anh chị rất hào hứng.

Lúc ở Đức nhìn bản đồ trong Internet cảnh đoạn đường từ Portland lên Seattle rất đẹp. Nhất là khi gần đến Seattle vì có nhiều sông hồ ở chung quanh. Với tôi, núi ít làm lòng mình rung động, có lẽ vì ở miền nam nước Đức, thấy rừng núi rất thường, nên chắc cũng quen mắt, không còn thấy đẹp, nhưng mỗi khi nhìn thấy được biển hoặc những ao hồ rộng lớn ở bất cứ nơi đâu thì lòng thấy hân hoan. Ngọn gió từ ngoài biển thổi vào làm nhớ lại của thời trẻ thơ đã từng trải qua với cơn gió ấy. Nhưng hôm chạy xe đến Seattle, sông hồ đã bị những hàng cây hai bên đường che phủ nên cũng không thấy được gì, ngoài con sông có lúc chạy song song theo đường xa lộ. Trời cuối tháng tám mà ở Seattle đã có mưa tương đối lớn, và gió thổi phát khá lạnh. Theo đường chạy 3 giờ đồng hồ cứ lúc mưa lúc nắng.

Rời xa lộ, để chạy vô đường làng, đường phố đến nhà Độ. Sợ Độ chờ, đang chạy trên đường, tôi tắt xe vô lề, ngừng lại và gọi điện thoại cho Độ nói là tôi gần đến rồi. Đúng như tôi đoán, bạn Độ đang nóng lòng chờ, vì lúc nơi lấy xe ở Portland bạn đã gọi một lần và khi gần tới Seattle bạn lại gọi, nhưng đang chạy ngoài xa lộ nên tôi không dám nghe. Bạn nói cứ ngừng đó bạn ra rước vì gần tới rồi. Trong thời gian chờ bạn đến, tôi ngắm nhìn chung quanh, thấy những căn nhà nhỏ nhỏ, chung quanh nhà cây cối cũng không cao và cũng không rậm rạp, trước các nhà thấy rất ít trồng bông hoa, nhìn người đi ra vào nhà tôi tưởng là người Mễ-Tây-Cơ. Ra gặp tôi bạn nói đây là làng của người thổ dân, Indianer, của nước Mỹ.

*

Chị Trọng, bạn học của tôi và Võ Độ, làm ở trong một tiệm làm và bán bánh ở Virginia. Hôm tôi đến thăm chị khoảng 9 giờ sáng ngày thứ bảy. Bốn mươi bảy năm mới gặp lại chị. Từ lúc 14, 15 tuổi mà nay đã trên 60 hết rồi. Ngày đó, ở Bà Rịa, lúc đi học, chị Trọng hay chở chị Bé trên chiếc xe gắn máy màu xám. Hình như lúc đó chỉ có chị là đi xe gắn máy, còn lại tất cả đều đi xe đạp, hoặc đi bộ. Ngay Lộc, có xe Honda nhưng đi học cũng đi bộ, vì nhà gần trường học. Võ Độ lúc đó cũng đi xe đạp, vì nhà khá xa trường. Con đường bạn về nhà là con đường ngang rạch Thành Thái về quân trường Vạn Kiếp. Giờ tan trường túa ra toàn là nam áo trắng quần xanh, nữ áo bà ba trắng, quần đen. Gặp lại sau thời gian dài ấy, nhưng tôi không thấy chị Trọng già lắm so với số tuổi hiện tại. Chị vẫn còn giữ nét thời nữ sinh. Chị lại hơi ồm hơn hồi trẻ, nhưng vẫn còn dáng khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

Gặp chị là nhân có dịp đến Virginia, nơi chị định cư, nên tôi ghé thăm chị. Sau vài phút nói chuyện chị nói chị phải trở lại làm việc. Nhà chị cũng gần nơi chị làm,

chồng chị nghỉ làm, giữ nhà, hai con đã lớn và đi làm lâu rồi. Chị nói nếu tôi có qua Nam Cali gặp chị Lý, Lộc Nga, Thới, Yến và Võ Độ cho chị gửi lời thăm.

*

Tôi đã kể cho Võ Độ nghe khi Võ Độ hỏi về chị Trọng.

Mặc dù chiến tranh VN đã đi qua khá lâu, và chuyện của Võ Độ tôi cũng đã nghe qua, nhưng thú thật hôm gặp Võ Độ, nhìn Võ Độ cách ăn nói đi đứng tôi thấy trong bạn có một sức mạnh phi thường, vì đã vượt qua những khó khăn trong đời mình. Đặc biệt hơn nữa là Võ Độ có một mái ấm gia đình thật hạnh phúc. Câu người đời thường nói „ông Trời cho tay này thì lấy tay kia“, nghiệm ra tôi thấy có lẽ đúng trong cuộc đời này. Trong đời không ai, không một gia đình nào hoàn hảo cả, không bao giờ có hạnh phúc hoàn toàn hay xui xẻo hoàn toàn. Được cái này thì mất cái kia. Xa hơn nữa, khi nói về các cô gái, đàn bà thì có những câu như "má hồng phận bạc", "hồng nhan bạc phận" v.v...

Số phận đã an bài cho bạn! Bạn ở miền Nam VN, bảo vệ miền Nam trong cuộc chiến vừa qua, và đã để lại một phần thân thể cho quê hương. Theo tôi, dù cách nào cũng là một hành diện của người trai trong thời chinh chiến.

Bà xã Võ Độ hiền hậu đảm đang, theo cái nhìn của người viết bài này, còn hai cô gái vui vẻ, hiếu thảo với cha mẹ. Vậy là đúng rồi phải không Võ Độ, ở đời được cái này thì mất cái kia.

Thời tiết, khí hậu vùng Seattle gần giống Âu Châu, nhưng quang cảnh ở Seattle thì quá đẹp! Từ trên một tháp cao của thành phố, nhìn xuống chung quanh thật ngoạn mục. Màu xanh của nước biển, ao hồ, cùng nhà cửa đường xá tạo nên một vùng tây bắc Hoa kỳ trắng lệt. Đối với người ở Mỹ chắc thấy bình thường, nhưng tôi rất thích khi thấy mấy chiếc thủy phi cơ cessna chở khách "tham quan" thành phố Seattle cất cánh và đáp trên mặt hồ rộng lớn ở trong thành phố. Độ nói một lần đi 100 Đô La. Đây là lần đầu tiên tôi thấy cảnh cất cánh và đáp trên mặt hồ ở ngoài đời bằng mắt thường. Họ sang trọng quá. Chiếc cessna màu trắng, nhỏ nhắn, xinh đẹp, sau khi đáp đã chạy đi như chiếc thuyền nhỏ trên mặt hồ để vào bến đậu. Ở Đức, tôi đã đến sân bay nhỏ nằm trên đỉnh của dãy núi gần thành phố tôi ở, nhìn những chiếc phi cơ cessna hoặc những chiếc phi cơ lớn hơn đôi chút lên xuống trên đường băng đất cứng, phẳng lì, nhưng chưa thấy được cessna lên xuống trên hồ như ở Seattle. Không biết ở Đức có chỗ nào phi cơ đáp trên mặt hồ không? Trước năm 2000 một vé đi cessna như vậy cho một người ở Đức khoảng 150 Đức Mả trong một giờ, không biết bây giờ bao nhiêu Euro. Rồi căn nhà trên tháp cao nhất thành phố, Võ Độ còn mua vé dẫn tôi xem nơi hãng Boeing sản xuất máy bay, hay cùng anh bạn kỹ sư của Võ Độ vào hãng Microsoft xem nơi anh ngồi làm việc. Tôi hỏi anh ở đây có được phép chụp hình không, anh nói được. Người Việt Nam

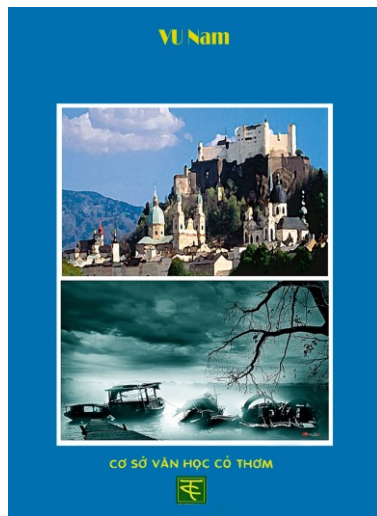
mình giỏi quá, đâu đâu cũng gặp người tài. Võ Độ còn muốn dẫn tôi đi xem Viện Bảo Tàng của thành phố, nhưng không còn giờ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại những chiếc Cessna màu trắng di chuyển như những thuyền con trên mặt hồ ở Seattle, tôi lại liên tưởng, so sánh đến những chiếc xuồng ba lá, xuồng nhỏ trên khắp kinh rạch miền Tây, Hậu Giang, Tiền Giang, dòng sông Cửu Long của quê mình, tự nhiên thấy trong hồn lâng lâng nỗi nhớ nhưng đến quê nhà. Những chiếc áo bà ba màu hồng, màu xanh, màu tím với những chiếc nón lá màu vàng của các cô gái chèo thuyền hay là khách đi trên xuồng ghe, đã làm vùng sông nước miền Tây có thêm những màu sắc đặc biệt với những nét đặc thù riêng rẽ. Một chiếc ghe nhỏ màu sẫm đen, một mái chèo, một mình chèo giữa dòng sông màu vàng đen phù sa đầy những vật lục bình là hình ảnh thật sống động, biểu tượng cho vùng miền sông nước. Nhưng trong thời hiện tại, sau những màu sắc hồng xanh ấy, có thể ẩn núp đâu đó là những vắn vật về mái nhà khi chiều về với người cha người mẹ già yếu, hay đàn con thơ đang chờ mẹ về. Không ai có thể xác định được những đời sống trên miền sông nước của ngày hôm nay, bởi vì vẫn còn những cô gái trẻ nơi đây sẵn sàng ra đi làm dâu nơi Đài Loan, Nam Hàn, hay sẵn sàng ra đi làm công nhân ở Nhật Bản, Malaysia hoặc bất cứ nơi nào trên thế giới, nếu cô nghĩ như thế mới có thể thay đổi cuộc đời khổ cực của các cô ở nơi này.

Ban đêm ở Seattle hơi giống như ban đêm ở thành phố cảng Hamburg của Đức, nhưng Seattle trắng lẹ hơn nhiều. Đứng bên này nhìn qua bên kia, ở giữa là dòng sông rộng lớn mênh mông, thấy đầy ánh đèn, thì qua bên kia nhìn lại bên này cũng thấy những tòa nhà cao vút, màu sắc ánh đèn cũng rực rỡ. Đêm hôm ấy lại có mưa hè lất phất, gió từ ngoài biển, dưới hồ thổi tới khá lạnh.

Tôi từ giả bạn vào buổi sáng hôm sau từ quán cà phê Starbucks ở Seattle. Lúc chia tay tôi, thấy bạn rất vui. Bạn nói hơn 30 năm ở Mỹ lần đầu tiên bạn mới đón được người bạn học lớp thời đệ ngũ đệ tứ ở VN. Tôi phải từ giả bạn vì có hẹn, chớ không sẽ ở lại nhà bạn thêm một vài ngày, để đi thăm cho hết cảnh ở Seattle. Lần đi lần khó, đến thăm một thành phố chỉ một ngày hai đêm thì đủ thiếu gì. Thôi hẹn lần khác nha Võ Độ. Cảm ơn ông bạn nhiều.

VŨ NAM
(Germany)



CÓ PHẢI TẠI TUỔI GIÀ

Hồng Thủy

Sau một trận mưa, bước ra driveway trước nhà, tôi thấy mấy con sâu, con nào con nấy to gần bằng ngón tay út bò lổm ngổm trên lối đi, tôi rất sợ sâu và giun, nếu gọi ông chồng tôi ra giúp thế nào mấy con sâu cũng bị chết và ném vào thùng rác. Tôi nhìn chúng bò càng lúc càng gần vào đến garage xe, tôi hơi hoảng, cứ lính quỳnh như gà mắc đẻ, không biết xử trí ra sao. Tôi không muốn giết chúng vì nghĩ tuy chúng trông dễ sợ thật, nhưng cũng chẳng làm gì hại, ngoài ăn mấy cái lá cây, để đến nỗi đáng bị chết. Và lại chúng có tội tình gì đâu, chỉ tại kém may mắn nên bị sinh ra làm kiếp sâu bọ. Tôi chợt thấy một cành cây nhỏ bị gãy nằm trên đám cỏ, tôi chạy vội vào nhà lấy cái bịch nylon và lấy cành cây gãy khều mấy con sâu cho chúng lăn vào cái bịch nylon. Khi cả 5 chú sâu đã nằm gọn trong bịch, tôi túm cái bịch lại và cầm đi bộ một quãng thật xa nhà. Đến quãng đường trống, không có nhà cửa, tôi dốc cái bịch nylon thả lũ sâu xuống bụi cây bên đường rồi trở về nhà. Bước vào driveway lại thêm 2 con sâu nữa bò ra. Tôi lại cho chúng vào bịch và đem đi thả chúng. Trở về nhà lại thêm 3 con

nữa mới bò ra, tôi điên cả người, không biết chúng ở đâu mà bỗng dưng rủ nhau bò ra nhiều thế. Tôi lại đành đem đi thả nữa. Tôi lẩm bẩm một mình ‘Tao hết kiên nhẫn rồi, quá tam ba bận, chúng mày ra nữa là tao kêu ông chồng tao cho chúng mày đi đong hết.’ Mấy con sâu điếc không nghe tôi dọa, nên không sợ, lại rủ nhau bò ra nữa. Cuối cùng tôi phải đi thả sâu đến 6 lần. Tôi tự an ủi: Cứ nghĩ mình đi bộ để exercise và lại làm được việc thiện. Ông chồng tôi đứng ở cửa sổ nhìn ra thấy tôi cứ cầm bịch nylon thoát biển, thoát hiện, bèn chạy ra tò mò hỏi. Sau khi nghe tôi kể sự tình, ông nhìn tôi như nhìn một con vật lạ và buông ra một câu nghe vừa tức vừa buồn cười

-Em đúng là con mụ điên

Tôi lẩm cẩm tự nghĩ: Có lẽ tôi cũng hơi điên thật. Tuần trước khi mấy cây hoa hồng thật đẹp của tôi bị mấy con Japanese beetle ăn nát cả hoa ra. Tôi đã tức điên lên nhưng không nỡ giết chúng. Tôi cũng cho chúng vào bịch nylon và đem đi thả. Bắt mấy con bọ này nhẹ nhàng và không dễ sợ như bắt mấy con sâu. Nhưng phải đi bỏ chúng thật xa để chúng không thể trở lại ăn hoa hồng của tôi nữa. Tôi đã phải lái xe đi cả 20 phút, tìm một bụi cây bên lề đường, chỗ thật vắng, gần một khu shopping không có

nhà ở và họ không trồng hoa hồng. Tôi phải mất một tuần chờ không ai để ý mới dám thả chúng ra. Mấy người bạn biết chuyện tôi đi thả sâu bọ ai cũng buồn cười. Một cô bạn thân nói:

-Đúng là mi hết chuyện làm rồi, mua một ống thuốc xịt sâu, xịt một tua là xong và còn bảo vệ được cây không bị sâu phá nữa, chứ ai mà đi làm chuyện điên như mi.

Chuyện thả sâu của tôi vừa chìm vào quên lãng thì một cô bạn tôi than thở: Ông chồng mình già rồi đâm ra lắm cảm quá đi. Hôm vừa rồi ăn đây tháng cháu ngoại mình, con gái nó đặt con heo sữa quay để ăn với bánh hủ. Nó nhờ vợ chồng mình tiện đường ghé lấy dùm con heo quay. Ông chồng giầy nẩy lên không chịu đi lấy dùm, còn trách con gái sao ác thế, bày đặt ăn heo sữa quay làm một con heo con bị chết. Con bé cãi lại: ‘Bố ơi, con không đặt heo sữa

quay thì cũng có người khác đặt. Trời sinh heo, bò, gà, tôm cá để cho người có thức ăn nên làm sao mà mình tránh được.’ Tuy vậy ông bố vẫn không hài lòng và vẫn giữ vững lập trường: Không đi lấy heo dùm và không ăn heo quay. Tôi kể cho người bạn nghe vụ tôi đi thả sâu và kết luận: Tôi cũng lắm cảm không kém ông chồng của bạn đâu. Hồi xưa tôi rất thích ăn cua, nhưng sau này tôi không muốn ăn nữa. Cứ nghĩ mấy con cua đang bò lổm ngổm bị họ cho vào nồi hấp trong lúc chúng đang còn sống tôi thấy tội quá. Có lẽ càng già con người càng mềm yếu, và càng gần đất xa trời con người càng sợ làm những điều mình cảm thấy là ác, mặc dù mình được phép làm, và nhiều người không nghĩ đó là việc ác. Không biết các độc giả lớn tuổi của tôi có ai cùng một cảm nghĩ như tôi không? - HT



GIỚI THIỆU BÀI CA DAO ĐÊM BUỒN

Phạm Thị Nhung

ĐÊM BUỒN

*Đêm qua ra đứng bờ ao
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai?
Buồn trông chênh chéch sao mai*
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?
Đêm đêm tưởng dải Ngân Hà**
Chuôi sao Tinh Đầu đã ba năm tròn.
Đá mòn, nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê ***nước chảy, hỡi còn tro tro.*

Bài ca dao *Đêm Buồn* tả nỗi nhớ nhung da diết của một thiếu phụ sống nơi thôn dã, có chồng đi vắng xa đã lâu năm chưa về. Nhiều đêm quá nhớ chồng, thương mình, ly phụ không ngủ được bèn trở dậy ra vườn, đứng bên bờ ao âm thầm đưa mắt ngắm nhìn cảnh vật xung quanh mong khuây khỏa tác lòng...
'*Đêm qua*' là một trong những đêm buồn đó.

Bài ca dao này có thể chia làm hai đoạn chính:

Đoạn I gồm 6 câu (cc.1-6)

*Đêm qua ra đứng bờ ao
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.*

Khởi đầu, nàng ly phụ và cảnh vật được giới thiệu ở đây còn là hai cá thể riêng biệt, chưa hề ảnh hưởng đến nhau.

Nhưng khi ly phụ nhìn thấy cảnh "*cá lặn*", "*sao mờ*"... ; sự tĩnh mịch của vạn vật, cùng hình ảnh mờ nhạt của thiên nhiên lúc này như có cái gì đồng điệu với nỗi lòng u sầu trầm lắng của nàng.

"*Cảnh buồn / người thiết tha lòng*" (CPN) nên chúng dễ tác động lên nhau. Cảnh buồn gợi cảm xúc khiến nỗi buồn của nàng bị kích thích thêm, cứ tăng lên, tăng lên mãi... Cho đến một lúc nào đó, nỗi buồn của nàng lại tràn lên cảnh vật qua bốn câu thơ kế tiếp (cc.3-6)

*Buồn trông con nhện giăng tơ
- Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai?
Buồn trông chênh chéch sao mai*
- Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?*

Mấy từ "*Đêm qua*" (c.1) và "*sao mai*" (c.5) cho ta biết, nàng ly phụ đã thức trắng *đêm buồn*.

Và cặp từ "*buồn trông*" được lấy đi lấy lại trong đoạn thơ nhằm diễn ý, cảnh vật bấy giờ không còn tự tại như trước nữa, chúng đã bị nhìn qua con tâm sầu muộn, con tâm lắng mạn của ly phụ rồi. Từ đó, nàng có cảm tưởng như cảnh vật cũng đang sống trong tình trạng cô đơn, đang tha thiết buồn nhớ người thương như nàng :

- Nhện ơi, nhện thương nhớ ai mà giăng tơ lòng chờ đợi?

- Sao ơi, sao thương nhớ ai mà mắt lệ mờ thôn thức?

Như thế, cảnh vật đã phản chiếu tâm hồn nàng, đã mang tâm trạng bi thương của nàng. Cảnh vật và ly phụ lúc này, có thể nói không còn là hai cá thể biệt lập nữa, mà đã hòa đồng làm một.

Đoạn II gồm bốn câu tiếp (cc.7-10)

Đêm đêm tưởng dải Ngân Hà

Chuôi sao tinh đầu đã ba năm tròn.

(cc.7-8)

“Đêm đêm” là hết đêm này tiếp nối đêm khác; ly phụ “*tưởng*” là nàng nghĩ bằng nội tâm, đến “*dải Ngân Hà*”, tức đến chuyện Ngưu Lang-Chức Nữ bị trời đầy, phải sống xa lìa nhau.

Và hằng đêm nàng vẫn có ý nhìn lên bầu trời, theo dõi sự di chuyển của “chuôi sao tinh đầu”, một chùm sao gồm bảy ngôi rất sáng, tạo thành hình cái đầu có chuôi dài. Và vì nằm ở hướng Bắc, nên có tên là chùm sao Bắc Đẩu. Chuôi của chùm sao này quay được một vòng là thời gian trôi qua vừa đúng một năm. Nay “*đã ba năm tròn*”, tức “*chuôi sao tinh đầu*” đã quay đủ ba vòng... Chúng ta có câu thành ngữ “*Quá tam ba bận*” nghĩa là vượt quá ba lần được kể là nhiều. Ở đây gợi ý, và nhiều năm nữa trôi qua, người đi vẫn chưa về,

Hai câu chót (cc.9-10)

- *Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn*

*Tào Khê***nước chảy, hãy còn tro tro.*

Trước cảnh ngộ đắng đắng cách xa, bất vô âm tín, bi thương hơn cả tình

cảnh của vợ chồng Ngưu Lang- Chức Nữ ? Nàng ly phụ của chúng ta tránh sao khỏi nghi ngờ, tủi thân và bi phẫn cho số phận?

Nhưng không... Nàng hốt nhiên cảm thấy tinh thần phấn chấn, nàng chẳng những không sầu thương, than oán mà còn khẳng khái bộc lộ tâm chân tình thương yêu thủy chung, và tuyệt đối tin cậy của mình đối với người bạn đời dù đã ra đi biệt, chẳng một âm hao:

- *Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn*

Tào Khê nước chảy, hãy còn tro tro.*

Tào Khê ở đây hiển nhiên không phải là tên dòng sông ở tỉnh Quảng Đông bên Tàu, nơi có ngôi chùa cổ Nam Hoa, từng là đạo tràng nổi tiếng của Đại sư Huệ Năng (638-713). Cũng không phải tên dòng suối, một thắng cảnh gắn liền với thiền cảnh, Phật cảnh với sứ mạng cứu nhân độ thế, như hai câu thơ trong Nguyễn Trãi toàn tập (tr 383-384), đã được học giả Đào Duy Anh diễn nôm : “*Trước cửa, Tào Khê dòng nước chảy / Lâng lâng gột sạch mọi trần duyên*”. Nxb KHXH 1976 (tài liệu Giác Ngộ Online)

Vậy Tào Khê trong câu ca dao Đêm Buồn có nghĩa gì ?- Xin thưa: Là dòng suối chảy giữa khe trũng nơi chân núi. (tào:hai bên cao ở giữa trũng xuống .Khê: Khe nước ở chân núi -HVTĐ, Đào Duy Anh).

Thế thường, nước chảy mãi đá cũng phải mòn, thời gian trôi qua mãi vạn vật cũng phải phôi pha. Riêng ly phụ biết chắc một điều, là tình yêu son sắt của

nàng đối với người bạn đời sẽ không bao giờ suy giảm. Thế nên, dòng suối Tào Khê ở đây chính là một dòng suối tâm tưởng, mang giá trị tượng trưng cho tình yêu son sắt, thủy chung của ly phụ đối với người chồng xa vắng.

Tóm lại, bài ca dao Đêm Buồn là một bài ca dao vừa tả cảnh để gợi hứng, vừa mượn cảnh để tả tình (Phú): Trước tả cảnh thiên nhiên (cc.1-2), sau nói về cảnh ngộ xa cách (cc.7-8). Tất cả chỉ có tác dụng gợi hứng, khiến nàng ly phụ xúc động, để mặc cho những cơn sóng tình cảm tuôn trào (hứng): Khi thì gián tiếp qua cái nhìn trữu buồn về vạn vật (cc.3-6), khi thì trực tiếp qua lời khẳng định về tình yêu thủy chung, không bao giờ phai nhạt của nàng (cc.9-10); Và tác giả đã mượn hình tượng thiên nhiên để tả tình, có ý so sánh (tỷ): “*Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn / Tào Khê nước chảy hãy còn tro tro*”.

Như thế, cảnh và tình ở đây khác nào như hình với bóng, tạo nên một sự hài hòa cho toàn tác phẩm. Phải nói, sự xử dụng phụ họa giữa thể phú, thể hứng và thể tỷ trong bài Đêm Buồn đã đạt tới cao điểm của nghệ thuật.

Đặc biệt hai câu cuối của bài ca dao Đêm Buồn tình, ý rất thâm trầm, sâu sắc. Thế nên bài ca dao này không chỉ diễn tả tình yêu chung thủy của người ly phụ đối với người bạn đời xa vắng, mà còn có thể hiểu theo nghĩa bóng, nói lên tâm trạng u buồn da diết của bao khách mày râu nặng lòng với Tổ quốc, với

dân tộc trong những giai đoạn lịch sử đen tối của nước nhà. Trong trường hợp này, con suối Tào Khê sẽ là biểu tượng cho tình yêu trung thành của họ đối với dân, với nước./.

Phạm Thị Nhung

**Sao mai*: tên gọi của sao Kim (một hành tinh trong hệ mặt trời). khi nhìn thấy nó vào buổi sớm; nếu thấy vào buổi chiều thì gọi là sao hôm.

** Chức Nữ là cháu ông Trời, vì mê tiếng sáo Ngưu Lang, vị thần chăn trâu trên thượng giới, đến biếng nhác việc canh cửi. Còn Ngưu Lang mê Chức Nữ thì bê trễ việc chăn trâu. Trời giận, đẩy hai người phải sống xa nhau, người đầu sông Ngân (Ngân hà) kẻ cuối sông Ngân. Mỗi năm chỉ cho họ gặp lại nhau một lần vào dịp mừng bảy tháng bảy. Nước mắt họ mừng tui khi tái ngộ cũng như đau đớn khi chia xa rơi ngập lụt thế gian. Người đời bảo đó là Mưa Ngâu tháng bảy.

*** “*Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn*

Tào Khê nước chảy, hãy còn tro tro.
Ôi dạ thủy chung của người Việt ! Chỉ với lòng tin tưởng đó, dạ thủy chung đó chúng ta mới cứu được nước khỏi họa diệt vong qua bao xâm lăng, qua bao phản bội lịch sử.” (*Doãn Quốc Sĩ, Người Việt Đáng yêu*. tr39. Sáng Tạo xb, Saigon 1965. Tái bản Nhà XB Xuân Thu, CA 1990.

Một Chuyến Về Quê ...

Y NGUYỄN

Nói đến chuyện về thăm quê hương, đây là lần thứ hai chúng tôi trở lại Việt Nam, trước là để thăm bà ngoại các cháu vẫn còn sinh sống tại Saigon, sau là về ngoài Bắc thăm gia đình bên nội nhân tiện vào dịp giỗ bà cố nội các cháu tại thành phố Hạ Long.

Hai ngày trước khi lên đường, chúng tôi nhận được một cú điện thoại của một đồng hương tại tỉnh Albuquerque, NM. Tôi thắc mắc, không biết có chuyện gì? Vội nghĩ, có nhẽ anh ta biết tin chúng tôi về Việt Nam nên muốn gửi quà cáp gì về cho thân nhân ở bên nhà chăng? Hành lý của chúng tôi mỗi người hai va li đều đầy ắp, đâu còn dư chỗ mà dám cho quá giang thêm nữa, nên khi nghe anh hỏi, tôi vội từ chối khéo: “Chúng tôi về miền Bắc anh ạ.”

Ở đầu giây bên kia, anh thuyết phục tôi: “Anh chị về Bắc hay Nam cũng không sao miễn là ở trong đất nước Việt Nam mình. Chúng tôi muốn gửi anh chị một số tiền nhỏ để giúp đỡ cho những người nghèo ở trong nước. Ở ngoài Bắc hay ở trong Nam hoặc ở ngoài miền Trung đều OK, miễn sao số tiền này được trực tiếp trao cho những người nghèo khó. Chúng tôi muốn góp một bàn tay, chia sẻ nỗi bất hạnh cùng đồng bào mình ở trong nước vì tôi chưa có điều kiện về thăm Việt Nam trong lúc này.”

Tôi thờ phào nhẹ nhõm: “ Ôi, tưởng chuyện gì to tát, chứ việc đó quá dễ. Mua pháo còn sợ tốn tiền, chứ đốt pháo đâu có khó khăn gì. Chỉ một mồi lửa, hay một que diêm là “đi đùng” ngay, đúng không anh?”

Nói là nói thế, nhưng nghĩ đi nghĩ lại chúng tôi cũng rất phân vân và lưỡng lự, không biết có nên nhận lời của anh ấy không vì chưa từng thấy ai nhờ mình làm một việc khác thường như thế bao giờ. Tiền bạc là vấn đề rất tế nhị, dễ bị mang tiếng, chúng tôi không dẫn đo sao được.

Ngày sáng hôm sau anh Chương ghé nhà trao cho tôi 200 MK. Vừa đưa tiền cho tôi, anh vừa vui vẻ chia sẻ: “Tiền của đem cúng chùa, cúng nhà thờ cũng chẳng bằng giúp thẳng đến người nghèo đói đang sống cơ cực tại quê nhà. Nhìn hình ảnh những đứa trẻ thiếu ăn thiếu mặc, gầy ốm gơ xương, không có lấy mảnh vải lành lặn che thân quả là tội nghiệp. Giúp được cho họ mới thực tế và hữu ích.”

Qua lời nói chân thật và tâm đắc đúng ý vợ chồng tôi, tôi không nỡ lòng từ chối. Thiết nghĩ người ta nhờ làm một việc từ thiện mà mình khước từ hóa ra mình đã quá vô tình. Vậy là tôi đã hoan hỉ nhận số tiền này và hứa với anh sẽ hoàn thành trách nhiệm.

Tôi cảm ơn anh ta thay cho những người rồi đây sẽ nhận được ân huệ này khi tôi về tới Việt Nam.

Lời cảm ơn của tôi cốt để thể hiện sự mến mộ về lòng tin mà anh đã đặt nơi chúng tôi một cách thực dễ dàng, không chút do dự. Nhất là chúng tôi không phải là bạn thân thiết của anh mà chỉ biết anh trong cộng đồng tại thành phố Albuquerque như các đồng hương khác mà thôi. Vậy mà anh đã tin tưởng vào chúng tôi để “chọn mặt gửi vàng” Cách xử thế của anh đã nói lên được tình người với người. Tôi nghĩ, con người ta chỉ cần sống tử tế với nhau như thế là đủ.

Tôi đã từng về thăm Việt Nam trước đây nên cũng có đôi chút kinh nghiệm. Được biết số tiền 200 MK không hẳn to lớn ở một đất nước giàu có như Hoa Kỳ. Nhưng ở Việt Nam, với số tiền này, cũng có thể giúp đỡ được nhiều gia đình qua khỏi cơn túng thiếu nhất thời. Theo hồi xuất lúc đó, 200 MK đổi được khoảng hai triệu đồng VN. Trung bình một người bán xôi, bán bánh canh hay cơm tấm buổi sáng tại đầu ngõ, chỉ kiếm được khoảng chục ngàn đồng VN (bằng 1 MK) một ngày. Vậy số tiền anh gửi tôi, nếu đem phân phát cho mỗi gia đình chỉ năm MK thôi (50 ngàn đồng VN) tưởng cũng đã rất quý... Một miếng khi đói bằng một gói khi no là vậy.

...Sau gần sáu tiếng đồng hồ ngồi trên máy bay Air Việt Nam từ Hồng Kông về Hà Nội, giờ đây chúng tôi đang có mặt tại phi trường Nội Bài. Lần đầu tiên trở về Hà Nội sau hơn bốn chục năm xa cách, chúng tôi cảm thấy trong lòng thật xôn xao khó tả. Máy người anh em họ nhà tôi cùng khá đông con cháu đã nhao nhao chờ đón chúng tôi tại phòng chờ đợi, trao

tặng những bó hoa tươi rực rỡ. Nói là anh em họ hàng nhưng nào ai biết mặt ai, bây giờ gặp nhau mới tự xưng tên xưng tuổi, có máu có mủ có khác, chúng tôi vồn vã thăm hỏi nhau, chuyện trò như pháo rang, cười nói nonstop. Cùng đi với chúng tôi có anh chị Ph.Q.A và cô con gái là bạn đồng hành từ Mỹ, được mời lên chiếc xe van Toyota 16 chỗ ngồi rộng thênh thang, trông còn rất mới mà họ hàng bên ông xã tôi đã trịnh trọng đón rước chúng tôi. Chiếc xe van được một cậu cháu điều khiển, rất an toàn. Cháu làm tài xế cho cơ quan du lịch của chính phủ tại tỉnh Quảng Ninh nên xe mang bảng hiệu nhà nước không sợ bị hỏi han khó dễ ở dọc đường. Lúc này đường xá ở miền Bắc chưa được kiên thiết lại, còn nhiều ổ gà, sóng trâu, làm tôi muốn nôn oẹ mỗi lần xe bị nhồi lên nhồi xuống. Từ phi trường về nhà chú em họ nhà tôi ở Hải Phòng phải hơn hai giờ lái xe. Trời tối xầm, chẳng nhìn thấy phong cảnh ở hai bên đường, ngoại trừ những ánh đèn đường lờ mờ lúc hiện lúc khuất. Xe chạy tới đâu mấy chú em cho biết tên địa điểm chỗ đó khiến chúng tôi trong chốc lát nhớ lại những tên của các tỉnh nhỏ này. Khi xe đi qua tỉnh Hải Dương, cậu cháu cho xe tấp vào một tiệm bán bánh đậu xanh nổi tiếng để mua ít bánh khảo, bánh gai, bánh cốm lên xe ăn vì ai nấy cũng hơi đói bụng.

Sau một đêm ngủ tạm tại khách sạn “không sao” của vợ chồng chú em họ tại đường Hai Bà Trưng (đường Cát Dài cũ) Hải Phòng, sáng hôm sau chúng tôi được đưa về thăm quê cũ ở làng Yên Cư, Hạ Long.

DÂY CHẠC CHÌU (*)

nhánh bông chạc chịu thơm ngát
ngày xưa

anh hái tặng em cài vành nón lá
phải nắng mai làm em hồng đôi má
để anh về ngõ ngẩn tựa người say

trăm ngả đời chia phiêu bạt thảng ngày
vùng đồi núi bước quân hành dong ruổi
đêm tiền đồn dáng em về rất vội
chút hương chịu trên nhánh lá
nguy trang

cuộc chiến qua sao lắm chuyện bề bàng
nước độc rừng thiêng tuổi xuân vui dập
gánh củi bó tranh đeo cao lũng thấp
chạc chịu đây bầu bạn chốn lưu đầy

nghĩ về em mộng寐 những đêm dài
nụ cười duyên, nhánh bông chịu,
chiếc nón
phải chi ta buổi ban đầu đưa đón
lấy dây chịu mà cột chặt tình nhau!

Nguyễn Vô Cùng

(*) **Chạc chịu**: hay dây chịu hay dây chạc chịu, một loại cây thân leo hoang dã, mọc rải rác từ vùng đồi núi tới đồng bằng ở Việt Nam, thân nhỏ nhưng rất dẻo và chắc, thường được người đi rừng dùng làm “chạc” để buộc, có hoa trắng rất thơm.

Xe phải đi qua hai lần phà, phà Bính và phà Rừng mới tới được Tỉnh Quảng Ninh. Những chiếc phà máy này lớn lắm,

chờ một lúc tới ba bốn chiếc xe hơi và vô số xe honda. Đứng trong lòng chiếc phà chật ních những người là người, tôi chợt nhớ tới lời dặn dò của mấy chú em nên lo giữ cái hầu bao của mình cẩn thận để phòng hờ bị móc túi. Quanh chúng tôi, sông nước bao la, gió trời lồng lộng như lửa vào buồng phổi, khiến ai nấy đều cảm thấy thoải mái. Làm sao diễn tả được nỗi xúc cảm dâng trào trước hình ảnh thanh bình của một vùng trời đất mẹ, tôi nhắm mắt lại để cảm nhận vị nước mặn mặn tung tóe nơi mạn thuyền dính vào môi, để nghe âm thanh dạt dào của từng đợt sóng nhẹ vỗ vào mạn phà...

Chúng tôi có mặt tại Bãi Cháy, Hòn Gay, nay được gọi chung là thành phố Hạ Long, vào khoảng chiều tối. Cháu tôi đã đặt phòng ngủ tại một khách sạn hai sao thuộc cơ quan nhà nước ngay trên đường Hạ Long. Trong giai đoạn mới mẻ này, tá túc tại khách sạn tư nhân coi bộ không bảo đảm lắm. Thế nên cháu nó tính vậy rất ăn ý chúng tôi. Cũng may chúng tôi gồm năm người ở chung cùng một khách sạn, sát phòng nhau nên cảm thấy yên tâm hơn. Khách sạn không có máy lạnh, quạt máy để bàn được mở 24/24. Tối đến phải ngủ trong những chiếc màn tuyn trắng tinh gợi lại một cảm giác mà dường như mình đã quên khuấy đi từ hồi nào. Dù sao nằm trong chiếc màn ngủ bít bùng tự nhiên lại cảm thấy thích thú hay hay. Mặc cho tiếng muỗi vo ve nhịp điệu như nhạc hòa tấu phía bên ngoài. Thức dậy, nhìn quanh màn ngủ muỗi đậu đen thui, to tổ chẳng chi chút ở phía ngoài trông mà sợ.

Sáng ra, chúng tôi đi dạo thành phố Hòn Gay cùng với người anh họ. Mặc dù Hạ Long là thành phố du lịch nhưng chẳng thấy chỗ nào hấp dẫn và lôi cuốn du khách ngoại trừ một số khách sạn cỡ ba sao vừa được xây cất mới đây ở rải rác trong thị xã. Phía Hạ Long có nhiều núi than đá nổi được gọi là mỏ than Hòn Gay. Một khoáng sản thiên nhiên đáng kể của Việt Nam. Người Pháp đã cai quản mỏ than này có tới 70 năm. Cho tới tháng 5, 1955 những mỏ than này được trao lại cho chính phủ miền Bắc. Người dân tại đây hầu như sống bằng nghề thợ mỏ hoặc làm nhân công cho các công ty chuyên chở than đá bằng phà máy qua đường biển hoặc bằng tàu hoả.

Hồi tưởng lại ngày xưa khi còn sinh sống tại Hải Phòng trước năm 1955, gia đình tôi thường dùng than quả bàng làm từ than đá vụn để nấu bếp. Than quả bàng rất hữu dụng, giữ được lửa rất lâu. Như vậy, sau mỗi bữa nấu ăn, tôi phủ đầy lên trên bếp một lớp tro trộn với nước cho mềm (kiểu như vữa để tô vách nhà) rồi đắp lên bếp lò còn đang cháy đỏ để giữ cho lửa âm ỷ không bị tắt rụi. Than được ủ như thế từ ngày này sang ngày khác không phải nhóm lại. Khi nào muốn nấu nướng gì, chỉ việc khoét một lỗ nhỏ là lửa sẽ phục lên, chẳng khác gì như bây giờ mình bật cái nút điện hay nút ga lên vậy. Tuy nhiên, lâu lâu cũng phải chêm thêm than mới vào để thay thế những hòn than đã cháy thành tro. Một điểm đặc biệt về than quả bàng là nấu nướng rất sạch sẽ, nồi niêu không bị bám nhọ nồi như nấu than củi.

Bụi than từ mỏ bay khắp nơi trong thành phố là chuyện đương nhiên. Nhà cửa, đường phố, cây cối đâu đâu cũng phủ một lớp bụi mờ màu xám xám. Trong các quán ăn chúng tôi ghé vào, bàn ghế, vách tường, tủ bát, tủ kính đều bị bụi than phủ đầy, ngồi ăn hàng không được thoải mái cho lắm. Tôi phân vân không hiểu tại sao hàng ngày người dân sinh sống nơi đây phải hít thở lớp không khí vẫn đục vì bụi than như vậy mà không thấy ai bị bệnh phổi đột nhập quá là một điều hết sức ngạc nhiên.

Tối hôm trước trời đổ mưa, nhưng bây giờ nắng lên, chúng tôi bàn với nhau thuê một du thuyền đi thăm Vịnh Hạ Long. Từ ngày bé tôi chỉ được nghe nói về Vịnh này, nhưng bây giờ được chiêm ngưỡng cảnh sắc thiên nhiên vùng Vịnh bằng chính con mắt mình mới cảm nhận rằng mình đã rất may mắn được trở lại quê hương, thăm thú một kỳ quan thế giới có một không hai. Trong dịp này chúng tôi đã được chú hướng dẫn viên của du thuyền đưa đi thăm viếng nhiều hang động trên nhiều hòn đảo. Khoảng hơn ba ngàn đảo nhỏ nằm rải rác trong vịnh Hạ Long làm sao có thì giờ thăm hết trong hai ngày, đành hẹn đến dịp khác vậy. Dù gì hai ngày thăm viếng vịnh Hạ Long quả đáng đồng tiền. Giờ đây, nghĩ đến các loại hải sản tươi mà thềm, những con tôm sống nhảy tanh tách trong chiếc rổ của bà bán hàng trên chiếc thuyền nan đậu bên hông tàu, những con mực, con bẹ bẹ (đặc sản của Hạ Long) bán cho chúng tôi, được chú tài công nướng ngay trên du thuyền tiếp đãi du khách một bữa ăn ngon

miệng ngoài sự mong đợi của mọi người. Chẳng thể nào mơ ước hơn được nữa, nhà tôi nói thế.

Sang ngày hôm sau, cháu tôi đưa cả nhóm về làng Yên Cư. Đây là nơi ông xã tôi sinh trưởng nên lần này nhân cơ hội về thăm quê hương làng cũ, viếng phần mộ ngũ đại của dòng tộc, chúng tôi muốn làm một bữa tiệc, trước là cúng giỗ tổ tiên sau là thiết đãi bà con dòng họ còn sinh sống tại đây. Chỉ tốn khoảng 200 đô la chúng tôi đã mời được trên dưới 50 người, gồm cả già trẻ lớn bé không thiếu một ai trong họ. Thực đơn hôm đó không phải cao lương mỹ vị, sơn hào hải vị gì nhưng cũng có năm, bảy món ăn mà cô cháu gái con bác trưởng đã cố võ bà con lối xóm phụ giúp nấu nướng từ ngày hôm trước. Tôi nhớ có gà mái tơ nuôi ngoài vườn, luộc lên da vàng chói; món chả mực “thì là” rán vàng, đặc sản của Quảng Ninh, ăn với xôi trắng ngon khỏi chê; món chả cua bể rán giòn khêu, thật đặc sắc. Đặc biệt cô cháu còn đãi chú thím món canh bánh đa cua đồng với rau rút, ngon tuyệt vời. Một món ăn thuần nhất của miền Bắc mà lúc xưa mẹ tôi thường nấu. Không thể nào quên được. Sau bữa ăn, tôi tặng mỗi gia đình 5 đô la (khoảng 50,000đVN), trẻ con đứa nào cũng có kẹo chocolate và kẹo chewing gum, chúng mừng lắm. Riêng hai ông anh trưởng tộc, chúng tôi biếu mỗi người một lượng vàng lá, giá một lượng vàng lúc đó là \$500 đô la. Nhà tôi muốn nhân cơ hội này đãi hai người một số tiền đáng kể như thế để họ lo tu bổ và chăm sóc mộ phần của tổ tiên được chu toàn từ bao nhiêu năm qua. Hai bà cô nhà tôi đã

trên 80 tuổi cũng nhận được mỗi người một chiếc nhẫn một chỉ vàng trị giá \$50. Tôi đưa cho cô cháu một túi nylon bao cao su ngừa thụ thai (chùng hơn 200 chiếc, made in USA) phân phát cho mấy cô cháu gái đã có gia đình, họ xúm vào dành giút đến là buồn cười, vui thật là vui. Ở bên Mỹ gọi bao cao su này là “condom”, ở làng Yên Cư gọi là “choác” nghe thực tếu. Đúng là ngàn năm một thuở. Cho nên đãi mọi người ăn uống một bữa no nê và biếu họ chút đỉnh quà như vậy tôi cảm thấy rất hài lòng.

Giữa lúc này, nghĩ đến số tiền anh Chương gửi về làm từ thiện, tôi đi lân la trong xóm để tìm hiểu về nếp sống của người dân quê ra sao, cũng là tò mò xem có gặp đối tượng hầu giúp đỡ họ. Tôi ghé vào một căn nhà tranh ở đầu ngõ, giữa lúc gia đình họ đang dùng cơm trưa. Cả nhà gồm năm, sáu người lớn bé ngồi chòm hóm xung quanh chiếc mâm bằng thiếc cũ mềm, xám xịt, đặt trên chiếc chiếu rách mướp trải dưới đất. Liếc nhìn vào chiếc mâm tôi thấy vón vện một đĩa đậu phụ trắng cắt mỏng, vài cọng rau lang luộc nằm gọn lỏn trong một cái đĩa sành cóc găm bên cạnh tô nước rau và chén nước mắm, thêm mấy quả cà pháo thâm sì. Tất cả chỉ có thế, quá đạm bạc, nếu không nói là quá nghèo nàn. Bên cạnh đó, một chiếc giường tre ọp ẹp nơi góc nhà, bên trên phủ một chiếc màn ngủ ám khói có nhiều lỗ vá buông thả xuống. Nhìn quanh không thấy một thứ đồ đạc nào khác nữa. Còn có gì để diễn tả được cái nghèo của người dân quê mà tôi đã được chứng kiến tận mắt. Đa số các gia đình ở

trong làng này mà tôi gặp đều có cuộc sống bần hàn như vậy. Tôi hỏi thăm qua loa vài ba gia đình và trao họ một số tiền. Đây là công tác từ thiện đầu tiên tôi thực hiện bằng tiền của anh Chương, tôi tin tưởng rằng họ đã xứng đáng được hưởng ân huệ này của anh. Tôi cảm thấy rất hài lòng về việc làm của mình.



Tại thành phố Hạ Long, chúng tôi gặp một bà già ngồi sàng lọc những mảnh than đá vụn bên cạnh đường rầy xe lửa. Đầu đội chiếc nón lá long vành, méo mó, bà ta lúi húi cào những mảnh than đá vụn bằng chính hai bàn tay của mình, gộp lại thành một đồng nhỏ rồi cho vào chiếc rổ, sàng qua sàng lại để lấy ra những miếng than đá lớn hơn. Tôi đoán bà ta chỉ khoảng ngoài 60, nhưng nước da đen đúa, hai má hóp lại nhăn nhúm làm bà ta trông già trước tuổi. Chiếc áo nâu bạc phếch và chằng vá đụp bà mặc trên người đủ cho thấy cái nghèo của bà. Tôi nghĩ bà ta mót than miếng rơi vãi về để dùng làm củ nấu nướng trong nhà, nhưng thực ra bà đãi than vụn để mang ra chợ bán lấy tiền nuôi

mấy đứa cháu mà bố mẹ chúng không kiếm đủ tiền nuôi ăn hàng ngày. Khi nhận tiền tôi biếu, bà rất ngạc nhiên, ngỡ ngàng nhìn tôi, cảm ơn rồi rút. Phải chi anh Chương có mặt lúc này chắc chắn anh cũng sẽ mỉm lòng và hành động như chúng tôi vậy thôi.

Rời Hạ Long, chúng tôi trở lại Hải Phòng bằng xe ca của một chú em họ. Hai hôm trước về đây, đi xe mượn của cơ quan rất thoải mái, lượt này đi xe tư nhân, dọc đường đều phải thi hành thủ tục “đầu tiên” khi qua các trại kiểm soát để khỏi bị hạch sách.

Ở Hải Phòng, chúng tôi đi thăm nhiều nơi trong thành phố. Lúc này tên đường phố đã thay đổi nhiều cũng như nhà cửa xây cất lại, không thể nào nhận ra đâu vào đâu mặc dầu tôi được sinh ra ở đây. Trước tiên, khi đặt chân đến thành phố Hoa Phượng thuở nào, tôi đi thăm ngôi trường Tiểu Học Hưng Đạo nằm trên phố Ngõ Nghè để rồi chuốc lấy cái ngậm ngùi vì “cảnh đó người đây...” Chúng tôi ghé vào chợ Vườn Hoa nằm xế nhà Hát Lớn mua một bó huệ trắng tươi mà cô hàng hoa đon đả mời chào mở hàng cho cô. Cạnh đấy, tôi gặp một người hành khất già cả chìa chiếc nón mê xin tiền, tôi móc ví lấy ra tờ giấy bạc màu xanh (nghĩ trong bụng là tờ 5,000) và đặt vào trong chiếc nón của ông ta. Khi nhận được tiền, người hành khất ngó tôi với vẻ ngạc nhiên lạ lùng rồi rào cẳng bước nhanh như sợ tôi đòi lại. Lúc đó tôi mới nhận ra đã cho ông ta tới 50,000 đồng (cỡ 5 đô la). Thực ra 5 đô la cũng không to tát gì, nhưng cho người hành khất như vậy là quá nhiều, mấy chú

em nhà tôi nói thế. Quả thực tôi đã vô ý, vì màu xanh của tờ 5,000 và 50,000 rất giống nhau, dễ bị lầm lẫn. Sau đó mỗi lần tiêu dùng tôi phải cẩn thận nhìn vào con số cho chắc ăn.

Khoảng xế trưa, tất cả mọi người đi thăm thú Đồ Sơn. Thời tiết quá xấu, chẳng có tí nắng nào, mưa đan kín cả bầu trời, không nhìn thấy biển xanh đâu hết. Đường phố vắng teo, lâu lâu mới thấy một hai chiếc honda chạy qua chạy lại. Khu phố Đồ Sơn sao quanh hiu đến thế, như một thành phố chết. Giá mà trời nắng ráo, chắc chắn chúng tôi sẽ ở lại Đồ Sơn chơi lâu hơn để ăn thua đủ với một sòng bài của người ngoại quốc nằm gần bãi biển. Cũng vì trời mưa nặng hạt nên chẳng muốn đi đâu. Chúng tôi bèn tạt vào phía trong casino để đưa mấy chú em thăm thú cho biết. Trên đường về chúng tôi tấp lại bên bãi biển để mua ít hải sản tươi cho bữa ăn chiều. Những con tôm, con cá con cua còn sống bò lổm ngổm trong mấy cái thúng của mấy người chài lưới trông thực hấp dẫn. Thấy giá cả quá rẻ so với bên Mỹ, mà đồ biển lại tươi rói, không cần trả giá gì hết, chúng tôi đưa gấp đôi số tiền đòi hỏi, vì nghĩ rằng mấy người dân chài làm việc vất vả cực nhọc vô cùng để lưới được những mẻ cá mẻ tôm ít ỏi này, vậy nên trả thêm cho họ một số tiền nhỏ có đáng là bao. Tôi nghĩ ngay đến việc làm phước của mình là đang đi tìm đối tượng, thì đây, chính trường hợp này là cơ hội để tôi thi hành công tác từ thiện, vậy tại sao mình không tặng thêm chút tiền cho họ nhỉ?

Từ biệt Hải Phòng, chúng tôi đi Hà Nội ngày hôm sau. Thời tiết Hà Thành hôm đó không chiều lòng chúng tôi tí nào cả, mưa rả rích luôn hai ba ngày do đó đi đâu cũng ngại, nhưng cũng phải mặc áo mưa đội trời mà đi. Lạ lắm như thế mà chúng tôi cũng dám liều lĩnh đi xe ô tô bus mới bạo phôi chứ, tuy nhiên chúng tôi đã có những giây phút vui nhộn tuyệt vời trong cuộc hành trình từ khách sạn tới bờ Hồ Hoàn Kiếm. Một kỷ niệm không thể nào quên được trong đời. Cũng vì trời mưa xối xả và ăn mặc chẳng giống ai nên chúng tôi không chụp được một tấm hình nào cho ra hồn tại Cầu Thê Húc và Hồ Gươm. Tiếc thật đấy!

Sáng hôm sau, trời hửng nắng, chúng tôi tranh thủ thời gian trở lại Hồ Gươm để vót vát chút kỷ niệm ngày nào. Gia đình anh chị bạn đồng hành và chúng tôi luôn luôn sát cánh bên nhau. Những mẫu chuyện tiểu lâm trao đổi trong cuộc hành trình là món ăn tinh thần không thể thiếu được khiến chúng tôi phấn chấn vô cùng.

Chúng tôi đi dạo xung quanh Hồ, cố tìm xem có thấy “cụ” rùa “Thần Kim Qui” để chụp vài pô hình kỷ niệm, nhưng rất thất vọng vì không có duyên may. Nhưng cầu thê Húc khoác màu áo đỏ mời chào vẫn đầy đủ là tụ điểm để chúng tôi ghi lại những hình ảnh để đời. Từ đó chúng tôi đi vào phía trong đền Ngọc Sơn để tham quan và lễ bái.

Vừa bước ra khỏi cầu Thê Húc, chúng tôi gặp một tốp ba bốn em bé đánh giấy, cỡ tuổi 11, 12, mỗi em kẹp một hộp đồ nghề bên nách, bám sát chúng tôi nài nỉ đánh giấy:

-Cô ơi, cho con đánh giấy đi cô

-Từ sáng đến giờ không có một khách nào hết.

-Đói bụng quá cô ơi!

Cả đám nhao nhao nài nỉ chúng tôi như thế. Nghe sao tôi nghiệp quá! Khổ nỗi chúng tôi ai cũng đi giày ba-ta trắng.

-Cô đi giày bata, không phải giày da làm sao các cháu đánh? Tôi nói với các em.

-Giày gì chúng cháu cũng đánh được mà cô!



Ôi, nghe tụi trẻ thuyết phục làm lòng mình bứt rứt khó tả. Cuối cùng tôi bằng lòng cho một đứa lau vết bùn bám ở dưới gót giày. Trong lúc tôi gác chân lên chiếc hộp đồ nghề, một em khác năn nỉ thằng bạn:

-Mày cho tao lau với, từ sáng giờ tao chẳng đánh được đôi nào.

-Có hai chiếc làm sao mà lau.

-Ờ thì ... Mày lau một chiếc, chia cho tao lau một chiếc được không?

-Ừ, mày lau chiếc kia đi !

Nói rồi chúng cười với nhau và chia đôi công việc. Hai đứa kia đứng cạnh nhìn

hai bạn mình lau giày thềm thường, trông thực tội nghiệp. Lúc này trời lâm râm mưa, một đứa lột chiếc mũ đang đội trên đầu đưa cho tôi:

-Trời mưa, cô đội tạm mũ của cháu cho khỏi ướt tóc.

Câu nói của thằng bé, trong khoảnh khắc, làm tôi quá cảm động đến rơm nước mất. Tôi đón lấy chiếc mũ, nhìn chúng mỉm cười như thầm cảm ơn sự quan tâm của chúng. Tôi bỗng chợt phát hiện ra thực chất của tình người với người ngay giữa lúc ấy mà các em đã chứng tỏ được tình tương thân ái một cách rõ rệt. Cuối cùng cả chúng tôi lẫn các em đều hài lòng. Tất cả bốn em đã nhận được tiền thù lao hậu hĩnh của chúng tôi, đáp lại chúng tôi đã vô tình giúp đỡ được các em một cách thiết thực, không để lại sự mặc cảm cho các em vì đây không phải là tiền bố thí.

Từ Hồ Hoàn Kiếm, chúng tôi đi thăm Chùa Trấn Quốc, Hồ Tây, Chùa Một Cột và hầu hết các di tích lịch sử để chụp hình lưu niệm. Sau đó chúng tôi tham quan Phủ Tây Hồ, một ngôi miếu cổ đã có từ mấy trăm năm trước, được xây dựng trên một vùng đất rộng bao la, cây cối um tùm, sông nước uốn lượn xung quanh. Người ta nói nơi đây có thờ bà chúa Liễu Hạnh rất linh thiêng. Nhang khói nghi ngút, khách hành hương nối đuôi nhau, si sụp cúng bái ở bất cứ nơi nào có dựng tượng thờ. Chúng tôi cũng không bỏ được tục lệ này. Thấy thiên hạ tôn sùng mình cũng tỏ ra là người hiểu đạo, lễ lạy cho có vẻ “nhập gia tùy tục”, đâu có mất mát gì. Đúng là tín ngưỡng dân gian, muôn đời vẫn thế.

Ngày kế tiếp chúng tôi được chú Ninh, chủ khách sạn hướng dẫn đi thăm viếng Chùa Hương Tích. Hôm đó đúng vào dịp Lễ Hội Chùa Hương, sau Tết Nguyên Đán nên thiên hạ đi trải hội chùa rất đông. Mặc dù cái rét của tháng Ba nơi đất Bắc với mưa phùn rả rích gió lạnh se da thịt vậy mà người ta vẫn khăn đóng áo dài, dù che, mũ đội đi lễ chùa tung bừng náo nức. Dù rằng thời gian đã làm phai mờ kỷ niệm cộng thêm biết bao nhiêu biến đổi của đất nước vậy mà tín ngưỡng dân gian của con người không hề bị đẩy lui và sự lễ bái tôn sùng còn tăng lên gấp bội.

Chiếc thuyền tam bản do một cặp vợ chồng trẻ thay nhau chèo, đưa chúng tôi từ Bến Đục tới chùa Trình. Chúng tôi đi lòng vòng phía trong, vào lễ trình diện nơi chánh điện, trước khi tiếp tục đoạn sông dài để đến Chùa Hương. Thả hồn trên con sông Yến qua cuộc hành trình lý thú gần hai tiếng đồng hồ, chúng tôi cập bờ dưới sườn núi để đi lên Chùa Hương. Hồi đó chưa có tháp treo, chúng tôi phải bước lên những bậc thang đá kèch xù, thoải thoải dốc, đã trơn lại trơn thêm vì đất núi ướt bám ở trên. Do đó mỗi bước đi của chúng tôi phải rất thận trọng vì cuộc hành trình Bắc Nam còn khá dài. Cũng như mọi người, chúng tôi phải mua mỗi người một cây gậy tre để chống cho an toàn khi leo từ chân núi lên đến tận hang động. Ngày còn bé, nghe mẹ tôi kể lại khi leo núi đi lễ chùa nên chịu khó niệm Phật sẽ không cảm thấy mệt mỏi và sẽ chóng đến nơi. Hôm nay tôi cũng thực hành như lời mẹ nói và cảm nhận như có một phép lạ giúp tôi quên đường dài và nguy hiểm để tới hang động an toàn và

thư thái. Dọc đường tôi gặp một lão bà vừa leo được một phần đường đã bị kiệt sức đành ngừng lại bên lề đường ngồi khấn nguyện:

-Lạy Phật, con hết sức rồi, không thể nào đi lên thêm được nữa, con không thể tiếp tục đoạn đường như mong ước. Mong Phật xá tội cho con. Nam Mô A Di Đà Phật!

Nghe bà lão trì niệm mà thương hại. Tôi tự an ủi rằng mình hãy còn đủ sức để leo lên tới đỉnh cao quả thực mình nên mừng và cảm ơn Trời Phật. Sau khi hoàn tất cuộc leo núi gian nan vất vả lúc lên cũng như lướt xuống, tôi mới nhận ra rằng, nếu không có sức khoẻ dẻo dai chắc chắn dễ bỏ cuộc giữa đường như bà lão này cũng như bà bạn đồng hành của chúng tôi.

Cuộc leo núi vất vả như thế, nhưng tôi vẫn không thể nào không nghĩ đến việc anh Chương nhờ cậy. Thực sự tôi có muốn quên cũng không thể nào quên cho được vì trước mắt tôi đã có không biết bao nhiêu người nghèo khó ngồi xin ăn la liệt dọc theo hai bên sườn dốc từ chân núi lên đến cửa hang... Một người thanh niên bị cụt cả hai chân lên tới tận đầu gối, ngồi tựa vào một gốc cây chìa tay ra xin tiền. Cạnh đó, một bà mẹ gầy còm, ốm yếu kêu xin thăm thiết bên cạnh hai đứa con bé cón con, ốm tong teo, nằm ngủ co ro trên mảnh áo tơi rách nát, nhor nhóp dưới cái giá lạnh của cơn mưa phùn. Tôi tiến sát lại bên người đàn bà đáng thương này, đặt một ít tiền làm phước vào bàn tay gầy guộc của bà và thầm nghĩ: *“Với đồng tiền nhỏ bé của tôi làm sao khỏa lấp được những nỗi đau thương của hằng bao*

nhieu kẻ nghèo khó tại Việt Nam lúc này?”. Người đàn ông tàn phế kia và bà mẹ này chỉ là một trong muôn vàn người hành khất mà tôi đã gặp trong cuộc hành trình về thăm quê hương kỳ này.

Ngay bên lối đi, một gã đàn ông khoảng ngoài tứ tuần, đôi mắt lộn tròng, trắng đục của anh ngược lên như nhìn người qua lại. Anh ta không đeo kính râm phải chăng là để cố tình chứng minh hoàn cảnh tật nguyên của mình hầu đánh thức lòng từ tâm của khách thập phương? Ôm chiếc tây ban cầm cũ kỹ bên mình, anh gảy hết bản nhạc này qua bản nhạc khác. Lúc ca tân nhạc, lúc ca cổ nhạc. Qua chiếc micro cầm tay, giọng ca luyến láy khá mạnh và ầm áp của anh cứ thể quện trong không gian tĩnh lặng, giữa cảnh núi rừng bát ngát, nghe sao thấm quá. Anh hát liên tục không ngừng có thể đó là nghề mưu sinh duy nhất của anh, thay vì phải ngửa tay ra xin tiền. Anh đã đem làn hơi của mình để đổi lấy miếng ăn một cách tự hào?

Tôi lại gần khen anh mấy câu, bỏ một số tiền vào cái mũ rom để bên cạnh, rồi bước đi mà lòng ngậm ngùi khôn tả.

Trở lại Hà Nội, chúng tôi đặt tour của hãng Saigon Tourist đi Đà Lạt. Sáng ra chúng tôi kéo nhau đến tiệm phở Tùng, được coi là rất nổi tiếng tại thành phố núi này. Trưa đến ăn tại một tiệm cơm bình dân gần chợ Đà Lạt. Chiều tối đi tản bộ ở khu chợ đêm, thưởng thức nhâm nhi những món ăn dân dã như khô mực nướng, ghêu sò ốc hên, ngô nướng mỡ hành, chuối nướng v.v... Chúng tôi cũng không quên dành ít thời giờ ghé thăm Dinh Vua Bảo Đại để chụp ít hình kỷ niệm. Chú tài xế đưa chúng tôi đi thăm

những con suối đa tình xưa kia nhưng nay thấy chả còn gì để quuyến rũ như người ta ca tụng. Tháp Cam Ly, tháp Pren, Hồ Than Thở, tất cả giờ đều chơ vơ hiu quạnh, dơ dáy, khô cạn nước. Từ đó chúng tôi đi thẳng tới Thiền Viện Trúc Lâm nằm mãi tận trên một ngọn đồi cao nhìn xuống hồ Tùng Lâm. Cảnh sắc nơi đây thực hữu tình, thực thơ mộng, đẹp như một bức tranh thủy mặc mời chào khách thập phương.

Trên đường trở về khách sạn, đói bụng, chúng tôi nói anh tài ghé vào một tiệm ăn ở trung tâm thành phố. Ở chỗ nào cũng thế, người dân nghèo xuất hiện khắp nơi nơi khiến tôi nhớ lại lời anh Chương nói với tôi khi còn ở bên Mỹ: “Anh chị đi đâu cũng được, miễn là trong nước Việt Nam...” Đúng như thế. Mỗi lần ghé vào một tiệm ăn, chúng tôi đều gặp mấy bà già bán vé số vây quanh lấy chúng tôi nài nỉ. Đâu nỡ từ chối họ, hơn nữa hãy còn tiền của anh Chương gửi, nên chúng tôi không ngần ngại mua giúp ít tấm vé số cho họ để họ còn kiếm chút tiền huê hồng mà sống qua ngày. Có những em bé khoảng độ chín, mười tuổi luôn luôn bám sát bên chúng tôi tại các quán ăn hay trên đường phố để gạ bán bánh kẹo hoặc đồ lưu niệm. Hình như các em đã được huấn luyện tại các trường mồ côi, không được phép nhận tiền của khách nếu không bán hàng cho họ. Đương nhiên chúng tôi bắt buộc phải mua hàng cho các em với mục đích giúp đỡ chúng mà thôi. Tại một tiệm ăn khác, một bé trai khoảng tám tuổi chín tuổi, người bé xíu xiu nhưng đôi mắt tinh anh sáng lạng trên khuôn mặt khôi ngô tuấn tú, đã đến gần người bạn đồng hành

của chúng tôi, em ôm lấy ông ta và hôn lên má ông một cách tự nhiên khiến ông không nỡ từ chối mua hàng giúp em. Cuộc sống vất vả đã khiến các em phải vật lộn với miếng ăn hàng ngày trong một xã hội còn phôi thai như hiện tại, đã rèn luyện cho các em trở thành những con người tháo vát, lanh lẹ để giành giật, kèn cựa với các đồng bạn của mình mỗi khi gặp được mối hàng.

Theo chương trình, chúng tôi ghé Nha Trang trên đường trở lại Saigon. Nhưng vì thời gian hạn hẹp nên chúng tôi không thể đi thăm viếng hết mọi nơi ngoại trừ đến tháp Chăm và đi dạo dọc theo bãi biển. Những hàng dừa nghiêng bóng vẫn như mong đợi người về. Từng đợt sóng xô bờ như hò reo chào đón chúng tôi. Xa xa những cánh buồm căng gió nhấp nhô trên lớp sóng bạc đầu. Ôi, lòng tôi sao bồi hồi rạo rức lạ thường trước cảnh trời mây nước hiền hoà của miền “Quê Hương Cát Trắng” khiến tôi nhớ đến bản nhạc Nha Trang Ngày Về của PD... Tôi đến chúng tôi thuê bao bốn chiếc cyclo đi dạo quanh thành phố với mục đích là giúp đỡ mấy người phu xe có việc làm. Chúng tôi tạt ngang vào một phòng trà ca nhạc trong khách sạn Hải Yến nằm ngay phía trước bãi biển để thư giãn đôi phút cũng như tò mò để biết sinh hoạt về đêm của giới ăn chơi thành phố biển. Chẳng hiểu sao phòng trà quá vắng vẻ, không có lấy một mông khách, ngoại

trừ mấy cô vũ nữ chơi chơi ngồi đợi khách phờ rầu, thực tội nghiệp!

Sau hơn hai tuần lễ thăm viếng miền Bắc và miền Trung, chúng tôi trở vào miền Nam nắng ấm. Chúng tôi vẫn tiếp tục làm công tác từ thiện tại vài ngôi chùa Phật Giáo cũng như tại nhà thờ Thiên Chúa Giáo. Ngay cả khi ra thăm Vũng Tàu mấy ngày liền, chúng tôi cũng không bỏ sót bất kỳ một cảnh huống nào cần được chia sẻ.

Thế rồi cuộc hành trình một thuở của chúng tôi cũng phải kết thúc với nhiều niềm vui nỗi buồn lẫn lộn. Kể sao cho hết những cảnh đời bất hạnh, cần sự giúp đỡ mà chúng tôi đã gặp. Dù rằng sự giúp đỡ của chúng tôi chỉ là rỏ giọt, khác gì muối bỏ bể. Bàn tay nhỏ bé của mình làm sao có thể che lấp được mặt trời. Thiết nghĩ, bất cứ người Việt Nam nào ở ngoại quốc về, khi đối diện với cảnh huống nghèo khó cơ cực của đồng bào trong nước, cũng sẽ đều phát tâm giúp đỡ họ như chúng tôi đã làm. Bầu bí tuy khác giống nhưng chung một giàn... Dầu sao, chúng

tôi cũng cảm thấy rất mãn nguyện vì đã thực hiện được điều mong ước của mình đồng thời đã hoàn thành được sự uỷ thác trong cuộc hành trình hơn một tháng trời dông dã như vậy...



**Ỗ Nguyên
Maryland,
Mùa Thu 2017**

CUỐI NÈO

Mai đây biết có cùng người
Ôm thơ đi giữa cõi đời hát rong
Nhìn trời ngó đất mệnh mông
Hát rằng nhân thế đục trong đủ đầy
Chẳng say mình cũng phải say
Nay điên mai tỉnh sáng ngầy chiều khờ
Có gì hơn được Nàng Thơ
Cái com cái áo giữa mù mờ đau
Nghĩ chi thua được - bạc đầu
Phận nào cũng phận tình nhau nỗi niềm

Chia tay già biệt ưu phiền
Khổ đau nào cũng chẳng mềm lòng son
Lối đi vương sợi tơ buồn
Ưu tư còn đọng trong vườn chiêm bao
Cuộc đời trải mấy hư hao
Cuộc vui hò hẹn ghen ngào hư không
Bước đi cũng nhẹ vô cùng
Đắn đo từng giọt máu hồng lưu sinh
Vuốt ve thăm đượm lời tình
Bướm hoa cuối nẻo một mình - cô đơn.

Hoa Văn

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ÔC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ÔC

Thư Viết Cho Người Tình

(Để tưởng nhớ người yêu tuyệt vời, R.A.S. của tôi.)

Nguyễn Thị Ngọc Dung

(Dịch từ những lá thư Anh gửi cũ.)

Sài Gòn 30 tháng 3, 1970

Người đáng yêu nhất của em,

Em vừa nhận được thư đề ngày 22-03 của anh. Hôm nay là ngày đầu tiên em trở lại sở làm sau cuộc đình công. Tối qua em định viết cho anh, nhưng em mệt và buồn ngủ sau khi về từ Vũng Tàu. Em qua cuối tuần ở đó như em đã viết cho anh. Trước khi rời Sài Gòn đi sáng thứ Bảy, em yêu cầu Ch. cho em ghé qua RMK xem có thư của anh không và em nhận được một cái làm em vui suốt chuyến đi chơi.

Chuyến đi này Ch. chở bà thư ký của ông ta với hai cô bạn của em và em. Tất cả ở trong một biệt thự trên triền núi nhìn ra biển. Mọi người đi bơi và ngồi trên bãi cát suốt ngày. Ai cũng bị cháy nắng. Da em thành màu nâu đậm. Cả nhóm đi ăn chiều ở tiệm mà chúng ta và các con em đã ăn trước đây. Em lại ăn món tôm hùm lạnh. Nếu anh đi cùng thì chuyến đi này sẽ vui hơn. Em muốn đọc thư anh nhiều lần nhưng ngại mọi người chế nhạo nên em không dám. Tối qua

em đọc thư anh nhiều lần nữa. Em xin lỗi đã không viết trả lời anh ngay.

Sáng nay em vui mừng lại nhận được một thư khác của anh. Bưu điện bên anh hết đình công nên thư có đã đi nhanh hơn.

Sức khỏe của em vẫn như thường. Em đã lên vài ký. Em biết anh không thích đàn bà mập. Em sẽ giữ cân lượng của em trung bình.

Em mong rằng quyết định anh muốn cưới em không làm anh gặp nhiều trở ngại. Chúng ta thành công hay thất bại, em sẽ không trách móc anh đâu. Nhưng có điều em sẽ thất vọng lắm nếu chúng ta không bao giờ gặp nhau nữa, không bao giờ sống với nhau được. Em cầu nguyện cho tương lai của chúng ta.

Em đã đậu kỳ thi lớp 6 ở Hội Việt Mỹ. Ngày 8 tháng tư, em bắt đầu lên học lớp 7. Em cố gắng học tiếng Anh vì anh. Nếu anh không bao giờ gặp em nữa, em sẽ ngừng học tại VAA và sẽ tìm việc làm thêm buổi tối. Có người muốn em trông coi lớp dạy đánh máy

của ông ta, trả lương em khá và cho em phương tiện di chuyển, nhưng em từ chối. Em vẫn muốn tiếp tục học tiếng Anh ở VAA.

Một bà thầy bói người Pháp nói rằng anh sẽ trở lại trong tháng Tư hay tháng Năm. Chưa có chuyện gì làm xong ở bên anh thì làm sao anh sang đây trong một tháng nữa. Em nhớ anh và muốn anh có mặt ở đây ngay bây giờ.

Yêu anh.

D.

Sài Gòn 02 tháng 04, 1970

Anh yêu,

Em chờ thư anh đã ba ngày. Một thư vừa tới em sáng nay. Em rất vui mừng!

Bây giờ đang mùa xuân bên USA, sao thành phố của anh vẫn còn bão tuyết? Tuần trước em đưa con em đi xem một phim Tàu. Cậu con trai lớn, Thủy, hỏi em, cái gì trắng ở khắp nơi thế hả mẹ?" - "Đó là tuyết, con không biết hả?" - Con có nghe, nhưng bây giờ con mới trông thấy trong phim. Nhưng sao bên Tàu có tuyết? - "Tại vì phần Nước Tàu ở Bắc cực rất là lạnh." - Tại sao khói trong miệng họ bay ra khi họ nói chuyện?" - "Bởi vì ngoài trời lạnh, khi người ta nói chuyện hơi thở nóng bay từ trong miệng ra ngoài không khí nên bốc thành hơi. Nếu ở trên Đà Lạt, con nói chuyện ngoài trời lạnh, con cũng thở ra hơi trông như khói vậy." Thủy hỏi em rất nhiều về movie.

Em không thích khí hậu bên Mỹ. Nhưng em nghe nhiều người Việt Nam sang bên đó sống thoải mái và hài lòng. Có lẽ họ có gia đình, vợ chồng con cái và đầy đủ tài chánh để sống. Họ có hạnh phúc. Còn anh thì sao?

Tôi qua, trời lại mưa nữa. Sài Gòn đang trong mùa mưa. Thời tiết mát buổi sáng. Anh yêu, đừng để em sống một mình hết mùa mưa này. Đừng để nước mắt em chảy dài với mưa trên trời rơi xuống. Thật là buồn nhìn mưa rơi rả rích.

Hôm nay em mặc cái áo đầm màu tím tươi mới may. Một cô trong phòng hỏi: "Sao chị mặc áo tím hôm nay?" Một cô khác trả lời cho em: "Màu tím sáng tươi là dấu hiệu nhớ nhung một người nào đó?" Họ biết em có bạn trai không ở Sài Gòn. Tất cả thư từ em nhận được là từ một người. Nếu từ bây giờ em không nhận được thư anh, anh không trở lại nữa, có lẽ em phải thôi việc hay đổi sở vì em không muốn nghe chế giễu, bị bỏ bỏ. Nhưng nếu chúng ta cùng xây tổ ấm ở một nơi, một chốn thì tất cả sẽ không sao hết. Em có một tape nhạc Việt Nam trẻ trung, tung bừng mà các con em thích lắm để anh cho vào movie. Em sẽ nhờ bạn anh gửi giùm đến anh.

Em đang ở nhà. Bây giờ là 10 giờ thiếu 5 đêm. Trời oi bức, có lẽ lại sắp mưa. Em mặc cái áo ngủ *satin* trắng anh tặng em, nhưng em không mặc cái áo khoác ngoài vì nóng. Em càng yêu anh, em càng nhớ anh. Em chẳng làm gì được ngoài viết thư cho anh.

Em ước gì được anh ôm ấp trên giường trước khi thiếp ngủ, được anh hôn đánh thức em buổi sáng, được anh gọi và nói yêu em buổi trưa và hôn em buổi chiều trên xe lái đưa em về nhà. Em nghĩ anh cũng mong ước như thế?

Em biết anh viết cho em nhiều đến nỗi cái bút khô cạn mực. Dù rằng chữ viết tay của anh nhỏ và rất khó đọc, em vẫn thích đọc chữ anh viết hơn là chữ đánh máy.

Em phải tự nhủ, nếu em gặp lại anh, em sẽ không để anh rời xa em nữa. Em đã rất ngu ngốc để anh bỏ em lại ở Sài Gòn từ hai tháng rưỡi nay. Thời gian rất quý cho chúng ta. Tại sao chúng ta lại sống xa nhau lâu thế được?

Hãy mau trở lại với em.

D.

Sài Gòn 04 tháng 04, 1970.

Tối thứ bảy.

Anh yêu,

Lá thư anh gửi về nhà em, đang nằm trên bàn em đang viết thư cho anh đây. Chiều nay, khi em rời sở, trời mây tối sầm. Gió thổi mạnh. Vài hạt mưa rơi. Mọi người hấp tấp đi về nhà. Em bước qua Nhà Bưu Điện đón xe Lambretta. Hình như sắp mưa nặng nên em không đợi xe Sài Gòn – Phú Nhuận nữa mà em chờ xe Sài Gòn – Tân Định - Gia Định và may quá, em lên xe được ngay. Em xuống xe ở chợ Tân Định, gần nhà Jerry. Em định mua mấy trái soài vì bây giờ là mùa soài. Nhưng không mua

được quả nào vì thấy mưa lại sắp đổ xuống. Em vội mua một tờ nhật báo để đọc tối nay. Em nghĩ sẽ không có thư anh chờ em ở nhà.

Em cũng may mắn lên ngay được một xe về Phú Nhuận khi mưa vừa đổ xuống. Em đọc báo để che đây nỗi buồn và niềm cô đơn trong một buổi chiều thứ bảy trống trải.

Em được mời đi hai *parties* tối nay. Một của nhóm sinh viên mà em gặp ở Vũng Tàu cuối tuần trước. Một *party* khác của một đám đàn ông "35". Anh còn nhớ nghĩa của con số đó không? Em nhận lời để tỏ ra lịch sự, nhưng em đã không đi cả hai.

Khi em mở cửa vào nhà, các con em mừng tíu tít. Chúng reo hò, nhảy cẫng lên và chạy tới ôm em. Thủy nói, "Mẹ có thư" rồi mở cặp sách lấy ra cái thư của anh. Cậu cả cười và cầm cái thư quẹt vào má em, "Mẹ biết thư này của ai không? Của mẹ đấy." Trẻ con em cũng biết mẹ chúng vui mừng khi nhận được thư của Ông Bob.

Em muốn đọc thư anh ngay, nên không thay quần áo mặc nhà. Đọc xong thư em vẫn để nguyên bộ đồ đi làm và nằm dài trên giường thật lâu cho đến khi người làm lên mời em xuống ăn cơm...

Anh yêu, em vui mừng nhận được thư anh tối nay. Nhưng em lại buồn cho anh và cho cả em. Từ khi gặp nhau chúng ta gặp quá nhiều vấn đề. Bây giờ lại nhiều khó khăn khác chờ đợi chúng ta. Bao giờ chúng ta mới vượt được

Mong Chờ

Bóng chiều vàng trở sắc thu
Lá cành nghiêng ngả sa mù buông rơi
Đêm thâm lắng tiếng gió rơi
Chơi vui hồn mộng bên trời tâm linh.
Chia lìa từ buổi chiến chinh
Viễn phương mặc niệm lời kinh xa vời
Dáng xưa còn nét gợi mời
Cuộc đời nặng trĩu một thời sầu đau.
Chờ người bao nổi lao đao
Thời gian lồi nhịp trăng sao ước thề
Quê hương ước hẹn ngày về
Dòng đời biến biệt tứ bề khắc ghi.
Bao giờ mỗi cánh chim đi
Tắm thân cỏ dại vô vi lặng thầm
Trải qua ngàn cảnh thăng trầm
Nhịp cầu mơ nối, tri âm vẫn chờ.
Tâm tư nửa mảnh hoang sơ
Bến trắng sương phủ đôi bờ nhân sinh.

ĐT Minh Giang

những khó khăn ấy và được hạnh phúc bên nhau? Em biết anh sẽ không chán nản và sẽ cố gắng để chúng ta có thể được gần nhau. Vì anh biết em yêu anh, em sẽ đau khổ nếu phải tiếp tục xa anh và chúng ta không gặp lại nhau nữa.

Hình như trời lại sắp mưa, nhưng không, và trời lại nóng hơn. Thật chán. Còn chuyện gì nữa đâu để viết cho anh đây.

Anh yêu, chắc anh cũng đã nghe nhiều tin tức xấu về tình hình đất nước em. Thương phế binh khắp nơi, sinh viên biểu tình trong thành phố. Người tuyệt thực, người tự thiêu, kẻ tự chặt tay, phản đối chính sách về kinh tế của chính phủ. Người nghèo lo lắng vật giá tăng cao. Tiền Việt Nam phá giá, một đô xanh = 420 đồng VN. Giá vàng lên khủng khiếp.

Em không đủ ngữ vựng về vấn đề công nhân đình công để viết cho anh. Để em nhắn mấy người bạn anh ở CVT (Confédération Vietnamienne des Travailleurs) viết cho anh về vấn đề này. Em rất tiếc không đọc nhiều báo chữ Anh như Saigon Post để thêm ngữ vựng viết cho anh về vấn đề thời sự, chính trị, kinh tế hay văn chương của Việt Nam nhiều hơn.

Gặp anh ở thư sau. Em yêu anh.
Em khao khát một nụ hôn của anh.
D.

Sài Gòn, thứ hai 06 tháng 04, 1970
Anh yêu,

Lá thư anh viết cho em từ khách sạn gần Chicago đã tới em lúc 8:00 sáng nay. Bây giờ là 9:30.

Anh đã dọn đến nhà ba mẹ anh chưa? Em mong rằng mọi chuyện tiến triển tốt đẹp.

2:00 chiều. - Sáng nay em không gọi Ông Đ. , nhưng em đến Labor Relation Office và hỏi chi tiết về cuộc

đình công tại RMK hai tuần trước. RMK muốn tài xế xe *truck* tính giờ làm việc từ lúc xe được sử dụng. Tài xế đòi tính giờ làm việc của họ từ lúc họ tới bãi đậu xe, nên họ từ chối làm việc để phản đối Ban Giám Đốc. BGĐ trả lời nếu tài xế không chịu làm việc thì cứ ở nhà, RMK không cần. Thế là cuộc đình công nổ ra ngay. Đó là ngày 17-03. 300 tài xế canh bãi đậu xe *truck* và *bus* tại Tân Cảng (New Port). Họ không cho tài xế Đại Hàn và Phi Luật Tân vào lái xe đi. Nhiều người Đại Hàn và Phi Luật Tân bị đánh đau. Người Mỹ phải tự lái xe. Ban Giám Đốc RMK ra thông cáo rằng cuộc đình công bất hợp pháp. (Em kèm cái thông cáo đó với thư này.) Hai ngày sau, 300 tài xế đổ bộ tới RMK khắp nơi, Trung Ương Sở Sài Gòn (Main Office), Tân Sơn Nhất, Phú Thọ (Chợ Lớn), Thủ Đức, Biên Hòa, và Đồng Tâm (Mỹ Tho cách Sài Gòn 60 cây số) và đòi hỏi mọi nhân viên Việt Nam ủng hộ cuộc đình công với 3 điều kiện. (Em gửi cái thông cáo đó với thư này.) Nhân viên RMK Việt Nam vui mừng và đồng ý, nếu không cũng bị các tài xế đình công đứng tại cửa không cho vào sở. Mọi người đứng bên ngoài độ một giờ, nghe ngóng tình hình về cuộc đình công rồi tản mát ra về. Người thì về nhà, người đi ra phố làm chuyện riêng, đi ăn, mua sắm, đi *movies*. Vài người đi xem bóng đá, đặc biệt là đàn bà con gái. Mọi người đều vui vẻ.

Sáng thứ hai, 23-03, Ông Đại Diện Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam Central Labor Inspectorate (Anh biết ông ta chứ?) tới RMK Main Office tại Sài Gòn và họp với mọi người ở bên ngoài, và chọn ba đại diện của cuộc đình công. Rồi họ cùng đi vào RMK họp với Ban Giám Đốc. Nhưng ba ngày sau cuộc đình công vẫn chưa chấm dứt. Ban Giám Đốc RMK chấp nhận ba điều kiện của nhân viên Việt Nam ngoại trừ điều kiện thứ tư phải còn chờ OICC quyết định. Nhân viên Việt Nam tiếp tục đình công. Các cô bắt đầu than phiền ở nhà buồn, tiêu nhiều tiền hơn. Em than phiền hơn ai hết vì em nôn nóng về mấy cái thư của anh đang nằm trong sớ. Vài lần em định đến sớ vào buổi chiều. Nhưng sợ mấy ông tài xế đứng bên ngoài có thể đánh luôn cả em nếu em vào sớ.

Vậy là không một người Việt nào làm RMK đến sớ kể cả các nhân viên an ninh. Nhân viên Mỹ, Phi Luật Tân và Đại Hàn phải chùi sàn, lau phòng cầu, và đổ rác. Em không gặp ông *big boss*, nhưng nghe ông nói rằng mọi người sẽ đi làm vì không có tiền. Em nghĩ ông ta nói giỡn. Mọi người muốn đình công chấm dứt, nhưng cũng muốn thắng cuộc. Họ tuyên bố nếu họ không thắng, họ sẽ không làm cho RMK nữa và đi tìm việc khác.

Ngày 27 tháng 3, đình công vẫn tiếp tục. Đại diện đình công nói Ban Giám Đốc RMK đã chấp nhận ba trong bốn

đòi hỏi của cuộc đình công. Đòi hỏi thứ nhất về lương nhân viên sẽ được công bố ngày 3 tháng 4. Nhóm lãnh đạo tài xế yêu cầu Đại Diện Tổng Liên Đoàn Lao Công phải giải thích rõ ràng về việc này. Nếu không, họ vẫn không cho ai đi làm trở lại. Cuối cùng thì cả hai bên ký giấy kêu gọi trên TV và Radio cho mọi người trở lại làm việc ngày 28 tháng 3.

Em và một cô cùng sở làm như không nghe cứ đi Vũng Tàu như đã hẹn với Ch. Em không từ chối được, vì nếu em không đi cô bạn hàng xóm và cô làm cùng sở cũng không đi, mà chuyện đi Vũng Tàu đã hoãn một lần rồi, không nên để người mời phải hoãn lại lần nữa.

Ngày 30 tháng 3, em đi làm. Mọi chuyện bình thường. Ông *boss* không trách cứ gì về chuyện em và cô bạn cùng phòng không đi làm ngày thứ sáu trước, khi cuộc đình công đã chấm dứt.

Cách nay hai ngày, em nghe nhân viên Việt Nam được tăng lương 10%. Hôm nay Đại Diện đình công loan báo đó là sự thật. Ngày mai Giám Đốc RMK cũng sẽ có thông báo như thế. Như vậy là cuộc đình công thành công. Lương em sẽ hơn được 2000 đồng một tháng, chỉ là một chút đối với vật giá lên cao khủng khiếp. Năm trước, 1969, RMK đã tăng 30% lương cho nhân viên. Nhưng từ đó đến nay, không ai được lên cấp cả và rất nhiều người bị sa thải. Khi họ được mượn lại thì lương lại bị cắt xuống, không được giữ mức

cũ nữa. Có thể đó là một trong những lý do của cuộc đình công.

Một chuyện đặc biệt xảy ra sau cuộc đình công, Ông Giám Đốc Lao Động RMK nghỉ làm. Người ta nói chính sách của ông ta khó khăn đối với công nhân Việt Nam. Em không làm cho ông ta, em không biết chắc chắn về điều đó. Nhưng ngày đầu tiên của cuộc đình công tại Main Office, em thấy ông ta đứng ngoài cổng và có vẻ giận dữ lắm...

Vài nhân viên Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam (CVT) và Bộ Lao Động đều nói với em rằng khi anh là Tùy Viên Lao Động trước đây ở Sài Gòn và Đà Nẵng, anh rất bình tĩnh trước các vấn đề khó khăn, anh là một viên chức lịch sự và đáng tin nhiệm. Dù họ không nói, em cũng tin anh là người như thế.

Ông Giám Đốc Lao Động mới của RMK bây giờ là Ông... Anh biết ông này không? Ông ta hình như cùng tuổi với ông cũ.

Người yêu của em ơi, lá thư này đến đây là đủ về đình công anh muốn em viết cho anh rồi nhé. Thật là khó viết về vấn đề này mà em cũng chẳng thích lắm. Nó làm em nhức đầu không đọc thư lại đâu. Vậy anh phải trả công em bằng nhiều cái hôn đấy. Đừng để ý những lỗi chính tả và văn phạm trong thư của em nhé.

Hẹn gặp anh ở thư sau. Em yêu anh.
D.

Sài Gòn 09 tháng 04, 1970

Anh yêu,

Em mừng anh đã đi thăm ba mẹ anh và ông bà vui gặp anh. Em nghĩ anh nên đi thăm ông bà nhiều hơn khi ở Chicago. Ông bà vẫn yêu thương anh và má anh vẫn muốn săn sóc anh. Bà không thích râu *sideburns* của anh thì anh nên cạo đi. Em yêu anh dù anh có *sideburns* hay không? Anh đẹp trai dù có râu bên tai hay không? Cũng không quan trọng với em nếu anh trẻ hơn hay già hơn. Nếu anh nghĩ anh già đối với em thì em nên đi tìm người khác trẻ hơn phải không? Anh yêu, em sẽ không thương anh, không tin nhiệm anh nếu anh trẻ 30 tuổi. Em không làm quen đàn ông trẻ như vậy.

Em đã bắt đầu học lớp 7 tại Hội Việt Mỹ, từ 6 đến 7 giờ chiều như cũ. Ông thầy là người Việt. Giọng phát âm của ông ta không tệ lắm. Có bao giờ anh nghĩ nếu nghỉ việc tại Bộ Ngoại Giao, anh có thể dạy học tại VAA không? Em thấy có rất ít giáo sư người Mỹ dạy những lớp ban ngày tại đó.

Em rất mừng luật sư của anh đã lo thủ tục giấy tờ... Bỗng nhiên em lo, nếu em về US với anh, em có tìm được việc làm không? Anh có đủ khả năng nuôi em và hai đứa con em không? Em sẽ để lại hai đứa lớn cho bố chúng nuôi. Anh đã bao giờ nghĩ tới vấn đề này chưa? Nếu đó là sự khó khăn cho anh, em không trách anh đâu. Nhưng chúng

ta phải nhìn vào sự thật. Em sẽ quyết định cho anh.

Tối nay trên đường về nhà, em bị nhức đầu mạnh và rất mệt. Có lẽ đêm qua em ít ngủ. Vào nhà em lên giường nằm ngay cho đến 7:30. Bây giờ là 11 giờ. Em phải đi ngủ.

Rất khó viết ra cách phát âm chữ Việt đối với em. Nhưng em sẽ cố gắng viết ở thư sau. Chào người yêu của em.

D.

PS: Em gửi lại anh vài cái US stamps chưa có đóng dấu.

Sài Gòn 14 tháng 04, 1970

Anh yêu,

Hôm qua, em tưởng sẽ thấy thư anh khi về tới nhà. Nhưng không có thư nào. Em buồn lắm và bây giờ vẫn buồn.

Em mới xem thông báo của RMK về việc lên lương cho nhân viên. Đại cương thì họ lên lương 10% cho mọi nhân viên, nhưng tùy từng cấp có thể kém hơn và lương của em trong trường hợp này. Em không vui chút nào.

Chẳng có gì làm em vui ngoài thư của anh. Nhưng em không nhận được cái nào từ 5 ngày nay. Đôi khi em chán nản, chẳng muốn làm gì. Em không muốn viết thư, em không muốn chờ đợi... Nhưng em vẫn viết cho anh, vẫn nghĩ tới anh đây. Có thể cuộc đời công ở nơi nào đó đã làm chậm thư anh.

Chủ Nhật trước (hôm nay là thứ ba), các con em đi Vũng Tàu với bố của chúng. Em định ở nhà nghe nhạc suốt

ngày. Nhưng cậu em trai út tới nói rằng mẹ và chị em đang đợi em sang chơi bài, nên em đến đó chơi cả ngày. Buổi chiều, Cúc tới nhà mẹ em và mời em đi ăn tối, em nhận lời.

Khi em về nhà, người làm cũng nói, một cô bạn hàng xóm đến tìm em hai lần mà không gặp. Ngay lúc đó, cô bạn này lại tới mời em đi một party liền. Em phải từ chối vì đã nhận lời với Cúc. Cúc cũng mời em đi party thứ bảy này nữa. Anh xem, em cô đơn nên luôn luôn có *party* mời mọc.

Đã ba tháng rưỡi từ ngày anh rời Sài Gòn. Em cảm thấy không còn kiên nhẫn được với nỗi cô đơn và buồn. Đôi khi em nghĩ không bỏ còn hơn có bỏ trong phát điên vì chờ đợi.

15 tháng 04, 1970 (10:30 sáng tại nhà)

Em nghĩ hôm nay là ngày nghỉ, bưu điện không làm việc. Nhưng người đưa thư đã đem thư anh đến nhà em. Chắc Thượng Đế cảm thương em nên đã bảo em ở nhà để nhận thư anh. RMK khuyến khích nhân viên Việt Nam đi làm ngày lễ địa phương hôm nay. Nhưng em không đi đến sở, em buồn chẳng muốn đi làm.

Anh nhớ không, cùng ngày hôm nay hai năm trước, 1968, em đến gặp anh tại Tòa Đại Sứ, sau đó em sang RMK xin việc. Khoảng ba tuần lễ sau em có việc tại Tân Sơn Nhất. Hai năm đã qua, nếu anh đã làm gì cho chúng ta từ một năm rồi, thì bây giờ chúng ta đã được chung sống với nhau...

Cô bạn hàng xóm vừa sang chơi nhà em. Cô ta hỏi về cái tape kích động nhạc Việt mà anh muốn em gửi cho anh thì người bạn của cô sẽ gửi giùm. Nhưng em nói chẳng cần thiết nữa. Em cảm thấy lười làm tất cả mọi chuyện.

Anh có nghe tin tức và tình hình về quê hương em không? Học sinh, sinh viên biểu tình, hội họp trong trường và ngoài phố. Giao thông kẹt cứng chung quanh Dinh Độc Lập. Tháng trước VC bắn hỏa tiễn và đặt chất nổ khắp nơi. Hai tuần trước 15 vị sư và cha xứ bị giết bởi VC trên Đà Lạt. Đêm hôm kia, VC bắn 5 hỏa tiễn vào Sài Gòn. Một quả rớt vào một rạp hát trên Đường Hồng Thập Tự đang có diễn kịch, làm chết 5 người và 50 người bị thương. Một người nữa chết và 10 người bị thương ở một chỗ khác.

Và anh có nghe 600 người Việt bị giết bởi quân Khmer cùng một lúc tại Cao Miên không? Người Việt Nam bị chết một cách dễ dàng ở khắp nơi. Trong khi đó chúng ta chỉ lo cho đời sống và tương lai của chúng ta. Em muốn quên và quên hết!

7:00 chiều. - Em ở nhà cả ngày hôm nay. Trên gác rất nóng. Em xuống dưới nhà suốt buổi chiều. Em mua và đọc hai tuần báo và hai nhật báo. Sau cơm tối, em lại lên lầu và viết cho anh đây. Em vẫn yêu anh và không muốn gì khác hơn là được gặp anh. Nhưng thực sự là em không còn tin tưởng được gì nữa trong chờ đợi. Em mong rằng chúng ta sẽ được may mắn.

Yêu anh.

D.

PS. 16-04-1970, 8:00 sáng. Đêm qua VC bắn hỏa tiễn vào Sài Gòn. Em nghe bốn tiếng nổ thật gần và chưa biết thiệt hại thế nào. Có thể khi anh nhận được thư này em sẽ là một trong những nạn nhân...

Sài Gòn 17-04-1970

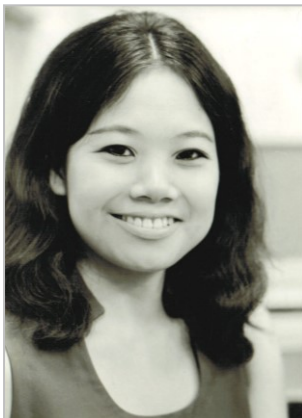
Người yêu của em,

Hai thư của anh đã tới em hôm qua. Một cái đề ngày 1, một cái đề ngày 3 tháng 4. Cái thư ngày 3 lại đến trước cái ngày 1. Diên thật là diên!

Em vui vì anh không gặp khó khăn gì. Em ước rằng có thể theo anh đến các nơi anh đi. Anh thuật chuyện đi Texas và St. Louis với cơm tối Mexican và khách sạn trắng lệt rất hấp dẫn em. Đó là lý do em không muốn anh bỏ việc làm cho Bộ Ngoại Giao.

Sáng nay em dùng cái khăn nhỏ của anh để lại để rửa mặt. Em vẫn còn cảm thấy hơi hương của anh và tưởng như gần gũi anh. Nhưng thực tế anh vẫn ở xa cả trăm ngàn dặm. Em buồn chẳng còn muốn viết thư nữa.

Thu, cô bạn hàng xóm và cũng làm tại RMK mà anh biết, vừa tới bàn của em và nói: "Bồ phải gọi tôi bằng "má" tôi mới đưa cho bồ hai món quà quý này!"



Em không thể nào đoán là quà gì mà em lại có qua Thu. Em nói: "Được rồi, má ơi, đừng có đùa nữa. Tôi không nghĩ bồ có quà gì cho tôi cả." Cô ta đưa ra hai lá thư của anh. Đúng là ngạc nhiên vì Thu không làm tại phòng thư. Nhưng khi đi ngang qua người đưa thư của sở, Thu thấy thư của anh gửi cho em, cô ta lấy và đem đến cho em vì muốn trông thấy em được thư anh thì mừng như thế nào.

Em đồng ý anh dọn tới ở nhà ba má anh để không bị trách móc và làm phiền. Khi sống với nhau, chúng ta sẽ giúp đỡ nhau, săn sóc nhau và làm vui lòng nhau. Chúng ta sẽ không làm khổ nhau.

Anh có biết em làm gì với những lá thư mới nhất của anh không? Em mang theo nó hoài bên em và đọc đi đọc lại để có cảm tưởng anh ở bên em và thì thầm mọi chuyện với em.

Đêm hôm kia, em bỗng được nghe bài hát "I can't take my eyes off yours", trên TV quân đội Mỹ. Đó là một bài hát về tình yêu rất dịu dàng. Em rất tiếc không hiểu lời ca của bản nhạc nhiều.

Anh yêu, em nghĩ rằng em không có đủ chữ Anh để tiếp tục viết thư tình cho anh khi mà chúng ta phải xa nhau lâu hơn. Một tháng nữa là 4 tháng chúng ta sẽ được gặp nhau không?

Em muốn gặp anh và sống với anh ngay bây giờ.

Em yêu anh. - D.

TUỞNG NIỆM NHẠC SĨ VŨ ĐỨC NGHIÊM (1930-2017)

Người viết: **Phan Anh Dũng**

Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm, cộng tác mật thiết với Cô Thơm từ nhiều năm qua, đã qua đời tại thành phố San José tiểu bang California ngày 24 tháng 7 năm 2017, hưởng thọ 87 tuổi, sau một thời gian dài chữa trị bệnh ung thư máu (leukemia). Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm cũng là cựu Trung tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tốt nghiệp Khóa 1 Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định năm 1951. Đời binh nghiệp trải qua nhiều chức vụ kể cả tác chiến ở các vùng chiến thuật. Sau biến cố 30 tháng 4 1975, ông bị giam 13 năm trong nhiều trại tù khắc nghiệt của Cộng sản từ Nam ra Bắc. Sau cùng, ông và gia đình được định cư tại Hoa Kỳ vào cuối năm năm 1990. Tang lễ của ông được cử hành trọng thể ngày 5 tháng 8 năm 2017 tại San José với lễ phủ cờ Việt Nam Cộng Hòa, sự hiện diện của nhiều thành viên trong gia đình cũng như thân hữu và người ái mộ. Trong lúc chữa trị bệnh ung thư, tuy sức khỏe yếu dần nhưng tinh thần của ông còn rất minh mẫn. Tôi vẫn thường nhận được tin tức về bệnh tình của ông kèm theo hình ảnh từ nhà giáo Vũ trung Hiền, em trai út của NS Vũ Đức Nghiêm. Anh Hiền rất thân với Vũ Đức Nghiêm - là người anh thứ hai trong gia đình gồm 9 anh chị em - và được chia sẻ nhiều kỷ niệm vui buồn nhất vì hợp nhau về tính nghệ sĩ và yêu âm nhạc. Qua anh Vũ trung Hiền, tôi liên lạc bằng email và điện thoại với NS Vũ Đức Nghiêm và đã thực hiện trang "Gọi Người Yêu Dấu

và Dòng Nhạc Vũ Đức Nghiêm" ở website Cô Thơm vào tháng 12 năm 2008:

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=702&Itemid=47

Nhờ bỏ thì giờ biên soạn về trang này nên tôi mới hiểu rõ hơn về cuộc đời và những nhạc phẩm của ông. Tôi đã viết lời bạt ở trang này như sau: "*Cách đây vài tuần, Bác Sĩ Phạm Anh Dũng (Santa Maria, California) gửi tặng tôi CD Dòng Sông Đứng Lại trong đó có nhạc phẩm của anh ấy và Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm (NS VDN). Tôi thích ngay giai điệu và lời bài Khúc Ca Dịu Dàng của NS VDN qua tiếng hát thật nhẹ nhàng và tình cảm của ca sĩ Quỳnh Lan. Thuở còn ở Sài Gòn, tôi đã nghe nhiều lần và yêu mến bài Gọi Người Yêu Dấu của NS VDN qua "tiếng hát học trò" Thanh Lan. Tuy vậy, tôi không nhớ đã nghe những nhạc phẩm nào nữa của NS VDN cho đến những năm gần đây, được nghe Sao Đêm Lung Linh qua tiếng đàn hát của nhạc sĩ Thanh Trang và Dòng Sông Thơ Ấu (phổ thơ của Vương Đức Lệ) qua tiếng hát của nhà giáo Vũ Trung Hiền, em ruột của NS VDN. Cách đây 2 năm, tôi cũng được xem và đệm đàn nhạc phẩm Một Mình Đi Dưới Mưa Mau ông phổ thơ của văn thi sĩ Nguyễn Thị Ngọc Dung và đọc một bài NS VDN viết về một kỷ niệm khi ông ở trong tù tập trung của Cộng Sản. Mới đây lại được anh Hiền cho biết ca khúc 'Anh Ở Đây, Bọn Bè Anh Cũng Ở Đây' do cố nhạc sĩ Thục Vũ (Trung Tá Vũ Văn Sâm) sáng tác năm*

1976 trong trại tù và sau đó NS VDN viết
lời 2. Nhân lúc rảnh rỗi mùa Giáng Sinh,
tôi bắt tay vào làm một trang về Nhạc sĩ Vũ
Đức Nghiêm, người đã miệt mài cả đời viết
ca khúc, chẳng những cho tình yêu mà còn



cho đời quân ngũ, kỷ niệm trong ngục tù và
tôn vinh Thiên Chúa. Tôi kính phục ý chí và
tâm lòng vững bền của ông, tin tưởng đến
ngày được tự do còn khỏe mạnh để trở về
xum họp với gia đình, sau 13 năm trời bị
đọa đầy trong địa ngục trần gian."

Sau đó mỗi khi có dịp qua San
José tôi đều ghé thăm ông và
phụ nhân (bà Dương thị Năng).
Ông bà tuy lớn tuổi hơn tôi
nhiều nhưng rất lịch sự, thân
tình, dễ nói chuyện như anh em
trong nhà. Vào đầu năm 2011,
Kim Vũ và Việt Bằng, hai thi sĩ
của Cỏ Thom, cùng tôi hẹn đến
thăm tư gia ông bà Vũ Đức
Nghiêm. Trong lúc chuyện trò,
ông có nhắc đến một buổi họp
mặt Khóa 1 Nam Định ở
Virginia vài năm trước đó và
ước mong trở lại gặp thân hữu.
Ông cũng bày tỏ ý muốn tổ
chức một buổi trình diễn để

giới thiệu một số nhạc phẩm tiêu biểu của
ông sau hơn 50 năm sáng tác ca khúc với
nhiều đề tài khác nhau: Quân Hành Ca,
Tình Ca, Ngục Tù Ca và Tôn Vinh Ca. Khi
về lại

Virginia, tôi đã hội ý và được sự hưởng ứng
của chị Chủ Nhiệm Cỏ Thom Nguyễn Thị
Ngọc Dung và chị Trương Anh Thụy (phu
quân của chị, anh Nguyễn Huy Long, là bạn
cùng khóa 1 với Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm).
Để buổi chiều nhạc này "khác lạ và đặc
biệt" một chút, tôi nghĩ đến phong cách của
nhạc thánh phòng trong một không gian âm
cúng, không thương mại. Thật may mắn vì
tôi đã được Phạm Dương Hiền vui vẻ nhận
lời. Sau đó, hai nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu,
Ngô Minh Trí đồng ý giúp soạn hòa âm và
một số ca sĩ thân quen trong vùng cũng đã
hăng hái nhận lời góp tiếng hát.

Chương trình "Vũ Đức Nghiêm, nửa
thế kỷ viết ca khúc" đã được tổ chức vào
ngày Chủ Nhật 20 tháng 11, 2011, nhân dịp



Ban Tổ Chức: Phan Anh Dũng, Vũ An Thanh,
Phạm Dương Hiền, Nathalie Monges, Tâm Hào,
Ngọc Dung, Thái Phụng, ÔB Vũ Đức Nghiêm,
Trương Anh Thụy, Nguyễn Huy Long



Lễ Thanksgiving ở Virginia với sự góp mặt của ông bà Vũ Đức Nghiêm, ái nữ Ngọc Quỳnh, anh Vũ Trung Hiền, một số niên trưởng Khóa 1 Nam Định: ÔB Nguyễn Văn Thành, ÔB Hoàng Ngọc Lung, Ô Nguyễn Duy Hinh, ÔB Phan Duy Du, ÔB Trần Quốc Khang, ÔB Nguyễn Huy Long ... danh ca Châu Hà (phu nhân cố nhạc sĩ Văn Phụng), bà Tường Huệ (phu nhân cố NS Nhật Bằng), gia đình cố NS Hoàng Trọng, một số lớn văn thi nhạc sĩ trong vùng, nhân vật đại diện Cộng Đồng, Hội Ai Hữu Võ Bị Đà Lạt ...

Mười nhạc phẩm tiêu biểu của NS Vũ Đức Nghiêm được trình bày như sau đây với dàn nhạc Prelude Chamber Ensemble của NS Phạm Dương Hiền:

- 1/ Như Một Thoáng Phù Du - tiếng hát: Sĩ Tuấn
- 2/ Sao Đêm Lung Linh - tiếng hát: Tâm Hào
- 3/ Khúc Ca Dịu Dàng - tiếng hát: Nguyệt Anh
- 4/ Vùng Trời Kỷ Niệm - tiếng hát: Hoàng Cung Fa
- 5/ Gọi Người Yêu Dấu - tiếng hát: Xuân Thường, Sĩ Tuấn, Hoàng Tiếp, Hiếu Thuận, Thái Ninh, Tâm Hào
- 6/ Tôi Quyết Tâm Là Viên Than Hồng - tiếng hát: Hoàng Tiếp
- 7/ Dâng Tình - tiếng hát: Hiếu Thuận

8/ Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu - tiếng hát: Xuân Thường

9/ Bâng Khuâng Nhớ Tình Xưa - tiếng hát: Thái Ninh

10/ Cờ Vàng Tung Bay - hợp ca: Vũ An Thanh, Cung Fa, Sĩ Tuấn, Hoàng Tiếp, Minh Ngọc, Thái Phụng, Hiếu Thuận, Thái Ninh, Tâm Hào, Nguyệt Anh, Ngọc Thu - với sự góp mặt trên sân khấu của chính tác giả Vũ Đức Nghiêm và anh Vũ Trung Hiền.

Tôi không thể quên 2 kỷ niệm hôm ấy:

* Tôi đã ghen ngạo khi giới thiệu ca khúc Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu như sau:



"Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm đã bị đọa đầy trong địa ngục trần gian hơn 13 năm. Trong những tháng ngày bị hành hạ thể xác lẫn tinh thần, người tù Vũ Đức Nghiêm vẫn tin tưởng ngày trở về sum họp với gia đình. Trong tù, ông làm thơ, làm nhạc, đọc kinh thánh để giữ



Ngày Cưới (Hà Nội July 1954)

vững NIỀM TIN, và trong hoàn cảnh u tối, ông nghĩ đến người vợ hiền ở nhà, tảo tần nuôi con thơ dại. Sau một lần gặp lại hiền thê đến trại tù thăm ông, ông đã sáng tác bản nhạc Đóa Hồng Cho Vợ Hiền, sau này các con ông góp ý đổi thành Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu".



GS Nguyễn Ngọc Bích trao tặng NS Vũ Đức Nghiêm một món quà lưu niệm



Phan Anh Dũng, Tâm Hào, Vũ Đức Nghiêm, Hoàng Tiệp, Thái Phương, Brother Ruyết, Thê Linh, Vũ Trung Hiền - 2011

* NS Vũ Đức Nghiêm sau khi nhận bó hoa hồng từ nhà văn Trương Anh Thụy cũng đã không tránh khỏi xúc động và rơm rớm nước mắt khi trao bó hoa lại cho người vợ thủy chung. Nét mặt của bà lúc ấy thật rạng rỡ, yên bình, mỉm cười đầy vị tha ...

Mời quý vị xem chi tiết và hình ảnh buổi chiều nhạc Vũ Đức Nghiêm ở link sau đây: http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1005&Itemid=47

Ngày hôm sau, anh Vũ Trung Hiền và nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm đã không quản ngại lái xe xuống Richmond thăm chúng tôi tại tư gia - có mặt ca sĩ Hoàng Tiệp, Thái Phương và 2 người bạn của anh Hiền. Buổi họp mặt tuy ngắn ngủi nhưng đầy thân tình. Anh Hiền đã viết như sau: "*Tôi vẫn nhớ, Chiều nhạc Vũ Đức Nghiêm, do Dũng và các bạn miền Đông Hoa Kỳ tổ chức, tháng 11, 2011, tôi được gặp GS Nguyễn Ngọc Bích lần đầu tiên, khi ông đem khung kính lồng ca khúc Gọi Người Yêu Dấu, lời Anh, do ông chuyển ngữ, bước lên hàng ghế đầu, trình tọng tặng anh Vũ Đức Nghiêm. Bản tiếng Anh này, hôm sau, tôi đã hát ngay, ở nhà Dũng và Tâm Hào, khi đưa anh Vũ Đức Nghiêm đến thăm vợ chồng Dũng. Từ 1969 cho đến nay, một số người đã thử đặt lời tiếng Anh cho bài Gọi Người Yêu Dấu, nhưng duy nhất, chỉ có bản tiếng Anh do GS Nguyễn Ngọc Bích phổ biến năm 2011 là hoàn hảo. Lời tiếng Anh, do con người uyên bác, và cũng thật tài hoa này viết, giản dị, đầy chất thơ, lột tả chính xác nguyên bản của tác giả, hát theo nhạc đệm rất dễ dàng, ăn khớp từng nốt một..."*

Tháng 3 năm 2012, khi lại có dịp sang San José, vợ chồng chúng tôi lại đến thăm

ông bà Vũ Đức Nghiêm và được mời đến thưởng thức phở ở quán Bà Đậu. Sau đó lại cùng nhau đi thăm triển lãm của họa sĩ Đào Hải Triều ở downtown San José với nhà văn Trương Duy Cường và thưởng thức món steak nướng đặc biệt của tiệm ăn Chez Christina ở tỉnh Milpitas.

Tháng 5 2017, tôi có gọi điện thoại hỏi thăm sức khỏe NS Vũ Đức Nghiêm sau khi biết gia đình họ Vũ vừa tổ chức một buổi hòa nhạc mừng sinh nhật và sức khỏe của ông. Giọng nói của ông có vẻ yếu đi nhưng trí nhớ vẫn tốt và ân cần gợi lời hỏi thăm các bạn bên miền Đông Hoa Kỳ trước khi ngưng điện thoại.

Trong thời gian ông qua đời cho đến hết tang lễ tôi đã giúp gia đình họ Vũ thực hiện một trang Tưởng Niệm ở website Cỏ Thơm: http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1340&Itemid=47

Tôi ngạc nhiên vì nhận được nhiều lời phân ưu từ các hội thánh Tin Lành, thân hữu, và nhiều hội đoàn chính trị cũng như văn học khắp nơi.

Theo thiên ý, Vũ Đức Nghiêm là một người nhiều tình cảm, tính tình bình dị, lịch sự, tin kính Chúa và cũng là một nhạc sĩ tài hoa của tân nhạc Việt Nam. Ca khúc Gọi Người Yêu Dấu chắc chắn sẽ tồn tại lâu dài trong tân nhạc Việt và mãi mãi là dấu ấn cho dòng nhạc của Vũ Đức Nghiêm. Tôi chỉ hy vọng người yêu nhạc sẽ khám phá thêm những ca khúc trữ tình cũng rất mượt mà của ông như: Sao Đêm Lung Linh, Dâng Tình, Bâng Khuâng Nhớ Tình Xưa, Muôn Trùng Xa Em Về, Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu, Như Một Thoáng Phù Du, Vầng Trời Kỷ Niệm, Tình Thu Muộn Màng ... Những bản Tôn Vinh Ca của ông cũng sẽ được hát vang dội trong các thánh đường

như: Đêm Đông Xưa, Tôi Ước Mơ Làm Viên Than Hồng, Vững Bước Đi Trên Khổ Đau, Đêm Kỳ Diệu, Trong Diệu Kỳ và Ngợi Ca, Khi Tôi Quỳ Bên Chân Chúa, ...

Chân thành cảm ơn Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm đã dâng tặng những đóa hoa âm nhạc thật đẹp cho đời. Cảm tạ chân tình ông dành cho vợ chồng chúng tôi và thân hữu Cỏ Thơm.

Cầu mong Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm được hưởng nhiều ơn phước nơi Thiên Quốc Bình An.

Phan Anh Dũng

Tháng 9, 2017 - Richmond Virginia USA



Phan Anh Dũng & Tâm Hảo và
ÔB Vũ Đức Nghiêm



Tập nhạc của Vũ Đức Nghiêm ấn hành
năm 1998

Tiểu Sử Nhạc sĩ **VŨ ĐỨC NGHIÊM**



Nhạc sĩ **Vũ Đức Nghiêm** sinh ngày 30-6-1930 tại làng Hoàn Nha, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Ông qua đời ngày 24-7-2017 tại thành phố San Jose, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

Là con thứ nhì của hai cụ Vũ Đức Thọ, ông có khiếu âm nhạc từ thuở nhỏ, và tuy không học nhạc bao giờ, ông bắt đầu sáng tác ca khúc vào năm 17 tuổi.

Năm 1951, sau khi đậu Tú Tài I và đang học lớp đệ I C, trường Chu Văn An, Hà nội, ông được động viên, vào Khóa 1 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định.

Sau khi ra trường, ông là Đại đội trưởng đại đội 4, tiểu đoàn khinh quân 711, cùng đơn vị chiến đấu và đóng quân ở các vùng Kiến An, Nam Định, Ninh Bình.

Sau khi đơn vị di chuyển vào Nam, ông phục vụ tại tiểu khu Phú Quốc, rồi trung đoàn 7, sư đoàn 3 đã chiến tại Sông Mao. Năm 1957, Trường Sinh Ngữ Quân Đội được thành lập và ông là một trong những giảng viên Anh Ngữ đầu tiên tại trường này.

Năm 1958, cùng với người em ruột là Trung úy Vũ Đức Chính, Trung úy Vũ Đức Nghiêm sang Hoa Kỳ, phục vụ tại trung tâm huấn luyện Fort Benning, tiểu bang Georgia. Nhiệm vụ của ông là nghiên cứu trước các tài liệu, và phụ giúp huấn luyện viên Hoa Kỳ khi giảng bài cho các sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Sau khi từ Hoa Kỳ về nước, ông tiếp tục công việc giảng dạy tại Trường Sinh Ngữ Quân Đội.

Đầu thập niên 60, ông phục vụ tại Sư Đoàn 22 Bộ Binh, rồi Tòa Đại Biểu Chính Phủ tại Ban Mê Thuột.

Giữa năm 1966, Đại úy Vũ Đức Nghiêm được giao chức vụ Tỉnh Đoàn Trưởng Xây Dựng Nông Thôn, tỉnh Tuyên Đức, và sau đó giữ nhiệm vụ Trưởng phòng hành quân, tiểu khu Tuyên Đức.

Năm 1969, thiếu tá Vũ Đức Nghiêm là Phụ tá Quân Trấn, thị xã Đà Lạt.

Trong thời gian phục vụ quân ngũ, ông tiếp tục học, và tốt nghiệp Cử nhân văn khoa, Viện Đại Học Đà Lạt.

Cấp bậc cuối cùng của ông là Trung Tá, Huấn Luyện Viên Tiếp Vận, Trường Chỉ Huy & Tham Mưu Đà Lạt-Long Bình.

Sau 1975, ông trải qua hơn 13 năm trong những trại tù khổ sai của Cộng Sản từ Nam ra Bắc.

Cuối năm 1990, nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm và gia đình sang Hoa Kỳ theo diện H.O., và cư ngụ tại San Jose, California.

Với hàng trăm ca khúc viết suốt hành trình theo Chúa, Vũ Đức Nghiêm đã trở thành một trong những nhạc sĩ Cơ Đốc được biết đến nhiều nhất qua những ca khúc như: *Khi tôi quỳ nơi chân Chúa, Tôi ước mơ là viên than hồng, Vững bước đi trên khổ đau...*

Bài tình ca *Gọi Người Yêu Dấu* trước 1975 là một trong những nhạc phẩm được phổ biến rộng rãi và thính giả yêu mến. Ngoài 2 tập nhạc xuất bản ở Việt Nam *Tình Khúc Cho Ly Cơ* (1971) và *Nhạc Tình Vũ Đức Nghiêm* (1974), Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm đã thực hiện tập nhạc "Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu" (1998), 4 CD: *Dâng Tình*, *Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu*, *Mùa Xuân Thung Lũng Hoa Vàng* và *Dòng Sông Đứng Lại* (cộng tác với nhạc sĩ Phạm Anh Dũng) và các CD *Tôn Vinh Ca* sau khi Ông định cư ở Hoa Kỳ. Năm 2002, Ông được bà Elaine Alquist, dân biểu tỉnh Santa Clara, tiểu bang California, tuyên dương và trao giải thưởng đặc biệt. Giải này dành cho những nghệ sĩ cao niên đã phục vụ nghệ thuật trên 50 năm, đã tạo thành tích ở Việt Nam và tiếp tục sau khi định cư ở Hoa Kỳ.

Dòng nhạc Vũ Đức Nghiêm có thể được chia làm bốn thể loại, tương ứng với bốn giai đoạn khác nhau:

1. **Quân hành ca:** Viết lúc còn trẻ, thời kỳ sống trong quân đội.
2. **Tình ca:** *Viết ở lứa tuổi trưởng thành.*
3. **Ngục tù ca:** Viết trong thời gian 13 năm ở các trại tù tập trung của Cộng Sản.
4. **Tôn vinh ca:** Viết từ giai đoạn sau đó cho đến ngày qua đời.

CALLING TO THE BELOVED

Vu Duc Nghiem

*Calling so many times
To you in a whisper
Floating cloud, o I miss you
My dear beloved*

*Calling to you, my love
I feel so much passion
Old time's dreams come back to me
Make me so ache*

*Beloved one, why I am so in pain
Beloved one, I'm lonely in this fall
Beloved one, the thousand stars are out
My soul is out reminiscing old days*

*Love your eyes, stars twinkling blue
Love your fingers ivory white
Love your gait, shoulders flowing
Love your dear arms embracing me*

*Love your sadness undefined
Love your lips' innocent smile
Love your hair softly streaming
Love you flimsy, so orchid like.*

*Calling to you, my love
I feel like by your side
On the day we said adieu in soft evening*

*O my eternal love
I feel, gosh, all choked up,
Will our love, with passing days, ever go away...*

*English Singing Version by NNB
Springfield, VA
October 21, 2011*

Lời nhạc tiếng Anh của GS Nguyễn Ngọc Bích, viết theo ý của ca khúc *Gọi Người Yêu Dấu*.

Gọi Người Yêu Dấu

Nhạc & Lời : Vũ Đức Nghiêm.

Lời ca 2: Viết cùng Hoàng Anh Tuấn (Đà Lạt 1969)

Gọi Người Yêu Dấu muôn lần, Nghe những nhũgiò thì
Gọi Người Yêu lúc thu về, Giận Người quên lãng lời

thăm, Làn mây trôi gọi nhớ chơi vơi, thương người xa xôi.
thề Chiều năm nao nguyên sống bên nhau, nay đành quên sao?

Gọi người Yêu Dấu trong hồn. Ngập ngừng, tha thiết, bồn
Gọi Người Yêu dưới trăng vàng, Gọi linh xưa cũ muôn

chòn, Kỷ niệm xưa mờ thoáng trong sương cho lòng nhớ thương
màng, Từ ly tan, ngày tháng hoang mang, mây trời tóc lung.

Người Yêu Dấu ơi, Sao lòng se sắt đầy
Người Yêu Dấu ơi, sương chiều dâng xóa ngàn

vời, Người Yêu Dấu ơi, Thu về tìm vẫn đơn
thông, Minh ta đừng dầy nghe hồn thu lãng mênh

côi. Người Yêu Dấu ơi, khi ngàn sao đêm lấp
mông. Hồ xưa vẫn xanh trong ngàn sao đêm thường

lánh, Tăm hồn băng khuôn, nhớ ngày vui đã qua
nhỏ, Nhưng còn tim đau dáng hình yêu dấu xa

nhanh. Thương em mắt sao trời lung linh, Thương em ngón tay ngà xinh
 xưa. Thương em ngón tay dài mòn man, Dư âm liếng dương cầm đi
 xinh. Thương em dáng vai gầy thanh thanh, Thương em vòng tay ghi xiết ân
 hoang, Thương em đầm lĩnh hôn mong manh, Thương em nụ hôn nồng cháy
 tình. Thương em dáng u buồn bơ vơ, Thương em nét môi cười ngày
 tình. Đôi tay xiết thêm vòng đam mê, Thương em phôi trao hôn qua
 thơ. Thương em tóc buông lơ lửng dàng, Thương em mong manh như một cành
 di. Buông lơ lửng hương yêu dịu dàng Như sương pha lê trên một cành
 lan. Gọi Người Yêu Dấu xa vời, Mà lòng lưu luyến bồi
 lan. Gọi tình xa vắng đôi bờ, Gọi thăm giầy phôi hẹn
 hồi, Ngày biệt ly đành nhớ nhau thôi, khi chiều nhẹ rơi.
 hò, Chiều thu mưa, đồi núi bơ vơ, mây trời ngẩn ngơ.
 Gọi Người Yêu Dấu muôn đời, Nghẹn ngào không nói thành lời, Tình yêu
 Gọi Người, nước mắt chan hòa, Gọi ngày vui cũ ngọc ngà, Tình dù
 xưa, ngày tháng pha phôi, biết bao giờ người!
 xa, đã tháng năm qua, xòe xa lòng ta.

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn bào huynh của quý anh chị Vũ Ngọc Bích,
Vũ Bạch Cúc, Vũ Trung Hiền ... là:

Nhạc sĩ **VŨ ĐỨC NGHIÊM**

Cựu Trung tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Sinh ngày 30 tháng 6 năm 1930

tại làng Hoành Nha, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

đã tạ thế ngày 24 tháng 7, năm 2017

tại thành phố San Jose, tiểu bang California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 87 tuổi

Tạp chí Cỏ Thơm, Khóa 1 Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định
và thân hữu vùng Hoa Thịnh Đốn xin thành kính phân ưu
với bà quả phụ Vũ Đức Nghiêm cùng toàn thể tang quyến.
Nguyên cầu linh hồn Ông Vũ Đức Nghiêm sớm được an nghỉ
ở nước Chúa trên thiên đàng.

*Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Trần Bích San, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh,
Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn...*

*ÔB Nguyễn Văn Thành, ÔB Nguyễn Duy Hinh, ÔB Nguyễn Huy Long-Trương Anh Thụy,
ÔB Hoàng Ngọc Lung, ÔB Hoàng Song Liêm, Ô Anh Hoa-Hoa Văn Ngô Văn Hòa,
ÔB ca sĩ Anh Ngọc, ÔB Hoàng Cung Fa, ÔB Dương Ngọc Hoàn, ÔB Vũ An Thanh,
B Nghiêm Thái Phước, B Nhật Bằng, B Châu Hà, ÔB Đặng Hữu Thọ-Dương Nguyệt Ánh,
ÔB Phạm Dương Hiến, ÔB Bùi Dương Liêm ...*



DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Phạm Hữu Bính,
Ô. Đỗ Bình, ÔB. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình, Ô. Nguyễn Bông,
ÔB. La Trung Chánh, B. Nguyễn Phương Châm, B. Diễm Châu, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung, B. Dzung Sencer,
Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung, Ô.B. Nguyễn Quý Đại,
B. Dương Tâm Đạt, B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Văn Đoàn, Ô.B. BS Hoàng Giang,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
Ô. Ngô Tăng Giao, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiếu,
B. Lê Hồng, B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô.B. Đinh Kỷ, Ô.B. Nguyễn Lân,
Ô.B. Nguyễn Khoa Lân, Ô.B. Nguyễn Huy Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam,
Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA),
B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga, Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên,
B. Phan Thị Nhân, B. Nguyễn Tú Nhật, B. Uyên Phương Minh Nguyệt,
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô.B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng,
Ô.B. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng, B. Lý Ngọc Quyên,
Ô. B. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, B. Tuyết Nguyễn,
Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô.B. BS Nguyễn Văn Thành.
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch,
B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang,
B. Diễm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Lê Thúy Trúc, B. Tô Bạch Tuyết,
ÔB. Phạm Văn Tuấn, BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

TỦ SÁCH CỎ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA
Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)
ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung
TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An
VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung
TÌNH ANH NHƯ THẾ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ
BÊN DÒNG THẠCH HẸN (2002) - Thơ Phan Khâm;
SÔI NỔI (2002) Tập Truyện Nguyễn Lâm; VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003):- Thơ Hồ Trường An
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xương họa của Hồ Trường An, Cao Mỹ Nhân, Phan Khâm, Nguyễn T.
Ngọc Dung, Vân Nường, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An
ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng
PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THUỞNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
GIAI THOẠI VĂN CHUỖNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê,
Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung
NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM (2007) - Bút khảo - Hồ Trường An về các tác giả
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm

TỦ SÁCH CỎ THƠM (tiếp theo)

NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013)

NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM & DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC

KHOA HỌC & TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn

MƯA XUÂN-SPRING RAIN-Thơ song ngữ: Tâm Minh Ngô Tằng Giao

MONG MANH & TỰ NHIÊN Thơ: Ý Anh;

BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG – Bút ký: Nguyễn Thị Ngọc Dung

LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên Khảo của Nguyễn Văn Thành

QUÊ NGƯỜI NHỚ QUÊ NHÀ: Tập truyện – Vũ Nam

MỘT TỔNG THỐNG HOA KỲ GỐC VIỆT NAM: Phạm Hữu Bính

A U.S. PRESIDENT OF VIETNAMESE DESCENT: Phạm Hữu Bính

TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC - Ý Nguyễn



GIÁ BẢO: \$US 7:00

Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm Phát Hành Báo Giới Thiệu "TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC" của Nhà Văn Ý Nguyên

Ngày Ra Mắt Sách của Nhà Văn Ý Nguyên được tổ chức vào Thứ Bảy, 17/6/2017, đã thành công "rực rỡ" vì:

- Số người tham dự không quá đông, vừa chật Phòng Hội của Trụ Sở Hội Cao Niên vùng Hoa Thịnh Đốn.

- Thức ăn nhiều loại, thứ nào cũng "ngon" và "nhiều".

- Chương trình không dài quá, phần giới thiệu "Tác Phẩm" và "Tác Giả" trước phần Văn Nghệ, như vậy khiến cho mọi người chú ý tới hai tiết mục chính.

- Phần Văn Nghệ nhờ các thân hữu có "tài ca hát" đóng góp với các bài hát rất hợp với tâm sự và sở thích của khán giả trí thức.

- Buổi Ra Mắt Sách này là "cơ hội gặp gỡ thân mật" của rất nhiều bạn hữu, người quen..., gặp mặt nhau để hỏi thăm nhau về sức khỏe, cảm thấy vui mừng khi thấy các người bạn cũ còn đi đứng vững vàng, ăn nói thoải mái... Mọi người có nhiều thời gian "tay bắt mặt mừng", nói chuyện với nhau hơn là tại Nhà Hàng.

- Thời tiết hôm đó không nóng lắm và không mưa, đúng là "Trời chiều Người".

Nếu tổ chức RMS vào Chủ Nhật thì lại trùng vào Ngày Lễ Father's Day, ngày Meeting của Cộng Đồng...

- Và cuối cùng: Tác Giả đã bán được rất nhiều sách, tiền thu được nhiều lắm... "đầy một hộp lớn"!

Xin Chúc Mừng Nhà Văn Ý Nguyên và Chủ Nhiệm Cỏ Thơm./.



Vũ An Thanh, Ngọc Thanh, Ngọc Dung, Ý Anh, anh chị Phạm Hữu Bính và Phạm Bá trước bàn Cỏ Thơm số 78.

Phạm Văn Tuấn

GIỚI THIỆU NHÀ VĂN Ỡ NGUYỄN

Kính chào quý quan khách, quý văn thi nghệ sĩ và thân hữu,

Chúng tôi rất vui mừng Nhà Văn Ỡ Nguyễn với tác phẩm đầu tay "Từ Một Vùng Ký Ức" mà được sự hiện diện đông đảo của quý vị tại phòng Hội Cao Niên hôm nay.

Trong sách có đề Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản, nhưng thực ra, Cỏ Thơm không phải là một nhà xuất bản chuyên môn vì chúng tôi không có nhân sự riêng làm việc này. Chúng tôi chỉ rút kinh nghiệm đi trước, xuất bản sách của chính mình và làm báo văn học mà giúp đỡ các tác giả hội viên Cỏ Thơm có được một cuốn sách nghiêm túc, hình thức mỹ thuật, nội dung giá trị và việc in ấn, phát hành dễ dàng hơn.

Ỡ Nguyễn đã viết cho nhiều đặc san ở Tiểu bang New Mexico trước khi về hưu và di chuyển tới Maryland 5, 7 năm nay. Ỡ Nguyễn cũng quen biết và viết cho các báo khác trước khi được giới thiệu với Cỏ Thơm. Bài viết đầu tiên chị gửi đăng Cỏ Thơm mùa hè 2011 là một hồi ký ngắn có nhan đề "Anh Tôi" rất cảm động và có trong tác phẩm *Từ Một Vùng Ký Ức* được giới thiệu hôm nay.

Chúng tôi rất ngạc nhiên, Ỡ Nguyễn chưa có tác phẩm nào trước đó mà viết rất vững vàng với nhiều chi tiết rất lý thú. Một trong những mục đích của chúng tôi là khuyến khích và ủng hộ các cây viết mới nên đã mời Ỡ Nguyễn tiếp tục cộng tác với Cỏ Thơm, cùng với phu quân là Nhiếp ảnh gia Phạm Bá. Cỏ Thơm hân hạnh là nhà xuất bản của tác phẩm *Từ Một Vùng Ký Ức* mà không phải làm gì nhiều. Theo tiểu sử của tác giả thì Nhà văn Ỡ Nguyễn tên thật là Nguyễn Thị Yên, nguyên quán Bắc Ninh, sinh quán Hải Phòng. Lần đầu tiên Ỡ Nguyễn ký tên tác giả với một chữ Y Nguyễn. Chúng tôi liền đề nghị đổi thành chữ Ỡ Nguyễn vì chúng tôi đã đọc đâu đó câu chuyện cô hái dâu được Vua Lý Thánh Tông phong làm phu nhân Ỡ Lan (có nghĩa đứng tựa cây lan). Nhưng ở đây, chúng tôi muốn chọn ý nghĩa Ỡ Nguyễn là một vùng tơ dệt sáng láng.

Quý vị xem bìa sách *Từ Một Vùng Ký Ức* với hình cô gái Bắc Ninh xinh đẹp thì bây giờ chị vẫn còn những nét duyên dáng đó. Chị cũng còn giọng hát, giọng ngâm Tao Đàn khá ngọt ngào, uyển chuyển.

Tính tình Ỡ Nguyễn thân thiện và vui vẻ. Chị thường đón đã chào hỏi mọi người và mở đầu câu chuyện với một tràng cười ròn rã. Chẳng lạ chi điều đó, vì từ khi rời ghế nhà trường chị đã ra ngoài giao tiếp với xã hội. Chị là nhân viên của tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn cho đến tháng 4, 1975. Sang đây cùng năm tháng đó, Ỡ

Nguyên đi làm ngay và là công chức cho thành phố Albuquerque cho tới khi về hưu năm 2006.

Vì sự thân quen, tôi được biết Ý Nguyên còn là một bà nội trợ đảm đang, một bà mẹ thương con và một bà vợ yêu chồng như đa số phụ nữ Việt Nam. Riêng Ngọc Dung đây cũng được thưởng thức nhiều món ăn đặc biệt quê hương của chị làm. Người ta thường nói đằng sau sự nghiệp của một đấng nam nhi có một vị phụ nữ. Ở đây chúng tôi được biết sau Ý Nguyên có đấng phu quân Phạm Bá. Anh đã là người trình bày tác phẩm "*Từ Một Vùng Ký Ức*" cho bà vợ. Nhiều hình ảnh phụ bản trong sách là của anh. Anh Phạm Bá là một nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm và cũng là một cây viết ký sự đường trường rất linh động và lôi cuốn đã đăng trong Tạp chí Cỏ Thơm. Đôi uyên ương Phạm Bá - Ý Nguyên sẽ cho ra mắt chúng ta hai tập truyện ngắn nữa trong tương lai gần đây.

Xin cảm ơn nhà văn Ý Nguyên và Phạm Bá đã cộng tác với Tạp Chí Cỏ Thơm và chúc nhĩ vị sẽ mãi mãi hạnh phúc gia đình bên con cháu và thành công với các tác phẩm văn chương.

Sau đây, chúng tôi xin mời Nhà văn Phạm Hữu Bính giới thiệu tác phẩm "*Từ Một Vùng Ký Ức*". Nhà văn Phạm Hữu Bính đã cộng tác với Cỏ Thơm từ nhiều năm qua với những truyện ngắn rất hấp dẫn. Năm ngoái anh đã cho ra mắt tác phẩm "*Một Tổng Thống Hoa Kỳ Gốc Việt Nam*" và một tập chuyển sang Anh ngữ "*A U.S. President of Vietnamese Descent*". Xin mời Nhà văn Phạm Hữu Bính.

Xin cảm ơn quý vị.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

GIỚI THIỆU tác phẩm *TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC*

Thưa quý vị, hôm nay tôi được giao phó trách nhiệm giới thiệu tác phẩm *Từ Một Vùng Ký Ức* của tác giả Ý Nguyên.

Tác giả Ý Nguyên vừa được Nhà Văn Nguyễn thị Ngọc Dung giới thiệu rồi. Do đó chúng tôi xin phép vào thẳng ngay tác phẩm *Từ Một Vùng Ký Ức*.

Tên sách đã cho thấy đây là một cuốn hồi ký. Tác giả viết về những chuyện đã xảy ra cho chính tác giả và gia đình từ năm 1945 khi tác giả mới 12 tuổi và khi dân tộc Việt Nam đang trải qua một giai đoạn cực kỳ gian nan. Đất nước đang bị quân Pháp đô hộ, quân Nhật tràn vào giành chính quyền, và quân Việt Minh lợi dụng thời cơ để vùng lên. Nạn đói tràn lan; chưa bao giờ người dân Việt Nam lại trải qua

những tai biến kinh hoàng như thế. Rồi cuộc di cư từ thành thị về thôn quê. Rồi bom đạn của Pháp đổ xuống. Người chết, người bị thương, sống dở, chết dở. Con cái xa lìa cha mẹ. Rồi cuộc hồi cư về thành thị, v...v...

Đọc *Từ Một Vùng Ký Ức* của tác giả Ý Nguyên, chúng ta không những thấy được cuộc sống của riêng tác giả và gia đình; mà còn thấy cả một nếp sống của xã hội Việt Nam thời bấy giờ. Người nông dân, giới tiểu thương sinh hoạt ra sao, nền giáo dục, ngành y-tế như thế nào. Người đọc thấy rõ một xã hội trong đó người đàn ông nắm quyền độc tôn, tự cho mình quyền có vợ bé và người vợ cả bắt buộc phải chấp nhận. Do đó mà chúng ta có thể coi *Từ Một Vùng Ký Ức* của tác giả Ý Nguyên như một quyển lịch sử xã hội Việt Nam từ 1945 đến nay

Chúng ta đã đọc những sách về lịch sử như Việt Nam Sử Lược của cụ Trần Trọng Kim trong đó cụ viết về các vua chúa, từ triều đại này qua triều đại kia, , v..v... Nói tóm lại đó là lịch sử chính trị, lịch sử của giới cầm quyền, không đả động gì đến giới nông dân, giới thợ thuyền, giới thương gia.

Chúng ta cũng đã đọc Việt Nam Văn Học Sử của cụ Dương Quảng Hàm trong đó cụ trình bày những giai đoạn phát triển văn chương từ ca dao truyền khẩu, đến văn chương bằng chữ Hán, những tác phẩm bằng chữ Nôm, những dịch phẩm như Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm, và đại tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du, v..v..

Nhưng, theo thiên ý của tôi, chúng ta chưa có một tác phẩm nào nói về lịch sử xã hội Việt Nam.

Từ Một Vùng Ký Ức của tác giả Ý Nguyên đã đóng góp một phần tích cực vào việc mô tả đời sống xã hội của nhiều tầng lớp dân chúng; không phải chỉ riêng giới cầm quyền ở một thời cách đây gần một thế kỷ. Chúng tôi hy vọng rằng sẽ có những tác giả khác viết về đời sống xã hội Việt Nam qua những giai đoạn lịch sử khác nữa để chúng ta dần dần tiến tới chỗ có một bộ lịch sử xã hội Việt Nam.

Thưa quý vị, người ta thường phân biệt các sách vở thành 2 loại: Loại hư cấu mà trong tiếng Anh gọi là ***fiction*** gồm tiểu thuyết và truyện ngắn trong đó tác giả tưởng tượng ra những nhân vật, những biến cố, những địa danh, thời điểm v.. v... Chúng ta có thể kể ra vô số những sách thuộc loại này trong tiếng Việt như *Bướm Trắng*, *Tắt Lửa Lòng*, *Anh Phái Sông*, v...v... và loại sách kia gồm những sách dựa trên những sự việc, những dữ kiện có thật, có thể kiểm chứng được mà trong tiếng Anh gọi là ***non-fiction*** như *Tiểu Sử Tổng Thống Barrack Obama*, *Địa Lý Canada*, *Những Thú Vật ở Quần Đảo Galápagos*, v.. v...

Vậy tác phẩm *Từ Một Vùng Ký Ức* thuộc loại sách nào? Để trả lời câu hỏi này, tôi xin phép nói ra lẽ một chút để tạo bối cảnh cho câu trả lời:

Năm 1966 khi tác giả Truman Capote xuất bản tác phẩm *In Cold Blood* (mà tôi xin tạm dịch là *Giết Người Không Góm Tay*) thì người ta lại kể tác phẩm này là thuộc loại *Non-fiction fiction* có nghĩa là một tiểu thuyết dựa trên những dữ kiện có thật. Những sự kiện có thật này là một vụ án giết người mà thủ phạm là 2 cựu tù nhân. Cảnh sát đã điều tra và bắt được 2 thủ phạm này đưa ra toà. Hai thủ phạm này đã nhận tội và bị kết án tử hình. Tác giả Truman Capote đã dùng những dữ kiện có thật này và ông điều tra thêm bằng cách phỏng vấn 2 tội nhân, cùng những nhân chứng khác và viết thành một cuốn sách mà độc giả cảm thấy bị lôi cuốn, khi hồi hộp, khi ngạc nhiên, khi mừng rỡ, chẳng khác nào đọc một cuốn tiểu thuyết hay.

Tác phẩm *Từ Một Vùng Ký Ức* của tác giả Ý Nguyên có thể được xếp vào loại sách *non-fiction fiction*, hay là một cuốn tiểu thuyết dựa trên những dữ kiện có thật. Độc giả đọc và thấy bị lôi cuốn, thấy hồi hộp, lo âu khi tác giả và một đàn em lạc mất cha mẹ, cảm động khi thấy có những người đầy lòng thương người, nấu cháo để phát chẩn cho người đói khát. Cảnh tàn phá của bom đạn ghê gớm là nhường nào. Nhưng tác giả Ý Nguyên đã chọn một hình ảnh giản dị mà gây ấn tượng rất mạnh mẽ : Hình ảnh một người đàn bà bị sức nổ của bom đập mạnh vào tường đá và dính liền vào đó. Rồi cảnh chính em ruột mình chết dần dần vì mất máu. Đây không phải là ý kiến của riêng tôi. Nhà văn Nguyễn Lân đã có những nhận xét sau đây về *Từ Một Vùng Ký Ức*:

“Từ Một Vùng Ký Ức hấp dẫn vì sự chân thành, giản dị và một trí nhớ tỉ mỉ phi thường về những gì tác giả trải qua trong đời sống từ thuở thiếu thời.

Từ Một Vùng Ký Ức hấp dẫn vì người đọc thấy mình trong đó, một nhân chứng hay một nạn nhân nổi trôi theo vận mệnh thăng trầm của dân tộc.

Từ Một Vùng Ký Ức hấp dẫn vì người đọc xúc động mãnh liệt trước những cảnh thê lương, gớm ghiếc, trước những cảnh lâm than đến rùng mình, trước cái đói, cái chết.”

Nói về *Từ Một Vùng Ký Ức*, nhà văn Trùng Dương đã viết như sau:

“Cuốn sách không phải là một chuỗi hồi ký viết liên tục; mà là những bài viết ngắn, mỗi bài tự nó đứng một mình được. Người đọc có thể đọc nhảy cóc, chọn bài nào thấy hấp dẫn, tùy hứng, không bắt buộc phải theo thứ tự các bài.....

Xen kẽ giữa những biến cố chính trị, tàn cư, chết chóc là những trang tác giả viết về tình thương yêu, bao bọc của gia đình, họ hàng, chòm xóm, tình yêu quê hương, với một lối viết đơn sơ, nhưng rất chi tiết, và một giọng kể chuyện chân thật.... Tuy vậy khi đóng tập sách lại, người đọc vẫn không khỏi cảm thấy phản ảnh qua đó là những mẫu đời của chính mình trong cùng bối cảnh...”

Thưa quý vị, nhiệm vụ của người giới thiệu sách là nêu ra vài điểm đặc sắc của tác phẩm để khích thích trí tò mò của độc giả mà không được phép nói quá nhiều

về tác phẩm. Người giới thiệu sách phải để độc giả đọc và tự khám phá ra kho tàng nghệ thuật còn tàng ẩn trong sách. Chỉ có một cách để độc giả thưởng thức một tác phẩm giá trị như *Từ Một Vùng Ký Ức* là quý vị mua và đọc, không phải một lần; mà đọc đi, đọc lại hai, ba lần. Càng đọc quý vị sẽ càng thưởng thức được cái hay, cái đẹp của tác phẩm *Từ Một Vùng Ký Ức*.

Hơn nữa độc giả có thể dùng sách này để chia sẻ cuộc sống ngày trước của mình với con cháu. Có một ngày nào đó khi gia đình sum họp, quý vị có thể đem sách *Từ Một Vùng Ký Ức* ra đọc lớn tiếng và nói đó là cuộc sống của ông bà ngày trước, khi ông bà ở tuổi các cháu bây giờ. Các cháu có thấy là các cháu may mắn hơn không. Và các cháu được sung sướng thì các cháu cũng nên thương đến biết bao trẻ còn đang sống cực khổ như những người Việt Nam trong sách này.

Thưa quý vị, trước khi chấm dứt, chúng tôi xin phép được giới thiệu tác giả của cuốn hồi ký *Từ Một Vùng Ký Ức*, Nhà Văn Ý Nguyên. Xin mời nhà văn Ý Nguyên đứng lên. Và như người ta đã nói, *bên cạnh một người đàn bà thành công, bao giờ cũng có một đảng phu quân, oai hùng, lắm liệt, sẵn sàng nâng đỡ và bảo vệ. Chúng tôi xin mời phu quân của tác giả Ý Nguyên đứng lên: Ông chính là nhà văn Phạm Bá Luân, Và nếu trong cử tọa hôm nay có sự hiện diện của các con, cháu, hay những người thân khác, chúng tôi cũng mời quý vị đứng lên để tác giả Ý Nguyên giới thiệu cùng cử tọa.*

Phạm Hữu Bính

LỜI CẢM TẠ của NHÀ VĂN Ý NGUYÊN

Ý Nguyên xin kính chào quý vị

Kính thưa quý vị, Ý Nguyên rất cảm động trước sự có mặt đông đủ của quý vị, quý văn thi hữu và các bạn bè thân quen đã hy sinh gần một ngày Thứ Bảy hôm nay để tham dự buổi phát hành Tạp Chí Cỏ Thơm số mùa Hè 2017. Sự hiện diện của quý vị đã nói lên sự ưu ái đối với Cơ Sở Cỏ Thơm cũng như sự quan tâm về buổi RMS đơn sơ của Ý Nguyên. Ý Nguyên xin chân thành tri ân tất cả.

Kính thưa quý vị, nói đến ơn nghĩa thì Ý Nguyên mang ơn rất nhiều người. Người đầu tiên mà Ý Nguyên muốn được nói lên lời tri ân vô bờ bến đó chính là Phạm Bá, người bạn đời muôn thừa của Ý Nguyên, đã hiểu, thương và chia sẻ mọi khó khăn trong cuộc sống cũng như đã là bạn đồng hành, là mạch nguồn nối kết cảm hứng trong nghiệp dĩ văn chương của Ý Nguyên. Không có anh, chắc chắn Ý Nguyên không thể hoàn thành điều mơ ước của mình.

Kể đến Ý Nguyên xin cảm ơn sự khuyến khích và quan tâm của nhà văn nữ Nguyễn Thị Ngọc Dung, chủ nhiệm Tạp Chí Văn Học Cỏ Thơm đã tạo cơ hội cho Ý Nguyên có thể trình làng tác phẩm của mình tại một địa điểm thuận lợi trong một không gian ấm cúng như ngày hôm nay. Xin cảm ơn GS NV Nguyễn Lâm, một hậu duệ của TLVĐ đã viết lời “Ngỏ” thực giá trị. Cảm ơn Ký Giả-Nhà Văn Nữ Trùng Dương, California đã giới thiệu tác phẩm của Ý Nguyên tới độc giả, và cảm ơn GS nhà văn Phạm Hữu Bính đã đọc và giới thiệu tác phẩm của Ý Nguyên trong buổi RMS hôm nay. Phải nói Ý Nguyên đã rất may mắn và rất hạnh phúc được quen biết và hợp tác với các văn thi hữu trong gia đình Cỏ Thơm từ nhiều năm qua.

Vừa rồi, qua lời giới thiệu của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, và Diễn Giả Phạm Hữu Bính, chắc hẳn quý vị đã biết được phần nào về tác giả cũng như tác phẩm đầu tay của Ý Nguyên.

Thưa vâng, tập hồi ức này được khởi đầu từ lúc tác giả còn xanh xanh mái tóc, mà hôm nay đây khi tác phẩm ra đời và tới tay quý vị, thì tác giả tóc đã bạc màu thời gian. Xin được mượn lời của Thi Sĩ Phan Khâm:

*“Thời gian làm bạc mái đầu,
Nhưng tình không thể phai màu thời gian”*

O Time! O cruel time,
From salt and pepper,
My hair will turn white,
But my love for her,
Stays locked in my heart ... FOREVER ...

Đó là bản dịch của GS/Dịch Giả Phạm Trọng Lệ, một đại thụ trong gia đình Cỏ Thơm. Xin cảm ơn Thi Sĩ Phan Khâm và dịch giả Phạm Trọng Lệ.

Quả là một quãng thời gian khá dài để Ý Nguyên hoàn thành tác phẩm này phải không thưa quý vị. Ý Nguyên ước mong, cuốn hồi ức bé nhỏ này sẽ được quý vị đón nhận như một món quà hiếm hoi đượm tình người. Ý Nguyên tin tưởng rằng quý vị sẽ hài lòng với những giòng ký ức này vì quý vị sẽ tìm thấy chính mình ở trong tác phẩm như nhận xét của hai nhà văn Nguyễn Lâm và Trùng Dương.

Xin được cảm ơn các quý văn bút từ miền xa xôi Richmond và vùng phụ cận đã không quản đường xá xa xôi, lặn lội tới đây góp vui cho hương trình văn nghệ thêm phần phong phú. Cũng như đã tiếp tay đóng góp phần ẩm thực rất đặc sắc.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình của quý vị. Kính chúc quý vị có những giây phút thoải mái hàn huyên cùng bạn bè cũng như thưởng thức chút văn nghệ nhẹ nhàng trong bầu không khí thân mật ấm cúng cuối tuần.

Ý NGUYỄN

HÌNH ẢNH

Phạm Văn Tuấn, Phạm Bá và Sonny Senser



Gia đình Ý Nguyễn - Phạm Bá





Nhạc Sĩ Huỳnh Công Ánh, Ca Sĩ Vũ An Thanh, Phó Chủ Nhiệm Phan Khâm, Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung



Gia đình Phạm Bá - Ý Nguyễn



NV Phong Thu, NV Ý Nguyên, NV Nguyễn Lâm, ba cháu của Ý Nguyên, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NV Phạm Hữu Bình.



NV Ý Nguyên, THS Vũ Hối.



Đồng Ca "Nhà Việt Nam"



Văn Thi hữu Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Tô Bạch Tuyết, Phạm Bá, Nguyễn Lâm, Đặng Nguyên, Nguyễn Phú Long, BS Ngạc Văn Khang.



Đồng Ca "Con Đường Vui"
Văn Thi Ca Nhạc sĩ thân hữu chụp hình kỷ niệm trước khi ra về



Hàng ngồi: Phu nhân Hoàng Dân Bình, Ý Nguyên, Phạm Bá, Trương Anh Thụy, Vũ An Thanh, Hồng Ngọc. Hàng đứng: Cựu TP Nguyễn Văn Thành, Bùi Thanh Tiên, Trần Đại Bản, Kiều Nga, Hoàng Dân Bình, Trương Minh Châu, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hồng Thủy, Minh Trân, Lê Diễm, Ý Anh, Hoàng Dung.



*Thu vừa nhẹ bước vào đông,
Đường xưa có chút trạnh lòng lá khô?*

Tranh Nguyễn Sơn

